

Số: *Q2* /2019/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

THÔNG TƯ

**Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn,
kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền
thành phố Hải Phòng**

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

*Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ
Tài nguyên và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt
Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;*

*Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư ban hành
Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác
thành lập bản đồ phần đất liền thành phố Hải Phòng.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn
văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền
thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày *15* tháng *5* năm 2019.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân
dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên
quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT thành phố Hải Phòng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Cổng Thông tin
điện tử Bộ TN&MT;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, ĐDBĐVN (120b)

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phương Hoa

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI
PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTNMT
 ngày 23 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền thành phố Hải Phòng được chuẩn hoá từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000 khu vực phần đất liền thành phố Hải Phòng.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền thành phố Hải Phòng được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm các quận và các huyện, trong đó:

a) Cột “Địa danh” là các địa danh đã được chuẩn hoá, tên gọi khác của địa danh hoặc ghi chú để phân biệt các địa danh cùng tên trong một đơn vị hành chính cấp xã được thể hiện trong ngoặc đơn.

b) Cột “Nhóm đối tượng” là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: “DC” là nhóm địa danh dân cư; “SV” là nhóm địa danh sơn văn; “TV” là nhóm địa danh thủy văn; “KX” là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột “Tên ĐVHC cấp xã” là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của “phường”; TT. là chữ viết tắt của “thị trấn”.

d) Cột “Tên ĐVHC cấp huyện” là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của “thành phố”; H. là chữ viết tắt của “huyện”; Q là chữ viết tắt của “quận”.

đ) Cột “Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng” là toạ độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột “Địa danh”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị toạ độ tương ứng theo cột “Toạ độ trung tâm”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị toạ độ tương ứng theo 2 cột “Toạ độ điểm đầu” và “Toạ độ điểm cuối”.

e) Cột “Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình” là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 chứa địa danh chuẩn hoá ở cột “Địa danh”.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN,
KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ
PHẦN ĐẤT LIỀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền thành phố Hải Phòng gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Quận Dương Kinh	3
2	Quận Đồ Sơn	9
3	Quận Hải An	15
4	Quận Hồng Bàng	23
5	Quận Kiến An	32
6	Quận Lê Chân	40
7	Quận Ngô Quyền	48
8	Huyện An Dương	56
9	Huyện An Lão	75
10	Huyện Kiến Thụy	92
11	Huyện Thủy Nguyên	108
12	Huyện Tiên Lãng	146
13	Huyện Vĩnh Bảo	165

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu đô thị Anh Dũng	DC	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 48' 49"	106° 41' 40"					F-48-82-A-d
khu đô thị Sao Đỏ	DC	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 49' 00"	106° 41' 51"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Ninh Hải	DC	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 47' 44"	106° 42' 32"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Phấn Dũng	DC	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 48' 01"	106° 41' 50"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Phú Hải	DC	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 49' 18"	106° 41' 51"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Trà Khê	DC	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 48' 12"	106° 41' 39"					F-48-82-A-d
bảo tàng Hải Quân	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 49' 38"	106° 41' 54"					F-48-82-A-d
Cầu Rào	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 49' 44"	106° 41' 51"					F-48-82-A-d
cầu Rào 2	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 49' 13"	106° 41' 34"					F-48-82-A-d
Công ty cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 47' 37"	106° 41' 34"					F-48-82-A-d
đền Vọng Hải	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 47' 19"	106° 42' 46"					F-48-82-A-d
đình Phấn Dũng	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 48' 05"	106° 41' 52"					F-48-82-A-d
Đoàn 6 Hải Quân	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 49' 29"	106° 41' 59"					F-48-82-A-d
đường Kênh Hoà Bình	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh			20° 47' 38"	106° 42' 49"	20° 47' 01"	106° 39' 56"	F-48-82-A-d
đường Mạc Đăng Doanh	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh			20° 47' 31"	106° 39' 12"	20° 47' 58"	106° 42' 33"	F-48-82-A-d
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 353	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 40' 48"	106° 48' 08"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 355	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 47' 58"	106° 42' 33"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 363	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh			20° 47' 38"	106° 42' 49"	20° 42' 59"	106° 40' 06"	F-48-82-A-d
Học viện Kỹ thuật Hải Quân	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 49' 16"	106° 41' 59"					F-48-82-A-d
nghĩa trang Ninh Hải	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 48' 23"	106° 42' 10"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trung tâm hành chính quận Dương Kinh	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 47' 40"	106° 42' 16"					F-48-82-A-d
Trung tâm Hội chợ triển lãm Quốc tế	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 47' 18"	106° 42' 55"					F-48-82-A-d
Trường Cao đẳng Nghề Bách Nghệ Hải Phòng	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 49' 27"	106° 42' 03"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Anh Dũng	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 48' 11"	106° 41' 49"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Anh Dũng	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 48' 13"	106° 41' 46"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Mạc Đĩnh Chi	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 47' 54"	106° 42' 27"					F-48-82-A-d
Viện Y học Hải Quân	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 49' 25"	106° 41' 50"					F-48-82-A-d
Sông He	TV	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh			20° 47' 02"	106° 42' 35"	20° 46' 51"	106° 43' 26"	F-48-82-A-d
sông Lạch Tray	TV	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
tổ dân phố Đông Lãm	DC	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh	20° 48' 29"	106° 39' 46"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Phúc Hải	DC	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh	20° 47' 39"	106° 39' 23"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Quảng Luận	DC	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh	20° 47' 59"	106° 39' 32"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Vân Quan	DC	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh	20° 48' 03"	106° 39' 12"					F-48-82-A-d
chợ Đa Phúc	KX	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh	20° 47' 27"	106° 39' 25"					F-48-82-A-d
chợ Đa Phúc (chợ chiều)	KX	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh	20° 47' 44"	106° 39' 16"					F-48-82-A-d
đình Vân Quan	KX	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh	20° 48' 02"	106° 39' 00"					F-48-82-A-d
đường Đa Phúc	KX	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh			20° 47' 31"	106° 39' 14"	20° 48' 59"	106° 39' 51"	F-48-82-A-d
đường Mạc Đăng Doanh	KX	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh			20° 47' 31"	106° 39' 12"	20° 47' 58"	106° 42' 33"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Như Quế	KX	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh			20° 48' 18"	106° 38' 55"	20° 48' 13"	106° 39' 32"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 355	KX	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 47' 58"	106° 42' 33"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 361	KX	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh			20° 47' 29"	106° 39' 24"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Đa Phúc	KX	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh	20° 48' 02"	106° 39' 24"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Đa Phúc	KX	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh	20° 48' 05"	106° 39' 25"					F-48-82-A-d
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-d
sông Lạch Tray	TV	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
tổ dân phố Thuỷ Giang	DC	P. Hải Thành	Q. Dương Kinh	20° 46' 25"	106° 44' 30"					F-48-82-A-d
chợ Hải Thành 1	KX	P. Hải Thành	Q. Dương Kinh	20° 46' 21"	106° 43' 56"					F-48-82-A-d
chợ Hải Thành 2	KX	P. Hải Thành	Q. Dương Kinh	20° 47' 48"	106° 42' 45"					F-48-82-A-d
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	P. Hải Thành	Q. Dương Kinh			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-d
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Hải Thành	Q. Dương Kinh			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 353	KX	P. Hải Thành	Q. Dương Kinh			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 40' 48"	106° 48' 08"	F-48-82-A-d
Khu liên hợp Thể thao Thành phố	KX	P. Hải Thành	Q. Dương Kinh	20° 47' 26"	106° 43' 06"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Hải Thành 1	KX	P. Hải Thành	Q. Dương Kinh	20° 46' 27"	106° 43' 55"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Hải Thành 2	KX	P. Hải Thành	Q. Dương Kinh	20° 47' 53"	106° 42' 42"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Hải Thành	KX	P. Hải Thành	Q. Dương Kinh	20° 46' 26"	106° 43' 56"					F-48-82-A-d
sông Lạch Tray	TV	P. Hải Thành	Q. Dương Kinh			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
khu dân cư Tĩnh Hải	DC	P. Hoà Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 45' 51"	106° 43' 11"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu dân cư Tư Thuỷ	DC	P. Hoà Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 45' 33"	106° 42' 36"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 1	DC	P. Hoà Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 46' 47"	106° 42' 55"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 4	DC	P. Hoà Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 46' 18"	106° 43' 02"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 11	DC	P. Hoà Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 45' 55"	106° 43' 59"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 12	DC	P. Hoà Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 45' 37"	106° 44' 09"					F-48-82-A-d
chợ Hoà Nghĩa	KX	P. Hoà Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 46' 17"	106° 43' 13"					F-48-82-A-d
chùa Đồn Riêng	KX	P. Hoà Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 46' 04"	106° 44' 04"					F-48-82-A-d
chùa Hợp Lễ	KX	P. Hoà Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 46' 19"	106° 42' 51"					F-48-82-A-d
đền Đồn Riêng	KX	P. Hoà Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 46' 04"	106° 44' 04"					F-48-82-A-d
đình An Lạc	KX	P. Hoà Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 45' 46"	106° 42' 24"					F-48-82-A-d
đình Hợp Lễ	KX	P. Hoà Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 46' 19"	106° 42' 51"					F-48-82-A-d
đình Trung Hoa	KX	P. Hoà Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 45' 57"	106° 43' 23"					F-48-82-A-d
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	P. Hoà Nghĩa	Q. Dương Kinh			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-d
Đường huyện 362	KX	P. Hoà Nghĩa	Q. Dương Kinh			20° 45' 53"	106° 44' 18"	20° 45' 11"	106° 40' 19"	F-48-82-A-d
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Hoà Nghĩa	Q. Dương Kinh			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 353	KX	P. Hoà Nghĩa	Q. Dương Kinh			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 40' 48"	106° 48' 08"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Hoà Nghĩa	KX	P. Hoà Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 46' 15"	106° 43' 02"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Hoà Nghĩa	KX	P. Hoà Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 46' 13"	106° 42' 56"					F-48-82-A-d
kênh Cầu Đen (Sông Đào)	TV	P. Hoà Nghĩa	Q. Dương Kinh			20° 45' 42"	106° 40' 22"	20° 46' 16"	106° 43' 58"	F-48-82-A-d
kênh trục Sông Lai (Sông Lai)	TV	P. Hoà Nghĩa	Q. Dương Kinh			20° 46' 01"	106° 43' 29"	20° 44' 42"	106° 43' 40"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông He	TV	P. Hoà Nghĩa	Q. Dương Kinh			20° 47' 02"	106° 42' 35"	20° 46' 51"	106° 43' 26"	F-48-82-A-d
khu Phúc Lộc	DC	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 48' 15"	106° 40' 30"					F-48-82-A-d
khu Phương Lung	DC	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 47' 37"	106° 40' 39"					F-48-82-A-d
khu Tiểu Trà	DC	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 48' 04"	106° 41' 02"					F-48-82-A-d
khu Vọng Hải	DC	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 47' 23"	106° 40' 01"					F-48-82-A-d
Chợ Hương	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 47' 39"	106° 40' 31"					F-48-82-A-d
chùa Hương Hải Tự	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 48' 20"	106° 40' 24"					F-48-82-A-d
chùa Hương Linh	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 47' 37"	106° 40' 25"					F-48-82-A-d
chùa Khánh Long	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 48' 10"	106° 40' 56"					F-48-82-A-d
chùa Trà Linh	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 47' 12"	106° 39' 52"					F-48-82-A-d
Di tích Tội ác chiến tranh của Đế quốc Mỹ	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 47' 59"	106° 40' 30"					F-48-82-A-d
đỉnh Phúc Lộc	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 48' 17"	106° 40' 24"					F-48-82-A-d
đỉnh Phương Lung	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 47' 34"	106° 40' 25"					F-48-82-A-d
đỉnh Tiểu Trà	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 48' 09"	106° 40' 53"					F-48-82-A-d
đỉnh Vọng Hải	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 47' 31"	106° 39' 52"					F-48-82-A-d
đường Mạc Đăng Doanh	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh			20° 47' 31"	106° 39' 12"	20° 47' 58"	106° 42' 33"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 355	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 47' 58"	106° 42' 33"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 361	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh			20° 47' 29"	106° 39' 24"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-A-d
Trung tâm y tế quận Dương Kinh	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 47' 41"	106° 40' 37"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Hưng Đạo	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 47' 47"	106° 40' 38"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Hưng Đạo (Cơ sở 1)	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 47' 31"	106° 40' 04"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Hưng Đạo (Cơ sở 2)	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 48' 09"	106° 41' 11"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Hưng Đạo (Cơ sở 3)	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 48' 05"	106° 40' 30"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Hưng Đạo	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 47' 46"	106° 40' 37"					F-48-82-A-d
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-d
sông Lạch Tray	TV	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
tổ dân phố Tân Hợp	DC	P. Tân Thành	Q. Dương Kinh	20° 45' 20"	106° 45' 13"					F-48-82-B-c
tổ dân phố Tân Lập	DC	P. Tân Thành	Q. Dương Kinh	20° 45' 49"	106° 44' 46"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Tân Tiến	DC	P. Tân Thành	Q. Dương Kinh	20° 45' 05"	106° 45' 05"					F-48-82-B-c
chợ Tân Thành	KX	P. Tân Thành	Q. Dương Kinh	20° 45' 14"	106° 45' 19"					F-48-82-B-c
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Tân Thành	Q. Dương Kinh			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-A-d, F-48-82-B-c, F-48-82-D-a
Đường tỉnh 353	KX	P. Tân Thành	Q. Dương Kinh			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 40' 48"	106° 48' 08"	F-48-82-A-d, F-48-82-B-c, F-48-82-D-a
đường Vũ Thị Ngọc Toàn	KX	P. Tân Thành	Q. Dương Kinh			20° 46' 06"	106° 44' 29"	20° 44' 39"	106° 45' 49"	F-48-82-A-d, F-48-82-D-a
Khu công nghiệp Đồ Sơn	KX	P. Tân Thành	Q. Dương Kinh	20° 44' 26"	106° 45' 43"					F-48-82-D-a
phố Mạc Phúc Tư	KX	P. Tân Thành	Q. Dương Kinh			20° 45' 35"	106° 44' 33"	20° 46' 09"	106° 45' 21"	F-48-82-A-d, F-48-82-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
phố Tân Thành	KX	P. Tân Thành	Q. Dương Kinh			20° 45' 05"	106° 44' 59"	20° 45' 37"	106° 46' 00"	F-48-82-A-d, F-48-82-B-c
Trường Tiểu học Tân Thành	KX	P. Tân Thành	Q. Dương Kinh	20° 45' 10"	106° 45' 13"					F-48-82-B-c
Trường Trung học cơ sở Tân Thành	KX	P. Tân Thành	Q. Dương Kinh	20° 45' 09"	106° 45' 12"					F-48-82-B-c
sông Lạch Tray	TV	P. Tân Thành	Q. Dương Kinh			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d, F-48-82-B-c
tổ dân phố Đồng Tiến	DC	P. Bàng La	Q. Đồ Sơn	20° 43' 00"	106° 45' 03"					F-48-82-C-b
tổ dân phố Trung Hải	DC	P. Bàng La	Q. Đồ Sơn	20° 42' 29"	106° 44' 16"					F-48-82-C-b
tổ dân phố Trung Hoà	DC	P. Bàng La	Q. Đồ Sơn	20° 42' 23"	106° 44' 14"					F-48-82-C-b
bảo tàng Hải Dương Học	KX	P. Bàng La	Q. Đồ Sơn	20° 42' 50"	106° 45' 25"					F-48-82-D-a
cầu Sông Họng	KX	P. Bàng La	Q. Đồ Sơn	20° 43' 15"	106° 45' 35"					F-48-82-D-a
chùa Quang Khánh	KX	P. Bàng La	Q. Đồ Sơn	20° 43' 02"	106° 45' 01"					F-48-82-D-a
chùa Thiên Phúc	KX	P. Bàng La	Q. Đồ Sơn	20° 42' 30"	106° 44' 12"					F-48-82-C-b
Đường tỉnh 361	KX	P. Bàng La	Q. Đồ Sơn			20° 47' 29"	106° 39' 24"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-C-b, F-48-82-D-a
Trường Tiểu học Bàng La (khu vực A)	KX	P. Bàng La	Q. Đồ Sơn	20° 43' 05"	106° 45' 01"					F-48-82-D-a
Trường Tiểu học Bàng La (khu vực B)	KX	P. Bàng La	Q. Đồ Sơn	20° 42' 25"	106° 44' 06"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Bàng La	KX	P. Bàng La	Q. Đồ Sơn	20° 42' 41"	106° 44' 17"					F-48-82-C-b
từ đường họ Nguyễn Khắc	KX	P. Bàng La	Q. Đồ Sơn	20° 42' 42"	106° 44' 21"					F-48-82-C-b
từ đường họ Nguyễn Văn	KX	P. Bàng La	Q. Đồ Sơn	20° 42' 45"	106° 44' 20"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh trục Sông Họng (Sông Họng)	TV	P. Bàng La	Q. Đồ Sơn			20° 43' 28"	106° 44' 09"	20° 42' 58"	106° 45' 55"	F-48-82-C-b, F-48-82-D-a
tổ dân phố Bình Minh	DC	P. Hợp Đức	Q. Đồ Sơn	20° 44' 23"	106° 43' 50"					F-48-82-C-b
tổ dân phố Quý Kim 2	DC	P. Hợp Đức	Q. Đồ Sơn	20° 44' 59"	106° 44' 48"					F-48-82-C-b
tổ dân phố Quyết Tiến 2	DC	P. Hợp Đức	Q. Đồ Sơn	20° 45' 01"	106° 42' 58"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Trung Nghĩa 2	DC	P. Hợp Đức	Q. Đồ Sơn	20° 45' 19"	106° 44' 33"					F-48-82-A-d
chợ Quý Kim	KX	P. Hợp Đức	Q. Đồ Sơn	20° 45' 03"	106° 44' 57"					F-48-82-A-d
đỉnh Đức Hậu	KX	P. Hợp Đức	Q. Đồ Sơn	20° 44' 20"	106° 43' 48"					F-48-82-C-b
đỉnh Quý Kim	KX	P. Hợp Đức	Q. Đồ Sơn	20° 44' 58"	106° 44' 53"					F-48-82-C-b
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Hợp Đức	Q. Đồ Sơn			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-A-d F-48-82-C-b, F-48-82-D-a
Đường tỉnh 353	KX	P. Hợp Đức	Q. Đồ Sơn			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 40' 48"	106° 48' 08"	F-48-82-A-d, F-48-82-B-c F-48-82-D-a
Trường Tiểu học Hợp Đức	KX	P. Hợp Đức	Q. Đồ Sơn	20° 44' 29"	106° 44' 04"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Hợp Đức	KX	P. Hợp Đức	Q. Đồ Sơn	20° 44' 33"	106° 44' 09"					F-48-82-C-b
kênh trục Sông Lai (Sông Lai)	TV	P. Hợp Đức	Q. Đồ Sơn			20° 46' 01"	106° 43' 29"	20° 44' 42"	106° 43' 40"	F-48-82-A-d, F-48-82-C-b
kênh trục Sông Sàng (Sông Sàng)	TV	P. Hợp Đức	Q. Đồ Sơn			20° 44' 42"	106° 43' 40"	20° 43' 28"	106° 44' 09"	F-48-82-C-b
tổ dân phố Nghĩa Phương	DC	P. Minh Đức	Q. Đồ Sơn	20° 44' 02"	106° 44' 56"					F-48-82-C-b
tổ dân phố Ngô Quyền	DC	P. Minh Đức	Q. Đồ Sơn	20° 44' 36"	106° 44' 30"					F-48-82-C-b
tổ dân phố Quang Trung	DC	P. Minh Đức	Q. Đồ Sơn	20° 44' 34"	106° 44' 54"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đền Thượng Đức	KX	P. Minh Đức	Q. Đồ Sơn	20° 44' 35"	106° 44' 42"					F-48-82-C-b
Đường huyện 403	KX	P. Minh Đức	Q. Đồ Sơn			20° 41' 31"	106° 39' 21"	20° 43' 57"	106° 45' 30"	F-48-82-C-b, F-48-82-D-a
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Minh Đức	Q. Đồ Sơn			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-D-a
Đường tỉnh 353	KX	P. Minh Đức	Q. Đồ Sơn			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 40' 48"	106° 48' 08"	F-48-82-D-a
kênh trục Sông Họng (Sông Họng)	TV	P. Minh Đức	Q. Đồ Sơn			20° 43' 28"	106° 44' 09"	20° 42' 58"	106° 45' 55"	F-48-82-C-b, F-48-82-D-a
kênh trục Sông Sàng (Sông Sàng)	TV	P. Minh Đức	Q. Đồ Sơn			20° 44' 42"	106° 43' 40"	20° 43' 28"	106° 44' 09"	F-48-82-C-b
sông Cánh Dán	TV	P. Minh Đức	Q. Đồ Sơn			20° 43' 45"	106° 44' 28"	20° 43' 30"	106° 44' 35"	F-48-82-C-b
cảng cá Ngọc Hải	KX	P. Ngọc Hải	Q. Đồ Sơn	20° 43' 15"	106° 47' 35"					F-48-82-D-a
đền Bà Đế	KX	P. Ngọc Hải	Q. Đồ Sơn	20° 43' 25"	106° 47' 56"					F-48-82-D-a
đình Ngọc Hán	KX	P. Ngọc Hải	Q. Đồ Sơn	20° 42' 58"	106° 47' 13"					F-48-82-D-a
đường Bà Đế	KX	P. Ngọc Hải	Q. Đồ Sơn			20° 43' 11"	106° 47' 25"	20° 43' 25"	106° 47' 57"	F-48-82-D-a
đường Lý Thánh Tông	KX	P. Ngọc Hải	Q. Đồ Sơn			20° 42' 36"	106° 47' 30"	20° 43' 22"	106° 46' 52"	F-48-82-D-a
đường Nguyễn Hữu Cầu	KX	P. Ngọc Hải	Q. Đồ Sơn			20° 43' 32"	106° 46' 21"	20° 42' 41"	106° 47' 21"	F-48-82-D-a
đường Sơn Hải	KX	P. Ngọc Hải	Q. Đồ Sơn			20° 42' 49"	106° 47' 09"	20° 43' 14"	106° 47' 19"	F-48-82-D-a
Đường tỉnh 353	KX	P. Ngọc Hải	Q. Đồ Sơn			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 40' 48"	106° 48' 08"	F-48-82-D-a
Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên quận Đồ Sơn	KX	P. Ngọc Hải	Q. Đồ Sơn	20° 43' 04"	106° 46' 55"					F-48-82-D-a
Trường Tiểu học Ngọc Hải	KX	P. Ngọc Hải	Q. Đồ Sơn	20° 43' 07"	106° 47' 07"					F-48-82-D-a
Trường Trung học cơ sở Ngọc Hải	KX	P. Ngọc Hải	Q. Đồ Sơn	20° 43' 03"	106° 47' 04"					F-48-82-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đồi Độc	SV	P. Ngọc Hải	Q. Đồ Sơn	20° 43' 19"	106° 47' 51"					F-48-82-D-a
Tổ 1B	DC	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 43' 16"	106° 46' 44"					F-48-82-D-a
tổ dân phố Số 3	DC	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 43' 00"	106° 46' 46"					F-48-82-D-a
tổ dân phố Số 5	DC	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 42' 51"	106° 46' 23"					F-48-82-D-a
tổ dân phố Số 6	DC	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 43' 05"	106° 46' 23"					F-48-82-D-a
tổ dân phố Số 8	DC	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 43' 32"	106° 46' 16"					F-48-82-D-a
tổ dân phố Số 9	DC	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 43' 25"	106° 46' 26"					F-48-82-D-a
Bệnh viện Đa khoa Đồ Sơn	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 43' 10"	106° 46' 51"					F-48-82-D-a
cầu Sông Họng	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 43' 15"	106° 45' 35"					F-48-82-D-a
đình Ngọc Xuyên	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 42' 50"	106° 46' 28"					F-48-82-D-a
đường Lý Thánh Tông	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn			20° 42' 36"	106° 47' 30"	20° 43' 22"	106° 46' 52"	F-48-82-D-a
đường Nguyễn Hữu Cầu	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn			20° 43' 32"	106° 46' 21"	20° 42' 41"	106° 47' 21"	F-48-82-D-a
đường Phạm Ngọc	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn			20° 43' 30"	106° 46' 22"	20° 43' 08"	106° 46' 11"	F-48-82-D-a
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-D-a
đường Suối Rỗng	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn			20° 42' 57"	106° 46' 52"	20° 43' 08"	106° 46' 11"	F-48-82-D-a
đường Thanh Niên	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn			20° 42' 56"	106° 46' 43"	20° 43' 04"	106° 46' 23"	F-48-82-D-a
Đường tỉnh 353	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 40' 48"	106° 48' 08"	F-48-82-D-a
Đường tỉnh 361	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn			20° 47' 29"	106° 39' 24"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-D-a
Khu công nghiệp Đồ Sơn	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 44' 26"	106° 45' 43"					F-48-82-D-a
phế tích tháp Tường Long	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 42' 54"	106° 46' 06"					F-48-82-D-a
Trường Tiểu học Ngọc Xuyên	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 42' 60"	106° 46' 39"					F-48-82-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học phổ thông Đồ Sơn	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 43' 04"	106° 46' 48"					F-48-82-D-a
núi Chòi Mòng	SV	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 42' 27"	106° 46' 40"					F-48-82-D-a
núi Mẫu Sơn	SV	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 42' 56"	106° 46' 06"					F-48-82-D-a
kênh trục Sông Họng (Sông Họng)	TV	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn			20° 43' 28"	106° 44' 09"	20° 42' 58"	106° 45' 55"	F-48-82-D-a
tổ dân phố Số 1	DC	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 43' 16"	106° 46' 16"					F-48-82-D-a
tổ dân phố Số 2	DC	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 43' 07"	106° 46' 04"					F-48-82-D-a
tổ dân phố Số 3	DC	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 43' 01"	106° 45' 56"					F-48-82-D-a
tổ dân phố Số 4	DC	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 42' 51"	106° 46' 00"					F-48-82-D-a
tổ dân phố Số 5	DC	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 42' 47"	106° 46' 02"					F-48-82-D-a
tổ dân phố Số 6	DC	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 42' 55"	106° 45' 58"					F-48-82-D-a
tổ dân phố Số 7	DC	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 42' 40"	106° 46' 05"					F-48-82-D-a
tổ dân phố Số 8	DC	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 41' 48"	106° 47' 27"					F-48-82-D-a
Bến Nghiêng	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 41' 04"	106° 47' 56"					F-48-82-D-a
bến Tàu không số K15	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 40' 45"	106° 47' 54"					F-48-82-D-a
Công ty trách nhiệm hữu hạn Liên doanh Du lịch Quốc tế Hải Phòng	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 40' 36"	106° 48' 09"					F-48-82-D-a
Đền Nghè	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 43' 03"	106° 45' 59"					F-48-82-D-a
đền Vạn Chài	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 41' 51"	106° 47' 40"					F-48-82-D-a
đường Lý Thái Tổ	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn			20° 42' 36"	106° 47' 30"	20° 41' 46"	106° 47' 29"	F-48-82-D-a
đường Phạm Ngọc	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn			20° 43' 30"	106° 46' 22"	20° 43' 08"	106° 46' 11"	F-48-82-D-a
đường Suối Rỗng	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn			20° 42' 57"	106° 46' 52"	20° 43' 08"	106° 46' 11"	F-48-82-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 353	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 40' 48"	106° 48' 08"	F-48-82-D-a
đường Vạn Hoa	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn			20° 41' 46"	106° 47' 29"	20° 40' 43"	106° 48' 10"	F-48-82-D-a
đường Vạn Hương	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn			20° 41' 50"	106° 47' 30"	20° 41' 05"	106° 47' 39"	F-48-82-D-a
đường Vạn Lê	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn			20° 42' 59"	106° 45' 56"	20° 42' 10"	106° 47' 04"	F-48-82-D-a
đường Yết Kiêu	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn			20° 42' 35"	106° 47' 32"	20° 41' 46"	106° 47' 29"	F-48-82-D-a
Trường Tiểu học Vạn Hương	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 43' 15"	106° 46' 20"					F-48-82-D-a
Trường Trung học cơ sở Vạn Hương	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 43' 20"	106° 46' 17"					F-48-82-D-a
Viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng Hải Phòng	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 42' 06"	106° 47' 09"					F-48-82-D-a
Đồi 46	SV	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 41' 40"	106° 47' 39"					F-48-82-D-a
núi Ba Đì	SV	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 42' 01"	106° 47' 15"					F-48-82-D-a
núi Chòi Mòng	SV	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 42' 27"	106° 46' 40"					F-48-82-D-a
núi Đầu Chòi	SV	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 40' 38"	106° 48' 14"					F-48-82-D-a
núi Đầu Nở	SV	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 40' 59"	106° 48' 00"					F-48-82-D-a
núi Đồ Sơn	SV	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 42' 24"	106° 47' 07"					F-48-82-D-a
núi Mái Nhà	SV	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 41' 01"	106° 47' 43"					F-48-82-D-a
núi Mẫu Sơn	SV	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 42' 56"	106° 46' 06"					F-48-82-D-a
kênh trục Sông Họng (Sông Họng)	TV	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn			20° 43' 28"	106° 44' 09"	20° 42' 58"	106° 45' 55"	F-48-82-D-a
tổ dân phố Chẽ	DC	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 37"	106° 46' 59"					F-48-82-D-a
tổ dân phố Đại Đồng	DC	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 41"	106° 47' 29"					F-48-82-D-a
tổ dân phố Hang Dơi	DC	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 40"	106° 47' 10"					F-48-82-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Bưu điện Đồ Sơn	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 46"	106° 47' 08"					F-48-82-D-a
chợ Cầu Vòng	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 47"	106° 47' 05"					F-48-82-D-a
Chùa Hang	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 31"	106° 47' 27"					F-48-82-D-a
Đền Trần	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 35"	106° 46' 59"					F-48-82-D-a
đường Lý Thái Tổ	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn			20° 42' 36"	106° 47' 30"	20° 41' 46"	106° 47' 29"	F-48-82-D-a
đường Lý Thánh Tông	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn			20° 42' 36"	106° 47' 30"	20° 43' 22"	106° 46' 52"	F-48-82-D-a
đường Nguyễn Hữu Cầu	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn			20° 43' 32"	106° 46' 21"	20° 42' 41"	106° 47' 21"	F-48-82-D-a
đường Sơn Hải	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn			20° 42' 49"	106° 47' 09"	20° 43' 14"	106° 47' 19"	F-48-82-D-a
đường Suối Rỗng	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn			20° 42' 57"	106° 46' 52"	20° 43' 08"	106° 46' 11"	F-48-82-D-a
Đường tỉnh 353	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 40' 48"	106° 48' 08"	F-48-82-D-a
đường Yết Kiêu	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn			20° 42' 35"	106° 47' 32"	20° 41' 46"	106° 47' 29"	F-48-82-D-a
khách sạn Điện Lực	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 47"	106° 47' 29"					F-48-82-D-a
kho xăng Đồ Sơn	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 33"	106° 47' 29"					F-48-82-D-a
Trường Tiểu học Ngọc Xuyên	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 57"	106° 46' 57"					F-48-82-D-a
Trường Tiểu học Vạn Sơn	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 37"	106° 47' 25"					F-48-82-D-a
Trường Trung học cơ sở Yết Kiêu	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 56"	106° 47' 01"					F-48-82-D-a
Trường Trung học phổ thông Nội trú Đồ Sơn	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 40"	106° 47' 29"					F-48-82-D-a
núi Chòi Mòng	SV	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 27"	106° 46' 40"					F-48-82-D-a
núi Đồ Sơn	SV	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 24"	106° 47' 07"					F-48-82-D-a
Cầu Rào	KX	P. Cát Bi	Q. Hải An	20° 49' 44"	106° 41' 51"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Cát Bi	KX	P. Cát Bi	Q. Hải An			20° 49' 49"	106° 41' 53"	20° 49' 27"	106° 42' 47"	F-48-82-A-d
đường Đồng Xá	KX	P. Cát Bi	Q. Hải An			20° 49' 36"	106° 42' 26"	20° 48' 22"	106° 43' 08"	F-48-82-A-d
đường Ngô Gia Tự	KX	P. Cát Bi	Q. Hải An			20° 49' 51"	106° 41' 51"	20° 49' 22"	106° 44' 46"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Văn Hới	KX	P. Cát Bi	Q. Hải An			20° 49' 48"	106° 42' 32"	20° 49' 27"	106° 42' 47"	F-48-82-A-d
đường Trần Văn Lan	KX	P. Cát Bi	Q. Hải An			20° 49' 48"	106° 42' 30"	20° 49' 39"	106° 42' 17"	F-48-82-A-d
phố Lạch Tray	KX	P. Cát Bi	Q. Hải An			20° 51' 11"	106° 41' 03"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-d
Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics	KX	P. Cát Bi	Q. Hải An	20° 49' 41"	106° 42' 07"					F-48-82-A-d
Trường Khiêm thánh Hải Phòng	KX	P. Cát Bi	Q. Hải An	20° 49' 46"	106° 42' 08"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Cát Bi	KX	P. Cát Bi	Q. Hải An	20° 49' 35"	106° 42' 30"					F-48-82-A-d
Trường Trung cấp Văn Hoá nghệ thuật và du lịch Hải Phòng	KX	P. Cát Bi	Q. Hải An	20° 49' 45"	106° 42' 13"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Lê Lợi	KX	P. Cát Bi	Q. Hải An	20° 49' 36"	106° 42' 28"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn	KX	P. Cát Bi	Q. Hải An	20° 49' 37"	106° 42' 18"					F-48-82-A-d
sông Lạch Tray	TV	P. Cát Bi	Q. Hải An			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
chợ Hạ Lũng	KX	P. Đằng Hải	Q. Hải An	20° 50' 37"	106° 42' 50"					F-48-82-A-d
đình Hạ Lũng	KX	P. Đằng Hải	Q. Hải An	20° 50' 25"	106° 42' 55"					F-48-82-A-d
đình Lũng Bắc	KX	P. Đằng Hải	Q. Hải An	20° 50' 37"	106° 42' 52"					F-48-82-A-d
đường Chợ Lũng	KX	P. Đằng Hải	Q. Hải An			20° 50' 51"	106° 42' 51"	20° 50' 22"	106° 42' 45"	F-48-82-A-d
đường Hàng Tổng	KX	P. Đằng Hải	Q. Hải An			20° 50' 27"	106° 43' 24"	20° 50' 27"	106° 44' 10"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Đăng Hải	Q. Hải An			20° 51' 45"	106° 41' 38"	20° 49' 30"	106° 43' 31"	F-48-82-A-d
đường Ngô Gia Tự	KX	P. Đăng Hải	Q. Hải An			20° 49' 51"	106° 41' 51"	20° 49' 22"	106° 44' 46"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Bình Khiêm	KX	P. Đăng Hải	Q. Hải An			20° 50' 30"	106° 41' 32"	20° 51' 24"	106° 43' 41"	F-48-82-A-d
miếu Hạ Lũng	KX	P. Đăng Hải	Q. Hải An	20° 50' 16"	106° 42' 52"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Đăng Hải	KX	P. Đăng Hải	Q. Hải An	20° 50' 08"	106° 43' 23"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Đăng Hải	KX	P. Đăng Hải	Q. Hải An	20° 50' 24"	106° 42' 57"					F-48-82-A-d
tổ dân phố An Khê 1	DC	P. Đăng Lâm	Q. Hải An	20° 49' 58"	106° 42' 01"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Kiều Sơn	DC	P. Đăng Lâm	Q. Hải An	20° 50' 29"	106° 42' 19"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Thụ Trung 1	DC	P. Đăng Lâm	Q. Hải An	20° 49' 59"	106° 42' 18"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Trung Hành 6	DC	P. Đăng Lâm	Q. Hải An	20° 50' 08"	106° 42' 49"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Trung Hành 7	DC	P. Đăng Lâm	Q. Hải An	20° 50' 00"	106° 42' 58"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Trung Thành 5	DC	P. Đăng Lâm	Q. Hải An	20° 50' 05"	106° 42' 36"					F-48-82-A-d
cầu vượt Nguyễn Bình Khiêm	KX	P. Đăng Lâm	Q. Hải An	20° 50' 42"	106° 42' 27"					F-48-82-A-d
chợ Đăng Lâm	KX	P. Đăng Lâm	Q. Hải An	20° 49' 52"	106° 42' 33"					F-48-82-A-d
chùa Trung Hành	KX	P. Đăng Lâm	Q. Hải An	20° 50' 15"	106° 42' 47"					F-48-82-A-d
đình Lục Hành	KX	P. Đăng Lâm	Q. Hải An	20° 49' 54"	106° 42' 25"					F-48-82-A-d
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Đăng Lâm	Q. Hải An			20° 51' 45"	106° 41' 38"	20° 49' 30"	106° 43' 31"	F-48-82-A-d
đường Ngô Gia Tự	KX	P. Đăng Lâm	Q. Hải An			20° 49' 51"	106° 41' 51"	20° 49' 22"	106° 44' 46"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Bình Khiêm	KX	P. Đăng Lâm	Q. Hải An			20° 50' 30"	106° 41' 32"	20° 51' 24"	106° 43' 41"	F-48-82-A-d
đường Trung Hành	KX	P. Đăng Lâm	Q. Hải An			20° 50' 20"	106° 42' 47"	20° 49' 48"	106° 42' 37"	F-48-82-A-d
miếu Trung Hành	KX	P. Đăng Lâm	Q. Hải An	20° 50' 18"	106° 42' 47"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Đăng Lâm	KX	P. Đăng Lâm	Q. Hải An	20° 50' 02"	106° 42' 28"					F-48-82-A-d
Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hải Phòng	KX	P. Đăng Lâm	Q. Hải An	20° 49' 53"	106° 42' 37"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Đăng Lâm	KX	P. Đăng Lâm	Q. Hải An	20° 49' 57"	106° 42' 33"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Hải An	KX	P. Đăng Lâm	Q. Hải An	20° 50' 19"	106° 42' 29"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Phan Chu Trinh	KX	P. Đăng Lâm	Q. Hải An	20° 49' 54"	106° 42' 35"					F-48-82-A-d
từ đường họ Bùi	KX	P. Đăng Lâm	Q. Hải An	20° 50' 12"	106° 42' 51"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Đoạn Xá 1	DC	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 35"	106° 42' 53"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Phương Lưu 1	DC	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 05"	106° 42' 57"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Phương Lưu 2	DC	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 11"	106° 42' 43"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Thượng Đoạn 2	DC	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 27"	106° 43' 15"					F-48-82-A-d
cảng Chùa Vẽ	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 39"	106° 43' 33"					F-48-82-A-d
cảng Đoạn Xá	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 48"	106° 43' 29"					F-48-82-A-d
chợ Đông Hải	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 14"	106° 42' 57"					F-48-82-A-d
Chùa Vẽ	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 47"	106° 43' 04"					F-48-82-A-d
Đàn Thiện	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 00"	106° 42' 53"					F-48-82-A-d
đền Phú Xá	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 10"	106° 43' 16"					F-48-82-A-d
đỉnh Phương Lưu	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 02"	106° 43' 00"					F-48-82-A-d
đường Bùi Thị Từ Nhiên	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An			20° 51' 37"	106° 43' 26"	20° 51' 12"	106° 42' 47"	F-48-82-A-d
đường Chùa Vẽ	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An			20° 51' 43"	106° 43' 14"	20° 51' 24"	106° 43' 41"	F-48-82-A-d
đường Đà Nẵng	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An			20° 51' 45"	106° 41' 25"	20° 51' 43"	106° 43' 14"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Đoạn Xá	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An			20° 51' 56"	106° 42' 47"	20° 51' 44"	106° 42' 47"	F-48-82-A-d
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An			20° 51' 45"	106° 41' 38"	20° 49' 30"	106° 43' 31"	F-48-82-A-d
đường Lê Thánh Tông	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An			20° 52' 00"	106° 41' 14"	20° 51' 43"	106° 43' 14"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Bình Khiêm	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An			20° 50' 30"	106° 41' 32"	20° 51' 24"	106° 43' 41"	F-48-82-A-d
đường Phủ Thượng Đoạn	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An			20° 51' 44"	106° 42' 47"	20° 51' 00"	106° 43' 05"	F-48-82-A-d
đường Phương Lưu	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An			20° 51' 27"	106° 42' 35"	20° 50' 53"	106° 42' 54"	F-48-82-A-d
miếu Phương Lưu	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 14"	106° 42' 51"					F-48-82-A-d
miếu Thượng Đoạn Xá	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 18"	106° 42' 54"					F-48-82-A-d
phủ Thượng Đoạn	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 25"	106° 42' 54"					F-48-82-A-d
Trường Cao đẳng Hàng Hải	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 40"	106° 43' 11"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Đông Hải 1	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 12"	106° 42' 52"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Đông Hải	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 09"	106° 43' 01"					F-48-82-A-d
từ đường họ Trịnh	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 04"	106° 42' 46"					F-48-82-A-d
sông Bạch Đằng	TV	P. Đông Hải 1	Q. Hải An			20° 59' 34"	106° 45' 14"	20° 50' 01"	106° 48' 06"	F-48-82-A-b, F-48-82-B-a, F-48-82-B-c
Sông Cấm	TV	P. Đông Hải 1	Q. Hải An			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-d, F-48-82-B-c
sông Ruột Lợn	TV	P. Đông Hải 1	Q. Hải An			20° 52' 50"	106° 42' 13"	20° 52' 48"	106° 44' 54"	F-48-82-A-b
tổ dân phố Hạ Đoạn 2	DC	P. Đông Hải 2	Q. Hải An	20° 50' 60"	106° 44' 03"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Hạ Đoạn 4	DC	P. Đông Hải 2	Q. Hải An	20° 50' 30"	106° 44' 09"					F-48-82-A-d
Cảng 128	KX	P. Đông Hải 2	Q. Hải An	20° 51' 24"	106° 44' 11"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cảng Đình Vũ	KX	P. Đông Hải 2	Q. Hải An	20° 50' 28"	106° 46' 00"					F-48-82-B-c
cầu Tân Vũ - Lạch Huyện	KX	P. Đông Hải 2	Q. Hải An	20° 48' 28"	106° 49' 05"					F-48-82-B-c
chùa Hạ Đoạn	KX	P. Đông Hải 2	Q. Hải An	20° 50' 33"	106° 43' 56"					F-48-82-A-d
Công ty cổ phần Việt - Pháp Sản xuất thức ăn gia súc PROCONCO	KX	P. Đông Hải 2	Q. Hải An	20° 50' 40"	106° 45' 49"					F-48-82-B-c
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	P. Đông Hải 2	Q. Hải An			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-d
đường Hạ Đoạn	KX	P. Đông Hải 2	Q. Hải An			20° 51' 02"	106° 44' 06"	20° 50' 42"	106° 43' 37"	F-48-82-A-d
đường Hàng Tổng	KX	P. Đông Hải 2	Q. Hải An			20° 50' 27"	106° 43' 24"	20° 50' 27"	106° 44' 10"	F-48-82-A-d
đường Kiều Hạ	KX	P. Đông Hải 2	Q. Hải An			20° 51' 11"	106° 43' 56"	20° 50' 48"	106° 43' 16"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Bình Khiêm	KX	P. Đông Hải 2	Q. Hải An			20° 50' 30"	106° 41' 32"	20° 51' 24"	106° 43' 41"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 356	KX	P. Đông Hải 2	Q. Hải An			20° 51' 24"	106° 43' 41"	20° 49' 01"	106° 48' 45"	F-48-82-A-d, F-48-82-B-c
miếu Ngô Quyền	KX	P. Đông Hải 2	Q. Hải An	20° 50' 33"	106° 43' 54"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Đông Hải 2	KX	P. Đông Hải 2	Q. Hải An	20° 50' 43"	106° 43' 38"					F-48-82-A-d
từ đường họ Ngô	KX	P. Đông Hải 2	Q. Hải An	20° 50' 35"	106° 44' 01"					F-48-82-A-d
cửa Nam Triệu	TV	P. Đông Hải 2	Q. Hải An	20° 49' 51"	106° 48' 05"					F-48-82-A-d
đảo Đình Vũ	TV	P. Đông Hải 2	Q. Hải An	20° 50' 32"	106° 45' 44"					F-48-82-A-d
sông Bạch Đằng	TV	P. Đông Hải 2	Q. Hải An			20° 59' 34"	106° 45' 14"	20° 50' 01"	106° 48' 06"	F-48-82-B-c
Sông Cấm	TV	P. Đông Hải 2	Q. Hải An			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-d, F-48-82-B-c
Sông Cấm (nhánh 2)	TV	P. Đông Hải 2	Q. Hải An			20° 50' 24"	106° 45' 06"	20° 47' 52"	106° 46' 26"	F-48-82-B-c
tổ dân phố Số 5	DC	P. Nam Hải	Q. Hải An	20° 49' 44"	106° 44' 10"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Số 14	DC	P. Nam Hải	Q. Hải An	20° 49' 33"	106° 44' 14"					F-48-82-A-d
chợ Nam Hải	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An	20° 49' 29"	106° 44' 15"					F-48-82-A-d
chùa Xâm Bồ	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An	20° 50' 08"	106° 44' 10"					F-48-82-A-d
đình Lương Xâm	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An	20° 49' 32"	106° 44' 21"					F-48-82-A-d
đình Xâm Bồ	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An	20° 50' 00"	106° 44' 19"					F-48-82-A-d
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-d
đường Hàng Tổng	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An			20° 50' 27"	106° 43' 24"	20° 50' 27"	106° 44' 10"	F-48-82-A-d
đường Liên Phường	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An			20° 50' 11"	106° 44' 20"	20° 48' 27"	106° 44' 40"	F-48-82-A-d
đường Nam Hải	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An			20° 49' 27"	106° 44' 16"	20° 50' 27"	106° 44' 10"	F-48-82-A-d
đường Ngô Gia Tự	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An			20° 49' 51"	106° 41' 51"	20° 49' 22"	106° 44' 46"	F-48-82-A-d
miếu Xâm Bồ	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An	20° 50' 06"	106° 44' 10"					F-48-82-A-d
nhà thờ Xâm Bồ	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An	20° 49' 51"	106° 44' 11"					F-48-82-A-d
phố Đông Phong	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An			20° 49' 50"	106° 44' 10"	20° 49' 29"	106° 44' 08"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Nam Hải	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An	20° 49' 50"	106° 44' 00"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Nam Hải	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An	20° 49' 46"	106° 44' 27"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Hải An	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An	20° 49' 38"	106° 43' 56"					F-48-82-A-d
từ Lương Xâm	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An	20° 50' 13"	106° 44' 03"					F-48-82-A-d
Sông Cấm (nhánh 2)	TV	P. Nam Hải	Q. Hải An			20° 50' 24"	106° 45' 06"	20° 47' 52"	106° 46' 26"	F-48-82-B-c
chợ Cát Bi	KX	P. Thành Tô	Q. Hải An	20° 49' 30"	106° 42' 36"					F-48-82-A-d
đường Cát Bi	KX	P. Thành Tô	Q. Hải An			20° 49' 49"	106° 41' 53"	20° 49' 27"	106° 42' 47"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Đồng Xá	KX	P. Thành Tô	Q. Hải An			20° 49' 36"	106° 42' 26"	20° 48' 22"	106° 43' 08"	F-48-82-A-d
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Thành Tô	Q. Hải An			20° 51' 45"	106° 41' 38"	20° 49' 30"	106° 43' 31"	F-48-82-A-d
đường Ngô Gia Tự	KX	P. Thành Tô	Q. Hải An			20° 49' 51"	106° 41' 51"	20° 49' 22"	106° 44' 46"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Văn Hối	KX	P. Thành Tô	Q. Hải An			20° 49' 48"	106° 42' 32"	20° 49' 27"	106° 42' 47"	F-48-82-A-d
sân bay Cát Bi	KX	P. Thành Tô	Q. Hải An	20° 49' 13"	106° 43' 23"					F-48-82-A-d
sông Lạch Tray	TV	P. Thành Tô	Q. Hải An			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
tổ dân phố Cát Bi 3	DC	P. Trảng Cát	Q. Hải An	20° 48' 41"	106° 44' 24"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Cát Khê	DC	P. Trảng Cát	Q. Hải An	20° 48' 31"	106° 44' 13"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Lương Khê 4	DC	P. Trảng Cát	Q. Hải An	20° 49' 06"	106° 44' 19"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Tân Vũ 1	DC	P. Trảng Cát	Q. Hải An	20° 48' 10"	106° 44' 42"					F-48-82-A-d
chùa Trục Cát	KX	P. Trảng Cát	Q. Hải An	20° 48' 22"	106° 43' 29"					F-48-82-A-d
đền Trục Cát	KX	P. Trảng Cát	Q. Hải An	20° 48' 27"	106° 43' 28"					F-48-82-A-d
đình Cát Bi	KX	P. Trảng Cát	Q. Hải An	20° 48' 45"	106° 44' 24"					F-48-82-A-d
đình Cát Khê	KX	P. Trảng Cát	Q. Hải An	20° 48' 47"	106° 43' 55"					F-48-82-A-d
đình Đình Vũ	KX	P. Trảng Cát	Q. Hải An	20° 48' 18"	106° 44' 16"					F-48-82-A-d
đình Lương Khê	KX	P. Trảng Cát	Q. Hải An	20° 49' 16"	106° 44' 09"					F-48-82-A-d
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	P. Trảng Cát	Q. Hải An			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-d
đường Cát Linh	KX	P. Trảng Cát	Q. Hải An			20° 49' 26"	106° 44' 20"	20° 48' 22"	106° 44' 22"	F-48-82-A-d
đường Cát Vũ	KX	P. Trảng Cát	Q. Hải An			20° 48' 35"	106° 43' 53"	20° 48' 03"	106° 44' 47"	F-48-82-A-d
đường Đồng Xá	KX	P. Trảng Cát	Q. Hải An			20° 49' 36"	106° 42' 26"	20° 48' 22"	106° 43' 08"	F-48-82-A-d
đường Liên Phường	KX	P. Trảng Cát	Q. Hải An			20° 50' 11"	106° 44' 20"	20° 48' 27"	106° 44' 40"	F-48-82-A-d
đường Ngô Gia Tự	KX	P. Trảng Cát	Q. Hải An			20° 49' 51"	106° 41' 51"	20° 49' 22"	106° 44' 46"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Thành Tô	KX	P. Trảng Cát	Q. Hải An			20° 49' 28"	106° 44' 11"	20° 48' 22"	106° 43' 08"	F-48-82-A-d
đường Trảng Cát	KX	P. Trảng Cát	Q. Hải An			20° 48' 51"	106° 44' 02"	20° 48' 41"	106° 44' 45"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Trảng Cát	KX	P. Trảng Cát	Q. Hải An	20° 48' 47"	106° 43' 59"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Trảng Cát	KX	P. Trảng Cát	Q. Hải An	20° 48' 44"	106° 44' 00"					F-48-82-A-d
Sông Cẩm (nhánh 2)	TV	P. Trảng Cát	Q. Hải An			20° 50' 24"	106° 45' 06"	20° 47' 52"	106° 46' 26"	F-48-82-B-c
sông Lạch Tray	TV	P. Trảng Cát	Q. Hải An			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d, F-48-82-B-c
cầu Lạc Long	KX	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 47"	106° 40' 36"					F-48-82-A-d
cầu Thượng Lý	KX	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 46"	106° 40' 04"					F-48-82-A-d
cầu vượt sông Tam Bạc	KX	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 27"	106° 40' 06"					F-48-82-A-d
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đóng tàu Bạch Đằng	KX	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 56"	106° 40' 11"					F-48-82-A-d
đường Bạch Đằng	KX	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng			20° 51' 46"	106° 40' 35"	20° 51' 46"	106° 40' 04"	F-48-82-A-d
đường Chương Dương	KX	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng			20° 51' 35"	106° 40' 05"	20° 51' 47"	106° 40' 06"	F-48-82-A-d
phố Hạ Lý	KX	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng			20° 51' 46"	106° 40' 34"	20° 51' 35"	106° 40' 05"	F-48-82-A-d
phố Phạm Phú Thứ	KX	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng			20° 51' 46"	106° 40' 19"	20° 51' 34"	106° 40' 19"	F-48-82-A-d
Trường Dạy nghề Bạch Đằng	KX	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 45"	106° 40' 24"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	KX	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 43"	106° 40' 21"					F-48-82-A-d
Trường Trung cấp Nghề Đóng tàu Bạch Đằng	KX	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 48"	106° 40' 14"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Trần Văn Ôn	KX	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 42"	106° 40' 19"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Lê Hồng Phong	KX	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 38"	106° 40' 16"					F-48-82-A-d
Sông Cấm	TV	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-d
sông Tam Bạc	TV	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng			20° 51' 40"	106° 38' 55"	20° 52' 02"	106° 40' 27"	F-48-82-A-d
sông Thượng Lý	TV	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng			20° 51' 27"	106° 40' 04"	20° 52' 11"	106° 40' 07"	F-48-82-A-d
Bệnh viện Phụ sản	KX	P. Hoàng Văn Thụ	Q. Hồng Bàng	20° 51' 38"	106° 40' 52"					F-48-82-A-d
đường Điện Biên Phủ	KX	P. Hoàng Văn Thụ	Q. Hồng Bàng			20° 51' 45"	106° 40' 39"	20° 51' 45"	106° 41' 25"	F-48-82-A-d
đường Đinh Tiên Hoàng	KX	P. Hoàng Văn Thụ	Q. Hồng Bàng			20° 51' 54"	106° 40' 51"	20° 51' 26"	106° 40' 50"	F-48-82-A-d
đường Hoàng Văn Thụ	KX	P. Hoàng Văn Thụ	Q. Hồng Bàng			20° 51' 25"	106° 40' 47"	20° 52' 01"	106° 40' 46"	F-48-82-A-d
đường Lê Đại Hành	KX	P. Hoàng Văn Thụ	Q. Hồng Bàng			20° 51' 55"	106° 40' 54"	20° 51' 29"	106° 40' 56"	F-48-82-A-d
đường Minh Khai	KX	P. Hoàng Văn Thụ	Q. Hồng Bàng			20° 51' 57"	106° 40' 59"	20° 51' 32"	106° 41' 02"	F-48-82-A-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Hoàng Văn Thụ	Q. Hồng Bàng			20° 51' 59"	106° 41' 11"	20° 51' 28"	106° 40' 47"	F-48-82-A-d
đường Trần Quang Khải	KX	P. Hoàng Văn Thụ	Q. Hồng Bàng			20° 51' 40"	106° 40' 39"	20° 51' 39"	106° 41' 05"	F-48-82-A-d
khách sạn Classic Hoàng Long	KX	P. Hoàng Văn Thụ	Q. Hồng Bàng	20° 51' 39"	106° 40' 48"					F-48-82-A-d
khách sạn Hải Quân	KX	P. Hoàng Văn Thụ	Q. Hồng Bàng	20° 51' 44"	106° 41' 06"					F-48-82-A-d
Nhà hát Thằng Tám	KX	P. Hoàng Văn Thụ	Q. Hồng Bàng	20° 51' 32"	106° 40' 51"					F-48-82-A-d
Nhà hát Thành phố	KX	P. Hoàng Văn Thụ	Q. Hồng Bàng	20° 51' 31"	106° 40' 48"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng	KX	P. Hoàng Văn Thụ	Q. Hồng Bàng	20° 51' 41"	106° 40' 48"					F-48-82-A-d
tổ dân phố An Tri 2	DC	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng	20° 52' 04"	106° 38' 29"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Cam Lộ 3	DC	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng	20° 52' 23"	106° 38' 16"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Quỳnh Cư 4	DC	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng	20° 52' 39"	106° 37' 21"					F-48-82-A-a
Bệnh viện Giao thông vận tải	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng	20° 52' 10"	106° 38' 27"					F-48-82-A-d
chùa Cam Lộ	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng	20° 52' 08"	106° 37' 53"					F-48-82-A-d
Công ty cổ phần LISEMCO	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng	20° 52' 45"	106° 38' 42"					F-48-82-A-b
Công ty cổ phần Vận tải thủy Số 4	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng	20° 52' 43"	106° 38' 20"					F-48-82-A-b
đình An Trì	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng	20° 51' 59"	106° 38' 23"					F-48-82-A-d
đình Cam Lộ	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng	20° 52' 05"	106° 37' 51"					F-48-82-A-d
đình Quỳnh Cư	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng	20° 52' 27"	106° 37' 19"					F-48-82-A-c
Đò Lâm	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng	20° 52' 54"	106° 38' 38"					F-48-82-A-b
đường An Trì	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng			20° 52' 23"	106° 38' 47"	20° 52' 04"	106° 38' 37"	F-48-82-A-d
đường Hùng Vương	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng			20° 51' 17"	106° 39' 52"	20° 53' 37"	106° 35' 31"	F-48-82-A-a
đường Lệnh Bá Chính Trọng	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng			20° 52' 47"	106° 37' 29"	20° 52' 28"	106° 37' 22"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-c
đường Trương Văn Lục	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng			20° 52' 29"	106° 36' 45"	20° 52' 14"	106° 38' 09"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-b, F-48-82-A-d
Quốc lộ 5	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng			20° 56' 42"	106° 32' 29"	20° 51' 58"	106° 38' 56"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Bắc Bộ	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng	20° 52' 24"	106° 37' 44"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Hùng Vương	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng	20° 52' 20"	106° 38' 01"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Hùng Vương	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng	20° 52' 08"	106° 38' 06"					F-48-82-A-d
kênh trục chính Sông Rế (Sông Rế)	TV	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng			20° 52' 07"	106° 34' 42"	20° 51' 40"	106° 38' 55"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
Sông Cấm	TV	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-d
bảo tàng Hải Phòng	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng	20° 51' 47"	106° 40' 52"					F-48-82-A-d
Bệnh viện Đa khoa Hồng Phúc	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng	20° 51' 49"	106° 41' 03"					F-48-82-A-d
Bưu điện thành phố Hải Phòng	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng	20° 51' 54"	106° 40' 48"					F-48-82-A-d
cầu Lạc Long	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng	20° 51' 47"	106° 40' 36"					F-48-82-A-d
đường Bến Bính	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng			20° 52' 01"	106° 40' 34"	20° 51' 46"	106° 40' 42"	F-48-82-A-d
đường Điện Biên Phủ	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng			20° 51' 45"	106° 40' 39"	20° 51' 45"	106° 41' 25"	F-48-82-A-d
đường Đinh Tiên Hoàng	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng			20° 51' 54"	106° 40' 51"	20° 51' 26"	106° 40' 50"	F-48-82-A-d
đường Hoàng Diệu	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng			20° 51' 55"	106° 40' 54"	20° 52' 00"	106° 41' 14"	F-48-82-A-d
đường Hoàng Văn Thụ	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng			20° 51' 25"	106° 40' 47"	20° 52' 01"	106° 40' 46"	F-48-82-A-d
đường Lê Đại Hành	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng			20° 51' 55"	106° 40' 54"	20° 51' 29"	106° 40' 56"	F-48-82-A-d
đường Minh Khai	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng			20° 51' 57"	106° 40' 59"	20° 51' 32"	106° 41' 02"	F-48-82-A-d
đường Tam Bạc	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng			20° 51' 21"	106° 40' 06"	20° 51' 58"	106° 40' 30"	F-48-82-A-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng			20° 51' 59"	106° 41' 11"	20° 51' 28"	106° 40' 47"	F-48-82-A-d
đường Trần Phú	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng			20° 51' 25"	106° 40' 47"	20° 52' 00"	106° 41' 14"	F-48-82-A-d
khách sạn Draco Thăng Long	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng	20° 51' 56"	106° 40' 44"					F-48-82-A-d
Phà Bính	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng	20° 52' 07"	106° 40' 34"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng	20° 51' 54"	106° 40' 39"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Nguyễn Tri Phương	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng	20° 51' 55"	106° 40' 49"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Hồng Bàng	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng	20° 51' 52"	106° 40' 49"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Lương Thế Vinh	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng	20° 51' 54"	106° 40' 35"					F-48-82-A-d
Sông Cấm	TV	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-d
sông Tam Bạc	TV	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng			20° 51' 40"	106° 38' 55"	20° 52' 02"	106° 40' 27"	F-48-82-A-d
cầu vượt sông Tam Bạc	KX	P. Phạm Hồng Thái	Q. Hồng Bàng	20° 51' 27"	106° 40' 06"					F-48-82-A-d
Chợ Sắt	KX	P. Phạm Hồng Thái	Q. Hồng Bàng	20° 51' 23"	106° 40' 07"					F-48-82-A-d
đường Phan Bội Châu	KX	P. Phạm Hồng Thái	Q. Hồng Bàng			20° 51' 31"	106° 40' 46"	20° 51' 24"	106° 40' 11"	F-48-82-A-d
đường Quang Trung	KX	P. Phạm Hồng Thái	Q. Hồng Bàng			20° 51' 28"	106° 40' 47"	20° 51' 21"	106° 40' 06"	F-48-82-A-d
đường Tam Bạc	KX	P. Phạm Hồng Thái	Q. Hồng Bàng			20° 51' 21"	106° 40' 06"	20° 51' 58"	106° 40' 30"	F-48-82-A-d
hồ Tam Bạc	TV	P. Phạm Hồng Thái	Q. Hồng Bàng	20° 51' 21"	106° 40' 21"					F-48-82-A-d
sông Tam Bạc	TV	P. Phạm Hồng Thái	Q. Hồng Bàng			20° 51' 40"	106° 38' 55"	20° 52' 02"	106° 40' 27"	F-48-82-A-d
chợ Tam Bạc (Chợ Đỏ)	KX	P. Phan Bội Châu	Q. Hồng Bàng	20° 51' 28"	106° 40' 28"					F-48-82-A-d
đường Lãn Ông	KX	P. Phan Bội Châu	Q. Hồng Bàng			20° 51' 26"	106° 40' 38"	20° 51' 32"	106° 40' 35"	F-48-82-A-d
đường Lý Thường Kiệt	KX	P. Phan Bội Châu	Q. Hồng Bàng			20° 51' 28"	106° 40' 20"	20° 51' 46"	106° 40' 40"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Đức Cảnh	KX	P. Phan Bội Châu	Q. Hồng Bàng			20° 51' 25"	106° 40' 47"	20° 51' 14"	106° 39' 54"	F-48-82-A-d
đường Phan Bội Châu	KX	P. Phan Bội Châu	Q. Hồng Bàng			20° 51' 31"	106° 40' 46"	20° 51' 24"	106° 40' 11"	F-48-82-A-d
đường Quang Trung	KX	P. Phan Bội Châu	Q. Hồng Bàng			20° 51' 28"	106° 40' 47"	20° 51' 21"	106° 40' 06"	F-48-82-A-d
đường Tam Bạc	KX	P. Phan Bội Châu	Q. Hồng Bàng			20° 51' 21"	106° 40' 06"	20° 51' 58"	106° 40' 30"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nhà Số 2 phố Tôn Đản	KX	P. Phan Bội Châu	Q. Hồng Bàng	20° 51' 29"	106° 40' 24"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng	KX	P. Phan Bội Châu	Q. Hồng Bàng	20° 51' 26"	106° 40' 27"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Phan Bội Châu	KX	P. Phan Bội Châu	Q. Hồng Bàng	20° 51' 29"	106° 40' 33"					F-48-82-A-d
hồ Tam Bạc	TV	P. Phan Bội Châu	Q. Hồng Bàng	20° 51' 21"	106° 40' 21"					F-48-82-A-d
sông Tam Bạc	TV	P. Phan Bội Châu	Q. Hồng Bàng			20° 51' 40"	106° 38' 55"	20° 52' 02"	106° 40' 27"	F-48-82-A-d
Khu 1	DC	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng	20° 53' 45"	106° 36' 05"					F-48-82-A-a
Khu 6	DC	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng	20° 53' 24"	106° 36' 07"					F-48-82-A-a
cảng Vật Cách	KX	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng	20° 53' 20"	106° 36' 55"					F-48-82-A-a
chợ Quán Toan	KX	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng	20° 53' 39"	106° 36' 13"					F-48-82-A-a
Cơ sở khám chữa bệnh Đa khoa khu vực Quán Toan	KX	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng	20° 53' 28"	106° 36' 13"					F-48-82-A-a
Công ty cổ phần Quốc tế SAMNEC	KX	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng	20° 53' 45"	106° 36' 13"					F-48-82-A-a
Công ty Liên doanh Thép Việt - Úc	KX	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng	20° 53' 25"	106° 36' 32"					F-48-82-A-a
đường Hải Triều	KX	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng			20° 54' 01"	106° 36' 14"	20° 53' 23"	106° 36' 03"	F-48-82-A-a
đường Hùng Vương	KX	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng			20° 51' 17"	106° 39' 52"	20° 53' 37"	106° 35' 31"	F-48-82-A-a
Đường tỉnh 351	KX	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 53' 25"	106° 36' 11"	F-48-82-A-a
Quốc lộ 10	KX	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-a
Trung tâm Dạy nghề Nam Sơn	KX	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng	20° 53' 30"	106° 36' 02"					F-48-82-A-a
Trường Cao đẳng Nghề VMU	KX	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng	20° 53' 50"	106° 36' 18"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Quán Toan	KX	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng	20° 53' 31"	106° 36' 16"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Quán Toan	KX	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng	20° 53' 31"	106° 36' 19"					F-48-82-A-a
Sông Cấm	TV	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-d
chợ Trần Quang Khải	KX	P. Quang Trung	Q. Hồng Bàng	20° 51' 37"	106° 40' 43"					F-48-82-A-d
đường Điện Biên Phủ	KX	P. Quang Trung	Q. Hồng Bàng			20° 51' 45"	106° 40' 39"	20° 51' 45"	106° 41' 25"	F-48-82-A-d
đường Hoàng Văn Thụ	KX	P. Quang Trung	Q. Hồng Bàng			20° 51' 25"	106° 40' 47"	20° 52' 01"	106° 40' 46"	F-48-82-A-d
đường Lãn Ông	KX	P. Quang Trung	Q. Hồng Bàng			20° 51' 26"	106° 40' 38"	20° 51' 32"	106° 40' 35"	F-48-82-A-d
đường Lý Thường Kiệt	KX	P. Quang Trung	Q. Hồng Bàng			20° 51' 28"	106° 40' 20"	20° 51' 46"	106° 40' 40"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Đức Cảnh	KX	P. Quang Trung	Q. Hồng Bàng			20° 51' 25"	106° 40' 47"	20° 51' 14"	106° 39' 54"	F-48-82-A-d
đường Phan Bội Châu	KX	P. Quang Trung	Q. Hồng Bàng			20° 51' 31"	106° 40' 46"	20° 51' 24"	106° 40' 11"	F-48-82-A-d
đường Quang Trung	KX	P. Quang Trung	Q. Hồng Bàng			20° 51' 28"	106° 40' 47"	20° 51' 21"	106° 40' 06"	F-48-82-A-d
đường Tam Bạc	KX	P. Quang Trung	Q. Hồng Bàng			20° 51' 21"	106° 40' 06"	20° 51' 58"	106° 40' 30"	F-48-82-A-d
nhà thờ lớn Hải Phòng	KX	P. Quang Trung	Q. Hồng Bàng	20° 51' 41"	106° 40' 44"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Nguyễn Huệ	KX	P. Quang Trung	Q. Hồng Bàng	20° 51' 31"	106° 40' 44"					F-48-82-A-d
sông Tam Bạc	TV	P. Quang Trung	Q. Hồng Bàng			20° 51' 40"	106° 38' 55"	20° 52' 02"	106° 40' 27"	F-48-82-A-d
tổ dân phố An Lạc 3	DC	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 52' 02"	106° 39' 07"					F-48-82-A-d
tổ dân phố An Lạc 5	DC	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 51' 58"	106° 39' 05"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Kiến Thiết 3	DC	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 52' 10"	106° 39' 27"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Mặt Bằng 1	DC	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 51' 49"	106° 39' 01"					F-48-82-A-d
Cầu Bính	KX	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 52' 35"	106° 39' 56"					F-48-82-A-b
chợ Sở Dầu	KX	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 52' 19"	106° 39' 04"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa An Lạc	KX	P. Sờ Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 52' 11"	106° 39' 02"					F-48-82-A-a
cổng Cái Tắt	KX	P. Sờ Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 51' 40"	106° 38' 55"					F-48-82-A-d
đại lộ Tôn Đức Thắng	KX	P. Sờ Dầu	Q. Hồng Bàng			20° 50' 58"	106° 39' 32"	20° 52' 20"	106° 39' 07"	F-48-82-A-d
đình An Lạc	KX	P. Sờ Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 52' 11"	106° 39' 02"					F-48-82-A-a
đường Cầu Bính	KX	P. Sờ Dầu	Q. Hồng Bàng			20° 52' 28"	106° 39' 52"	20° 51' 52"	106° 39' 32"	F-48-82-A-d
đường Dầu Lửa	KX	P. Sờ Dầu	Q. Hồng Bàng			20° 52' 32"	106° 38' 52"	20° 52' 23"	106° 38' 47"	F-48-82-A-b, F-48-82-A-d
đường Hồng Bàng	KX	P. Sờ Dầu	Q. Hồng Bàng			20° 51' 47"	106° 39' 37"	20° 51' 58"	106° 38' 56"	F-48-82-A-d
đường Hùng Vương	KX	P. Sờ Dầu	Q. Hồng Bàng			20° 51' 17"	106° 39' 52"	20° 53' 37"	106° 35' 31"	F-48-82-A-b, F-48-82-A-d
ga Thượng Lý	KX	P. Sờ Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 52' 02"	106° 39' 21"					F-48-82-A-d
Quốc lộ 5	KX	P. Sờ Dầu	Q. Hồng Bàng			20° 56' 42"	106° 32' 29"	20° 51' 58"	106° 38' 56"	F-48-82-A-d
siêu thị Mega Market	KX	P. Sờ Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 51' 52"	106° 39' 08"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Bạch Đằng (Khu A)	KX	P. Sờ Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 52' 09"	106° 39' 02"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Bạch Đằng (Khu B)	KX	P. Sờ Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 52' 08"	106° 39' 02"					F-48-82-A-a
Trường Trung cấp Dạy nghề Kỹ thuật Xi Măng	KX	P. Sờ Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 51' 57"	106° 39' 32"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Bạch Đằng	KX	P. Sờ Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 52' 04"	106° 38' 54"					F-48-82-A-a
Trường Trung học phổ thông Hồng Bàng	KX	P. Sờ Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 52' 03"	106° 38' 56"					F-48-82-A-a
Xí nghiệp Sông Đà 12.4	KX	P. Sờ Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 52' 35"	106° 39' 01"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh trục chính Sông Rế (Sông Rế)	TV	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng			20° 52' 07"	106° 34' 42"	20° 51' 40"	106° 38' 55"	F-48-82-A-d
Sông Cấm	TV	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-d
sông Tam Bạc	TV	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng			20° 51' 40"	106° 38' 55"	20° 52' 02"	106° 40' 27"	F-48-82-A-d
Khu đô thị Vinhomes Imperia	DC	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng	20° 52' 05"	106° 39' 57"					F-48-82-A-d
Cầu Bính	KX	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng	20° 52' 35"	106° 39' 56"					F-48-82-A-b
Cầu Quay	KX	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 16"	106° 39' 52"					F-48-82-A-d
cầu Tam Bạc	KX	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 17"	106° 39' 54"					F-48-82-A-d
cầu Thượng Lý	KX	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 46"	106° 40' 04"					F-48-82-A-d
chợ Hoà Bình	KX	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 42"	106° 39' 50"					F-48-82-A-d
Cơ sở khám chữa bệnh Đa khoa khu vực Thượng Lý	KX	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 37"	106° 39' 52"					F-48-82-A-d
Đền Hạ	KX	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 41"	106° 39' 51"					F-48-82-A-d
đường Cầu Bính	KX	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng			20° 52' 28"	106° 39' 52"	20° 51' 52"	106° 39' 32"	F-48-82-A-d
đường Hà Nội	KX	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng			20° 51' 46"	106° 40' 04"	20° 51' 47"	106° 39' 37"	F-48-82-A-d
đường Hùng Duệ Vương	KX	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng			20° 51' 46"	106° 39' 54"	20° 51' 26"	106° 39' 55"	F-48-82-A-d
đường Hùng Vương	KX	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng			20° 51' 17"	106° 39' 52"	20° 53' 37"	106° 35' 31"	F-48-82-A-d
đường Vạn Kiếp	KX	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng			20° 51' 47"	106° 40' 02"	20° 51' 26"	106° 39' 55"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Ngô Gia Tự	KX	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 32"	106° 39' 52"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Ngô Gia Tự	KX	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 32"	106° 39' 50"					F-48-82-A-d
Sông Cấm	TV	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-d
sông Tam Bạc	TV	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng			20° 51' 40"	106° 38' 55"	20° 52' 02"	106° 40' 27"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Thượng Lý	TV	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng			20° 51' 27"	106° 40' 04"	20° 52' 11"	106° 40' 07"	F-48-82-A-d
Cầu Quay	KX	P. Trại Chuối	Q. Hồng Bàng	20° 51' 16"	106° 39' 52"					F-48-82-A-d
chợ Trại Chuối	KX	P. Trại Chuối	Q. Hồng Bàng	20° 51' 32"	106° 39' 38"					F-48-82-A-d
đường Hồng Bàng	KX	P. Trại Chuối	Q. Hồng Bàng			20° 51' 47"	106° 39' 37"	20° 51' 58"	106° 38' 56"	F-48-82-A-d
đường Hùng Vương	KX	P. Trại Chuối	Q. Hồng Bàng			20° 51' 17"	106° 39' 52"	20° 53' 37"	106° 35' 31"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	KX	P. Trại Chuối	Q. Hồng Bàng	20° 51' 28"	106° 39' 35"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trãi	KX	P. Trại Chuối	Q. Hồng Bàng	20° 51' 28"	106° 39' 36"					F-48-82-A-d
sông Tam Bạc	TV	P. Trại Chuối	Q. Hồng Bàng			20° 51' 40"	106° 38' 55"	20° 52' 02"	106° 40' 27"	F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 10	DC	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An	20° 49' 14"	106° 38' 07"					F-48-82-A-d
bảo tàng Quân khu 3	KX	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An	20° 49' 26"	106° 38' 05"					F-48-82-A-d
chợ Bến Phà	KX	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An	20° 49' 05"	106° 37' 23"					F-48-82-A-c
chùa Hồng Phúc	KX	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An	20° 49' 15"	106° 37' 59"					F-48-82-A-d
đường Cự Viên	KX	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An			20° 49' 24"	106° 38' 01"	20° 49' 05"	106° 38' 41"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 351	KX	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 53' 25"	106° 36' 11"	F-48-82-A-c
nhà thờ Cự Viên	KX	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An	20° 49' 13"	106° 38' 34"					F-48-82-A-d
phố Hoàng Thiết Tâm	KX	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An			20° 49' 12"	106° 37' 37"	20° 49' 02"	106° 37' 19"	F-48-82-A-d
phố Lê Duẩn	KX	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An			20° 49' 23"	106° 38' 50"	20° 49' 12"	106° 37' 37"	F-48-82-A-c
trạm T20	KX	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An	20° 49' 33"	106° 38' 06"					F-48-82-A-d
Trường Cao đẳng Nghề Người tàn tật Hải Phòng	KX	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An	20° 49' 06"	106° 37' 27"					F-48-82-A-c
Trường Cao đẳng Nghề Số 3 Quân Khu 3	KX	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An	20° 49' 30"	106° 38' 10"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Quang Trung	KX	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An	20° 49' 06"	106° 38' 31"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Bắc Sơn	KX	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An	20° 49' 04"	106° 37' 29"					F-48-82-A-c
núi Thiên Văn	SV	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 46"	106° 37' 51"					F-48-82-A-d
sông Lạch Tray	TV	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
tổ dân phố Đồng Khê 2	DC	P. Đồng Hoà	Q. Kiến An	20° 49' 21"	106° 39' 19"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Lâm Khê	DC	P. Đồng Hoà	Q. Kiến An	20° 49' 35"	106° 39' 21"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Mỹ Khê Tây	DC	P. Đồng Hoà	Q. Kiến An	20° 49' 07"	106° 39' 40"					F-48-82-A-d
chùa Long Vân	KX	P. Đồng Hoà	Q. Kiến An	20° 49' 20"	106° 39' 10"					F-48-82-A-d
đình Đồng Khê	KX	P. Đồng Hoà	Q. Kiến An	20° 49' 20"	106° 39' 12"					F-48-82-A-d
đình Lâm Khê	KX	P. Đồng Hoà	Q. Kiến An	20° 49' 05"	106° 39' 36"					F-48-82-A-d
đình Mỹ Khê	KX	P. Đồng Hoà	Q. Kiến An	20° 49' 06"	106° 39' 34"					F-48-82-A-d
đường Bắc Sơn - Nam Hải	KX	P. Đồng Hoà	Q. Kiến An			20° 52' 18"	106° 34' 49"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-d
đường Đồng Hoà	KX	P. Đồng Hoà	Q. Kiến An			20° 49' 23"	106° 38' 50"	20° 49' 07"	106° 39' 50"	F-48-82-A-d
Trường Cao đẳng Nghề Bắc Nam	KX	P. Đồng Hoà	Q. Kiến An	20° 49' 55"	106° 39' 42"					F-48-82-A-d
Trường Cao đẳng Nghề Bách Nghệ	KX	P. Đồng Hoà	Q. Kiến An	20° 49' 51"	106° 39' 43"					F-48-82-A-d
Trường Cao đẳng Nghề Duyên Hải	KX	P. Đồng Hoà	Q. Kiến An	20° 49' 47"	106° 39' 51"					F-48-82-A-d
Trường Nuôi dạy trẻ Khiếm thị Hải Phòng	KX	P. Đồng Hoà	Q. Kiến An	20° 49' 44"	106° 39' 52"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Đồng Hoà	KX	P. Đồng Hoà	Q. Kiến An	20° 49' 24"	106° 39' 12"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Đồng Hoà	KX	P. Đồng Hoà	Q. Kiến An	20° 49' 23"	106° 39' 12"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Đồng Hoà	KX	P. Đồng Hoà	Q. Kiến An	20° 49' 19"	106° 39' 09"					F-48-82-A-d
sông Lạch Tray	TV	P. Đồng Hoà	Q. Kiến An			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 5	DC	P. Lãm Hà	Q. Kiến An	20° 50' 28"	106° 39' 21"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 10	DC	P. Lãm Hà	Q. Kiến An	20° 50' 03"	106° 39' 37"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 16	DC	P. Lãm Hà	Q. Kiến An	20° 50' 06"	106° 39' 23"					F-48-82-A-d
Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	KX	P. Lãm Hà	Q. Kiến An	20° 49' 57"	106° 39' 34"					F-48-82-A-d
Đường tỉnh 360	KX	P. Lãm Hà	Q. Kiến An			20° 50' 18"	106° 39' 42"	20° 50' 01"	106° 29' 45"	F-48-82-A-c
phố Trường Chinh	KX	P. Lãm Hà	Q. Kiến An			20° 50' 18"	106° 39' 42"	20° 49' 23"	106° 38' 50"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Nguyễn Du	KX	P. Lãm Hà	Q. Kiến An	20° 49' 58"	106° 39' 23"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Trần Hưng Đạo	KX	P. Lãm Hà	Q. Kiến An	20° 49' 56"	106° 39' 21"					F-48-82-A-d
sông Lạch Tray	TV	P. Lãm Hà	Q. Kiến An			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
tổ dân phố Kha Lãm 3	DC	P. Nam Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 41"	106° 38' 21"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Lệ Tảo 3	DC	P. Nam Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 39"	106° 38' 55"					F-48-82-A-d
chợ Kha Lãm	KX	P. Nam Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 23"	106° 38' 15"					F-48-82-A-d
đền Kha Lãm	KX	P. Nam Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 08"	106° 38' 25"					F-48-82-A-d
đình Lệ Tảo	KX	P. Nam Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 19"	106° 38' 54"					F-48-82-A-d
đường Chiêu Chính	KX	P. Nam Sơn	Q. Kiến An			20° 48' 36"	106° 38' 14"	20° 47' 34"	106° 38' 34"	F-48-82-A-d
đường Cự Viên	KX	P. Nam Sơn	Q. Kiến An			20° 49' 24"	106° 38' 01"	20° 49' 05"	106° 38' 41"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Lê Tảo	KX	P. Nam Sơn	Q. Kiến An			20° 48' 44"	106° 38' 42"	20° 48' 18"	106° 38' 55"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Như Quế	KX	P. Nam Sơn	Q. Kiến An			20° 48' 18"	106° 38' 55"	20° 48' 13"	106° 39' 32"	F-48-82-A-d
đường Trần Nhân Tông	KX	P. Nam Sơn	Q. Kiến An			20° 49' 23"	106° 38' 50"	20° 48' 15"	106° 37' 26"	F-48-82-A-d
Trường Cao đẳng Cộng đồng Hải Phòng	KX	P. Nam Sơn	Q. Kiến An	20° 49' 00"	106° 38' 33"					F-48-82-A-d
Trường Cao đẳng Nghề Thủy sản Miền Bắc	KX	P. Nam Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 27"	106° 38' 06"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Nam Hà (Cơ sở 1)	KX	P. Nam Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 11"	106° 38' 24"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Nam Hà (Cơ sở 2)	KX	P. Nam Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 37"	106° 38' 59"					F-48-82-A-d
Trường Trung cấp Nghề Giao thông công chính Hải Phòng	KX	P. Nam Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 51"	106° 38' 28"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Nam Hà	KX	P. Nam Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 33"	106° 38' 13"					F-48-82-A-d
núi Thiên Văn	SV	P. Nam Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 46"	106° 37' 51"					F-48-82-A-d
đỉnh Khúc Tri	KX	P. Ngọc Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 40"	106° 37' 09"					F-48-82-A-c
Đường tỉnh 351	KX	P. Ngọc Sơn	Q. Kiến An			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 53' 25"	106° 36' 11"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 360	KX	P. Ngọc Sơn	Q. Kiến An			20° 50' 18"	106° 39' 42"	20° 50' 01"	106° 29' 45"	F-48-82-A-c
phố Phan Đăng Lưu	KX	P. Ngọc Sơn	Q. Kiến An			20° 48' 54"	106° 37' 19"	20° 48' 15"	106° 37' 26"	F-48-82-A-c
Trường Đại học Hải Phòng	KX	P. Ngọc Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 28"	106° 37' 10"					F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Ngọc Sơn	KX	P. Ngọc Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 37"	106° 37' 02"					F-48-82-A-c
Trường Trung cấp Nghề Xây dựng Hải Phòng	KX	P. Ngọc Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 49"	106° 37' 07"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Lương Khánh Thiện	KX	P. Ngọc Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 41"	106° 37' 18"					F-48-82-A-c
Trường Trung học phổ thông Kiến An	KX	P. Ngọc Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 44"	106° 37' 19"					F-48-82-A-c
núi Cột Cờ	SV	P. Ngọc Sơn	Q. Kiến An	20° 47' 44"	106° 36' 44"					F-48-82-A-c
sông Lạch Tray	TV	P. Ngọc Sơn	Q. Kiến An			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-c
tổ dân phố Đồng Từ 2	DC	P. Phù Liễn	Q. Kiến An	20° 47' 34"	106° 37' 46"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Đồng Từ 3	DC	P. Phù Liễn	Q. Kiến An	20° 46' 60"	106° 38' 22"					F-48-82-A-d
Bệnh viện Kiến An	KX	P. Phù Liễn	Q. Kiến An	20° 48' 03"	106° 37' 23"					F-48-82-A-c
chợ Gò Công	KX	P. Phù Liễn	Q. Kiến An	20° 48' 09"	106° 37' 28"					F-48-82-A-c
đình Đồng Từ	KX	P. Phù Liễn	Q. Kiến An	20° 47' 39"	106° 37' 32"					F-48-82-A-c
đình Quy Túc	KX	P. Phù Liễn	Q. Kiến An	20° 47' 48"	106° 37' 33"					F-48-82-A-c
đường Nguyễn Lương Bằng	KX	P. Phù Liễn	Q. Kiến An			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 47' 31"	106° 39' 11"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
đường Quy Túc	KX	P. Phù Liễn	Q. Kiến An			20° 48' 04"	106° 37' 33"	20° 47' 21"	106° 37' 14"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
Đường tỉnh 354	KX	P. Phù Liễn	Q. Kiến An			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 38' 40"	106° 32' 31"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 355	KX	P. Phù Liễn	Q. Kiến An			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 47' 58"	106° 42' 33"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
phố Trần Tất Văn	KX	P. Phù Liễn	Q. Kiến An			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 46' 55"	106° 36' 46"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Lý Tự Trọng	KX	P. Phù Liễn	Q. Kiến An	20° 47' 38"	106° 37' 41"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Bắc Hà	KX	P. Phù Liễn	Q. Kiến An	20° 47' 37"	106° 37' 43"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Cột Cờ	SV	P. Phù Liễn	Q. Kiến An	20° 47' 44"	106° 36' 44"					F-48-82-A-c
Núi Vọ	SV	P. Phù Liễn	Q. Kiến An	20° 46' 54"	106° 38' 09"					F-48-82-A-d
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	P. Phù Liễn	Q. Kiến An			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-d
tổ dân phố Lê Duẩn 2	DC	P. Quán Trữ	Q. Kiến An	20° 49' 33"	106° 38' 28"					F-48-82-A-d
chợ Đầm Triều	KX	P. Quán Trữ	Q. Kiến An	20° 49' 33"	106° 39' 00"					F-48-82-A-d
đình Trữ Khê	KX	P. Quán Trữ	Q. Kiến An	20° 49' 26"	106° 39' 05"					F-48-82-A-d
đường Bắc Sơn - Nam Hải	KX	P. Quán Trữ	Q. Kiến An			20° 52' 18"	106° 34' 49"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-d
đường Cự Viên	KX	P. Quán Trữ	Q. Kiến An			20° 49' 24"	106° 38' 01"	20° 49' 05"	106° 38' 41"	F-48-82-A-d
đường Đồng Hoà	KX	P. Quán Trữ	Q. Kiến An			20° 49' 23"	106° 38' 50"	20° 49' 07"	106° 39' 50"	F-48-82-A-d
đường Trần Nhân Tông	KX	P. Quán Trữ	Q. Kiến An			20° 49' 23"	106° 38' 50"	20° 48' 15"	106° 37' 26"	F-48-82-A-d
phố Lê Duẩn	KX	P. Quán Trữ	Q. Kiến An			20° 49' 23"	106° 38' 50"	20° 49' 12"	106° 37' 37"	F-48-82-A-d
phố Trường Chinh	KX	P. Quán Trữ	Q. Kiến An			20° 50' 18"	106° 39' 42"	20° 49' 23"	106° 38' 50"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Quán Trữ	KX	P. Quán Trữ	Q. Kiến An	20° 49' 27"	106° 38' 47"					F-48-82-A-d
sông Lạch Tray	TV	P. Quán Trữ	Q. Kiến An			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
đền Tây Sơn	KX	P. Trần Thành Ngọ	Q. Kiến An	20° 48' 38"	106° 37' 39"					F-48-82-A-d
đường Tây Sơn	KX	P. Trần Thành Ngọ	Q. Kiến An			20° 48' 35"	106° 37' 26"	20° 48' 59"	106° 37' 30"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
Đường tỉnh 351	KX	P. Trần Thành Ngọ	Q. Kiến An			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 53' 25"	106° 36' 11"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 354	KX	P. Trần Thành Ngọ	Q. Kiến An			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 38' 40"	106° 32' 31"	F-48-82-A-c
đường Trần Nhân Tông	KX	P. Trần Thành Ngọ	Q. Kiến An			20° 49' 23"	106° 38' 50"	20° 48' 15"	106° 37' 26"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
phố Phan Đăng Lưu	KX	P. Trần Thành Ngọ	Q. Kiến An			20° 48' 54"	106° 37' 19"	20° 48' 15"	106° 37' 26"	F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
phố Trần Tất Văn	KX	P. Trần Thành Ngọ	Q. Kiến An			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 46' 55"	106° 36' 46"	F-48-82-A-c
phố Trần Thành Ngọ	KX	P. Trần Thành Ngọ	Q. Kiến An			20° 48' 55"	106° 37' 26"	20° 48' 15"	106° 37' 26"	F-48-82-A-c
siêu thị Điện Máy Xanh	KX	P. Trần Thành Ngọ	Q. Kiến An	20° 48' 38"	106° 37' 27"					F-48-82-A-c
Trường Thực hành Tiểu học Tổ dân phố Số 12	KX	P. Trần Thành Ngọ	Q. Kiến An	20° 48' 20"	106° 37' 23"					F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Trần Thành Ngọ	KX	P. Trần Thành Ngọ	Q. Kiến An	20° 48' 54"	106° 37' 32"					F-48-82-A-d
núi Thiên Văn	SV	P. Trần Thành Ngọ	Q. Kiến An	20° 48' 46"	106° 37' 51"					F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
tổ dân phố Minh Khai 3	DC	P. Trảng Minh	Q. Kiến An	20° 47' 42"	106° 37' 07"					F-48-82-A-c
tổ dân phố Thi đua 2	DC	P. Trảng Minh	Q. Kiến An	20° 47' 28"	106° 37' 14"					F-48-82-A-c
Bệnh viện Bệnh lao và bệnh phổi Hải Phòng	KX	P. Trảng Minh	Q. Kiến An	20° 47' 30"	106° 36' 54"					F-48-82-A-c
cầu Nguyệt Áng	KX	P. Trảng Minh	Q. Kiến An	20° 46' 54"	106° 36' 45"					F-48-82-A-c
đình Phù Lưu	KX	P. Trảng Minh	Q. Kiến An	20° 47' 17"	106° 37' 00"					F-48-82-A-c
đường Phù Lưu	KX	P. Trảng Minh	Q. Kiến An			20° 47' 27"	106° 37' 02"	20° 47' 05"	106° 37' 48"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
đường Quy Túc	KX	P. Trảng Minh	Q. Kiến An			20° 48' 04"	106° 37' 33"	20° 47' 21"	106° 37' 14"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 354	KX	P. Trảng Minh	Q. Kiến An			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 38' 40"	106° 32' 31"	F-48-82-A-c
phố Trần Tất Văn	KX	P. Trảng Minh	Q. Kiến An			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 46' 55"	106° 36' 46"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	KX	P. Trảng Minh	Q. Kiến An	20° 47' 23"	106° 37' 14"					F-48-82-A-c
từ đường họ Phạm Đức	KX	P. Trảng Minh	Q. Kiến An	20° 47' 17"	106° 37' 23"					F-48-82-A-c
núi Cột Cờ	SV	P. Trảng Minh	Q. Kiến An	20° 47' 44"	106° 36' 44"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	P. Trảng Minh	Q. Kiến An			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
tổ dân phố Đầu Sơn 4	DC	P. Văn Đầu	Q. Kiến An	20° 47' 26"	106° 39' 02"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Đầu Vũ 2	DC	P. Văn Đầu	Q. Kiến An	20° 48' 04"	106° 38' 03"					F-48-82-A-d
đình Đầu Sơn	KX	P. Văn Đầu	Q. Kiến An	20° 47' 24"	106° 38' 49"					F-48-82-A-d
đường Chiêu Chinh	KX	P. Văn Đầu	Q. Kiến An			20° 48' 36"	106° 38' 14"	20° 47' 34"	106° 38' 34"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Lương Bằng	KX	P. Văn Đầu	Q. Kiến An			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 47' 31"	106° 39' 11"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
Đường tỉnh 355	KX	P. Văn Đầu	Q. Kiến An			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 47' 58"	106° 42' 33"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
đường Trần Nhân Tông	KX	P. Văn Đầu	Q. Kiến An			20° 49' 23"	106° 38' 50"	20° 48' 15"	106° 37' 26"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
nghĩa trang Kiến An	KX	P. Văn Đầu	Q. Kiến An	20° 47' 28"	106° 38' 13"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Kim Đồng (Cơ sở 1)	KX	P. Văn Đầu	Q. Kiến An	20° 47' 24"	106° 38' 50"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Kim Đồng (Cơ sở 2)	KX	P. Văn Đầu	Q. Kiến An	20° 48' 00"	106° 38' 03"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Lê Hồng Phong (Cơ sở 1)	KX	P. Văn Đầu	Q. Kiến An	20° 48' 11"	106° 37' 32"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Lê Hồng Phong (Cơ sở 2)	KX	P. Văn Đầu	Q. Kiến An	20° 48' 04"	106° 37' 37"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Trần Phú	KX	P. Văn Đầu	Q. Kiến An	20° 48' 06"	106° 37' 36"					F-48-82-A-d
núi Thiên Văn	SV	P. Văn Đầu	Q. Kiến An	20° 48' 46"	106° 37' 51"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	P. Văn Đẩu	Q. Kiến An			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-d
Cơ sở Đảng (1929-1930)	KX	P. An Biên	Q. Lê Chân	20° 51' 18"	106° 40' 39"					F-48-82-A-d
Đền Nghè	KX	P. An Biên	Q. Lê Chân	20° 51' 20"	106° 40' 43"					F-48-82-A-d
đình An Biên	KX	P. An Biên	Q. Lê Chân	20° 51' 19"	106° 40' 35"					F-48-82-A-d
đường Cát Cụt	KX	P. An Biên	Q. Lê Chân			20° 51' 05"	106° 40' 31"	20° 51' 21"	106° 40' 27"	F-48-82-A-d
đường Mê Linh	KX	P. An Biên	Q. Lê Chân			20° 51' 24"	106° 40' 41"	20° 51' 07"	106° 40' 44"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Đức Cảnh	KX	P. An Biên	Q. Lê Chân			20° 51' 25"	106° 40' 47"	20° 51' 14"	106° 39' 54"	F-48-82-A-d
phố Hai Bà Trưng	KX	P. An Biên	Q. Lê Chân			20° 51' 08"	106° 40' 08"	20° 51' 17"	106° 40' 55"	F-48-82-A-d
Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên quận Lê Chân	KX	P. An Biên	Q. Lê Chân	20° 51' 16"	106° 40' 35"					F-48-82-A-d
Trung tâm Y tế dự phòng quận Lê Chân	KX	P. An Biên	Q. Lê Chân	20° 51' 21"	106° 40' 30"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Minh Khai	KX	P. An Biên	Q. Lê Chân	20° 51' 20"	106° 40' 44"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tố	KX	P. An Biên	Q. Lê Chân	20° 51' 11"	106° 40' 28"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Ngô Quyền	KX	P. An Biên	Q. Lê Chân	20° 51' 21"	106° 40' 36"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Ngô Quyền	KX	P. An Biên	Q. Lê Chân	20° 51' 22"	106° 40' 40"					F-48-82-A-d
Trường Trung học Văn Hoá nghệ thuật Hải Phòng	KX	P. An Biên	Q. Lê Chân	20° 51' 16"	106° 40' 49"					F-48-82-A-d
hồ Tam Bạc	TV	P. An Biên	Q. Lê Chân	20° 51' 21"	106° 40' 21"					F-48-82-A-d
chùa An Dương	KX	P. An Dương	Q. Lê Chân	20° 50' 56"	106° 39' 48"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Nguyễn Công Hoà	KX	P. An Dương	Q. Lê Chân			20° 50' 46"	106° 40' 08"	20° 50' 51"	106° 39' 30"	F-48-82-A-d
đường Tôn Đức Thắng	KX	P. An Dương	Q. Lê Chân			20° 51' 01"	106° 40' 10"	20° 50' 58"	106° 39' 32"	F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bá Ngọc	KX	P. An Dương	Q. Lê Chân	20° 50' 59"	106° 39' 54"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Trần Nguyên Hãn	KX	P. An Dương	Q. Lê Chân	20° 50' 50"	106° 39' 52"					F-48-82-A-d
Bệnh viện Hữu Nghị Việt - Tiệp	KX	P. Cát Dài	Q. Lê Chân	20° 51' 12"	106° 40' 11"					F-48-82-A-d
Cầu Quay	KX	P. Cát Dài	Q. Lê Chân	20° 51' 16"	106° 39' 52"					F-48-82-A-d
cầu Tam Bạc	KX	P. Cát Dài	Q. Lê Chân	20° 51' 17"	106° 39' 54"					F-48-82-A-d
Công ty cổ phần Thăm len Hàng Kênh	KX	P. Cát Dài	Q. Lê Chân	20° 51' 17"	106° 40' 14"					F-48-82-A-d
đường Nguyễn Đức Cảnh	KX	P. Cát Dài	Q. Lê Chân			20° 51' 25"	106° 40' 47"	20° 51' 14"	106° 39' 54"	F-48-82-A-d
đường Trần Nguyên Hãn	KX	P. Cát Dài	Q. Lê Chân			20° 50' 22"	106° 39' 47"	20° 51' 17"	106° 40' 06"	F-48-82-A-d
nhà 1A Bệnh viện Việt Tiệp	KX	P. Cát Dài	Q. Lê Chân	20° 50' 17"	106° 40' 14"					F-48-82-A-d
phố Hai Bà Trưng	KX	P. Cát Dài	Q. Lê Chân			20° 51' 08"	106° 40' 08"	20° 51' 17"	106° 40' 55"	F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Trần Phú	KX	P. Cát Dài	Q. Lê Chân	20° 51' 18"	106° 40' 24"					F-48-82-A-d
hồ Tam Bạc	TV	P. Cát Dài	Q. Lê Chân	20° 51' 21"	106° 40' 21"					F-48-82-A-d
sông Tam Bạc	TV	P. Cát Dài	Q. Lê Chân			20° 51' 40"	106° 38' 55"	20° 52' 02"	106° 40' 27"	F-48-82-A-d
đường Chợ Hàng	KX	P. Đông Hải	Q. Lê Chân			20° 50' 42"	106° 41' 03"	20° 50' 12"	106° 40' 37"	F-48-82-A-d
đường Đình Đông	KX	P. Đông Hải	Q. Lê Chân			20° 50' 40"	106° 41' 27"	20° 50' 42"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d
đường Hàng Kênh	KX	P. Đông Hải	Q. Lê Chân			20° 51' 10"	106° 40' 59"	20° 50' 42"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Văn Linh	KX	P. Đông Hải	Q. Lê Chân			20° 50' 30"	106° 41' 32"	20° 50' 43"	106° 39' 25"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
phố Lạch Tray	KX	P. Đông Hải	Q. Lê Chân			20° 51' 11"	106° 41' 03"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Tân Trào	KX	P. Đông Hải	Q. Lê Chân	20° 50' 44"	106° 41' 09"					F-48-82-A-d
chợ Cột Đèn	KX	P. Dư Hàng	Q. Lê Chân	20° 50' 57"	106° 40' 33"					F-48-82-A-d
chùa Hàng Kênh	KX	P. Dư Hàng	Q. Lê Chân	20° 50' 49"	106° 40' 45"					F-48-82-A-d
đường Chùa Hàng	KX	P. Dư Hàng	Q. Lê Chân			20° 51' 05"	106° 40' 31"	20° 50' 38"	106° 40' 24"	F-48-82-A-d
đường Dư Hàng	KX	P. Dư Hàng	Q. Lê Chân			20° 50' 52"	106° 40' 47"	20° 51' 02"	106° 40' 30"	F-48-82-A-d
đường Hồ Sen	KX	P. Dư Hàng	Q. Lê Chân			20° 51' 07"	106° 40' 44"	20° 50' 40"	106° 40' 46"	F-48-82-A-d
đường Miếu Hai Xã	KX	P. Dư Hàng	Q. Lê Chân			20° 50' 52"	106° 40' 44"	20° 50' 12"	106° 40' 37"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Dư Hàng	KX	P. Dư Hàng	Q. Lê Chân	20° 50' 47"	106° 40' 28"					F-48-82-A-d
Chợ Hàng	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 09"	106° 40' 33"					F-48-82-A-d
chùa Phổ Chiếu	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 36"	106° 40' 32"					F-48-82-A-d
Cơ sở Đảng CSVN 1936 - 1939	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 31"	106° 40' 52"					F-48-82-A-d
Công ty cổ phần May Đại Việt	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 26"	106° 41' 12"					F-48-82-A-d
đình Dư Hàng	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 43"	106° 40' 29"					F-48-82-A-d
đường Chợ Hàng	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân			20° 50' 42"	106° 41' 03"	20° 50' 12"	106° 40' 37"	F-48-82-A-d
đường Chùa Hàng	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân			20° 51' 05"	106° 40' 31"	20° 50' 38"	106° 40' 24"	F-48-82-A-d
đường Dân Lập	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân			20° 50' 27"	106° 41' 01"	20° 50' 19"	106° 41' 13"	F-48-82-A-d
đường Hoàng Minh Thảo	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân			20° 50' 07"	106° 40' 38"	20° 50' 46"	106° 40' 08"	F-48-82-A-d
đường Miếu Hai Xã	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân			20° 50' 52"	106° 40' 44"	20° 50' 12"	106° 40' 37"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Văn Linh	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân			20° 50' 30"	106° 41' 32"	20° 50' 43"	106° 39' 25"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Đại học Dân lập Hải Phòng	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 22"	106° 41' 09"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Dư Hàng Kênh	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 10"	106° 40' 54"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Dư Hàng Kênh	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 13"	106° 40' 36"					F-48-82-A-d
từ đường họ Dương	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 13"	106° 40' 40"					F-48-82-A-d
hồ Dư Hàng	TV	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 31"	106° 40' 28"					F-48-82-A-d
Công ty cổ phần Da giấy và Phát triển Hải Phòng	KX	P. Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 47"	106° 41' 02"					F-48-82-A-d
Đình Kênh	KX	P. Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 50"	106° 40' 56"					F-48-82-A-d
đường Hàng Kênh	KX	P. Hàng Kênh	Q. Lê Chân			20° 51' 10"	106° 40' 59"	20° 50' 42"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d
đường Hồ Sen	KX	P. Hàng Kênh	Q. Lê Chân			20° 51' 07"	106° 40' 44"	20° 50' 40"	106° 40' 46"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Công Trứ	KX	P. Hàng Kênh	Q. Lê Chân			20° 50' 55"	106° 41' 01"	20° 50' 49"	106° 40' 48"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Nguyễn Công Trứ	KX	P. Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 48"	106° 40' 53"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Hoàng Diệu	KX	P. Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 49"	106° 40' 58"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Trương Công Định	KX	P. Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 48"	106° 40' 51"					F-48-82-A-d
chùa Dư Hàng	KX	P. Hồ Nam	Q. Lê Chân	20° 50' 54"	106° 40' 27"					F-48-82-A-d
đường Cát Cụt	KX	P. Hồ Nam	Q. Lê Chân			20° 51' 05"	106° 40' 31"	20° 51' 21"	106° 40' 27"	F-48-82-A-d
đường Chùa Hàng	KX	P. Hồ Nam	Q. Lê Chân			20° 51' 05"	106° 40' 31"	20° 50' 38"	106° 40' 24"	F-48-82-A-d
phố Tô Hiệu	KX	P. Hồ Nam	Q. Lê Chân			20° 51' 01"	106° 40' 10"	20° 51' 11"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Tô Hiệu	KX	P. Hồ Nam	Q. Lê Chân	20° 51' 01"	106° 40' 18"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 5	DC	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân	20° 50' 02"	106° 41' 05"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 10	DC	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân	20° 50' 06"	106° 41' 31"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 11	DC	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân	20° 49' 52"	106° 41' 14"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 12	DC	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân	20° 50' 05"	106° 40' 35"					F-48-82-A-d
đình Hào Khê	KX	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân	20° 49' 57"	106° 41' 23"					F-48-82-A-d
đường Bắc Sơn - Nam Hải	KX	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân			20° 52' 18"	106° 34' 49"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Bình	KX	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân			20° 50' 27"	106° 41' 53"	20° 50' 14"	106° 41' 17"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Văn Linh	KX	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân			20° 50' 30"	106° 41' 32"	20° 50' 43"	106° 39' 25"	F-48-82-A-d
đường Thiên Lô	KX	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân			20° 50' 32"	106° 39' 55"	20° 49' 46"	106° 41' 52"	F-48-82-A-d
đường Võ Nguyên Giáp	KX	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân			20° 50' 08"	106° 40' 53"	20° 49' 05"	106° 41' 43"	F-48-82-A-d
phố Kênh Dương	KX	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân			20° 50' 19"	106° 41' 13"	20° 50' 05"	106° 41' 26"	F-48-82-A-d
phố Lạch Tray	KX	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân			20° 51' 11"	106° 41' 03"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-d
phố Nguyễn Tất Tố	KX	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân			20° 49' 56"	106° 41' 10"	20° 50' 07"	106° 41' 24"	F-48-82-A-d
phố Trại Lê	KX	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân			20° 50' 09"	106° 40' 57"	20° 49' 49"	106° 41' 16"	F-48-82-A-d
Trường Cao đẳng Nghề Thủy sản Miền Bắc	KX	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân	20° 49' 47"	106° 41' 29"					F-48-82-A-d
Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam	KX	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân	20° 50' 17"	106° 41' 36"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Dân lập Hàng Hải	KX	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân	20° 50' 14"	106° 41' 37"					F-48-82-A-d
Viện Y học biển Việt Nam	KX	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân	20° 49' 53"	106° 40' 59"					F-48-82-A-d
Bệnh viện Đa khoa Lê Chân	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân	20° 50' 59"	106° 39' 44"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Bệnh viện Mắt Hải Phòng	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân	20° 50' 49"	106° 39' 33"					F-48-82-A-d
cầu An Dương	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân	20° 50' 58"	106° 39' 32"					F-48-82-A-d
cầu An Đồng	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân	20° 50' 44"	106° 39' 23"					F-48-82-A-d
Cầu Quay	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân	20° 51' 16"	106° 39' 52"					F-48-82-A-d
đường Lam Sơn	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân			20° 50' 56"	106° 39' 45"	20° 51' 12"	106° 39' 46"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Công Hoà	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân			20° 50' 46"	106° 40' 08"	20° 50' 51"	106° 39' 30"	F-48-82-A-d
đường Nguyên Hồng	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân			20° 51' 00"	106° 39' 35"	20° 50' 56"	106° 39' 42"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Văn Linh	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân			20° 50' 30"	106° 41' 32"	20° 50' 43"	106° 39' 25"	F-48-82-A-d
đường Tôn Đức Thắng	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân			20° 51' 01"	106° 40' 10"	20° 50' 58"	106° 39' 32"	F-48-82-A-d
phố Đinh Nhu	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân			20° 50' 48"	106° 39' 27"	20° 50' 41"	106° 39' 41"	F-48-82-A-d
phố Lán Bè	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân			20° 51' 14"	106° 39' 54"	20° 50' 43"	106° 39' 25"	F-48-82-A-d
Trường Mầm non 1 - 6	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân	20° 51' 09"	106° 39' 49"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Nguyễn Đức Cảnh	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân	20° 51' 05"	106° 39' 51"					F-48-82-A-d
Trường Trung cấp Nghề Giao thông vận tải đường Thủy	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân	20° 50' 44"	106° 39' 31"					F-48-82-A-d
kênh đào Thượng Lý	TV	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân			20° 51' 13"	106° 39' 42"	20° 50' 42"	106° 39' 22"	F-48-82-A-d
sông Lạch Tray	TV	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
sông Tam Bạc	TV	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân			20° 51' 40"	106° 38' 55"	20° 52' 02"	106° 40' 27"	F-48-82-A-d
Cầu Niệm	KX	P. Nghĩa Xá	Q. Lê Chân	20° 50' 20"	106° 39' 44"					F-48-82-A-d
chợ Đôn Niệm	KX	P. Nghĩa Xá	Q. Lê Chân	20° 50' 28"	106° 40' 03"					F-48-82-A-d
đường Hoàng Minh Thảo	KX	P. Nghĩa Xá	Q. Lê Chân			20° 50' 07"	106° 40' 38"	20° 50' 46"	106° 40' 08"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Nguyễn Văn Linh	KX	P. Nghĩa Xá	Q. Lê Chân			20° 50' 30"	106° 41' 32"	20° 50' 43"	106° 39' 25"	F-48-82-A-d
đường Thiên Lôi	KX	P. Nghĩa Xá	Q. Lê Chân			20° 50' 32"	106° 39' 55"	20° 49' 46"	106° 41' 52"	F-48-82-A-d
đường Trần Nguyên Hãn	KX	P. Nghĩa Xá	Q. Lê Chân			20° 50' 22"	106° 39' 47"	20° 51' 17"	106° 40' 06"	F-48-82-A-d
phố Phạm Tử Nghi	KX	P. Nghĩa Xá	Q. Lê Chân			20° 50' 26"	106° 40' 02"	20° 50' 14"	106° 40' 02"	F-48-82-A-d
phố Vũ Chí Thắng	KX	P. Nghĩa Xá	Q. Lê Chân			20° 50' 24"	106° 40' 22"	20° 50' 46"	106° 40' 07"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Trung Vương	KX	P. Nghĩa Xá	Q. Lê Chân	20° 50' 42"	106° 40' 12"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Lê Chân	KX	P. Nghĩa Xá	Q. Lê Chân	20° 50' 35"	106° 40' 16"					F-48-82-A-d
từ Chính Nghĩa Xá	KX	P. Nghĩa Xá	Q. Lê Chân	20° 50' 28"	106° 39' 57"					F-48-82-A-d
sông Lạch Tray	TV	P. Nghĩa Xá	Q. Lê Chân			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
Bệnh viện Phụ sản Quốc tế	KX	P. Niệm Nghĩa	Q. Lê Chân	20° 50' 35"	106° 39' 38"					F-48-82-A-d
Cầu Niệm	KX	P. Niệm Nghĩa	Q. Lê Chân	20° 50' 20"	106° 39' 44"					F-48-82-A-d
đường Nguyễn Công Hoà	KX	P. Niệm Nghĩa	Q. Lê Chân			20° 50' 46"	106° 40' 08"	20° 50' 51"	106° 39' 30"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Văn Linh	KX	P. Niệm Nghĩa	Q. Lê Chân			20° 50' 30"	106° 41' 32"	20° 50' 43"	106° 39' 25"	F-48-82-A-d
đường Trần Nguyên Hãn	KX	P. Niệm Nghĩa	Q. Lê Chân			20° 50' 22"	106° 39' 47"	20° 51' 17"	106° 40' 06"	F-48-82-A-d
miếu An Dương	KX	P. Niệm Nghĩa	Q. Lê Chân	20° 50' 40"	106° 40' 00"					F-48-82-A-d
phố Đinh Nhu	KX	P. Niệm Nghĩa	Q. Lê Chân			20° 50' 48"	106° 39' 27"	20° 50' 41"	106° 39' 41"	F-48-82-A-d
phố Phạm Hữu Điều	KX	P. Niệm Nghĩa	Q. Lê Chân			20° 50' 35"	106° 39' 58"	20° 50' 42"	106° 39' 46"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	KX	P. Niệm Nghĩa	Q. Lê Chân	20° 50' 42"	106° 39' 58"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Võ Thị Sáu	KX	P. Niệm Nghĩa	Q. Lê Chân	20° 50' 41"	106° 39' 58"					F-48-82-A-d
sông Lạch Tray	TV	P. Niệm Nghĩa	Q. Lê Chân			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Bệnh viện Đa khoa Lê Chân	KX	P. Trại Cau	Q. Lê Chân	20° 51' 07"	106° 40' 43"					F-48-82-A-d
Chợ Con	KX	P. Trại Cau	Q. Lê Chân	20° 51' 05"	106° 40' 57"					F-48-82-A-d
đường Chợ Con	KX	P. Trại Cau	Q. Lê Chân			20° 51' 04"	106° 41' 00"	20° 51' 03"	106° 40' 45"	F-48-82-A-d
đường Chùa Hàng	KX	P. Trại Cau	Q. Lê Chân			20° 51' 05"	106° 40' 31"	20° 50' 38"	106° 40' 24"	F-48-82-A-d
đường Hàng Kênh	KX	P. Trại Cau	Q. Lê Chân			20° 51' 10"	106° 40' 59"	20° 50' 42"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d
đường Hồ Sen	KX	P. Trại Cau	Q. Lê Chân			20° 51' 07"	106° 40' 44"	20° 50' 40"	106° 40' 46"	F-48-82-A-d
đường Mê Linh	KX	P. Trại Cau	Q. Lê Chân			20° 51' 24"	106° 40' 41"	20° 51' 07"	106° 40' 44"	F-48-82-A-d
phố Tô Hiệu	KX	P. Trại Cau	Q. Lê Chân			20° 51' 01"	106° 40' 10"	20° 51' 11"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Lê Văn Tám	KX	P. Trại Cau	Q. Lê Chân	20° 51' 06"	106° 40' 51"					F-48-82-A-d
chợ An Dương	KX	P. Trần Nguyên Hãn	Q. Lê Chân	20° 51' 03"	106° 40' 06"					F-48-82-A-d
đường Hoàng Minh Thảo	KX	P. Trần Nguyên Hãn	Q. Lê Chân			20° 50' 07"	106° 40' 38"	20° 50' 46"	106° 40' 08"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Công Hoà	KX	P. Trần Nguyên Hãn	Q. Lê Chân			20° 50' 46"	106° 40' 08"	20° 50' 51"	106° 39' 30"	F-48-82-A-d
đường Tôn Đức Thắng	KX	P. Trần Nguyên Hãn	Q. Lê Chân			20° 51' 01"	106° 40' 10"	20° 50' 58"	106° 39' 32"	F-48-82-A-d
đường Trần Nguyên Hãn	KX	P. Trần Nguyên Hãn	Q. Lê Chân			20° 50' 22"	106° 39' 47"	20° 51' 17"	106° 40' 06"	F-48-82-A-d
phố Tô Hiệu	KX	P. Trần Nguyên Hãn	Q. Lê Chân			20° 51' 01"	106° 40' 10"	20° 51' 11"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d
Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng	KX	P. Trần Nguyên Hãn	Q. Lê Chân	20° 50' 51"	106° 40' 13"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo	KX	P. Trần Nguyên Hãn	Q. Lê Chân	20° 51' 03"	106° 40' 15"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 24	DC	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân	20° 49' 35"	106° 40' 35"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 25	DC	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân	20° 49' 32"	106° 40' 32"					F-48-82-A-d
chùa Hải Ninh	KX	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân	20° 49' 56"	106° 40' 25"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Linh Quang	KX	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân	20° 50' 20"	106° 40' 00"					F-48-82-A-d
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm	KX	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân	20° 49' 50"	106° 40' 16"					F-48-82-A-d
đình Niệm Nghĩa	KX	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân	20° 49' 59"	106° 40' 17"					F-48-82-A-d
đường Bắc Sơn - Nam Hải	KX	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân			20° 52' 18"	106° 34' 49"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Văn Linh	KX	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân			20° 50' 30"	106° 41' 32"	20° 50' 43"	106° 39' 25"	F-48-82-A-d
đường Thiên Lôi	KX	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân			20° 50' 32"	106° 39' 55"	20° 49' 46"	106° 41' 52"	F-48-82-A-d
đường Võ Nguyên Giáp	KX	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân			20° 50' 08"	106° 40' 53"	20° 49' 05"	106° 41' 43"	F-48-82-A-d
lăng Đôn Nghĩa	KX	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân	20° 50' 17"	106° 39' 59"					F-48-82-A-d
phố Nguyễn Sơn Hà	KX	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân			20° 50' 05"	106° 40' 15"	20° 49' 41"	106° 40' 15"	F-48-82-A-d
phố Phạm Tử Nghi	KX	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân			20° 50' 26"	106° 40' 02"	20° 50' 14"	106° 40' 02"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Vĩnh Niệm	KX	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân	20° 49' 58"	106° 40' 33"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Vĩnh Niệm	KX	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân	20° 49' 43"	106° 40' 39"					F-48-82-A-d
sông Lạch Tray	TV	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
Chợ Ga	KX	P. Cầu Đất	Q. Ngô Quyền	20° 51' 23"	106° 40' 58"					F-48-82-A-d
đường Lương Khánh Thiện	KX	P. Cầu Đất	Q. Ngô Quyền			20° 51' 17"	106° 40' 55"	20° 51' 45"	106° 41' 25"	F-48-82-A-d
đường Trần Phú	KX	P. Cầu Đất	Q. Ngô Quyền			20° 51' 25"	106° 40' 47"	20° 52' 00"	106° 41' 14"	F-48-82-A-d
phố Cầu Đất	KX	P. Cầu Đất	Q. Ngô Quyền			20° 51' 25"	106° 40' 47"	20° 51' 11"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d
phố Hai Bà Trưng	KX	P. Cầu Đất	Q. Ngô Quyền			20° 51' 08"	106° 40' 08"	20° 51' 17"	106° 40' 55"	F-48-82-A-d
phố Lê Lợi	KX	P. Cầu Đất	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 41' 38"	20° 51' 11"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d
phố Tô Hiệu	KX	P. Cầu Đất	Q. Ngô Quyền			20° 51' 01"	106° 40' 10"	20° 51' 11"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Nguyễn Khuyến	KX	P. Cầu Đất	Q. Ngô Quyền	20° 51' 20"	106° 41' 01"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Đà Nẵng	KX	P. Cầu Tre	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 41' 25"	20° 51' 43"	106° 43' 14"	F-48-82-A-d
đường Lê Thánh Tông	KX	P. Cầu Tre	Q. Ngô Quyền			20° 52' 00"	106° 41' 14"	20° 51' 43"	106° 43' 14"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Thái Phiên	KX	P. Cầu Tre	Q. Ngô Quyền	20° 51' 38"	106° 42' 01"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	KX	P. Cầu Tre	Q. Ngô Quyền	20° 51' 50"	106° 42' 13"					F-48-82-A-d
Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật và Công nghệ Hải Phòng	KX	P. Cầu Tre	Q. Ngô Quyền	20° 51' 39"	106° 42' 15"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Thái Phiên	KX	P. Cầu Tre	Q. Ngô Quyền	20° 51' 42"	106° 42' 15"					F-48-82-A-d
tổ dân phố An Đà Ngoại 2	DC	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 51"	106° 41' 45"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Tổ 4 - Nam Pháp 2	DC	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 02"	106° 41' 52"					F-48-82-A-d
Bệnh viện Công An	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 32"	106° 42' 04"					F-48-82-A-d
Bệnh viện Văn Cao	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 08"	106° 42' 00"					F-48-82-A-d
Cầu Rào	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 49' 44"	106° 41' 51"					F-48-82-A-d
Cây đa 13 gốc	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 26"	106° 42' 11"					F-48-82-A-d
chợ Cầu Rào	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 49' 57"	106° 41' 49"					F-48-82-A-d
chùa An Đà	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 51' 12"	106° 41' 29"					F-48-82-A-d
chùa Phụng Pháp (chùa Bảo Quang)	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 24"	106° 42' 01"					F-48-82-A-d
đỉnh Nam Pháp	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 49' 58"	106° 41' 50"					F-48-82-A-d
đỉnh Phụng Pháp	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 23"	106° 42' 01"					F-48-82-A-d
đường An Đà	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền			20° 50' 40"	106° 41' 27"	20° 50' 40"	106° 42' 19"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Bắc Sơn - Nam Hải	KX	P. Đăng Giang	Q. Ngô Quyền			20° 52' 18"	106° 34' 49"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-d
đường Đông Khê	KX	P. Đăng Giang	Q. Ngô Quyền			20° 51' 20"	106° 41' 31"	20° 50' 49"	106° 42' 04"	F-48-82-A-d
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Đăng Giang	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 41' 38"	20° 49' 30"	106° 43' 31"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Bình	KX	P. Đăng Giang	Q. Ngô Quyền			20° 50' 27"	106° 41' 53"	20° 50' 14"	106° 41' 17"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Bình Khiêm	KX	P. Đăng Giang	Q. Ngô Quyền			20° 50' 30"	106° 41' 32"	20° 51' 24"	106° 43' 41"	F-48-82-A-d
đường Thiên Lôi	KX	P. Đăng Giang	Q. Ngô Quyền			20° 50' 32"	106° 39' 55"	20° 49' 46"	106° 41' 52"	F-48-82-A-d
miếu An Đà	KX	P. Đăng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 57"	106° 41' 40"					F-48-82-A-d
phố Lạch Tray	KX	P. Đăng Giang	Q. Ngô Quyền			20° 51' 11"	106° 41' 03"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-d
phố Văn Cao	KX	P. Đăng Giang	Q. Ngô Quyền			20° 50' 33"	106° 41' 51"	20° 49' 52"	106° 42' 05"	F-48-82-A-d
siêu thị Big C	KX	P. Đăng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 46"	106° 42' 20"					F-48-82-A-d
siêu thị PICO	KX	P. Đăng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 08"	106° 41' 45"					F-48-82-A-d
Trung tâm thương mại Thủy Dương Plaza	KX	P. Đăng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 50"	106° 42' 17"					F-48-82-A-d
Trường Đại học Hàng hải Việt Nam	KX	P. Đăng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 49' 57"	106° 41' 43"					F-48-82-A-d
Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	KX	P. Đăng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 40"	106° 41' 45"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Đăng Giang	KX	P. Đăng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 47"	106° 41' 50"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở An Đà	KX	P. Đăng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 51"	106° 41' 57"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Tư thực Marie Curie	KX	P. Đăng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 17"	106° 41' 45"					F-48-82-A-d
hồ An Biên	TV	P. Đăng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 51' 04"	106° 41' 30"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Lạch Tray	TV	P. Đăng Giang	Q. Ngô Quyền			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 6	DC	P. Đông Khê	Q. Ngô Quyền	20° 51' 21"	106° 41' 50"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 30	DC	P. Đông Khê	Q. Ngô Quyền	20° 51' 15"	106° 42' 11"					F-48-82-A-d
Bệnh viện Tâm thần Hải Phòng	KX	P. Đông Khê	Q. Ngô Quyền	20° 51' 05"	106° 41' 56"					F-48-82-A-d
chợ Đông Khê	KX	P. Đông Khê	Q. Ngô Quyền	20° 50' 57"	106° 41' 53"					F-48-82-A-d
chùa Đông Khê	KX	P. Đông Khê	Q. Ngô Quyền	20° 51' 13"	106° 41' 34"					F-48-82-A-d
Công ty cổ phần Hapaco	KX	P. Đông Khê	Q. Ngô Quyền	20° 51' 28"	106° 41' 54"					F-48-82-A-d
đình Đông Khê	KX	P. Đông Khê	Q. Ngô Quyền	20° 51' 03"	106° 41' 46"					F-48-82-A-d
đường An Đà	KX	P. Đông Khê	Q. Ngô Quyền			20° 50' 40"	106° 41' 27"	20° 50' 40"	106° 42' 19"	F-48-82-A-d
đường Đông Khê	KX	P. Đông Khê	Q. Ngô Quyền			20° 51' 20"	106° 41' 31"	20° 50' 49"	106° 42' 04"	F-48-82-A-d
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Đông Khê	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 41' 38"	20° 49' 30"	106° 43' 31"	F-48-82-A-d
siêu thị Điện máy Media Mart	KX	P. Đông Khê	Q. Ngô Quyền	20° 51' 27"	106° 41' 49"					F-48-82-A-d
siêu thị Điện Ngủ Phúc	KX	P. Đông Khê	Q. Ngô Quyền	20° 51' 25"	106° 41' 56"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	KX	P. Đông Khê	Q. Ngô Quyền	20° 51' 06"	106° 41' 59"					F-48-82-A-d
Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	KX	P. Đồng Quốc Bình	Q. Ngô Quyền	20° 50' 18"	106° 41' 41"					F-48-82-A-d
chợ Đồng Quốc Bình	KX	P. Đồng Quốc Bình	Q. Ngô Quyền	20° 50' 21"	106° 41' 41"					F-48-82-A-d
Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam	KX	P. Đồng Quốc Bình	Q. Ngô Quyền	20° 50' 14"	106° 41' 42"					F-48-82-A-d
đường Nguyễn Bình	KX	P. Đồng Quốc Bình	Q. Ngô Quyền			20° 50' 27"	106° 41' 53"	20° 50' 14"	106° 41' 17"	F-48-82-A-d
phố Lạch Tray	KX	P. Đồng Quốc Bình	Q. Ngô Quyền			20° 51' 11"	106° 41' 03"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Chính trị Tô Hiệu	KX	P. Đồng Quốc Bình	Q. Ngô Quyền	20° 50' 23"	106° 41' 33"					F-48-82-A-d
Trường Đại học Hải Phòng	KX	P. Đồng Quốc Bình	Q. Ngô Quyền	20° 50' 22"	106° 41' 27"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	KX	P. Đồng Quốc Bình	Q. Ngô Quyền	20° 50' 19"	106° 41' 43"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Lê Hồng Phong	KX	P. Đồng Quốc Bình	Q. Ngô Quyền	20° 50' 19"	106° 41' 45"					F-48-82-A-d
chùa Linh Quang	KX	P. Gia Viên	Q. Ngô Quyền	20° 51' 22"	106° 41' 27"					F-48-82-A-d
chùa Vân Quang	KX	P. Gia Viên	Q. Ngô Quyền	20° 51' 25"	106° 41' 23"					F-48-82-A-d
đình Gia Viên	KX	P. Gia Viên	Q. Ngô Quyền	20° 51' 24"	106° 41' 28"					F-48-82-A-d
nhà Số 168 phố Lê Lợi	KX	P. Gia Viên	Q. Ngô Quyền	20° 51' 29"	106° 41' 21"					F-48-82-A-d
nhà Số 174 góc 2 phố Lê Lợi	KX	P. Gia Viên	Q. Ngô Quyền	20° 51' 28"	106° 41' 20"					F-48-82-A-d
nhà thờ An Hải	KX	P. Gia Viên	Q. Ngô Quyền	20° 51' 30"	106° 41' 26"					F-48-82-A-d
Phố Cẩm	KX	P. Gia Viên	Q. Ngô Quyền			20° 51' 30"	106° 41' 22"	20° 51' 20"	106° 41' 31"	F-48-82-A-d
phố Lê Lợi	KX	P. Gia Viên	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 41' 38"	20° 51' 11"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Kim Đồng	KX	P. Gia Viên	Q. Ngô Quyền	20° 51' 30"	106° 41' 18"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Lý Tự Trọng	KX	P. Gia Viên	Q. Ngô Quyền	20° 51' 29"	106° 41' 41"					F-48-82-A-d
chợ Đà Nẵng	KX	P. Lạc Viên	Q. Ngô Quyền	20° 51' 43"	106° 41' 52"					F-48-82-A-d
chùa Lạc Viên	KX	P. Lạc Viên	Q. Ngô Quyền	20° 51' 49"	106° 41' 46"					F-48-82-A-d
Công ty trách nhiệm hữu hạn Công nghiệp Hoá chất Inchemco	KX	P. Lạc Viên	Q. Ngô Quyền	20° 51' 44"	106° 41' 44"					F-48-82-A-d
đình Lạc Viên	KX	P. Lạc Viên	Q. Ngô Quyền	20° 51' 47"	106° 41' 53"					F-48-82-A-d
đường Đà Nẵng	KX	P. Lạc Viên	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 41' 25"	20° 51' 43"	106° 43' 14"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Lạc Viên	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 41' 38"	20° 49' 30"	106° 43' 31"	F-48-82-A-d
đường Lê Lai	KX	P. Lạc Viên	Q. Ngô Quyền			20° 52' 27"	106° 42' 02"	20° 51' 45"	106° 41' 38"	F-48-82-A-d
đường Máy Tơ	KX	P. Lạc Viên	Q. Ngô Quyền			20° 51' 57"	106° 41' 28"	20° 51' 52"	106° 41' 45"	F-48-82-A-d
Trung tâm thương mại Cát Bi Plaza	KX	P. Lạc Viên	Q. Ngô Quyền	20° 51' 42"	106° 41' 43"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Đà Nẵng	KX	P. Lạc Viên	Q. Ngô Quyền	20° 51' 38"	106° 41' 59"					F-48-82-A-d
chợ Đoàn Kết	KX	P. Lạch Tray	Q. Ngô Quyền	20° 50' 41"	106° 41' 30"					F-48-82-A-d
đường An Đà	KX	P. Lạch Tray	Q. Ngô Quyền			20° 50' 40"	106° 41' 27"	20° 50' 40"	106° 42' 19"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Bình Khiêm	KX	P. Lạch Tray	Q. Ngô Quyền			20° 50' 30"	106° 41' 32"	20° 51' 24"	106° 43' 41"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Văn Linh	KX	P. Lạch Tray	Q. Ngô Quyền			20° 50' 30"	106° 41' 32"	20° 50' 43"	106° 39' 25"	F-48-82-A-d
khách sạn Nam Cường	KX	P. Lạch Tray	Q. Ngô Quyền	20° 51' 01"	106° 41' 17"					F-48-82-A-d
nhà tưởng niệm Cụ Nguyễn Sơn Hà	KX	P. Lạch Tray	Q. Ngô Quyền	20° 51' 00"	106° 41' 18"					F-48-82-A-d
phố Chu Văn An	KX	P. Lạch Tray	Q. Ngô Quyền			20° 51' 09"	106° 41' 23"	20° 51' 19"	106° 41' 10"	F-48-82-A-d
phố Lạch Tray	KX	P. Lạch Tray	Q. Ngô Quyền			20° 51' 11"	106° 41' 03"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-d
phố Lê Lợi	KX	P. Lạch Tray	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 41' 38"	20° 51' 11"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d
phố Tô Hiệu	KX	P. Lạch Tray	Q. Ngô Quyền			20° 51' 01"	106° 40' 10"	20° 51' 11"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d
sân vận động Lạch Tray	KX	P. Lạch Tray	Q. Ngô Quyền	20° 51' 10"	106° 41' 13"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Nguyễn Đình Chiểu	KX	P. Lạch Tray	Q. Ngô Quyền	20° 51' 06"	106° 41' 08"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Dân lập Thăng Long	KX	P. Lạch Tray	Q. Ngô Quyền	20° 50' 35"	106° 41' 37"					F-48-82-A-d
chùa Phổ Minh	KX	P. Lê Lợi	Q. Ngô Quyền	20° 51' 19"	106° 41' 14"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
phố Chu Văn An	KX	P. Lê Lợi	Q. Ngô Quyền			20° 51' 09"	106° 41' 23"	20° 51' 19"	106° 41' 10"	F-48-82-A-d
phố Lê Lợi	KX	P. Lê Lợi	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 41' 38"	20° 51' 11"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Chu Văn An	KX	P. Lê Lợi	Q. Ngô Quyền	20° 51' 12"	106° 41' 16"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Chu Văn An	KX	P. Lê Lợi	Q. Ngô Quyền	20° 51' 11"	106° 41' 18"					F-48-82-A-d
hồ An Biên	TV	P. Lê Lợi	Q. Ngô Quyền	20° 51' 04"	106° 41' 30"					F-48-82-A-d
toà nhà Ánh Dương	DC	P. Lương Khánh Thiện	Q. Ngô Quyền	20° 51' 31"	106° 41' 02"					F-48-82-A-d
đường Lương Khánh Thiện	KX	P. Lương Khánh Thiện	Q. Ngô Quyền			20° 51' 17"	106° 40' 55"	20° 51' 45"	106° 41' 25"	F-48-82-A-d
đường Trần Phú	KX	P. Lương Khánh Thiện	Q. Ngô Quyền			20° 51' 25"	106° 40' 47"	20° 52' 00"	106° 41' 14"	F-48-82-A-d
ga Hải Phòng	KX	P. Lương Khánh Thiện	Q. Ngô Quyền	20° 51' 25"	106° 41' 11"					F-48-82-A-d
toà nhà Khách Sạn 5 Sao	KX	P. Lương Khánh Thiện	Q. Ngô Quyền	20° 51' 38"	106° 41' 12"					F-48-82-A-d
Cảng Máy Chai	KX	P. Máy Chai	Q. Ngô Quyền	20° 52' 27"	106° 42' 13"					F-48-82-A-d
chợ Máy Chai	KX	P. Máy Chai	Q. Ngô Quyền	20° 52' 27"	106° 42' 05"					F-48-82-A-d
Chùa Đò	KX	P. Máy Chai	Q. Ngô Quyền	20° 52' 19"	106° 42' 03"					F-48-82-A-d
Công ty cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng	KX	P. Máy Chai	Q. Ngô Quyền	20° 52' 20"	106° 42' 40"					F-48-82-A-d
Công ty cổ phần Công nghiệp tàu thủy Ngô Quyền	KX	P. Máy Chai	Q. Ngô Quyền	20° 42' 04"	106° 42' 43"					F-48-82-A-d
đường Lê Lai	KX	P. Máy Chai	Q. Ngô Quyền			20° 52' 27"	106° 42' 02"	20° 51' 45"	106° 41' 38"	F-48-82-A-d
đường Lê Thánh Tông	KX	P. Máy Chai	Q. Ngô Quyền			20° 52' 00"	106° 41' 14"	20° 51' 43"	106° 43' 14"	F-48-82-A-d
đường Ngô Quyền	KX	P. Máy Chai	Q. Ngô Quyền			20° 52' 27"	106° 42' 02"	20° 51' 56"	106° 42' 54"	F-48-82-A-d
đường Vạn Mỹ	KX	P. Máy Chai	Q. Ngô Quyền			20° 52' 03"	106° 42' 41"	20° 51' 44"	106° 42' 37"	F-48-82-A-d
phà Máy Chai	KX	P. Máy Chai	Q. Ngô Quyền	20° 52' 43"	106° 42' 13"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Công nhân kỹ thuật Hạ Long	KX	P. Máy Chai	Q. Ngô Quyền	20° 52' 19"	106° 41' 57"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Nguyễn Du	KX	P. Máy Chai	Q. Ngô Quyền	20° 52' 17"	106° 42' 02"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Lạc Viên	KX	P. Máy Chai	Q. Ngô Quyền	20° 51' 58"	106° 41' 54"					F-48-82-A-d
Sông Cẩm	TV	P. Máy Chai	Q. Ngô Quyền			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-b, F-48-82-A-d
Bệnh viện Đa khoa Ngô Quyền	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền	20° 51' 40"	106° 41' 36"					F-48-82-A-d
cảng Hải Phòng	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền	20° 52' 07"	106° 41' 25"					F-48-82-A-d
đền Tiên Nga	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền	20° 51' 35"	106° 41' 29"					F-48-82-A-d
đường Đà Nẵng	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 41' 25"	20° 51' 43"	106° 43' 14"	F-48-82-A-d
đường Điện Biên Phủ	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 40' 39"	20° 51' 45"	106° 41' 25"	F-48-82-A-d
đường Hoàng Diệu	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền			20° 51' 55"	106° 40' 54"	20° 52' 00"	106° 41' 14"	F-48-82-A-d
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 41' 38"	20° 49' 30"	106° 43' 31"	F-48-82-A-d
đường Lê Lai	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền			20° 52' 27"	106° 42' 02"	20° 51' 45"	106° 41' 38"	F-48-82-A-d
đường Lê Thánh Tông	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền			20° 52' 00"	106° 41' 14"	20° 51' 43"	106° 43' 14"	F-48-82-A-d
đường Lương Khánh Thiện	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền			20° 51' 17"	106° 40' 55"	20° 51' 45"	106° 41' 25"	F-48-82-A-d
đường Máy Tơ	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền			20° 51' 57"	106° 41' 28"	20° 51' 52"	106° 41' 45"	F-48-82-A-d
đường Trần Phú	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền			20° 51' 25"	106° 40' 47"	20° 52' 00"	106° 41' 14"	F-48-82-A-d
phố Lê Lợi	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 41' 38"	20° 51' 11"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d
phố Nguyễn Trãi	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền			20° 52' 05"	106° 41' 34"	20° 51' 45"	106° 41' 38"	F-48-82-A-d
phố Trần Khánh Dư	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 41' 25"	20° 52' 03"	106° 41' 25"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
siêu thị DAFUCO	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền	20° 52' 01"	106° 41' 24"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Nguyễn Thượng Hiền	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền	20° 51' 55"	106° 41' 41"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Anhtanh	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền	20° 52' 03"	106° 41' 38"					F-48-82-A-d
Sông Cấm	TV	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-d
chùa Vĩnh Khánh	KX	P. Vạn Mỹ	Q. Ngô Quyền	20° 51' 24"	106° 42' 32"					F-48-82-A-d
đường Đà Nẵng	KX	P. Vạn Mỹ	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 41' 25"	20° 51' 43"	106° 43' 14"	F-48-82-A-d
đường Lê Thánh Tông	KX	P. Vạn Mỹ	Q. Ngô Quyền			20° 52' 00"	106° 41' 14"	20° 51' 43"	106° 43' 14"	F-48-82-A-d
đường Ngô Quyền	KX	P. Vạn Mỹ	Q. Ngô Quyền			20° 52' 27"	106° 42' 02"	20° 51' 56"	106° 42' 54"	F-48-82-A-d
đường Phú Thượng Đoạn	KX	P. Vạn Mỹ	Q. Ngô Quyền			20° 51' 44"	106° 42' 47"	20° 51' 00"	106° 43' 05"	F-48-82-A-d
đường Phương Lưu	KX	P. Vạn Mỹ	Q. Ngô Quyền			20° 51' 27"	106° 42' 35"	20° 50' 53"	106° 42' 54"	F-48-82-A-d
đường Vạn Mỹ	KX	P. Vạn Mỹ	Q. Ngô Quyền			20° 52' 03"	106° 42' 41"	20° 51' 44"	106° 42' 37"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Quang Trung	KX	P. Vạn Mỹ	Q. Ngô Quyền	20° 51' 34"	106° 42' 23"					F-48-82-A-d
Trường Trung cấp Nghề Thủy sản Hải Phòng	KX	P. Vạn Mỹ	Q. Ngô Quyền	20° 51' 49"	106° 42' 28"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Quang Trung	KX	P. Vạn Mỹ	Q. Ngô Quyền	20° 51' 34"	106° 42' 25"					F-48-82-A-d
Sông Cấm	TV	P. Vạn Mỹ	Q. Ngô Quyền			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-d
Tổ dân phố 1	DC	TT. An Dương	H. An Dương	20° 52' 03"	106° 36' 47"					F-48-82-A-c
Tổ dân phố 2	DC	TT. An Dương	H. An Dương	20° 52' 10"	106° 36' 36"					F-48-82-A-c
Tổ dân phố 3	DC	TT. An Dương	H. An Dương	20° 51' 56"	106° 36' 10"					F-48-82-A-c
Tổ dân phố 4	DC	TT. An Dương	H. An Dương	20° 51' 42"	106° 36' 41"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Tổ dân phố 5	DC	TT. An Dương	H. An Dương	20° 51' 49"	106° 36' 51"					F-48-82-A-c
Tổ dân phố 6	DC	TT. An Dương	H. An Dương	20° 51' 59"	106° 36' 56"					F-48-82-A-c
Tổ dân phố 7	DC	TT. An Dương	H. An Dương	20° 51' 47"	106° 36' 34"					F-48-82-A-c
Tổ dân phố 8	DC	TT. An Dương	H. An Dương	20° 51' 47"	106° 36' 06"					F-48-82-A-c
Bệnh viện Đa khoa An Dương	KX	TT. An Dương	H. An Dương	20° 51' 55"	106° 36' 17"					F-48-82-A-c
Chợ Rế	KX	TT. An Dương	H. An Dương	20° 52' 03"	106° 36' 49"					F-48-82-A-c
đình Đồng Giới	KX	TT. An Dương	H. An Dương	20° 51' 48"	106° 36' 36"					F-48-82-A-c
Đường tỉnh 351	KX	TT. An Dương	H. An Dương			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 53' 25"	106° 36' 11"	F-48-82-A-c
Quốc lộ 17B	KX	TT. An Dương	H. An Dương			20° 52' 58"	106° 32' 40"	20° 51' 29"	106° 38' 59"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học thị trấn An Dương	KX	TT. An Dương	H. An Dương	20° 51' 57"	106° 36' 33"					F-48-82-A-c
Trường Trung cấp Nghề An Dương	KX	TT. An Dương	H. An Dương	20° 52' 02"	106° 36' 44"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở thị trấn An Dương	KX	TT. An Dương	H. An Dương	20° 51' 58"	106° 36' 32"					F-48-82-A-c
Trường Trung học phổ thông An Dương	KX	TT. An Dương	H. An Dương	20° 51' 56"	106° 36' 48"					F-48-82-A-c
Trường Trung học phổ thông An Hải	KX	TT. An Dương	H. An Dương	20° 51' 41"	106° 36' 41"					F-48-82-A-c
Trường Trung học phổ thông An Hải khu B	KX	TT. An Dương	H. An Dương	20° 51' 38"	106° 36' 45"					F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Rế (Sông Rế)	TV	TT. An Dương	H. An Dương			20° 52' 07"	106° 34' 42"	20° 51' 40"	106° 38' 55"	F-48-82-A-c
Khu đô thị PG - xã An Đồng	DC	xã An Đồng	H. An Dương	20° 50' 48"	106° 39' 00"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn An Dương	DC	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 26"	106° 39' 09"					F-48-82-A-d
thôn An Trang	DC	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 01"	106° 39' 15"					F-48-82-A-d
thôn Cái Tắt	DC	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 24"	106° 38' 49"					F-48-82-A-d
thôn Đại Lộ Tôn Đức Thắng	DC	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 10"	106° 39' 18"					F-48-82-A-d
thôn Đường 208	DC	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 20"	106° 39' 17"					F-48-82-A-d
thôn Trang Quan	DC	xã An Đồng	H. An Dương	20° 50' 59"	106° 38' 53"					F-48-82-A-d
thôn Văn Cú	DC	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 20"	106° 37' 49"					F-48-82-A-d
thôn Văn Tra	DC	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 52"	106° 37' 33"					F-48-82-A-d
thôn Vĩnh Khê	DC	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 39"	106° 38' 05"					F-48-82-A-d
cầu An Đồng	KX	xã An Đồng	H. An Dương	20° 50' 44"	106° 39' 23"					F-48-82-A-d
cầu An Dương	KX	xã An Đồng	H. An Dương	20° 50' 58"	106° 39' 32"					F-48-82-A-d
chợ An Đồng	KX	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 09"	106° 39' 09"					F-48-82-A-d
chùa Văn Tra	KX	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 47"	106° 37' 25"					F-48-82-A-c
cổng Cái Tắt	KX	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 40"	106° 38' 55"					F-48-82-A-d
đại lộ Tôn Đức Thắng	KX	xã An Đồng	H. An Dương			20° 50' 58"	106° 39' 32"	20° 52' 20"	106° 39' 07"	F-48-82-A-d
đình An Dương Đoài	KX	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 17"	106° 39' 07"					F-48-82-A-d
đình Văn Cú	KX	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 31"	106° 37' 43"					F-48-82-A-d
đình Văn Tra	KX	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 46"	106° 37' 46"					F-48-82-A-d
đình Vĩnh Khê	KX	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 30"	106° 38' 03"					F-48-82-A-d
Đường 208	KX	xã An Đồng	H. An Dương			20° 51' 10"	106° 39' 38"	20° 51' 29"	106° 38' 59"	F-48-82-A-d
nhà lưu niệm Lãnh tụ Nguyễn Đức Cảnh và Liệt sỹ Hồ Ngọc Lâm	KX	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 13"	106° 39' 13"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 17B	KX	xã An Đồng	H. An Dương			20° 52' 58"	106° 32' 40"	20° 51' 29"	106° 38' 59"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
Trường Cao đẳng Nghề Công nghiệp Hải Phòng	KX	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 19"	106° 39' 05"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học An Đồng	KX	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 26"	106° 38' 44"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở An Đồng	KX	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 24"	106° 38' 49"					F-48-82-A-d
Xí nghiệp Đường Sông	KX	xã An Đồng	H. An Dương	20° 50' 45"	106° 39' 09"					F-48-82-A-d
kênh đào Thượng Lý	TV	xã An Đồng	H. An Dương			20° 51' 13"	106° 39' 42"	20° 50' 42"	106° 39' 22"	F-48-82-A-d
kênh trục chính Sông Rế (Sông Rế)	TV	xã An Đồng	H. An Dương			20° 52' 07"	106° 34' 42"	20° 51' 40"	106° 38' 55"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
sông Lạch Tray	TV	xã An Đồng	H. An Dương			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
sông Tam Bạc	TV	xã An Đồng	H. An Dương			20° 51' 40"	106° 38' 55"	20° 52' 02"	106° 40' 27"	F-48-82-A-d
thôn Dưỡng Phú 1	DC	xã An Hoà	H. An Dương	20° 53' 56"	106° 32' 26"					F-48-82-A-a
thôn Dưỡng Phú 2	DC	xã An Hoà	H. An Dương	20° 53' 43"	106° 32' 30"					F-48-82-A-a
thôn Hà Nhuận 1	DC	xã An Hoà	H. An Dương	20° 54' 18"	106° 32' 04"					F-48-82-A-a
thôn Hà Nhuận 2	DC	xã An Hoà	H. An Dương	20° 54' 09"	106° 32' 29"					F-48-82-A-a
thôn Hà Nhuận 3	DC	xã An Hoà	H. An Dương	20° 54' 13"	106° 32' 39"					F-48-82-A-a
thôn Hà Nhuận 4	DC	xã An Hoà	H. An Dương	20° 54' 08"	106° 32' 52"					F-48-82-A-a
thôn Ngọ Dương 1	DC	xã An Hoà	H. An Dương	20° 53' 14"	106° 32' 53"					F-48-82-A-a
thôn Ngọ Dương 2	DC	xã An Hoà	H. An Dương	20° 53' 12"	106° 33' 05"					F-48-82-A-a
thôn Ngọ Dương 3	DC	xã An Hoà	H. An Dương	20° 53' 01"	106° 32' 53"					F-48-82-A-a
thôn Ngọ Dương 4	DC	xã An Hoà	H. An Dương	20° 53' 02"	106° 33' 07"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Ngộ Dương 5	DC	xã An Hoà	H. An Dương	20° 52' 51"	106° 33' 03"					F-48-82-A-a
thôn Phú La	DC	xã An Hoà	H. An Dương	20° 53' 21"	106° 32' 27"					F-48-82-A-a
thôn Tinh Thủy 1	DC	xã An Hoà	H. An Dương	20° 52' 14"	106° 33' 03"					F-48-82-A-c
thôn Tinh Thủy 2	DC	xã An Hoà	H. An Dương	20° 52' 01"	106° 32' 58"					F-48-82-A-c
Cầu Bông	KX	xã An Hoà	H. An Dương	20° 55' 17"	106° 32' 19"					F-48-82-A-a
chợ Ngộ Dương	KX	xã An Hoà	H. An Dương	20° 52' 54"	106° 33' 01"					F-48-82-A-a
chùa Ngộ Dương	KX	xã An Hoà	H. An Dương	20° 53' 08"	106° 32' 53"					F-48-82-A-a
đền Ngộ Dương	KX	xã An Hoà	H. An Dương	20° 53' 13"	106° 32' 46"					F-48-82-A-a
đình Hà Nhuận	KX	xã An Hoà	H. An Dương	20° 54' 06"	106° 32' 38"					F-48-82-A-a
Quốc lộ 17B	KX	xã An Hoà	H. An Dương			20° 52' 58"	106° 32' 40"	20° 51' 29"	106° 38' 59"	F-48-82-A-a
Trường Tiểu học An Hoà	KX	xã An Hoà	H. An Dương	20° 53' 19"	106° 32' 51"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Hà Nhuận	KX	xã An Hoà	H. An Dương	20° 54' 12"	106° 32' 26"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Tinh Thủy	KX	xã An Hoà	H. An Dương	20° 52' 12"	106° 33' 04"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở An Hoà	KX	xã An Hoà	H. An Dương	20° 53' 16"	106° 32' 49"					F-48-82-A-a
kênh An Kim Hải (sông Văn Dương)	TV	xã An Hoà	H. An Dương			20° 55' 11"	106° 32' 21"	20° 52' 40"	106° 33' 00"	F-48-82-A-a
kênh Hoà Phong (sông Ba Miếu)	TV	xã An Hoà	H. An Dương			20° 52' 40"	106° 33' 00"	20° 51' 28"	106° 33' 09"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-c
kênh Tân Hưng Hồng (Sông Dầu)	TV	xã An Hoà	H. An Dương			20° 55' 11"	106° 32' 21"	20° 52' 07"	106° 34' 43"	F-48-82-A-a
sông Lạch Tray	TV	xã An Hoà	H. An Dương			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-c
thôn Khánh Trịnh	DC	xã An Hồng	H. An Dương	20° 54' 04"	106° 36' 31"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lê Lác I	DC	xã An Hồng	H. An Dương	20° 54' 29"	106° 36' 13"					F-48-82-A-a
thôn Lê Lác II	DC	xã An Hồng	H. An Dương	20° 54' 35"	106° 36' 09"					F-48-82-A-a
thôn Lê Sáng	DC	xã An Hồng	H. An Dương	20° 54' 52"	106° 35' 49"					F-48-82-A-a
thôn Ngô Hùng	DC	xã An Hồng	H. An Dương	20° 55' 04"	106° 36' 39"					F-48-82-A-a
thôn Ngô Yển	DC	xã An Hồng	H. An Dương	20° 54' 46"	106° 36' 33"					F-48-82-A-a
thôn Phạm Dũng	DC	xã An Hồng	H. An Dương	20° 54' 26"	106° 36' 32"					F-48-82-A-a
thôn Tất Xứng	DC	xã An Hồng	H. An Dương	20° 55' 04"	106° 36' 01"					F-48-82-A-a
thôn Thuận Ty	DC	xã An Hồng	H. An Dương	20° 54' 36"	106° 35' 49"					F-48-82-A-a
Cầu Kiên	KX	xã An Hồng	H. An Dương	20° 54' 52"	106° 37' 17"					F-48-82-A-a
Công ty cổ phần Cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam	KX	xã An Hồng	H. An Dương	20° 53' 52"	106° 36' 56"					F-48-82-A-a
Công ty cổ phần Cơ khí Thương mại và Xây dựng Hải Phòng	KX	xã An Hồng	H. An Dương	20° 54' 03"	106° 36' 56"					F-48-82-A-a
Công ty cổ phần Đóng tàu Sông Cấm	KX	xã An Hồng	H. An Dương	20° 55' 15"	106° 36' 28"					F-48-82-A-a
Công ty cổ phần Thép Vạn Lợi	KX	xã An Hồng	H. An Dương	20° 53' 56"	106° 36' 58"					F-48-82-A-a
đền Vua Bà	KX	xã An Hồng	H. An Dương	20° 54' 32"	106° 36' 00"					F-48-82-A-a
đền Vua Linh	KX	xã An Hồng	H. An Dương	20° 55' 10"	106° 36' 37"					F-48-82-A-a
Đường tỉnh 351	KX	xã An Hồng	H. An Dương			20° 55' 06"	106° 40' 23"	20° 54' 41"	106° 35' 06"	F-48-82-A-a
Khu công nghiệp Nomura Hải Phòng	KX	xã An Hồng	H. An Dương	20° 54' 07"	106° 35' 26"					F-48-82-A-a
Quốc lộ 10	KX	xã An Hồng	H. An Dương			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học An Hồng	KX	xã An Hồng	H. An Dương	20° 54' 37"	106° 36' 15"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở An Hồng	KX	xã An Hồng	H. An Dương	20° 54' 40"	106° 36' 14"					F-48-82-A-a
Sông Cấm	TV	xã An Hồng	H. An Dương			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-a
thôn An Phong	DC	xã An Hưng	H. An Dương	20° 53' 38"	106° 35' 41"					F-48-82-A-a
Thôn Bắc	DC	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 37"	106° 35' 08"					F-48-82-A-a
Thôn Đoài	DC	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 49"	106° 35' 09"					F-48-82-A-a
thôn Đồng Hải	DC	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 08"	106° 36' 00"					F-48-82-A-a
Thôn Hạ	DC	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 26"	106° 35' 05"					F-48-82-A-a
thôn Nam Bình	DC	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 08"	106° 34' 44"					F-48-82-A-a
thôn Nam Hoà	DC	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 02"	106° 34' 57"					F-48-82-A-a
thôn Thắng Lợi	DC	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 23"	106° 34' 38"					F-48-82-A-a
Thôn Thượng	DC	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 17"	106° 34' 59"					F-48-82-A-a
Chợ Hồ	KX	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 22"	106° 34' 30"					F-48-82-A-a
đền thờ Phạm Thượng Quận	KX	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 31"	106° 34' 58"					F-48-82-A-a
đình Kinh Giao	KX	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 22"	106° 34' 51"					F-48-82-A-a
đường Hùng Vương	KX	xã An Hưng	H. An Dương			20° 51' 17"	106° 39' 52"	20° 53' 37"	106° 35' 31"	F-48-82-A-a
Đường tỉnh 351	KX	xã An Hưng	H. An Dương			20° 55' 06"	106° 40' 23"	20° 54' 41"	106° 35' 06"	F-48-82-A-a
Khu công nghiệp Nomura Hải Phòng	KX	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 07"	106° 35' 26"					F-48-82-A-a
Quốc lộ 5	KX	xã An Hưng	H. An Dương			20° 56' 42"	106° 32' 29"	20° 51' 58"	106° 38' 56"	F-48-82-A-a
Quốc lộ 10	KX	xã An Hưng	H. An Dương			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ Bảo vệ	KX	xã An Hưng	H. An Dương	20° 53' 59"	106° 35' 01"					F-48-82-A-a
Trường Mầm non An Hưng	KX	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 09"	106° 35' 53"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học An Hưng	KX	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 07"	106° 35' 06"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở An Hưng	KX	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 05"	106° 35' 01"					F-48-82-A-a
Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi	KX	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 09"	106° 35' 09"					F-48-82-A-a
Trường Trung học phổ thông Tân An	KX	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 12"	106° 34' 25"					F-48-82-A-a
Thôn 1	DC	xã Bắc Sơn	H. An Dương	20° 52' 52"	106° 35' 20"					F-48-82-A-a
Thôn 2	DC	xã Bắc Sơn	H. An Dương	20° 52' 43"	106° 35' 23"					F-48-82-A-a
Thôn 3	DC	xã Bắc Sơn	H. An Dương	20° 52' 29"	106° 35' 47"					F-48-82-A-a
Thôn 4	DC	xã Bắc Sơn	H. An Dương	20° 52' 30"	106° 35' 16"					F-48-82-A-a
Thôn 5	DC	xã Bắc Sơn	H. An Dương	20° 52' 24"	106° 35' 01"					F-48-82-A-c
Thôn 6	DC	xã Bắc Sơn	H. An Dương	20° 52' 36"	106° 35' 04"					F-48-82-A-a
cầu Rế 2	KX	xã Bắc Sơn	H. An Dương	20° 52' 09"	106° 34' 40"					F-48-82-A-c
cầu vượt Quán Toan	KX	xã Bắc Sơn	H. An Dương	20° 53' 11"	106° 35' 43"					F-48-82-A-a
chùa Cao Linh	KX	xã Bắc Sơn	H. An Dương	20° 52' 56"	106° 35' 03"					F-48-82-A-a
Đình Nam	KX	xã Bắc Sơn	H. An Dương	20° 52' 29"	106° 34' 55"					F-48-82-A-a
đường Bắc Sơn - Nam Hải	KX	xã Bắc Sơn	H. An Dương			20° 52' 18"	106° 34' 49"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-c
Quốc lộ 5	KX	xã Bắc Sơn	H. An Dương			20° 56' 42"	106° 32' 29"	20° 51' 58"	106° 38' 56"	F-48-82-A-a
Quốc lộ 10	KX	xã Bắc Sơn	H. An Dương			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 17B	KX	xã Bắc Sơn	H. An Dương			20° 52' 58"	106° 32' 40"	20° 51' 29"	106° 38' 59"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Bắc Sơn	KX	xã Bắc Sơn	H. An Dương	20° 52' 34"	106° 35' 17"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Bắc Sơn	KX	xã Bắc Sơn	H. An Dương	20° 52' 36"	106° 35' 16"					F-48-82-A-a
kênh Tân Hưng Hồng (Sông Dầu)	TV	xã Bắc Sơn	H. An Dương			20° 55' 11"	106° 32' 21"	20° 52' 07"	106° 34' 43"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Rế (Sông Rế)	TV	xã Bắc Sơn	H. An Dương			20° 52' 07"	106° 34' 42"	20° 51' 40"	106° 38' 55"	F-48-82-A-c
thôn An Phú	DC	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 55' 08"	106° 33' 50"					F-48-82-A-a
thôn Đại Đồng	DC	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 55' 19"	106° 34' 14"					F-48-82-A-a
thôn Lê Xá	DC	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 56' 02"	106° 35' 37"					F-48-82-A-a
thôn Lục Nông	DC	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 56' 00"	106° 33' 53"					F-48-82-A-a
thôn Tân Thanh	DC	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 55' 14"	106° 34' 02"					F-48-82-A-a
thôn Tiên Nông	DC	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 55' 16"	106° 33' 39"					F-48-82-A-a
thôn Trại Kênh	DC	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 56' 33"	106° 34' 10"					F-48-82-A-a
thôn Văn Tiến	DC	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 56' 10"	106° 35' 15"					F-48-82-A-a
thôn Vụ Nông	DC	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 55' 06"	106° 34' 07"					F-48-82-A-a
thôn Xuyên Đông	DC	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 55' 08"	106° 34' 34"					F-48-82-A-a
Đình Đông	KX	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 55' 19"	106° 34' 10"					F-48-82-A-a
Đình Nước	KX	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 55' 10"	106° 33' 54"					F-48-82-A-a
đò Nồng 1	KX	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 55' 58"	106° 33' 29"					F-48-82-A-a
ga Dụ Nghĩa	KX	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 55' 01"	106° 33' 45"					F-48-82-A-a
Quốc lộ 5	KX	xã Đại Bản	H. An Dương			20° 56' 42"	106° 32' 29"	20° 51' 58"	106° 38' 56"	F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Đại Bản I (Cơ sở 1)	KX	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 55' 25"	106° 34' 00"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Đại Bản I (Cơ sở 2)	KX	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 56' 02"	106° 33' 56"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Đại Bản II (Cơ sở 1)	KX	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 55' 12"	106° 34' 18"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Đại Bản II (Cơ sở 2)	KX	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 56' 09"	106° 35' 26"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Đại Bản	KX	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 55' 27"	106° 34' 06"					F-48-82-A-a
Sông Cẩm	TV	xã Đại Bản	H. An Dương			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-a
sông Kinh Môn	TV	xã Đại Bản	H. An Dương			20° 56' 55"	106° 32' 39"	20° 56' 52"	106° 35' 22"	F-48-82-A-a
thôn Chiến Thắng	DC	xã Đặng Cương	H. An Dương	20° 51' 02"	106° 35' 55"					F-48-82-A-c
thôn Dân Hạnh	DC	xã Đặng Cương	H. An Dương	20° 51' 16"	106° 36' 17"					F-48-82-A-c
thôn Đoàn Tiến	DC	xã Đặng Cương	H. An Dương	20° 51' 12"	106° 35' 37"					F-48-82-A-c
thôn Đồng Quang	DC	xã Đặng Cương	H. An Dương	20° 50' 45"	106° 36' 03"					F-48-82-A-c
thôn Hoà Nhất	DC	xã Đặng Cương	H. An Dương	20° 50' 53"	106° 36' 44"					F-48-82-A-c
thôn Nhất Trí	DC	xã Đặng Cương	H. An Dương	20° 50' 31"	106° 36' 31"					F-48-82-A-c
thôn Thành Công	DC	xã Đặng Cương	H. An Dương	20° 50' 25"	106° 36' 16"					F-48-82-A-c
thôn Tự Lập	DC	xã Đặng Cương	H. An Dương	20° 51' 10"	106° 36' 39"					F-48-82-A-c
cầu Đặng Cương	KX	xã Đặng Cương	H. An Dương	20° 50' 53"	106° 37' 02"					F-48-82-A-c
chợ Đặng Cương	KX	xã Đặng Cương	H. An Dương	20° 50' 53"	106° 35' 59"					F-48-82-A-c
đình Đồng Dụ	KX	xã Đặng Cương	H. An Dương	20° 51' 19"	106° 36' 26"					F-48-82-A-c
đình Trí Yếu	KX	xã Đặng Cương	H. An Dương	20° 50' 28"	106° 36' 06"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Bắc Sơn - Nam Hải	KX	xã Đặng Cương	H. An Dương			20° 52' 18"	106° 34' 49"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 351	KX	xã Đặng Cương	H. An Dương			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 53' 25"	106° 36' 11"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Đặng Cương	KX	xã Đặng Cương	H. An Dương	20° 50' 58"	106° 36' 03"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Đặng Cương	KX	xã Đặng Cương	H. An Dương	20° 51' 02"	106° 36' 09"					F-48-82-A-c
thôn Bạch Mai	DC	xã Đồng Thái	H. An Dương	20° 51' 01"	106° 38' 00"					F-48-82-A-d
thôn Hoàng Mai	DC	xã Đồng Thái	H. An Dương	20° 50' 15"	106° 38' 35"					F-48-82-A-d
thôn Kiến Phong	DC	xã Đồng Thái	H. An Dương	20° 50' 53"	106° 37' 36"					F-48-82-A-d
thôn Minh Kha	DC	xã Đồng Thái	H. An Dương	20° 51' 20"	106° 37' 03"					F-48-82-A-c
thôn Tê Chử	DC	xã Đồng Thái	H. An Dương	20° 50' 27"	106° 38' 13"					F-48-82-A-d
thôn Văn Phong	DC	xã Đồng Thái	H. An Dương	20° 51' 31"	106° 37' 31"					F-48-82-A-d
đình Hoàng Mai	KX	xã Đồng Thái	H. An Dương	20° 50' 11"	106° 38' 26"					F-48-82-A-d
đình Kiến Phong	KX	xã Đồng Thái	H. An Dương	20° 50' 50"	106° 37' 34"					F-48-82-A-c
đình Minh Kha	KX	xã Đồng Thái	H. An Dương	20° 51' 18"	106° 37' 21"					F-48-82-A-c
đình Văn Phong	KX	xã Đồng Thái	H. An Dương	20° 51' 29"	106° 37' 31"					F-48-82-A-d
đường Bắc Sơn - Nam Hải	KX	xã Đồng Thái	H. An Dương			20° 52' 18"	106° 34' 49"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 351	KX	xã Đồng Thái	H. An Dương			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 53' 25"	106° 36' 11"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Đồng Thái	KX	xã Đồng Thái	H. An Dương	20° 50' 52"	106° 38' 02"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Đồng Thái	KX	xã Đồng Thái	H. An Dương	20° 50' 54"	106° 38' 03"					F-48-82-A-d
sông Lạch Tray	TV	xã Đồng Thái	H. An Dương			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
thôn Đình Ngộ 1	DC	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 53' 02"	106° 33' 23"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đình Ngọ 2	DC	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 53' 08"	106° 33' 32"					F-48-82-A-a
thôn Đồng Xuân	DC	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 51' 45"	106° 33' 42"					F-48-82-A-c
thôn Hà Đổ 1	DC	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 53' 36"	106° 33' 57"					F-48-82-A-a
thôn Hà Đổ 2	DC	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 53' 41"	106° 34' 04"					F-48-82-A-a
thôn Hồ Đông	DC	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 53' 59"	106° 33' 50"					F-48-82-A-a
thôn Hoàng Lâu 1	DC	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 52' 30"	106° 33' 50"					F-48-82-A-a
thôn Hoàng Lâu 2	DC	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 52' 18"	106° 34' 01"					F-48-82-A-c
xóm Ấp Phụng Dương	DC	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 52' 55"	106° 34' 26"					F-48-82-A-a
Cầu Hồ	KX	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 54' 01"	106° 34' 00"					F-48-82-A-a
chợ Hoàng Lâu	KX	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 52' 32"	106° 34' 01"					F-48-82-A-a
chùa Đình Ngọ	KX	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 53' 01"	106° 33' 16"					F-48-82-A-a
đình Đình Ngọ	KX	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 53' 01"	106° 33' 17"					F-48-82-A-a
đình Hà Đổ	KX	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 53' 41"	106° 33' 42"					F-48-82-A-a
đình Hồ Đông	KX	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 53' 50"	106° 33' 44"					F-48-82-A-a
đình Hoàng Lâu	KX	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 52' 26"	106° 34' 19"					F-48-82-A-c
Khu công nghiệp Trảng Duệ	KX	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 51' 54"	106° 33' 56"					F-48-82-A-c
Quốc lộ 17B	KX	xã Hồng Phong	H. An Dương			20° 52' 58"	106° 32' 40"	20° 51' 29"	106° 38' 59"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Hồng Phong (Cơ sở 1)	KX	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 52' 35"	106° 33' 44"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Hồng Phong (Cơ sở 2)	KX	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 52' 54"	106° 33' 31"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Hồng Phong (Cơ sở 3)	KX	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 53' 30"	106° 33' 47"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Hồng Phong	KX	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 52' 49"	106° 33' 26"					F-48-82-A-a
kênh Hoà Phong (sông Ba Miếu)	TV	xã Hồng Phong	H. An Dương			20° 52' 40"	106° 33' 00"	20° 51' 28"	106° 33' 09"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-c
kênh Tân Hưng Hồng (Sông Dâu)	TV	xã Hồng Phong	H. An Dương			20° 55' 11"	106° 32' 21"	20° 52' 07"	106° 34' 43"	F-48-82-A-a
sông Lạch Tray	TV	xã Hồng Phong	H. An Dương			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-c
thôn Đào Yêu	DC	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 49' 27"	106° 37' 05"					F-48-82-A-c
thôn Hy Tái	DC	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 50' 32"	106° 37' 15"					F-48-82-A-c
thôn Kiều Đông	DC	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 49' 48"	106° 37' 29"					F-48-82-A-c
thôn Kiều Trung	DC	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 50' 05"	106° 37' 09"					F-48-82-A-c
thôn Tiên Sa	DC	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 49' 40"	106° 37' 46"					F-48-82-A-d
thôn Xích Thổ	DC	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 50' 08"	106° 38' 03"					F-48-82-A-d
thôn Xóm Mới	DC	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 49' 16"	106° 37' 11"					F-48-82-A-c
cầu Hy Tái	KX	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 50' 16"	106° 37' 16"					F-48-82-A-c
chùa Kiều Trung	KX	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 50' 12"	106° 36' 46"					F-48-82-A-c
chùa Xích Thổ	KX	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 50' 04"	106° 38' 01"					F-48-82-A-d
dền Kiều Đông	KX	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 49' 59"	106° 37' 29"					F-48-82-A-c
đình Kiều Trung	KX	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 50' 10"	106° 36' 53"					F-48-82-A-c
đình Xích Thổ	KX	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 50' 03"	106° 38' 01"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Bắc Sơn - Nam Hải	KX	xã Hồng Thái	H. An Dương			20° 52' 18"	106° 34' 49"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
Đường tỉnh 351	KX	xã Hồng Thái	H. An Dương			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 53' 25"	106° 36' 11"	F-48-82-A-c
Trường Cao đẳng Nghề Giao thông Vận tải Trung ương II	KX	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 49' 08"	106° 37' 09"					F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Hồng Thái	KX	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 49' 56"	106° 37' 18"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Hồng Thái	KX	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 49' 57"	106° 37' 26"					F-48-82-A-c
sông Lạch Tray	TV	xã Hồng Thái	H. An Dương			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
thôn Trạm Bạc	DC	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 16"	106° 34' 12"					F-48-82-A-c
thôn Xóm 1	DC	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 35"	106° 35' 14"					F-48-82-A-c
thôn Xóm 2	DC	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 37"	106° 34' 58"					F-48-82-A-c
thôn Xóm 3	DC	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 30"	106° 35' 08"					F-48-82-A-c
thôn Xóm 4	DC	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 27"	106° 34' 54"					F-48-82-A-c
thôn Xóm 5	DC	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 50"	106° 34' 56"					F-48-82-A-c
thôn Xóm Đông	DC	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 27"	106° 36' 07"					F-48-82-A-c
thôn Xóm Giữa	DC	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 37"	106° 35' 43"					F-48-82-A-c
thôn Xóm Ngoài	DC	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 40"	106° 35' 30"					F-48-82-A-c
cầu Trạm Bạc	KX	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 50' 56"	106° 33' 45"					F-48-82-A-c
đình Trạm Bạc	KX	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 18"	106° 34' 18"					F-48-82-A-c
đình Trảng Duệ	KX	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 33"	106° 34' 56"					F-48-82-A-c
đường Bắc Sơn - Nam Hải	KX	xã Lê Lợi	H. An Dương			20° 52' 18"	106° 34' 49"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu công nghiệp Trảng Duệ	KX	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 54"	106° 33' 56"					F-48-82-A-c
lăng mộ Ngài Tị Tổ họ Nguyễn Đình, Nguyễn Khoa	KX	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 18"	106° 34' 19"					F-48-82-A-c
miếu Lương Quy	KX	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 43"	106° 35' 29"					F-48-82-A-c
Quốc lộ 10	KX	xã Lê Lợi	H. An Dương			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-c
Quốc lộ 17B	KX	xã Lê Lợi	H. An Dương			20° 52' 58"	106° 32' 40"	20° 51' 29"	106° 38' 59"	F-48-82-A-c
Trường Mầm non Lê Lợi	KX	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 35"	106° 34' 49"					F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Lê Lợi	KX	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 49"	106° 35' 21"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Lê Lợi	KX	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 49"	106° 35' 23"					F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Rế (Sông Rế)	TV	xã Lê Lợi	H. An Dương			20° 52' 07"	106° 34' 42"	20° 51' 40"	106° 38' 55"	F-48-82-A-c
sông Lạch Tray	TV	xã Lê Lợi	H. An Dương			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-c
Thôn Cũ	DC	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 54' 54"	106° 32' 52"					F-48-82-A-a
thôn Dụ Nghĩa 1	DC	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 54' 33"	106° 34' 02"					F-48-82-A-a
thôn Dụ Nghĩa 2	DC	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 54' 37"	106° 33' 51"					F-48-82-A-a
thôn Dụ Nghĩa 3	DC	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 54' 45"	106° 33' 36"					F-48-82-A-a
thôn Dụ Nghĩa 4	DC	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 54' 40"	106° 33' 21"					F-48-82-A-a
thôn Kim Sơn	DC	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 56' 10"	106° 32' 41"					F-48-82-A-a
thôn Phú Xá	DC	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 55' 42"	106° 33' 06"					F-48-82-A-a
Công ty cổ phần Tàu thủy Đông Á	KX	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 56' 12"	106° 33' 00"					F-48-82-A-a
Đình Cũ	KX	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 54' 55"	106° 32' 52"					F-48-82-A-a
đình Dụ Nghĩa	KX	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 54' 39"	106° 33' 41"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đò Nồng 2	KX	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 56' 09"	106° 33' 13"					F-48-82-A-a
Quốc lộ 5	KX	xã Lê Thiện	H. An Dương			20° 56' 42"	106° 32' 29"	20° 51' 58"	106° 38' 56"	F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Lê Thiện (khu vực 1)	KX	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 55' 32"	106° 33' 07"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Lê Thiện (khu vực 2)	KX	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 54' 53"	106° 33' 04"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Lê Thiện (khu vực 3)	KX	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 54' 36"	106° 33' 42"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Lê Thiện	KX	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 55' 40"	106° 33' 11"					F-48-82-A-a
kênh An Kim Hải (sông Văn Dương)	TV	xã Lê Thiện	H. An Dương			20° 56' 19"	106° 32' 27"	20° 55' 11"	106° 32' 21"	F-48-82-A-a
kênh Tân Hưng Hồng (Sông Dầu)	TV	xã Lê Thiện	H. An Dương			20° 55' 11"	106° 32' 21"	20° 52' 07"	106° 34' 43"	F-48-82-A-a
sông Kinh Thầy	TV	xã Lê Thiện	H. An Dương			21° 00' 16"	106° 33' 16"	20° 56' 52"	106° 35' 22"	F-48-82-A-a
thôn Cách Hạ	DC	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 24"	106° 36' 23"					F-48-82-A-c
thôn Cách Thượng	DC	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 53' 03"	106° 36' 05"					F-48-82-A-a
thôn Công Mỹ	DC	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 57"	106° 36' 40"					F-48-82-A-a
thôn Lương Quán	DC	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 32"	106° 36' 47"					F-48-82-A-a
thôn Mỹ Tranh	DC	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 35"	106° 37' 06"					F-48-82-A-a
thôn Quỳnh Hoàng	DC	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 31"	106° 36' 07"					F-48-82-A-a
Cầu Cách	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 53' 22"	106° 35' 45"					F-48-82-A-a
cầu vượt Quán Toan	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 53' 11"	106° 35' 43"					F-48-82-A-a
chùa Công Mỹ	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 48"	106° 36' 32"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Cách Hạ	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 27"	106° 36' 24"					F-48-82-A-c
đình Cách Thượng	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 53' 06"	106° 36' 06"					F-48-82-A-a
đình Cổng Mỹ	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 58"	106° 36' 43"					F-48-82-A-a
đình Mỹ Tranh	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 37"	106° 37' 03"					F-48-82-A-a
Đình Nam	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 27"	106° 36' 48"					F-48-82-A-c
đình Quỳnh Hoàng	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 31"	106° 35' 59"					F-48-82-A-a
Đình Thượng	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 37"	106° 36' 40"					F-48-82-A-a
Đường tỉnh 351	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 53' 25"	106° 36' 11"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-c
đường Trương Văn Lực	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương			20° 52' 29"	106° 36' 45"	20° 52' 14"	106° 38' 09"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-c
ga Vật Cách Thượng	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 53' 06"	106° 36' 12"					F-48-82-A-a
Quốc lộ 5	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương			20° 56' 42"	106° 32' 29"	20° 51' 58"	106° 38' 56"	F-48-82-A-a
Quốc lộ 10	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-a
Trường Cao đẳng Nghề Du lịch Hải Phòng	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 50"	106° 36' 17"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Nam Sơn	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 29"	106° 36' 24"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Nam Sơn	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 31"	106° 36' 23"					F-48-82-A-a
kênh trục chính Sông Rế (Sông Rế)	TV	xã Nam Sơn	H. An Dương			20° 52' 07"	106° 34' 42"	20° 51' 40"	106° 38' 55"	F-48-82-A-c
thôn Kiều Hạ 1	DC	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 49' 52"	106° 35' 51"					F-48-82-A-c
thôn Kiều Hạ 2	DC	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 49' 54"	106° 36' 19"					F-48-82-A-c
thôn Kiều Thượng	DC	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 50' 49"	106° 35' 41"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nhu Kiều	DC	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 50' 48"	106° 35' 14"					F-48-82-A-c
thôn Văn Xá	DC	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 50' 05"	106° 35' 29"					F-48-82-A-c
Xóm 1	DC	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 50' 06"	106° 36' 30"					F-48-82-A-c
chùa Kiều Hạ	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 49' 40"	106° 36' 08"					F-48-82-A-c
đình Kiều Hạ	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 49' 42"	106° 36' 01"					F-48-82-A-c
đình Nhu Kiều	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 50' 54"	106° 35' 31"					F-48-82-A-c
đình Nhu Thượng	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 50' 46"	106° 35' 37"					F-48-82-A-c
đình Văn Xá	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 49' 56"	106° 35' 31"					F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Quốc Tuấn (Cơ sở 1)	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 49' 53"	106° 36' 10"					F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Quốc Tuấn (Cơ sở 2)	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 50' 16"	106° 35' 40"					F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Quốc Tuấn (Cơ sở 3)	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 50' 53"	106° 35' 34"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Quốc Tuấn	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 50' 19"	106° 35' 36"					F-48-82-A-c
sông Lạch Tray	TV	xã Quốc Tuấn	H. An Dương			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-c
Thôn Bắc	DC	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 57"	106° 34' 40"					F-48-82-A-a
thôn Do Nha 1	DC	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 36"	106° 35' 14"					F-48-82-A-a
thôn Do Nha 2	DC	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 31"	106° 35' 14"					F-48-82-A-a
thôn Do Nha 3	DC	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 26"	106° 35' 11"					F-48-82-A-a
thôn Do Nha 4	DC	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 15"	106° 35' 21"					F-48-82-A-a
thôn Do Nha 5	DC	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 31"	106° 34' 59"					F-48-82-A-a
thôn Do Nha 6	DC	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 37"	106° 35' 27"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Đông	DC	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 44"	106° 34' 44"					F-48-82-A-a
thôn Kinh Giao 1	DC	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 54' 06"	106° 34' 18"					F-48-82-A-a
thôn Kinh Giao 2	DC	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 54' 04"	106° 34' 33"					F-48-82-A-a
Thôn Nam	DC	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 27"	106° 34' 34"					F-48-82-A-a
Thôn Tây	DC	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 43"	106° 34' 32"					F-48-82-A-a
thôn Vụ Bản	DC	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 38"	106° 34' 17"					F-48-82-A-a
Cầu Cách	KX	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 22"	106° 35' 45"					F-48-82-A-a
Cầu Hố	KX	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 54' 01"	106° 34' 00"					F-48-82-A-a
cầu Quán Toan	KX	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 29"	106° 35' 35"					F-48-82-A-a
chợ Tân Tiến	KX	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 54' 11"	106° 34' 20"					F-48-82-A-a
chùa Do Nha	KX	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 32"	106° 35' 02"					F-48-82-A-a
đình Do Nha	KX	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 31"	106° 35' 02"					F-48-82-A-a
đường Hùng Vương	KX	xã Tân Tiến	H. An Dương			20° 51' 17"	106° 39' 52"	20° 53' 37"	106° 35' 31"	F-48-82-A-a
Khu công nghiệp Nomura Hải Phòng	KX	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 54' 07"	106° 35' 26"					F-48-82-A-a
Quốc lộ 5	KX	xã Tân Tiến	H. An Dương			20° 56' 42"	106° 32' 29"	20° 51' 58"	106° 38' 56"	F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Tân Tiến (Cơ sở 1)	KX	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 36"	106° 35' 04"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Tân Tiến (Cơ sở 2)	KX	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 40"	106° 34' 48"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Tân Tiến	KX	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 37"	106° 34' 45"					F-48-82-A-a
kênh Tân Hưng Hồng (Sông Dầu)	TV	xã Tân Tiến	H. An Dương			20° 55' 11"	106° 32' 21"	20° 52' 07"	106° 34' 43"	F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Hoàng Xá	DC	TT. An Lão	H. An Lão	20° 49' 13"	106° 32' 54"					F-48-82-A-c
tổ dân phố Quyết Thắng	DC	TT. An Lão	H. An Lão	20° 49' 31"	106° 33' 17"					F-48-82-A-c
tổ dân phố Trung Dũng	DC	TT. An Lão	H. An Lão	20° 49' 18"	106° 33' 21"					F-48-82-A-c
Bệnh viện Đa khoa huyện An Lão	KX	TT. An Lão	H. An Lão	20° 49' 36"	106° 33' 13"					F-48-82-A-c
cầu Vàng 1	KX	TT. An Lão	H. An Lão	20° 49' 21"	106° 33' 11"					F-48-82-A-c
cầu Vàng 2	KX	TT. An Lão	H. An Lão	20° 49' 49"	106° 32' 58"					F-48-82-A-c
chợ thị trấn An Lão	KX	TT. An Lão	H. An Lão	20° 49' 19"	106° 33' 18"					F-48-82-A-c
đỉnh Hoàng Xá	KX	TT. An Lão	H. An Lão	20° 49' 08"	106° 32' 53"					F-48-82-A-c
Đường huyện 33	KX	TT. An Lão	H. An Lão			20° 50' 44"	106° 33' 37"	20° 49' 21"	106° 33' 16"	F-48-82-A-c
Đường huyện 36	KX	TT. An Lão	H. An Lão			20° 49' 21"	106° 33' 16"	20° 47' 35"	106° 35' 58"	F-48-82-A-c
đường Lê Lợi	KX	TT. An Lão	H. An Lão			20° 49' 20"	106° 33' 20"	20° 49' 27"	106° 33' 28"	F-48-82-A-c
đường Ngô Quyền	KX	TT. An Lão	H. An Lão			20° 49' 21"	106° 33' 16"	20° 49' 15"	106° 32' 41"	F-48-82-A-c
đường Nguyễn Chuyên Mỹ	KX	TT. An Lão	H. An Lão			20° 49' 21"	106° 33' 16"	20° 49' 06"	106° 33' 19"	F-48-82-A-c
đường Nguyễn Văn Trỗi	KX	TT. An Lão	H. An Lão			20° 49' 38"	106° 33' 15"	20° 49' 21"	106° 33' 16"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 357	KX	TT. An Lão	H. An Lão			20° 49' 03"	106° 35' 57"	20° 49' 20"	106° 33' 20"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 360	KX	TT. An Lão	H. An Lão			20° 50' 18"	106° 39' 42"	20° 50' 01"	106° 29' 45"	F-48-82-A-c
đường Trần Tất Văn	KX	TT. An Lão	H. An Lão			20° 49' 21"	106° 33' 16"	20° 49' 22"	106° 33' 38"	F-48-82-A-c
Quốc lộ 10	KX	TT. An Lão	H. An Lão			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học thị trấn An Lão	KX	TT. An Lão	H. An Lão	20° 49' 08"	106° 33' 16"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Lương Khánh Thiện	KX	TT. An Lão	H. An Lão	20° 49' 34"	106° 33' 20"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học phổ thông An Lão	KX	TT. An Lão	H. An Lão	20° 49' 28"	106° 33' 24"					F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	TT. An Lão	H. An Lão			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-c
tổ dân phố An Tràng	DC	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 49' 02"	106° 36' 23"					F-48-82-A-c
tổ dân phố Văn Tràng 1	DC	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 49' 04"	106° 35' 50"					F-48-82-A-c
tổ dân phố Văn Tràng 2	DC	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 48' 44"	106° 36' 06"					F-48-82-A-c
tổ dân phố Xuân Áng	DC	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 48' 46"	106° 35' 37"					F-48-82-A-c
chùa Văn Tràng	KX	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 49' 02"	106° 35' 33"					F-48-82-A-c
Công ty trách nhiệm hữu hạn Giấy Sao Vàng	KX	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 48' 57"	106° 35' 58"					F-48-82-A-c
đài tưởng niệm Đồng chí Lương Khánh Thiện	KX	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 48' 40"	106° 35' 26"					F-48-82-A-c
đền An Tràng	KX	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 48' 55"	106° 36' 44"					F-48-82-A-c
đền Văn Tràng	KX	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 49' 14"	106° 35' 33"					F-48-82-A-c
đền Xuân Áng	KX	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 48' 53"	106° 35' 22"					F-48-82-A-c
đình Xuân Áng	KX	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 48' 54"	106° 35' 35"					F-48-82-A-c
Đường tỉnh 357	KX	TT. Trường Sơn	H. An Lão			20° 49' 03"	106° 35' 57"	20° 49' 20"	106° 33' 20"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 360	KX	TT. Trường Sơn	H. An Lão			20° 50' 18"	106° 39' 42"	20° 50' 01"	106° 29' 45"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Trường Sơn	KX	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 48' 51"	106° 35' 52"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Trường Sơn	KX	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 48' 52"	106° 35' 50"					F-48-82-A-c
Xí nghiệp Tàu Quốc	KX	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 49' 12"	106° 36' 04"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Giếng Dành	SV	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 48' 42"	106° 35' 22"					F-48-82-A-c
núi Xuân Sơn	SV	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 49' 34"	106° 34' 35"					F-48-82-A-c
sông Lạch Tray	TV	TT. Trường Sơn	H. An Lão			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-c
thôn An Áo	DC	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 36"	106° 37' 42"					F-48-82-A-d
thôn Quán Rễ	DC	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 57"	106° 36' 42"					F-48-82-A-c
thôn Thạch Lựu 1	DC	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 42"	106° 37' 13"					F-48-82-A-c
thôn Thạch Lựu 2	DC	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 50"	106° 37' 22"					F-48-82-A-c
thôn Thạch Lựu 3	DC	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 31"	106° 37' 06"					F-48-82-A-c
thôn Tiên Cầm 1	DC	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 16"	106° 37' 34"					F-48-82-A-d
thôn Tiên Cầm 2	DC	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 12"	106° 37' 47"					F-48-82-A-d
thôn Tiên Cầm 3	DC	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 08"	106° 37' 35"					F-48-82-A-d
thôn Trung Thanh Lang 1	DC	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 26"	106° 36' 46"					F-48-82-A-c
thôn Trung Thanh Lang 2	DC	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 19"	106° 36' 42"					F-48-82-A-c
thôn Trung Thanh Lang 3	DC	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 06"	106° 36' 46"					F-48-82-A-c
chùa Thạch Lựu	KX	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 33"	106° 37' 02"					F-48-82-A-c
chùa Tiên Cầm	KX	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 13"	106° 37' 27"					F-48-82-A-c
chùa Trung Thanh Lang	KX	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 29"	106° 36' 50"					F-48-82-A-c
đình Hàng Tổng	KX	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 04"	106° 36' 44"					F-48-82-A-c
Đường 39	KX	xã An Thái	H. An Lão			20° 45' 51"	106° 36' 47"	20° 44' 04"	106° 35' 41"	F-48-82-A-c
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã An Thái	H. An Lão			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-c
Đường huyện 405	KX	xã An Thái	H. An Lão			20° 46' 30"	106° 36' 35"	20° 45' 12"	106° 40' 05"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 362	KX	xã An Thái	H. An Lão			20° 46' 19"	106° 36' 30"	20° 45' 17"	106° 40' 15"	F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Nguyễn Đốc Tín	KX	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 34"	106° 36' 59"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Nguyễn Chuyên Mỹ	KX	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 35"	106° 37' 02"					F-48-82-A-c
Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo	KX	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 53"	106° 36' 49"					F-48-82-A-c
từ đường Tam Tiến Sỹ	KX	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 40"	106° 37' 17"					F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã An Thái	H. An Lão			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-c
thôn Bách Phương 1	DC	xã An Thắng	H. An Lão	20° 48' 59"	106° 34' 03"					F-48-82-A-c
thôn Bách Phương 2	DC	xã An Thắng	H. An Lão	20° 48' 40"	106° 33' 49"					F-48-82-A-c
thôn Bách Phương 3	DC	xã An Thắng	H. An Lão	20° 48' 38"	106° 33' 42"					F-48-82-A-c
thôn Bách Phương 4	DC	xã An Thắng	H. An Lão	20° 48' 44"	106° 33' 45"					F-48-82-A-c
thôn Quyết Tiến 1	DC	xã An Thắng	H. An Lão	20° 49' 16"	106° 34' 07"					F-48-82-A-c
thôn Quyết Tiến 2	DC	xã An Thắng	H. An Lão	20° 49' 25"	106° 34' 02"					F-48-82-A-c
thôn Quyết Tiến 3	DC	xã An Thắng	H. An Lão	20° 49' 11"	106° 33' 57"					F-48-82-A-c
thôn Tân An	DC	xã An Thắng	H. An Lão	20° 47' 06"	106° 33' 46"					F-48-82-A-c
thôn Trần Phú	DC	xã An Thắng	H. An Lão	20° 48' 53"	106° 33' 37"					F-48-82-A-c
thôn Xuân Sơn 1	DC	xã An Thắng	H. An Lão	20° 48' 57"	106° 34' 53"					F-48-82-A-c
thôn Xuân Sơn 2	DC	xã An Thắng	H. An Lão	20° 49' 02"	106° 34' 39"					F-48-82-A-c
chùa Bách Phương	KX	xã An Thắng	H. An Lão	20° 48' 40"	106° 33' 29"					F-48-82-A-c
chùa Liễn Luận Trong	KX	xã An Thắng	H. An Lão	20° 49' 08"	106° 33' 53"					F-48-82-A-c
đền Bách Phương	KX	xã An Thắng	H. An Lão	20° 48' 40"	106° 33' 29"					F-48-82-A-c
đền Liễn Luận Trong	KX	xã An Thắng	H. An Lão	20° 49' 08"	106° 33' 53"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đỉnh Liễn Luận Trong	KX	xã An Thắng	H. An Lão	20° 49' 13"	106° 33' 59"					F-48-82-A-c
Đường huyện 36	KX	xã An Thắng	H. An Lão			20° 49' 21"	106° 33' 16"	20° 47' 35"	106° 35' 58"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 360	KX	xã An Thắng	H. An Lão			20° 50' 18"	106° 39' 42"	20° 50' 01"	106° 29' 45"	F-48-82-A-c
Trường Cao đẳng Nghề Số 03	KX	xã An Thắng	H. An Lão	20° 48' 59"	106° 35' 06"					F-48-82-A-c
Trường Tiểu học An Thắng	KX	xã An Thắng	H. An Lão	20° 49' 01"	106° 33' 51"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở An Thắng	KX	xã An Thắng	H. An Lão	20° 48' 57"	106° 33' 46"					F-48-82-A-c
Trường Trung học phổ thông Trần Tất Văn	KX	xã An Thắng	H. An Lão	20° 49' 20"	106° 33' 52"					F-48-82-A-c
núi Xuân Sơn	SV	xã An Thắng	H. An Lão	20° 49' 34"	106° 34' 35"					F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã An Thắng	H. An Lão			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-c
thôn Cao Minh	DC	xã An Thọ	H. An Lão	20° 44' 29"	106° 35' 48"					F-48-82-C-a
thôn Độc Lập	DC	xã An Thọ	H. An Lão	20° 44' 53"	106° 36' 31"					F-48-82-C-a
thôn Hạnh Thị	DC	xã An Thọ	H. An Lão	20° 44' 37"	106° 36' 39"					F-48-82-C-a
thôn Hoà Bình	DC	xã An Thọ	H. An Lão	20° 45' 08"	106° 36' 23"					F-48-82-A-c
thôn Khởi Nghĩa	DC	xã An Thọ	H. An Lão	20° 44' 19"	106° 35' 46"					F-48-82-C-a
thôn Nam Sơn 1	DC	xã An Thọ	H. An Lão	20° 44' 46"	106° 36' 20"					F-48-82-C-a
thôn Nam Sơn 2	DC	xã An Thọ	H. An Lão	20° 44' 43"	106° 36' 11"					F-48-82-C-a
thôn Trần Thành	DC	xã An Thọ	H. An Lão	20° 44' 54"	106° 36' 06"					F-48-82-C-a
thôn Văn Khê	DC	xã An Thọ	H. An Lão	20° 45' 03"	106° 35' 57"					F-48-82-A-c
chùa Đại Phường Lang	KX	xã An Thọ	H. An Lão	20° 44' 45"	106° 36' 03"					F-48-82-C-a
đỉnh Đại Phường Lang	KX	xã An Thọ	H. An Lão	20° 44' 45"	106° 36' 03"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường 39	KX	xã An Thọ	H. An Lão			20° 45' 51"	106° 36' 47"	20° 44' 04"	106° 35' 41"	F-48-82-A-c, F-48-82-C-a
Đường 39A	KX	xã An Thọ	H. An Lão			20° 45' 42"	106° 35' 31"	20° 44' 51"	106° 36' 10"	F-48-82-A-c, F-48-82-C-a
Đường 39B	KX	xã An Thọ	H. An Lão			20° 45' 59"	106° 36' 03"	20° 44' 57"	106° 36' 23"	F-48-82-A-c, F-48-82-C-a
lăng Lê Khắc Cần	KX	xã An Thọ	H. An Lão	20° 44' 42"	106° 36' 30"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học An Thọ	KX	xã An Thọ	H. An Lão	20° 44' 46"	106° 36' 00"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Lê Khắc Cần	KX	xã An Thọ	H. An Lão	20° 44' 52"	106° 36' 18"					F-48-82-C-a
sông Văn Úc	TV	xã An Thọ	H. An Lão			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-C-a
thôn An Luận	DC	xã An Tiến	H. An Lão	20° 49' 33"	106° 33' 33"					F-48-82-A-c
thôn Khúc Giản	DC	xã An Tiến	H. An Lão	20° 50' 06"	106° 33' 06"					F-48-82-A-c
thôn Tiên Hội	DC	xã An Tiến	H. An Lão	20° 49' 55"	106° 34' 31"					F-48-82-A-c
Xóm Núi	DC	xã An Tiến	H. An Lão	20° 50' 14"	106° 33' 42"					F-48-82-A-c
cầu Vàng 2	KX	xã An Tiến	H. An Lão	20° 49' 49"	106° 32' 58"					F-48-82-A-c
Đường huyện 31	KX	xã An Tiến	H. An Lão			20° 49' 54"	106° 33' 02"	20° 51' 51"	106° 29' 03"	F-48-82-A-c
Đường huyện 33	KX	xã An Tiến	H. An Lão			20° 50' 44"	106° 33' 37"	20° 49' 21"	106° 33' 16"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 357	KX	xã An Tiến	H. An Lão			20° 49' 03"	106° 35' 57"	20° 49' 20"	106° 33' 20"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 360	KX	xã An Tiến	H. An Lão			20° 50' 18"	106° 39' 42"	20° 50' 01"	106° 29' 45"	F-48-82-A-c
đường Trần Tất Văn	KX	xã An Tiến	H. An Lão			20° 49' 21"	106° 33' 16"	20° 49' 22"	106° 33' 38"	F-48-82-A-c
Nhà máy Gốm Gò Công	KX	xã An Tiến	H. An Lão	20° 49' 45"	106° 34' 46"					F-48-82-A-c
Quốc lộ 10	KX	xã An Tiến	H. An Lão			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học An Tiến (Cơ sở 1)	KX	xã An Tiến	H. An Lão	20° 49' 34"	106° 33' 24"					F-48-82-A-c
Trường Tiểu học An Tiến (Cơ sở 2)	KX	xã An Tiến	H. An Lão	20° 50' 07"	106° 34' 36"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở An Tiến	KX	xã An Tiến	H. An Lão	20° 49' 51"	106° 33' 45"					F-48-82-A-c
núi Đầu Ngựa	SV	xã An Tiến	H. An Lão	20° 50' 32"	106° 33' 55"					F-48-82-A-c
núi Tiên Nôi	SV	xã An Tiến	H. An Lão	20° 49' 53"	106° 34' 50"					F-48-82-A-c
Núi Voi	SV	xã An Tiến	H. An Lão	20° 50' 26"	106° 34' 05"					F-48-82-A-c
núi Xuân Sơn	SV	xã An Tiến	H. An Lão	20° 49' 34"	106° 34' 35"					F-48-82-A-c
kênh Khúc Giản (Sông Cung)	TV	xã An Tiến	H. An Lão			20° 50' 56"	106° 32' 49"	20° 49' 56"	106° 32' 44"	F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã An Tiến	H. An Lão			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-c
sông Lạch Tray	TV	xã An Tiến	H. An Lão			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-c
thôn Đại Trang	DC	xã Bát Trang	H. An Lão	20° 50' 40"	106° 31' 19"					F-48-82-A-c
thôn Hạ Trang	DC	xã Bát Trang	H. An Lão	20° 51' 04"	106° 30' 10"					F-48-82-A-c
thôn Ích Trang	DC	xã Bát Trang	H. An Lão	20° 51' 00"	106° 31' 02"					F-48-82-A-c
thôn Nghĩa Trang	DC	xã Bát Trang	H. An Lão	20° 51' 01"	106° 30' 34"					F-48-82-A-c
thôn Quán Trang	DC	xã Bát Trang	H. An Lão	20° 51' 33"	106° 29' 24"					F-48-81-B-d
thôn Thượng Trang	DC	xã Bát Trang	H. An Lão	20° 51' 34"	106° 30' 41"					F-48-82-A-c
thôn Trục Trang	DC	xã Bát Trang	H. An Lão	20° 50' 37"	106° 30' 44"					F-48-82-A-c
thôn Trung Trang	DC	xã Bát Trang	H. An Lão	20° 50' 38"	106° 30' 06"					F-48-82-A-c
chùa Hạ Trang	KX	xã Bát Trang	H. An Lão	20° 51' 07"	106° 30' 09"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Đại Trạng	KX	xã Bát Trạng	H. An Lão	20° 50' 35"	106° 31' 10"					F-48-82-A-c
đình Hạ Trạng	KX	xã Bát Trạng	H. An Lão	20° 51' 12"	106° 30' 09"					F-48-82-A-c
đình Quán Trạng	KX	xã Bát Trạng	H. An Lão	20° 51' 34"	106° 29' 13"					F-48-81-B-d
đình Thượng Trạng	KX	xã Bát Trạng	H. An Lão	20° 51' 04"	106° 30' 55"					F-48-82-A-c
Đò Hệ	KX	xã Bát Trạng	H. An Lão	20° 50' 54"	106° 29' 03"					F-48-81-B-d
Đò Lau	KX	xã Bát Trạng	H. An Lão	20° 51' 51"	106° 30' 15"					F-48-82-A-c
đò Quang Hưng	KX	xã Bát Trạng	H. An Lão	20° 49' 59"	106° 31' 23"					F-48-82-A-c
Đường huyện 31	KX	xã Bát Trạng	H. An Lão			20° 49' 54"	106° 33' 02"	20° 51' 51"	106° 29' 03"	F-48-81-B-d, F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Bát Trạng	KX	xã Bát Trạng	H. An Lão	20° 51' 00"	106° 30' 39"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Bát Trạng	KX	xã Bát Trạng	H. An Lão	20° 51' 02"	106° 30' 42"					F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Bát Trạng	H. An Lão			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-81-B-d, F-48-82-A-c
sông Lạch Tray	TV	xã Bát Trạng	H. An Lão			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-81-B-d, F-48-82-A-c
sông Văn Úc	TV	xã Bát Trạng	H. An Lão			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-81-B-d
thôn Cốc Trạng	DC	xã Chiến Thắng	H. An Lão	20° 44' 59"	106° 35' 28"					F-48-82-C-a
thôn Côn Lĩnh	DC	xã Chiến Thắng	H. An Lão	20° 45' 31"	106° 34' 30"					F-48-82-A-c
thôn Kim Côn	DC	xã Chiến Thắng	H. An Lão	20° 45' 41"	106° 34' 08"					F-48-82-A-c
thôn Mông Thượng	DC	xã Chiến Thắng	H. An Lão	20° 45' 33"	106° 34' 55"					F-48-82-A-c
thôn Phương Hạ	DC	xã Chiến Thắng	H. An Lão	20° 45' 18"	106° 35' 14"					F-48-82-A-c
thôn Tân Thắng	DC	xã Chiến Thắng	H. An Lão	20° 45' 33"	106° 33' 56"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tôn Lộc	DC	xã Chiến Thắng	H. An Lão	20° 44' 45"	106° 35' 23"					F-48-82-C-a
Xóm Trại	DC	xã Chiến Thắng	H. An Lão	20° 44' 40"	106° 35' 10"					F-48-82-C-a
Cầu Khuê	KX	xã Chiến Thắng	H. An Lão	20° 44' 43"	106° 34' 25"					F-48-82-C-a
chùa Mông Thượng (chùa Hồng Tân)	KX	xã Chiến Thắng	H. An Lão	20° 45' 37"	106° 34' 47"					F-48-82-A-c
chùa Tôn Lộc (chùa Kỳ Viên)	KX	xã Chiến Thắng	H. An Lão	20° 44' 48"	106° 35' 15"					F-48-82-C-a
đỉnh Cốc Tràng	KX	xã Chiến Thắng	H. An Lão	20° 44' 56"	106° 35' 24"					F-48-82-C-a
Đường tỉnh 354	KX	xã Chiến Thắng	H. An Lão			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 38' 40"	106° 32' 31"	F-48-82-C-a, F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Chiến Thắng	KX	xã Chiến Thắng	H. An Lão	20° 45' 21"	106° 34' 48"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Chiến Thắng	KX	xã Chiến Thắng	H. An Lão	20° 45' 19"	106° 34' 51"					F-48-82-A-c
kênh trục Sông Ba La (sông Ba La)	TV	xã Chiến Thắng	H. An Lão			20° 46' 10"	106° 33' 16"	20° 47' 01"	106° 34' 31"	F-48-82-A-c
sông Văn Úc	TV	xã Chiến Thắng	H. An Lão			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-C-a, F-48-82-A-c
thôn Biều Đa	DC	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 46' 05"	106° 34' 50"					F-48-82-A-c
thôn Kim Châm	DC	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 46' 02"	106° 35' 30"					F-48-82-A-c
thôn Lang Thượng	DC	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 45' 51"	106° 35' 08"					F-48-82-A-c
thôn Minh Khai	DC	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 46' 08"	106° 36' 06"					F-48-82-A-c
thôn Quán Rễ	DC	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 46' 29"	106° 36' 40"					F-48-82-A-c
thôn Tân Nam	DC	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 45' 42"	106° 35' 52"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tiến Lập	DC	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 45' 52"	106° 35' 43"					F-48-82-A-c
xóm Tiên Hưng	DC	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 45' 27"	106° 35' 49"					F-48-82-A-c
Bệnh viện Đa khoa huyện An Lão	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 46' 02"	106° 36' 14"					F-48-82-A-c
cầu Nguyệt Áng	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 46' 54"	106° 36' 45"					F-48-82-A-c
Chợ Thái	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 45' 47"	106° 35' 36"					F-48-82-A-c
chùa Kim Châm	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 46' 13"	106° 35' 20"					F-48-82-A-c
chùa Phương Lang Thượng	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 46' 15"	106° 35' 10"					F-48-82-A-c
chùa Sái Nghi (chùa Viên Giác)	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 45' 47"	106° 35' 40"					F-48-82-A-c
đình Kim Châm	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 45' 58"	106° 35' 19"					F-48-82-A-c
đình Sái Nghi	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 45' 46"	106° 35' 40"					F-48-82-A-c
đình Tiên Hưng	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 45' 26"	106° 35' 48"					F-48-82-A-c
Đường 39A	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão			20° 45' 42"	106° 35' 31"	20° 44' 51"	106° 36' 10"	F-48-82-A-c
Đường 39B	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão			20° 45' 59"	106° 36' 03"	20° 44' 57"	106° 36' 23"	F-48-82-A-c
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-c
Đường huyện 405	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão			20° 46' 30"	106° 36' 35"	20° 45' 12"	106° 40' 05"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 354	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 38' 40"	106° 32' 31"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 362	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão			20° 48' 31"	106° 31' 46"	20° 45' 56"	106° 35' 59"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 362 (nhánh 2)	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão			20° 46' 19"	106° 36' 30"	20° 45' 17"	106° 40' 15"	F-48-82-A-c
nhà truyền thống Mỹ Lang	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 46' 14"	106° 35' 59"					F-48-82-A-c
Trường Cao đẳng Cộng đồng Hải Phòng	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 46' 48"	106° 36' 36"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Mỹ Đức 1	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 45' 49"	106° 35' 50"					F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Mỹ Đức 2	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 46' 08"	106° 35' 29"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Mỹ Đức	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 45' 51"	106° 35' 52"					F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Mỹ Đức	H. An Lão			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-c
kênh trục Sông Ba La (sông Ba La)	TV	xã Mỹ Đức	H. An Lão			20° 46' 10"	106° 33' 16"	20° 47' 01"	106° 34' 31"	F-48-82-A-c
thôn Câu Thượng	DC	xã Quang Hưng	H. An Lão	20° 49' 59"	106° 29' 59"					F-48-81-B-d
thôn Câu Trung	DC	xã Quang Hưng	H. An Lão	20° 49' 14"	106° 31' 32"					F-48-82-A-c
thôn Quang Khải	DC	xã Quang Hưng	H. An Lão	20° 49' 48"	106° 31' 17"					F-48-82-A-c
đình Câu Trung	KX	xã Quang Hưng	H. An Lão	20° 49' 12"	106° 31' 28"					F-48-82-A-c
đò Quang Hưng	KX	xã Quang Hưng	H. An Lão	20° 49' 59"	106° 31' 23"					F-48-82-A-c
Đường tỉnh 360	KX	xã Quang Hưng	H. An Lão			20° 50' 18"	106° 39' 42"	20° 50' 01"	106° 29' 45"	F-48-81-B-d,
phà Quang Thanh	KX	xã Quang Hưng	H. An Lão	20° 49' 56"	106° 29' 32"					F-48-81-B-d
Trường Tiểu học Quang Hưng	KX	xã Quang Hưng	H. An Lão	20° 49' 52"	106° 30' 08"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Quang Hưng	KX	xã Quang Hưng	H. An Lão	20° 49' 19"	106° 31' 23"					F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Quang Hưng	H. An Lão			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-81-B-d,
sông Văn Úc	TV	xã Quang Hưng	H. An Lão			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-81-B-d,
thôn Cát Tiên	DC	xã Quang Trung	H. An Lão	20° 48' 16"	106° 30' 55"					F-48-82-A-c
thôn Câu Đông	DC	xã Quang Trung	H. An Lão	20° 48' 24"	106° 31' 20"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Câu Hạ A	DC	xã Quang Trung	H. An Lão	20° 48' 51"	106° 31' 46"					F-48-82-A-c
thôn Câu Hạ B	DC	xã Quang Trung	H. An Lão	20° 48' 53"	106° 31' 16"					F-48-82-A-c
thôn Tân Trung	DC	xã Quang Trung	H. An Lão	20° 48' 29"	106° 31' 46"					F-48-82-A-c
cầu Tiên Cự	KX	xã Quang Trung	H. An Lão	20° 47' 19"	106° 30' 56"					F-48-82-A-c
chùa Cát Tiên	KX	xã Quang Trung	H. An Lão	20° 48' 21"	106° 30' 44"					F-48-82-A-c
chùa Câu Đông	KX	xã Quang Trung	H. An Lão	20° 48' 34"	106° 31' 08"					F-48-82-A-c
chùa Câu Hạ	KX	xã Quang Trung	H. An Lão	20° 48' 54"	106° 31' 05"					F-48-82-A-c
đình Câu Hạ	KX	xã Quang Trung	H. An Lão	20° 48' 54"	106° 31' 25"					F-48-82-A-c
đình Câu Hạ B	KX	xã Quang Trung	H. An Lão	20° 48' 45"	106° 31' 21"					F-48-82-A-c
Đò Sỏi	KX	xã Quang Trung	H. An Lão	20° 49' 01"	106° 30' 49"					F-48-82-A-c
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Quang Trung	H. An Lão			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 360	KX	xã Quang Trung	H. An Lão			20° 50' 18"	106° 39' 42"	20° 50' 01"	106° 29' 45"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 362	KX	xã Quang Trung	H. An Lão			20° 48' 31"	106° 31' 46"	20° 45' 56"	106° 35' 59"	F-48-82-A-c
Quốc lộ 10	KX	xã Quang Trung	H. An Lão			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Quang Trung	KX	xã Quang Trung	H. An Lão	20° 48' 48"	106° 31' 31"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Quang Trung	KX	xã Quang Trung	H. An Lão	20° 48' 24"	106° 31' 38"					F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Quang Trung	H. An Lão			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-c
sông Văn Úc	TV	xã Quang Trung	H. An Lão			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-A-c
thôn Bạch Câu	DC	xã Quốc Tuấn	H. An Lão	20° 47' 21"	106° 32' 36"					F-48-82-A-c
thôn Cẩm Văn	DC	xã Quốc Tuấn	H. An Lão	20° 48' 16"	106° 31' 58"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đầu Kiên	DC	xã Quốc Tuấn	H. An Lão	20° 49' 01"	106° 32' 20"					F-48-82-A-c
thôn Đông Nham 1	DC	xã Quốc Tuấn	H. An Lão	20° 48' 20"	106° 32' 33"					F-48-82-A-c
thôn Đông Nham 2	DC	xã Quốc Tuấn	H. An Lão	20° 48' 11"	106° 32' 51"					F-48-82-A-c
thôn Hạ Câu	DC	xã Quốc Tuấn	H. An Lão	20° 48' 28"	106° 32' 49"					F-48-82-A-c
chùa Đông Nham	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Lão	20° 48' 13"	106° 32' 34"					F-48-82-A-c
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Lão			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 360	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Lão			20° 50' 18"	106° 39' 42"	20° 50' 01"	106° 29' 45"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 362	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Lão			20° 48' 31"	106° 31' 46"	20° 45' 56"	106° 35' 59"	F-48-82-A-c
Quốc lộ 10	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Lão			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Quốc Tuấn	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Lão	20° 48' 25"	106° 32' 38"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Quốc Tuấn	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Lão	20° 48' 25"	106° 32' 35"					F-48-82-A-c
Trường Trung học phổ thông Quốc Tuấn	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Lão	20° 48' 00"	106° 32' 42"					F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Quốc Tuấn	H. An Lão			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-c
sông Văn Úc	TV	xã Quốc Tuấn	H. An Lão			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-A-c
thôn Đại Hoàng 1	DC	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 48' 25"	106° 34' 32"					F-48-82-A-c
thôn Đại Hoàng 2	DC	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 48' 14"	106° 34' 29"					F-48-82-A-c
thôn Đại Hoàng 3	DC	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 48' 11"	106° 34' 38"					F-48-82-A-c
thôn Đại Hoàng 4	DC	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 48' 07"	106° 34' 46"					F-48-82-A-c
thôn Kinh Xuyên	DC	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 48' 20"	106° 34' 08"					F-48-82-A-c
thôn Lai Hạ	DC	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 48' 03"	106° 34' 09"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lai Thị	DC	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 48' 31"	106° 34' 40"					F-48-82-A-c
thôn Lai Thượng	DC	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 48' 29"	106° 33' 58"					F-48-82-A-c
thôn Vị Xuyên	DC	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 47' 59"	106° 34' 20"					F-48-82-A-c
thôn Việt Khê	DC	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 47' 48"	106° 34' 51"					F-48-82-A-c
chùa Lai Thị (chùa Hương Mỹ)	KX	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 48' 33"	106° 34' 42"					F-48-82-A-c
chùa Việt Khê (chùa Bà Đanh)	KX	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 47' 32"	106° 34' 46"					F-48-82-A-c
đình Làng Vị Xuyên	KX	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 48' 14"	106° 34' 24"					F-48-82-A-c
Đường huyện 36	KX	xã Tân Dân	H. An Lão			20° 49' 21"	106° 33' 16"	20° 47' 35"	106° 35' 58"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Tân Dân	KX	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 48' 13"	106° 34' 26"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Tân Dân	KX	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 48' 19"	106° 34' 19"					F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Tân Dân	H. An Lão			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-c
thôn Đại Điền	DC	xã Tân Viên	H. An Lão	20° 46' 29"	106° 33' 35"					F-48-82-A-c
thôn Du Viên	DC	xã Tân Viên	H. An Lão	20° 47' 21"	106° 33' 05"					F-48-82-A-c
thôn Kinh Điền	DC	xã Tân Viên	H. An Lão	20° 46' 59"	106° 33' 14"					F-48-82-A-c
thôn Lương Câu	DC	xã Tân Viên	H. An Lão	20° 47' 40"	106° 33' 36"					F-48-82-A-c
thôn Ly Câu	DC	xã Tân Viên	H. An Lão	20° 46' 48"	106° 33' 56"					F-48-82-A-c
chợ Đường Dài	KX	xã Tân Viên	H. An Lão	20° 47' 15"	106° 33' 27"					F-48-82-A-c
chùa Khánh Vân	KX	xã Tân Viên	H. An Lão	20° 47' 51"	106° 33' 26"					F-48-82-A-c
đền Kinh Điền	KX	xã Tân Viên	H. An Lão	20° 47' 02"	106° 33' 05"					F-48-82-A-c
đình Đại Điền	KX	xã Tân Viên	H. An Lão	20° 46' 35"	106° 33' 22"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Lương Câu	KX	xã Tân Viên	H. An Lão	20° 47' 44"	106° 33' 34"					F-48-82-A-c
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Tân Viên	H. An Lão			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 362	KX	xã Tân Viên	H. An Lão			20° 48' 31"	106° 31' 46"	20° 45' 56"	106° 35' 59"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Tân Viên	KX	xã Tân Viên	H. An Lão	20° 47' 12"	106° 33' 28"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Tân Viên	KX	xã Tân Viên	H. An Lão	20° 47' 10"	106° 33' 26"					F-48-82-A-c
cổng Hoà Bình	TV	xã Tân Viên	H. An Lão	20° 46' 15"	106° 33' 10"					F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Tân Viên	H. An Lão			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-c
kênh trục Sông Ba La (sông Ba La)	TV	xã Tân Viên	H. An Lão			20° 46' 10"	106° 33' 16"	20° 47' 01"	106° 34' 31"	F-48-82-A-c
sông Văn Úc	TV	xã Tân Viên	H. An Lão			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-A-c
thôn Đoàn Dũng	DC	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 47' 42"	106° 36' 04"					F-48-82-A-c
thôn Nguyệt Áng 1	DC	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 47' 09"	106° 36' 17"					F-48-82-A-c
thôn Nguyệt Áng 2	DC	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 47' 10"	106° 36' 24"					F-48-82-A-c
thôn Nguyệt Áng 3	DC	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 47' 15"	106° 36' 30"					F-48-82-A-c
thôn Nhất Thượng	DC	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 48' 12"	106° 35' 13"					F-48-82-A-c
thôn Nhị Hải	DC	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 48' 18"	106° 35' 20"					F-48-82-A-c
thôn Phủ Niệm 1	DC	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 47' 20"	106° 35' 57"					F-48-82-A-c
thôn Phủ Niệm 2	DC	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 47' 18"	106° 35' 40"					F-48-82-A-c
thôn Phủ Niệm 3	DC	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 47' 12"	106° 35' 42"					F-48-82-A-c
thôn Tam Sơn	DC	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 48' 25"	106° 35' 35"					F-48-82-A-c
thôn Tứ Trung	DC	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 48' 06"	106° 35' 32"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Nguyệt Áng	KX	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 46' 54"	106° 36' 45"					F-48-82-A-c
Chùa Nửa (chùa Linh Sơn Tự)	KX	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 48' 30"	106° 35' 32"					F-48-82-A-c
Cụm di tích Trạng Nguyên Trần Tất Văn	KX	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 47' 26"	106° 36' 16"					F-48-82-A-c
đình Làng Áng Sơn	KX	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 48' 04"	106° 35' 32"					F-48-82-A-c
Đường huyện 36	KX	xã Thái Sơn	H. An Lão			20° 49' 21"	106° 33' 16"	20° 47' 35"	106° 35' 58"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 354	KX	xã Thái Sơn	H. An Lão			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 38' 40"	106° 32' 31"	F-48-82-A-c
Miếu Phùng	KX	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 48' 15"	106° 35' 26"					F-48-82-A-c
miếu Phùng Trung Đăng Thần	KX	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 48' 21"	106° 35' 22"					F-48-82-A-c
phố Trần Tất Văn	KX	xã Thái Sơn	H. An Lão			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 46' 55"	106° 36' 46"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Áng Sơn	KX	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 48' 19"	106° 35' 41"					F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Trần Tất Văn	KX	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 47' 26"	106° 36' 05"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Thái Sơn	KX	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 47' 33"	106° 36' 01"					F-48-82-A-c
từ đường họ Lê Hữu	KX	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 47' 13"	106° 36' 22"					F-48-82-A-c
núi Giếng Dành	SV	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 48' 42"	106° 35' 22"					F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Thái Sơn	H. An Lão			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-c
thôn Chi Lai	DC	xã Trường Thành	H. An Lão	20° 50' 35"	106° 34' 16"					F-48-82-A-c
thôn Hoà Chữ	DC	xã Trường Thành	H. An Lão	20° 50' 51"	106° 32' 44"					F-48-82-A-c
thôn Phương Chữ Bắc	DC	xã Trường Thành	H. An Lão	20° 50' 53"	106° 33' 16"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phương Chữ Đông	DC	xã Trường Thành	H. An Lão	20° 50' 48"	106° 33' 41"					F-48-82-A-c
thôn Phương Chữ Nam	DC	xã Trường Thành	H. An Lão	20° 50' 43"	106° 33' 14"					F-48-82-A-c
thôn Phương Chữ Tây	DC	xã Trường Thành	H. An Lão	20° 50' 49"	106° 33' 01"					F-48-82-A-c
thôn Thuỷ Giang	DC	xã Trường Thành	H. An Lão	20° 51' 12"	106° 33' 03"					F-48-82-A-c
cầu Trạm Bạc	KX	xã Trường Thành	H. An Lão	20° 50' 56"	106° 33' 45"					F-48-82-A-c
Chợ Cung	KX	xã Trường Thành	H. An Lão	20° 50' 55"	106° 32' 54"					F-48-82-A-c
Đường huyện 33	KX	xã Trường Thành	H. An Lão			20° 50' 44"	106° 33' 37"	20° 49' 21"	106° 33' 16"	F-48-82-A-c
Quốc lộ 10	KX	xã Trường Thành	H. An Lão			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Trường Thành	KX	xã Trường Thành	H. An Lão	20° 50' 53"	106° 33' 04"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Trường Thành	KX	xã Trường Thành	H. An Lão	20° 50' 54"	106° 33' 01"					F-48-82-A-c
núi Đầu Ngựa	SV	xã Trường Thành	H. An Lão	20° 50' 32"	106° 33' 55"					F-48-82-A-c
Núi Voi	SV	xã Trường Thành	H. An Lão	20° 50' 26"	106° 34' 05"					F-48-82-A-c
kênh Khúc Giản (Sông Cung)	TV	xã Trường Thành	H. An Lão			20° 50' 56"	106° 32' 49"	20° 49' 56"	106° 32' 44"	F-48-82-A-c
sông Lạch Tray	TV	xã Trường Thành	H. An Lão			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-c
thôn Đồng Xuân 1	DC	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 50' 26"	106° 31' 44"					F-48-82-A-c
thôn Đồng Xuân 2	DC	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 50' 14"	106° 31' 49"					F-48-82-A-c
thôn Liễu Dinh Bắc	DC	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 51' 39"	106° 32' 32"					F-48-82-A-c
thôn Liễu Dinh Nam	DC	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 51' 22"	106° 32' 28"					F-48-82-A-c
thôn Ngọc Chữ 1	DC	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 51' 02"	106° 32' 21"					F-48-82-A-c
thôn Ngọc Chữ 2	DC	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 50' 53"	106° 32' 31"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Xuân Đài 1	DC	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 50' 14"	106° 32' 08"					F-48-82-A-c
thôn Xuân Đài 2	DC	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 50' 09"	106° 32' 00"					F-48-82-A-c
Chợ Hoa	KX	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 50' 59"	106° 32' 35"					F-48-82-A-c
đình Xuân Đài	KX	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 50' 08"	106° 32' 05"					F-48-82-A-c
Đò Lái	KX	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 52' 04"	106° 32' 03"					F-48-82-A-c
Đường huyện 31	KX	xã Trường Thọ	H. An Lão			20° 49' 54"	106° 33' 02"	20° 51' 51"	106° 29' 03"	F-48-82-A-c,
Trường Tiểu học Trường Thọ (Cơ sở 1)	KX	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 50' 18"	106° 31' 59"					F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Trường Thọ (Cơ sở 2)	KX	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 50' 58"	106° 32' 36"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Trường Thọ	KX	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 50' 28"	106° 32' 18"					F-48-82-A-c
từ đường họ Phạm	KX	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 50' 07"	106° 32' 04"					F-48-82-A-c
kênh Khúc Giản (Sông Cung)	TV	xã Trường Thọ	H. An Lão			20° 50' 56"	106° 32' 49"	20° 49' 56"	106° 32' 44"	F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Trường Thọ	H. An Lão			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-c
sông Lạch Tray	TV	xã Trường Thọ	H. An Lão			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-c
tổ dân phố Cẩm Xuân	DC	TT. Núi Đối	H. Kiến Thụy	20° 45' 07"	106° 40' 00"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Cầu Đen Bắc	DC	TT. Núi Đối	H. Kiến Thụy	20° 45' 45"	106° 40' 27"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Cầu Đen Nam	DC	TT. Núi Đối	H. Kiến Thụy	20° 45' 29"	106° 40' 15"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Hồ Sen	DC	TT. Núi Đối	H. Kiến Thụy	20° 45' 07"	106° 40' 20"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Thọ Xuân 1	DC	TT. Núi Đối	H. Kiến Thụy	20° 45' 27"	106° 39' 55"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Thọ Xuân 2	DC	TT. Núi Đối	H. Kiến Thụy	20° 45' 23"	106° 39' 59"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Bệnh viện Đa khoa Kiến Thụy	KX	TT. Núi Đồi	H. Kiến Thụy	20° 45' 23"	106° 39' 51"					F-48-82-A-d
chợ Núi Đồi	KX	TT. Núi Đồi	H. Kiến Thụy	20° 45' 22"	106° 40' 03"					F-48-82-A-d
Cổng Đồi	KX	TT. Núi Đồi	H. Kiến Thụy	20° 45' 13"	106° 40' 06"					F-48-82-A-d
Đường huyện 362	KX	TT. Núi Đồi	H. Kiến Thụy			20° 45' 53"	106° 44' 18"	20° 45' 11"	106° 40' 19"	F-48-82-A-d
Đường huyện 405	KX	TT. Núi Đồi	H. Kiến Thụy			20° 46' 30"	106° 36' 35"	20° 45' 12"	106° 40' 05"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 361	KX	TT. Núi Đồi	H. Kiến Thụy			20° 47' 29"	106° 39' 24"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-A-d, F-48-82-C-b
Đường tỉnh 362	KX	TT. Núi Đồi	H. Kiến Thụy			20° 46' 19"	106° 36' 30"	20° 45' 17"	106° 40' 15"	F-48-82-A-d, F-48-82-C-b
Trường Tiểu học thị trấn Núi Đồi	KX	TT. Núi Đồi	H. Kiến Thụy	20° 45' 15"	106° 39' 55"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở thị trấn Núi Đồi	KX	TT. Núi Đồi	H. Kiến Thụy	20° 45' 17"	106° 39' 55"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Kiến Thụy	KX	TT. Núi Đồi	H. Kiến Thụy	20° 45' 19"	106° 39' 56"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ	KX	TT. Núi Đồi	H. Kiến Thụy	20° 45' 05"	106° 40' 06"					F-48-82-A-d
Núi Đồi	SV	TT. Núi Đồi	H. Kiến Thụy	20° 45' 17"	106° 39' 50"					F-48-82-A-d
kênh Cầu Đen (Sông Đào)	TV	TT. Núi Đồi	H. Kiến Thụy			20° 45' 42"	106° 40' 22"	20° 46' 16"	106° 43' 58"	F-48-82-A-d
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	TT. Núi Đồi	H. Kiến Thụy			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-d, F-48-82-C-b
Thôn 1	DC	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy	20° 44' 20"	106° 38' 17"					F-48-82-C-b
Thôn 2	DC	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy	20° 44' 36"	106° 38' 25"					F-48-82-C-b
Thôn 3	DC	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy	20° 44' 47"	106° 38' 12"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 4	DC	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy	20° 44' 43"	106° 38' 02"					F-48-82-C-b
Thôn 5	DC	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy	20° 44' 34"	106° 38' 05"					F-48-82-C-b
thôn Quán Bơ	DC	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy	20° 44' 18"	106° 37' 56"					F-48-82-C-b
chợ Du Lễ	KX	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy	20° 44' 18"	106° 38' 00"					F-48-82-C-b
chùa Trúc Am	KX	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy	20° 44' 47"	106° 37' 45"					F-48-82-C-b
đền Đồng Mục	KX	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy	20° 44' 47"	106° 37' 36"					F-48-82-C-b
Đường huyện 406	KX	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy			20° 45' 44"	106° 38' 18"	20° 44' 18"	106° 37' 58"	F-48-82-A-d, F-48-82-C-b
Đường tỉnh 362	KX	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy			20° 46' 19"	106° 36' 30"	20° 45' 17"	106° 40' 15"	F-48-82-A-c, F-48-82-C-a, F-48-82-C-b
miếu Đoài Du Lễ	KX	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy	20° 44' 44"	106° 37' 59"					F-48-82-C-b
miếu Đông Du Lễ	KX	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy	20° 44' 53"	106° 38' 09"					F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Du Lễ (Cơ sở 1)	KX	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy	20° 44' 34"	106° 38' 04"					F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Du Lễ (Cơ sở 2)	KX	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy	20° 44' 27"	106° 37' 59"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Du Lễ	KX	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy	20° 44' 11"	106° 38' 13"					F-48-82-C-b
thôn Đức Phong	DC	xã Đại Đồng	H. Kiến Thụy	20° 46' 20"	106° 40' 32"					F-48-82-A-d
thôn Phong Cầu 1	DC	xã Đại Đồng	H. Kiến Thụy	20° 46' 34"	106° 41' 01"					F-48-82-A-d
thôn Phong Cầu 2	DC	xã Đại Đồng	H. Kiến Thụy	20° 46' 34"	106° 41' 25"					F-48-82-A-d
thôn Phong Quang	DC	xã Đại Đồng	H. Kiến Thụy	20° 46' 28"	106° 41' 56"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Đại Đồng	H. Kiến Thụy			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-d
Đường huyện 401	KX	xã Đại Đồng	H. Kiến Thụy			20° 47' 24"	106° 40' 34"	20° 44' 57"	106° 40' 52"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 361	KX	xã Đại Đồng	H. Kiến Thụy			20° 47' 29"	106° 39' 24"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Đại Đồng	KX	xã Đại Đồng	H. Kiến Thụy	20° 46' 36"	106° 40' 42"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Đại Đồng	KX	xã Đại Đồng	H. Kiến Thụy	20° 46' 37"	106° 40' 42"					F-48-82-A-d
kênh Cầu Đen (Sông Đào)	TV	xã Đại Đồng	H. Kiến Thụy			20° 45' 42"	106° 40' 22"	20° 46' 16"	106° 43' 58"	F-48-82-A-d
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Đại Đồng	H. Kiến Thụy			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-d
Thôn 5	DC	xã Đại Hà	H. Kiến Thụy	20° 43' 50"	106° 40' 05"					F-48-82-C-b
thôn Cao Bộ	DC	xã Đại Hà	H. Kiến Thụy	20° 43' 18"	106° 39' 54"					F-48-82-C-b
thôn Cao Tiến	DC	xã Đại Hà	H. Kiến Thụy	20° 43' 37"	106° 39' 26"					F-48-82-C-b
thôn Ngọc Liễn	DC	xã Đại Hà	H. Kiến Thụy	20° 43' 41"	106° 39' 54"					F-48-82-C-b
thôn Nhân Trai	DC	xã Đại Hà	H. Kiến Thụy	20° 43' 07"	106° 40' 08"					F-48-82-C-b
chùa Cao Bộ	KX	xã Đại Hà	H. Kiến Thụy	20° 43' 10"	106° 39' 49"					F-48-82-C-b
chùa Nhân Trai	KX	xã Đại Hà	H. Kiến Thụy	20° 43' 03"	106° 39' 47"					F-48-82-C-b
đình Cao Bộ	KX	xã Đại Hà	H. Kiến Thụy	20° 43' 14"	106° 39' 50"					F-48-82-C-b
Đường huyện 403	KX	xã Đại Hà	H. Kiến Thụy			20° 41' 31"	106° 39' 21"	20° 43' 57"	106° 45' 30"	F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Đại Hà	KX	xã Đại Hà	H. Kiến Thụy	20° 43' 29"	106° 39' 56"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Đại Hà	KX	xã Đại Hà	H. Kiến Thụy	20° 43' 23"	106° 40' 02"					F-48-82-C-b
kênh Sông Thù (Sông Thù)	TV	xã Đại Hà	H. Kiến Thụy			20° 43' 47"	106° 40' 38"	20° 44' 30"	106° 41' 00"	F-48-82-C-b
thôn Đại Lộc 1	DC	xã Đại Hợp	H. Kiến Thụy	20° 42' 39"	106° 43' 28"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đại Lộc 2	DC	xã Đại Hợp	H. Kiến Thuy	20° 42' 34"	106° 43' 11"					F-48-82-C-b
thôn Đại Lộc 3	DC	xã Đại Hợp	H. Kiến Thuy	20° 42' 27"	106° 43' 16"					F-48-82-C-b
thôn Đại Lộc 4	DC	xã Đại Hợp	H. Kiến Thuy	20° 42' 26"	106° 43' 04"					F-48-82-C-b
thôn Đại Lộc 5	DC	xã Đại Hợp	H. Kiến Thuy	20° 42' 20"	106° 43' 09"					F-48-82-C-b
thôn Đông Tác 1	DC	xã Đại Hợp	H. Kiến Thuy	20° 41' 28"	106° 42' 53"					F-48-82-C-b
thôn Đông Tác 2	DC	xã Đại Hợp	H. Kiến Thuy	20° 41' 24"	106° 42' 34"					F-48-82-C-b
thôn Quần Mục 1	DC	xã Đại Hợp	H. Kiến Thuy	20° 41' 31"	106° 43' 10"					F-48-82-C-b
thôn Quần Mục 2	DC	xã Đại Hợp	H. Kiến Thuy	20° 41' 37"	106° 43' 14"					F-48-82-C-b
thôn Quần Mục 3	DC	xã Đại Hợp	H. Kiến Thuy	20° 41' 41"	106° 43' 28"					F-48-82-C-b
thôn Quần Mục 4	DC	xã Đại Hợp	H. Kiến Thuy	20° 41' 45"	106° 43' 34"					F-48-82-C-b
thôn Việt Tiến 1	DC	xã Đại Hợp	H. Kiến Thuy	20° 42' 12"	106° 43' 14"					F-48-82-C-b
thôn Việt Tiến 2	DC	xã Đại Hợp	H. Kiến Thuy	20° 41' 50"	106° 42' 50"					F-48-82-C-b
thôn Việt Tiến 3	DC	xã Đại Hợp	H. Kiến Thuy	20° 42' 08"	106° 42' 47"					F-48-82-C-b
chùa Đại Lộc	KX	xã Đại Hợp	H. Kiến Thuy	20° 42' 34"	106° 43' 16"					F-48-82-C-b
chùa Đông Tác	KX	xã Đại Hợp	H. Kiến Thuy	20° 41' 22"	106° 42' 39"					F-48-82-C-b
chùa Quần Mục	KX	xã Đại Hợp	H. Kiến Thuy	20° 41' 39"	106° 43' 18"					F-48-82-C-b
Đường huyện 403	KX	xã Đại Hợp	H. Kiến Thuy			20° 41' 31"	106° 39' 21"	20° 43' 57"	106° 45' 30"	F-48-82-C-b
nhà thờ Đông Tác	KX	xã Đại Hợp	H. Kiến Thuy	20° 41' 24"	106° 42' 51"					F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Đại Hợp	KX	xã Đại Hợp	H. Kiến Thuy	20° 42' 23"	106° 43' 01"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Đại Hợp	KX	xã Đại Hợp	H. Kiến Thuy	20° 42' 18"	106° 42' 58"					F-48-82-C-b
sông Văn Úc	TV	xã Đại Hợp	H. Kiến Thuy			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-C-b
thôn Đắc Lộc 1	DC	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thuy	20° 41' 43"	106° 42' 23"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đắc Lộc 2	DC	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 41' 52"	106° 42' 29"					F-48-82-C-b
thôn Đoàn Xá 1	DC	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 42' 28"	106° 41' 46"					F-48-82-C-b
thôn Đoàn Xá 2	DC	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 42' 17"	106° 41' 36"					F-48-82-C-b
thôn Đoàn Xá 3	DC	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 42' 26"	106° 40' 54"					F-48-82-C-b
thôn Đoàn Xá 4	DC	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 42' 33"	106° 41' 31"					F-48-82-C-b
thôn Đông Xá	DC	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 42' 04"	106° 42' 20"					F-48-82-C-b
thôn Lộc Xá	DC	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 42' 45"	106° 41' 47"					F-48-82-C-b
thôn Nam Hải	DC	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 41' 26"	106° 41' 54"					F-48-82-C-b
thôn Phúc Xá	DC	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 41' 35"	106° 42' 24"					F-48-82-C-b
chợ Thiên Lộc	KX	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 41' 47"	106° 42' 37"					F-48-82-C-b
chùa Đoàn Xá	KX	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 42' 37"	106° 41' 43"					F-48-82-C-b
cổng Cầu Đen	KX	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 42' 46"	106° 42' 14"					F-48-82-C-b
cổng Cổ Tiểu 1	KX	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 42' 22"	106° 41' 00"					F-48-82-C-b
Cổng Thông	KX	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 41' 54"	106° 41' 24"					F-48-82-C-b
Đò Đáy	KX	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 41' 39"	106° 41' 22"					F-48-82-C-b
Đường huyện 403	KX	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy			20° 41' 31"	106° 39' 21"	20° 43' 57"	106° 45' 30"	F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Đoàn Xá (Khu A)	KX	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 41' 56"	106° 42' 40"					F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Đoàn Xá (Khu B)	KX	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 42' 28"	106° 41' 37"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Đoàn Xá	KX	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 41' 58"	106° 42' 25"					F-48-82-C-b
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Văn Úc	TV	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-C-b
thôn Đại Trà Đức	DC	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy	20° 47' 01"	106° 40' 36"					F-48-82-A-d
thôn Đại Trà Hải	DC	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy	20° 46' 43"	106° 40' 39"					F-48-82-A-d
thôn Đại Trà Hồng	DC	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy	20° 47' 03"	106° 40' 50"					F-48-82-A-d
thôn Đại Trà Sơn	DC	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy	20° 46' 50"	106° 40' 47"					F-48-82-A-d
thôn Lạng Côn Hải	DC	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy	20° 46' 40"	106° 40' 25"					F-48-82-A-d
thôn Lạng Côn Hà	DC	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy	20° 46' 34"	106° 40' 26"					F-48-82-A-d
chùa Đại Linh	KX	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy	20° 47' 02"	106° 40' 34"					F-48-82-A-d
chùa Sùng Khánh	KX	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy	20° 46' 43"	106° 40' 23"					F-48-82-A-d
đình Đại Trà	KX	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy	20° 47' 08"	106° 40' 41"					F-48-82-A-d
đình Lạng Côn	KX	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy	20° 46' 43"	106° 40' 23"					F-48-82-A-d
Đồ Song	KX	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy	20° 46' 30"	106° 40' 01"					F-48-82-A-d
Đường huyện 401	KX	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy			20° 47' 24"	106° 40' 34"	20° 44' 57"	106° 40' 52"	F-48-82-A-d
đường Kênh Hoà Bình	KX	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy			20° 47' 38"	106° 42' 49"	20° 47' 01"	106° 39' 56"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 361	KX	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy			20° 47' 29"	106° 39' 24"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 363	KX	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy			20° 47' 38"	106° 42' 49"	20° 42' 59"	106° 40' 06"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Đông Phương	KX	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy	20° 46' 40"	106° 40' 36"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Đông Phương	KX	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy	20° 46' 46"	106° 40' 33"					F-48-82-A-d
từ đường Nguyễn Như Quế	KX	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy	20° 47' 05"	106° 40' 36"					F-48-82-A-d
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Kim Đới 1	DC	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 33"	106° 39' 20"					F-48-82-A-d
thôn Kim Đới 2	DC	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 52"	106° 39' 38"					F-48-82-A-d
thôn Kim Đới 3	DC	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 46' 12"	106° 39' 24"					F-48-82-A-d
thôn Tam Kiệt	DC	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 48"	106° 39' 56"					F-48-82-A-d
thôn Văn Cao	DC	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 58"	106° 38' 34"					F-48-82-A-d
thôn Văn Hoà	DC	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 32"	106° 38' 56"					F-48-82-A-d
chợ Văn Hoà	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 39"	106° 39' 02"					F-48-82-A-d
chùa Kim Đới 3	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 46' 23"	106° 39' 35"					F-48-82-A-d
chùa Kim Đới I	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 38"	106° 39' 18"					F-48-82-A-d
chùa Ngọc Long	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 46' 29"	106° 39' 58"					F-48-82-A-d
chùa Quỳnh Hoa	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 46' 02"	106° 39' 49"					F-48-82-A-d
chùa Văn Cao	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 46' 06"	106° 38' 31"					F-48-82-A-d
chùa Văn Hoà	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 25"	106° 38' 57"					F-48-82-A-d
đình Văn Cao	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 53"	106° 38' 39"					F-48-82-A-d
đình Văn Hoà	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 22"	106° 38' 59"					F-48-82-A-d
Đò Song	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 46' 30"	106° 40' 01"					F-48-82-A-d
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 363	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy			20° 47' 38"	106° 42' 49"	20° 42' 59"	106° 40' 06"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Hữu Bằng	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 41"	106° 39' 16"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Hữu Bằng	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 41"	106° 39' 12"					F-48-82-A-d
từ đường họ Đặng	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 35"	106° 39' 01"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-d
Thôn 1	DC	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 44' 13"	106° 38' 29"					F-48-82-C-b
Thôn 2	DC	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 44' 07"	106° 38' 38"					F-48-82-C-b
Thôn 3	DC	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 44' 03"	106° 38' 28"					F-48-82-C-b
Thôn 4	DC	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 58"	106° 38' 15"					F-48-82-C-b
Thôn 5	DC	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 50"	106° 38' 22"					F-48-82-C-b
Thôn 6	DC	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 37"	106° 38' 25"					F-48-82-C-b
Thôn 7	DC	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 45"	106° 38' 07"					F-48-82-C-b
Thôn 8	DC	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 33"	106° 38' 35"					F-48-82-C-b
Thôn 9	DC	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 42"	106° 38' 58"					F-48-82-C-b
chợ Kiến Quốc	KX	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 52"	106° 38' 15"					F-48-82-C-b
chùa Tú Đôi	KX	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 56"	106° 38' 08"					F-48-82-C-b
cổng Đồng Théo	KX	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 01"	106° 38' 28"					F-48-82-C-b
cổng Hoà Bình	KX	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 15"	106° 37' 38"					F-48-82-C-b
đình Tú Đôi	KX	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 56"	106° 38' 28"					F-48-82-C-b
Đường tỉnh 362	KX	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy			20° 46' 19"	106° 36' 30"	20° 45' 17"	106° 40' 15"	F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Kiến Quốc	KX	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 44' 03"	106° 38' 22"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Kiến Quốc	KX	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 44' 07"	106° 38' 18"					F-48-82-C-b
từ đường họ Nguyễn Sỹ	KX	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 52"	106° 38' 22"					F-48-82-C-b
sông Văn Úc	TV	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-C-b
thôn Cốc Liễn 1	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 44' 53"	106° 41' 37"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cốc Liễn 2	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 45' 01"	106° 41' 43"					F-48-82-A-d
thôn Đoàn Kết	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 45' 31"	106° 41' 15"					F-48-82-A-d
thôn Tân Linh	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 45' 18"	106° 40' 35"					F-48-82-A-d
thôn Thấp Linh	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 45' 26"	106° 41' 32"					F-48-82-A-d
thôn Thọ Linh	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 45' 32"	106° 40' 56"					F-48-82-A-d
thôn Thống Nhất	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 45' 23"	106° 40' 58"					F-48-82-A-d
thôn Thù Du	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 44' 50"	106° 41' 07"					F-48-82-C-b
thôn Vũ Vị	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 45' 08"	106° 41' 00"					F-48-82-A-d
chùa Cốc Liễn	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 44' 54"	106° 41' 32"					F-48-82-C-b
đình Cốc Liễn	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 44' 52"	106° 41' 33"					F-48-82-C-b
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-d
Đường huyện 362	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy			20° 45' 53"	106° 44' 18"	20° 45' 11"	106° 40' 19"	F-48-82-A-d
Đường huyện 401	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy			20° 47' 24"	106° 40' 34"	20° 44' 57"	106° 40' 52"	F-48-82-A-d, F-48-82-C-b
Đường tỉnh 361	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy			20° 47' 29"	106° 39' 24"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Minh Tân	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 45' 14"	106° 41' 18"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Minh Tân	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 45' 12"	106° 41' 19"					F-48-82-A-d
kênh Cầu Đen (Sông Đào)	TV	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy			20° 45' 42"	106° 40' 22"	20° 46' 16"	106° 43' 58"	F-48-82-A-d
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-C-b
thôn Đại Thắng	DC	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 43' 21"	106° 40' 34"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Rỏi	DC	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 44' 03"	106° 40' 45"					F-48-82-C-b
thôn Dương Thắng	DC	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 43' 09"	106° 40' 30"					F-48-82-C-b
thôn Hoà Nhất	DC	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 43' 43"	106° 41' 02"					F-48-82-C-b
thôn Tiền Anh	DC	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 43' 35"	106° 41' 00"					F-48-82-C-b
Thôn Trúc	DC	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 43' 30"	106° 40' 34"					F-48-82-C-b
chùa Cổ Trai	KX	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 42' 58"	106° 40' 15"					F-48-82-C-b
khu tưởng niệm Vương triều Mạc	KX	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 42' 57"	106° 40' 27"					F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Ngũ Đoan	KX	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 43' 28"	106° 40' 45"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Ngũ Đoan	KX	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 43' 29"	106° 40' 42"					F-48-82-C-b
từ đường họ Mạc	KX	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 43' 22"	106° 40' 34"					F-48-82-C-b
kênh Sông Thủ (Sông Thủ)	TV	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy			20° 43' 47"	106° 40' 38"	20° 44' 30"	106° 41' 00"	F-48-82-C-b
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-C-b
thôn Mai Dương	DC	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 43' 48"	106° 36' 40"					F-48-82-C-a
thôn Nghi Dương	DC	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 44' 08"	106° 37' 38"					F-48-82-C-b
thôn Xuân Chiếng	DC	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 44' 30"	106° 37' 19"					F-48-82-C-a
thôn Xuân Đoài	DC	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 44' 09"	106° 36' 55"					F-48-82-C-a
thôn Xuân Đông	DC	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 44' 18"	106° 37' 16"					F-48-82-C-a
Xóm Trại	DC	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 43' 30"	106° 37' 05"					F-48-82-C-a
bến dò Sáu	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 42' 44"	106° 36' 37"					F-48-82-C-a
chùa Mai Dương	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 43' 45"	106° 36' 43"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Xuân Chiếng	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 44' 30"	106° 37' 08"					F-48-82-C-a
đền Chùa Mõ	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 44' 14"	106° 37' 50"					F-48-82-C-b
đình Mai Dương	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 43' 53"	106° 36' 43"					F-48-82-C-a
đình Xuân Chiếng	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 44' 22"	106° 37' 16"					F-48-82-C-a
đình Xuân Đoài	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 44' 04"	106° 36' 47"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Ngũ Phúc	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 44' 08"	106° 37' 27"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Ngũ Phúc	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 43' 59"	106° 37' 35"					F-48-82-C-b
sông Văn Úc	TV	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-C-a, F-48-82-C-b
thôn Kính Trục	DC	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 16"	106° 43' 36"					F-48-82-C-b
thôn Lão Phong 1	DC	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 43' 18"	106° 41' 57"					F-48-82-C-b
thôn Lão Phong 2	DC	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 03"	106° 42' 20"					F-48-82-C-b
thôn Lão Phú	DC	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 37"	106° 42' 36"					F-48-82-C-b
thôn Thái Lai	DC	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 44"	106° 42' 13"					F-48-82-C-b
chùa Hàm Long	KX	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 01"	106° 42' 08"					F-48-82-C-b
Đầm Bầu	KX	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 11"	106° 43' 15"					F-48-82-C-b
đền Thái Lai	KX	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 30"	106° 42' 01"					F-48-82-C-b
đình Thái Lai	KX	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 35"	106° 42' 09"					F-48-82-C-b
Đường tỉnh 361	KX	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy			20° 47' 29"	106° 39' 24"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-C-b
miếu Kính Trục	KX	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 06"	106° 42' 53"					F-48-82-C-b
nhà thờ Lão Phú	KX	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 32"	106° 42' 33"					F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Tân Phong	KX	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 13"	106° 42' 13"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Tân Phong	KX	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 18"	106° 42' 14"					F-48-82-C-b
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-C-b
kênh trục Sông Sàng (Sông Sàng)	TV	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy			20° 44' 42"	106° 43' 40"	20° 43' 28"	106° 44' 09"	F-48-82-C-b
thôn Đa Ngư	DC	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 04"	106° 39' 37"					F-48-82-C-b
thôn Kim Sơn	DC	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 42"	106° 39' 43"					F-48-82-C-b
thôn Kỳ Sơn	DC	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 43' 05"	106° 39' 22"					F-48-82-C-b
thôn Ngọc Tinh	DC	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 54"	106° 39' 32"					F-48-82-C-b
chùa Kim Sơn	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 38"	106° 39' 32"					F-48-82-C-b
chùa Kỳ Sơn	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 43' 09"	106° 39' 28"					F-48-82-C-b
chùa Ngọc Tinh	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 52"	106° 39' 27"					F-48-82-C-b
đình Kim Sơn	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 45"	106° 39' 47"					F-48-82-C-b
đình Kỳ Sơn	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 43' 08"	106° 39' 23"					F-48-82-C-b
Đường huyện 403	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy			20° 41' 31"	106° 39' 21"	20° 43' 57"	106° 45' 30"	F-48-82-C-b
phà Dương Áo	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 41' 23"	106° 39' 18"					F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Tân Trào	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 50"	106° 39' 41"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Tân Trào	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 50"	106° 39' 40"					F-48-82-C-b
từ đường họ Nguyễn Duy	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 39"	106° 39' 40"					F-48-82-C-b
từ đường, lăng tổ họ Đoàn Đắc	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 51"	106° 39' 49"					F-48-82-C-b
sông Văn Úc	TV	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cẩm Hoàn	DC	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 37"	106° 40' 07"					F-48-82-C-b
thôn Cẩm La	DC	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 44"	106° 39' 43"					F-48-82-C-b
thôn Xuân La	DC	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 59"	106° 39' 41"					F-48-82-C-b
chùa Bà Sét	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 55"	106° 40' 13"					F-48-82-C-b
chùa Linh Sơn	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 48"	106° 39' 27"					F-48-82-C-b
chùa Vĩnh Khánh	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 38"	106° 39' 36"					F-48-82-C-b
đỉnh Cẩm Hoàn	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 46"	106° 40' 09"					F-48-82-C-b
đỉnh Cẩm La	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 27"	106° 39' 43"					F-48-82-C-b
đỉnh Xuân La	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 45' 05"	106° 39' 39"					F-48-82-A-d
Đường tỉnh 362	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy			20° 46' 19"	106° 36' 30"	20° 45' 17"	106° 40' 15"	F-48-82-C-b
Đường tỉnh 363	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy			20° 47' 38"	106° 42' 49"	20° 42' 59"	106° 40' 06"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Thanh Sơn	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 52"	106° 39' 48"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Thanh Sơn	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 51"	106° 39' 47"					F-48-82-C-b
văn miếu Xuân La	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 45' 13"	106° 39' 47"					F-48-82-C-b
Núi Chè	SV	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 44"	106° 39' 30"					F-48-82-C-b
kênh Sông Thù (Sông Thù)	TV	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy			20° 43' 47"	106° 40' 38"	20° 44' 30"	106° 41' 00"	F-48-82-C-b
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-C-b
thôn Hoà Liễu	DC	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 45' 31"	106° 38' 31"					F-48-82-A-d
thôn Úc Gián	DC	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 46' 25"	106° 37' 46"					F-48-82-A-d
thôn Xuân Úc	DC	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 45' 59"	106° 37' 43"					F-48-82-A-d
chùa Hoà Liễu	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 45' 23"	106° 38' 08"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Úc Gián	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 46' 22"	106° 37' 19"					F-48-82-A-c
chùa Xuân Úc	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 46' 08"	106° 37' 23"					F-48-82-A-c
đền Hoà Liễu	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 45' 23"	106° 38' 08"					F-48-82-A-d
Đò Vọ	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 47' 05"	106° 37' 54"					F-48-82-A-d
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
Đường huyện 405	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy			20° 46' 30"	106° 36' 35"	20° 45' 12"	106° 40' 05"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
Đường huyện 406	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy			20° 45' 44"	106° 38' 18"	20° 44' 18"	106° 37' 58"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Thuận Thiên	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 46' 05"	106° 37' 53"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Thuận Thiên	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 46' 07"	106° 37' 53"					F-48-82-A-d
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
thôn Phương Đôi	DC	xã Thụy Hương	H. Kiến Thụy	20° 45' 07"	106° 38' 53"					F-48-82-A-d
thôn Quế Lâm	DC	xã Thụy Hương	H. Kiến Thụy	20° 44' 17"	106° 39' 15"					F-48-82-C-b
thôn Trà Phương	DC	xã Thụy Hương	H. Kiến Thụy	20° 44' 41"	106° 39' 07"					F-48-82-C-b
chùa Phương Đôi	KX	xã Thụy Hương	H. Kiến Thụy	20° 45' 08"	106° 38' 47"					F-48-82-A-d
chùa Quế Lâm	KX	xã Thụy Hương	H. Kiến Thụy	20° 44' 08"	106° 39' 25"					F-48-82-C-b
chùa Trà Phương	KX	xã Thụy Hương	H. Kiến Thụy	20° 44' 43"	106° 38' 54"					F-48-82-A-d
Đường tỉnh 362	KX	xã Thụy Hương	H. Kiến Thụy			20° 46' 19"	106° 36' 30"	20° 45' 17"	106° 40' 15"	F-48-82-C-b
Đường tỉnh 363	KX	xã Thụy Hương	H. Kiến Thụy			20° 47' 38"	106° 42' 49"	20° 42' 59"	106° 40' 06"	F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Thuy Hương	KX	xã Thuy Hương	H. Kiến Thuy	20° 44' 33"	106° 38' 57"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Thuy Hương	KX	xã Thuy Hương	H. Kiến Thuy	20° 44' 36"	106° 38' 55"					F-48-82-C-b
Trường Trung học phổ thông Thuy Hương	KX	xã Thuy Hương	H. Kiến Thuy	20° 44' 38"	106° 39' 15"					F-48-82-C-b
Núi Chè	SV	xã Thuy Hương	H. Kiến Thuy	20° 44' 44"	106° 39' 30"					F-48-82-C-b
Thôn 1	DC	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy	20° 43' 06"	106° 42' 58"					F-48-82-C-b
Thôn 2	DC	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy	20° 43' 14"	106° 43' 03"					F-48-82-C-b
Thôn 3	DC	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy	20° 43' 04"	106° 43' 25"					F-48-82-C-b
Thôn 4	DC	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy	20° 43' 05"	106° 43' 12"					F-48-82-C-b
Thôn 5	DC	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy	20° 42' 52"	106° 43' 20"					F-48-82-C-b
Thôn 6	DC	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy	20° 42' 49"	106° 43' 38"					F-48-82-C-b
Thôn 7	DC	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy	20° 43' 15"	106° 43' 49"					F-48-82-C-b
Thôn 8	DC	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy	20° 43' 23"	106° 43' 56"					F-48-82-C-b
Thôn 9	DC	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy	20° 43' 12"	106° 44' 09"					F-48-82-C-b
Bệnh viện Kiến Thuy	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy	20° 42' 54"	106° 43' 34"					F-48-82-C-b
chùa Đại Tâm	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy	20° 43' 03"	106° 43' 47"					F-48-82-C-b
chùa Đại Thống	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy	20° 42' 44"	106° 43' 13"					F-48-82-C-b
chùa Đại Vĩnh	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy	20° 43' 20"	106° 43' 46"					F-48-82-C-b
cổng Cầu Đen	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy	20° 42' 46"	106° 42' 14"					F-48-82-C-b
Đường huyện 403	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy			20° 41' 31"	106° 39' 21"	20° 43' 57"	106° 45' 30"	F-48-82-C-b
Đường tỉnh 361	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy			20° 47' 29"	106° 39' 24"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
miếu Quan Đề Tào	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 43' 18"	106° 43' 13"					F-48-82-C-b
miếu Tân Khánh Điện	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 43' 06"	106° 43' 22"					F-48-82-C-b
miếu Vua Bà	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 43' 26"	106° 43' 56"					F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Tú Sơn (cơ sở 1)	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 42' 59"	106° 43' 30"					F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Tú Sơn (cơ sở 2)	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 43' 06"	106° 43' 44"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Tú Sơn khu 1	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 42' 51"	106° 43' 37"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Tú Sơn khu 2	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 42' 53"	106° 43' 39"					F-48-82-C-b
Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đức Cảnh	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 42' 48"	106° 43' 30"					F-48-82-C-b
kênh trục Sông Họng (Sông Họng)	TV	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy			20° 43' 28"	106° 44' 09"	20° 42' 58"	106° 45' 55"	F-48-82-C-b
kênh trục Sông Sàng (Sông Sàng)	TV	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy			20° 44' 42"	106° 43' 40"	20° 43' 28"	106° 44' 09"	F-48-82-C-b
tổ dân phố Bạch Đằng	DC	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 16"	106° 45' 03"					F-48-82-B-a
tổ dân phố Chiến Thắng	DC	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 26"	106° 45' 04"					F-48-82-B-a
tổ dân phố Đà Nẵng	DC	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 18"	106° 44' 28"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Hoàng Long	DC	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 16"	106° 44' 11"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Hoàng Tôn	DC	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 31"	106° 44' 33"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Phụng Hoàng	DC	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 29"	106° 44' 25"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Quyết Hùng	DC	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 48"	106° 43' 37"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Quyết Tâm	DC	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 43"	106° 44' 12"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Quyết Thắng	DC	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 19"	106° 44' 04"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Quyết Thành	DC	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 19"	106° 44' 57"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Quyết Tiến	DC	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 29"	106° 43' 34"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Thắng Lợi	DC	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 48"	106° 44' 47"					F-48-82-A-b
cầu Tràng Kênh	KX	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 51"	106° 44' 53"					F-48-82-A-b
chợ Tràng Kênh	KX	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 16"	106° 44' 27"					F-48-82-A-b
Công ty cổ phần Hoá chất Minh Đức	KX	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 55"	106° 43' 53"					F-48-82-A-b
Công ty liên danh Xi măng Chinfon	KX	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 37"	106° 45' 30"					F-48-82-B-a
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đóng tàu Phà Rừng	KX	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 11"	106° 44' 34"					F-48-82-A-b
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	KX	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 58"	106° 45' 26"					F-48-82-B-a
Cụm di tích Tràng Kênh Bạch Đằng	KX	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 53"	106° 45' 40"					F-48-82-B-a
đền Trần Quốc Bảo	KX	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 25"	106° 44' 42"					F-48-82-A-b
đường Bạch Đằng	KX	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên			20° 57' 49"	106° 44' 52"	20° 56' 48"	106° 44' 25"	F-48-82-A-b
đường Tân Đức	KX	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên			20° 58' 01"	106° 40' 08"	20° 57' 40"	106° 44' 52"	F-48-82-A-b
Trường Tiểu học thị trấn Minh Đức	KX	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 19"	106° 44' 23"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở thị trấn Minh Đức	KX	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 20"	106° 44' 28"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Hoàng Tôn	SV	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 30"	106° 44' 40"					F-48-82-A-b
núi Phượng Hoàng	SV	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 29"	106° 43' 54"					F-48-82-A-b
núi Sa Gạc	SV	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 58"	106° 43' 12"					F-48-82-A-b
núi Thần Vi	SV	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 31"	106° 43' 02"					F-48-82-A-b
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-82-A-b, F-48-82-B-a
sông Bạch Đằng	TV	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 34"	106° 45' 14"	20° 50' 01"	106° 48' 06"	F-48-82-B-a
Sông Liễu	TV	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên			20° 58' 45"	106° 43' 44"	20° 58' 24"	106° 45' 42"	F-48-82-A-b, F-48-82-B-a
Sông Thái	TV	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 06"	106° 41' 29"	20° 57' 48"	106° 45' 48"	F-48-82-A-b, F-48-82-B-a
tổ dân phố 25/10	DC	TT. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 09"	106° 40' 14"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Bạch Đằng I	DC	TT. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 20"	106° 40' 40"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Bạch Đằng II	DC	TT. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 14"	106° 40' 39"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Đà Nẵng	DC	TT. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 56"	106° 40' 22"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Hàm Long	DC	TT. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 04"	106° 40' 40"					F-48-82-A-b
chùa Hàm Long	KX	TT. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 04"	106° 40' 38"					F-48-82-A-b
đền Phò Mã	KX	TT. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 15"	106° 40' 32"					F-48-82-A-b
Đình Thượng	KX	TT. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 02"	106° 40' 37"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 351	KX	TT. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên			20° 55' 06"	106° 40' 23"	20° 54' 41"	106° 35' 06"	F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359	KX	TT. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên			20° 52' 51"	106° 40' 06"	20° 56' 19"	106° 45' 47"	F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359C	KX	TT. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên			20° 55' 18"	106° 40' 42"	20° 56' 46"	106° 40' 11"	F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học thị trấn Núi Đèo	KX	TT. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 02"	106° 40' 15"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở thị trấn Núi Đèo	KX	TT. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 57"	106° 40' 26"					F-48-82-A-b
núi Hàm Long	SV	TT. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 06"	106° 40' 34"					F-48-82-A-b
núi Sơn Đào	SV	TT. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 58"	106° 39' 48"					F-48-82-A-b
thôn An Bình	DC	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 40"	106° 41' 32"					F-48-82-A-b
thôn An Hồ	DC	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 49"	106° 41' 34"					F-48-82-A-b
thôn An Hoà	DC	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 38"	106° 41' 40"					F-48-82-A-b
thôn An Lập	DC	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 30"	106° 41' 48"					F-48-82-A-b
thôn An Lợi	DC	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 54"	106° 41' 47"					F-48-82-A-b
thôn An Nội	DC	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 33"	106° 41' 40"					F-48-82-A-b
thôn An Thắng	DC	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 52"	106° 41' 41"					F-48-82-A-b
thôn An Tiến	DC	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 43"	106° 41' 41"					F-48-82-A-b
thôn An Trại	DC	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 24"	106° 41' 45"					F-48-82-A-b
Thôn Bắc	DC	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 59"	106° 41' 41"					F-48-82-A-b
thôn Cây Đa	DC	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 08"	106° 41' 57"					F-48-82-A-b
thôn Sáu Phiền	DC	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 39"	106° 42' 07"					F-48-82-A-b
Thôn Sim	DC	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 09"	106° 41' 38"					F-48-82-A-b
chùa An Lư	KX	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 54"	106° 41' 36"					F-48-82-A-b
đền An Lư	KX	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 54"	106° 41' 36"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359	KX	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên			20° 52' 51"	106° 40' 06"	20° 56' 19"	106° 45' 47"	F-48-82-A-b
Khu kinh tế Đình Vũ	KX	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 24"	106° 42' 10"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học An Lư	KX	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 48"	106° 42' 11"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở An Lư	KX	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 44"	106° 41' 48"					F-48-82-A-b
sông Ruột Lợn	TV	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên			20° 52' 50"	106° 42' 13"	20° 52' 48"	106° 44' 54"	F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 07"	106° 34' 36"					F-48-82-A-a
Thôn 2	DC	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 09"	106° 34' 25"					F-48-82-A-a
Thôn 3	DC	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 05"	106° 34' 19"					F-48-82-A-a
Thôn 4	DC	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 30"	106° 34' 19"					F-48-82-A-a
Thôn 5	DC	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 50"	106° 34' 39"					F-48-82-A-a
Thôn 6	DC	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 01"	106° 34' 02"					F-48-82-A-a
Thôn 7	DC	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 11"	106° 34' 02"					F-48-82-A-a
Thôn 8	DC	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 26"	106° 34' 06"					F-48-82-A-a
Thôn 9	DC	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 57"	106° 33' 49"					F-48-82-A-a
Thôn 10	DC	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 04"	106° 33' 35"					F-48-70-C-c
Thôn 11	DC	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 09"	106° 33' 18"					F-48-70-C-c
Thôn 12	DC	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 38"	106° 33' 32"					F-48-82-A-a
chợ An Sơn	KX	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 15"	106° 34' 19"					F-48-82-A-a
Cụm di tích Trại Sơn	KX	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 17"	106° 33' 46"					F-48-70-C-c
đò Bến Dinh	KX	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 14"	106° 33' 40"					F-48-82-A-a
đò Bến Gác	KX	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 50"	106° 33' 10"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học An Sơn (Khu A)	KX	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 13"	106° 34' 15"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học An Sơn (Khu B)	KX	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 49"	106° 33' 55"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở An Sơn	KX	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 09"	106° 34' 04"					F-48-82-A-a
núi An Sơn	SV	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 59"	106° 34' 26"					F-48-82-A-a
núi Trại Sơn	SV	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 24"	106° 33' 42"					F-48-70-C-c
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-70-C-c, F-48-82-A-a
sông Hàn Mầu	TV	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 16"	106° 33' 16"	21° 01' 16"	106° 36' 32"	F-48-70-C-c
sông Kinh Thầy	TV	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 16"	106° 33' 16"	20° 56' 52"	106° 35' 22"	F-48-70-C-c, F-48-82-A-a
Thôn 1	DC	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 47"	106° 37' 01"					F-48-82-A-a
Thôn 2	DC	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 53"	106° 36' 51"					F-48-82-A-a
Thôn 3	DC	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 52"	106° 36' 32"					F-48-82-A-a
Thôn 4	DC	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 03"	106° 37' 07"					F-48-82-A-a
Thôn 5	DC	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 17"	106° 37' 05"					F-48-82-A-a
Thôn 6	DC	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 20"	106° 37' 17"					F-48-82-A-a
Thôn 7	DC	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 36"	106° 37' 02"					F-48-82-A-a
Thôn 8	DC	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 43"	106° 37' 18"					F-48-82-A-a
Thôn 9	DC	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 31"	106° 37' 28"					F-48-82-A-a
chùa Nhân Lý	KX	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 08"	106° 36' 37"					F-48-82-A-a
chùa Thái Lai	KX	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 02"	106° 36' 40"					F-48-82-A-a
đình Thái Lai	KX	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 01"	106° 36' 38"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 352	KX	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên			20° 55' 24"	106° 38' 30"	21° 01' 10"	106° 36' 44"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Cao Nhân (Khu A)	KX	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 15"	106° 37' 07"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Cao Nhân (Khu B)	KX	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 44"	106° 36' 47"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Cao Nhân	KX	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 10"	106° 37' 05"					F-48-82-A-a
Trường Trung học phổ thông Quang Trung	KX	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 39"	106° 37' 33"					F-48-82-A-b
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-b
Sông Cẩm	TV	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-a
Thôn 1	DC	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 18"	106° 37' 41"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 16"	106° 37' 28"					F-48-82-A-a
Thôn 3	DC	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 21"	106° 37' 22"					F-48-82-A-a
Thôn 4	DC	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 18"	106° 37' 07"					F-48-82-A-a
Thôn 5	DC	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 07"	106° 37' 20"					F-48-82-A-a
Thôn 6	DC	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 54"	106° 37' 39"					F-48-82-A-a
Thôn 7	DC	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 40"	106° 37' 51"					F-48-82-A-b
Thôn 8	DC	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 47"	106° 37' 50"					F-48-82-A-b
Thôn 9	DC	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 00"	106° 37' 09"					F-48-82-A-a
Thôn 10	DC	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 46"	106° 37' 18"					F-48-82-A-a
Thôn 11	DC	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 35"	106° 37' 39"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 12	DC	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 41"	106° 37' 36"					F-48-82-A-a
cầu Minh Đức	KX	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 34"	106° 37' 55"					F-48-82-A-b
chùa Linh Sơn Tự	KX	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 47"	106° 37' 33"					F-48-82-A-a
đỉnh Hân Cầu	KX	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 41"	106° 37' 47"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 352	KX	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên			20° 55' 24"	106° 38' 30"	21° 01' 10"	106° 36' 44"	F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Chính Mỹ	KX	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 13"	106° 37' 25"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Chính Mỹ	KX	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 50"	106° 37' 25"					F-48-82-A-a
núi Dương Chính	SV	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 32"	106° 37' 40"					F-48-82-A-b
núi Giếng Trê	SV	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 51"	106° 37' 28"					F-48-82-A-a
núi Núi Đồn	SV	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 43"	106° 37' 19"					F-48-82-A-a
núi Sơn Đào	SV	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 09"	106° 37' 07"					F-48-82-A-a
đập Minh Đức	TV	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 34"	106° 37' 55"					F-48-82-A-b
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-b
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-82-A-b
thôn Ấp Tràn	DC	xã Dương Quan	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 46"	106° 41' 28"					F-48-82-A-b
thôn Bắc Vang	DC	xã Dương Quan	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 07"	106° 41' 09"					F-48-82-A-b
thôn Bãi Cát	DC	xã Dương Quan	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 32"	106° 41' 26"					F-48-82-A-b
thôn Chân Lằm	DC	xã Dương Quan	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 23"	106° 41' 03"					F-48-82-A-b
thôn Đầu Cầu	DC	xã Dương Quan	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 38"	106° 41' 21"					F-48-82-A-b
Thôn Đông	DC	xã Dương Quan	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 00"	106° 41' 09"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đông Nhà Thờ	DC	xã Dương Quan	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 18"	106° 41' 23"					F-48-82-A-b
thôn Lò Vôi	DC	xã Dương Quan	H. Thuỷ Nguyên	20° 52' 51"	106° 41' 04"					F-48-82-A-b
Thôn Nam	DC	xã Dương Quan	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 45"	106° 41' 06"					F-48-82-A-b
thôn Tây Giữa	DC	xã Dương Quan	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 56"	106° 41' 00"					F-48-82-A-b
thôn Tây Nhà Thờ	DC	xã Dương Quan	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 13"	106° 41' 12"					F-48-82-A-b
thôn Thầu Đâu	DC	xã Dương Quan	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 09"	106° 41' 19"					F-48-82-A-b
bến phà Máy Chai	KX	xã Dương Quan	H. Thuỷ Nguyên	20° 52' 43"	106° 42' 13"					F-48-82-A-b
chùa Tà Quan	KX	xã Dương Quan	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 42"	106° 41' 01"					F-48-82-A-b
Công ty trách nhiệm hữu hạn Regina Miracle International Việt Nam	KX	xã Dương Quan	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 24"	106° 41' 11"					F-48-82-A-b
đền Tá Lan	KX	xã Dương Quan	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 22"	106° 41' 29"					F-48-82-A-b
đình Tả Quan	KX	xã Dương Quan	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 00"	106° 40' 51"					F-48-82-A-b
Khu kinh tế Đình Vũ	KX	xã Dương Quan	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 24"	106° 42' 10"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Dương Quan	KX	xã Dương Quan	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 45"	106° 41' 00"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Dương Quan	KX	xã Dương Quan	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 43"	106° 41' 03"					F-48-82-A-b
Sông Cấm	TV	xã Dương Quan	H. Thuỷ Nguyên			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-b, F-48-82-A-d
sông Ruột Lợn	TV	xã Dương Quan	H. Thuỷ Nguyên			20° 52' 50"	106° 42' 13"	20° 52' 48"	106° 44' 54"	F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 01"	106° 39' 12"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 06"	106° 39' 15"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 11"	106° 39' 20"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 4	DC	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 18"	106° 39' 27"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 24"	106° 39' 33"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 28"	106° 39' 54"					F-48-82-A-b
Thôn 7	DC	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 40"	106° 38' 48"					F-48-82-A-b
Thôn 8	DC	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 47"	106° 38' 31"					F-48-82-A-b
Thôn Núi	DC	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 52"	106° 39' 23"					F-48-82-A-b
đình Thiên Đông	KX	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 10"	106° 39' 17"					F-48-82-A-b
đình Trúc Sơn	KX	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 43"	106° 38' 37"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359C	KX	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên			20° 55' 18"	106° 40' 42"	20° 56' 46"	106° 40' 11"	F-48-82-A-b
Quốc lộ 10	KX	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Đông Sơn	KX	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 11"	106° 39' 14"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Đông Sơn	KX	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 13"	106° 39' 15"					F-48-82-A-b
từ đường họ Bùi	KX	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 13"	106° 39' 23"					F-48-82-A-b
núi Sơn Đào	SV	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 58"	106° 39' 48"					F-48-82-A-b
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 28"	106° 43' 37"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 22"	106° 43' 53"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 11"	106° 44' 23"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 03"	106° 44' 23"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 46"	106° 44' 44"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 42"	106° 44' 53"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Già Cỏ	KX	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 49"	106° 44' 56"					F-48-82-A-b
đình Làng Giá	KX	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 50"	106° 44' 53"					F-48-82-A-b
giáo xứ Gia Đức	KX	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 05"	106° 44' 31"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Gia Đức	KX	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 13"	106° 44' 06"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Gia Đức	KX	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 12"	106° 44' 09"					F-48-82-A-b
Núi Mã	SV	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 43"	106° 45' 03"					F-48-82-B-a
sông Bạch Đằng	TV	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 34"	106° 45' 14"	20° 50' 01"	106° 48' 06"	F-48-82-B-a
sông Đá Bạc	TV	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên			21° 01' 18"	106° 36' 35"	20° 59' 34"	106° 45' 14"	F-48-70-C-d, F-48-82-A-b, F-48-82-B-a
Sông Liễu	TV	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên			20° 58' 45"	106° 43' 44"	20° 58' 24"	106° 45' 42"	F-48-82-A-b, F-48-82-B-a
Thôn 1	DC	xã Gia Minh	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 39"	106° 41' 49"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Gia Minh	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 39"	106° 42' 02"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Gia Minh	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 35"	106° 42' 21"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Gia Minh	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 37"	106° 42' 30"					F-48-82-A-b
cầu Đá Bạc	KX	xã Gia Minh	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 24"	106° 41' 03"					F-48-70-C-d
cầu Gia Minh	KX	xã Gia Minh	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 20"	106° 43' 08"					F-48-82-A-b
Quốc lộ 10	KX	xã Gia Minh	H. Thuỷ Nguyên			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-70-C-d, F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Gia Minh	KX	xã Gia Minh	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 36"	106° 42' 16"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Gia Minh	KX	xã Gia Minh	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 34"	106° 42' 16"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
động Hang Lương	SV	xã Gia Minh	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 51"	106° 40' 43"					F-48-82-A-b
sông Đá Bạc	TV	xã Gia Minh	H. Thuỷ Nguyên			21° 01' 18"	106° 36' 35"	20° 59' 34"	106° 45' 14"	F-48-70-C-d, F-48-82-A-b
Sông Thái	TV	xã Gia Minh	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 06"	106° 41' 29"	20° 57' 48"	106° 45' 48"	F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 50"	106° 41' 20"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 59"	106° 41' 05"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 07"	106° 41' 04"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 46"	106° 40' 55"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 53"	106° 40' 51"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 03"	106° 40' 35"					F-48-82-A-b
Thôn 7	DC	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 14"	106° 40' 28"					F-48-82-A-b
Thôn 8	DC	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 32"	106° 40' 24"					F-48-82-A-b
Thôn 9	DC	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 18"	106° 40' 45"					F-48-82-A-b
Thôn 10	DC	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 27"	106° 40' 46"					F-48-82-A-b
Thôn 11	DC	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 02"	106° 41' 24"					F-48-82-A-b
Thôn 12	DC	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 03"	106° 41' 14"					F-48-82-A-b
Thôn 13	DC	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 04"	106° 41' 02"					F-48-82-A-b
Thôn 14	DC	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 06"	106° 40' 52"					F-48-82-A-b
Thôn 15	DC	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 15"	106° 40' 35"					F-48-82-A-b
Thôn 16	DC	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 14"	106° 40' 22"					F-48-82-A-b
chùa Hà Phú	KX	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 16"	106° 40' 32"					F-48-82-A-b
Chùa Tranh	KX	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 14"	106° 40' 23"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Chiếm Phương	KX	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 45"	106° 40' 49"					F-48-82-A-b
đình Hà Luận	KX	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 27"	106° 40' 37"					F-48-82-A-b
Đình Tranh	KX	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 14"	106° 40' 23"					F-48-82-A-b
đình Từ Đông Môn	KX	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 50"	106° 41' 12"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359C	KX	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên			20° 55' 18"	106° 40' 42"	20° 56' 46"	106° 40' 11"	F-48-82-A-b
nghe Hà Phú	KX	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 16"	106° 40' 32"					F-48-82-A-b
phủ Từ Đông Môn	KX	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 50"	106° 41' 12"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Hoà Bình 1	KX	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 02"	106° 40' 56"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Hoà Bình 2	KX	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 57"	106° 40' 53"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Hoà Bình	KX	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 16"	106° 41' 00"					F-48-82-A-b
núi Hà Phú	SV	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 08"	106° 40' 58"					F-48-82-A-b
núi Sơn Đào	SV	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 58"	106° 39' 48"					F-48-82-A-b
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-82-A-b
thôn Bái Ngoài	DC	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 17"	106° 39' 47"					F-48-82-A-b
thôn Bái Trong	DC	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 22"	106° 39' 36"					F-48-82-A-b
Thôn Chùa	DC	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 50"	106° 39' 27"					F-48-82-A-b
thôn Cổng Đất	DC	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 31"	106° 39' 42"					F-48-82-A-b
thôn Đầm Dền	DC	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 59"	106° 40' 01"					F-48-82-A-b
thôn Đầu Cầu	DC	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 37"	106° 39' 35"					F-48-82-A-b
thôn Đông Hoa	DC	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 40"	106° 39' 49"					F-48-82-A-b
thôn Đồng Quán	DC	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 18"	106° 39' 16"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đường Đá	DC	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 11"	106° 39' 37"					F-48-82-A-b
Thôn Giữa	DC	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 02"	106° 39' 31"					F-48-82-A-b
thôn Lâu Làng	DC	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 10"	106° 39' 39"					F-48-82-A-b
thôn Lâu Trại	DC	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 13"	106° 39' 56"					F-48-82-A-b
thôn Mỹ Cự	DC	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 29"	106° 39' 25"					F-48-82-A-b
Cầu Bính	KX	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 52' 35"	106° 39' 56"					F-48-82-A-b
đình Bính Giáp Động	KX	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 16"	106° 39' 26"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359	KX	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên			20° 52' 51"	106° 40' 06"	20° 56' 19"	106° 45' 47"	F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Hoa Động	KX	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 55"	106° 39' 43"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Hoa Động	KX	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 56"	106° 39' 45"					F-48-82-A-b
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-b
Sông Cẩm	TV	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 23"	106° 37' 46"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 28"	106° 37' 39"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 37"	106° 37' 37"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 44"	106° 37' 35"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 10"	106° 37' 37"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 05"	106° 37' 42"					F-48-82-A-b
Thôn 7	DC	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 09"	106° 37' 47"					F-48-82-A-b
chùa An Lạc	KX	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 00"	106° 37' 33"					F-48-82-A-b
chùa Tiên Lữ	KX	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 37"	106° 37' 29"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đền Hoàng Pha	KX	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 04"	106° 37' 40"					F-48-82-A-b
đình Lôi Động	KX	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 33"	106° 37' 30"					F-48-82-A-a
miếu Bến Đáy	KX	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 49"	106° 37' 21"					F-48-82-A-a
miếu Bến Đò	KX	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 06"	106° 37' 46"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Hoàng Động	KX	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 46"	106° 37' 52"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Hoàng Động	KX	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 46"	106° 37' 45"					F-48-82-A-b
hồ Lôi Động	TV	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 35"	106° 37' 28"					F-48-82-A-a
Sông Cẩm	TV	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 35"	106° 36' 35"					F-48-82-A-a
Thôn 2	DC	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 28"	106° 36' 23"					F-48-82-A-a
Thôn 3	DC	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 27"	106° 36' 16"					F-48-82-A-a
Thôn 4	DC	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 13"	106° 36' 17"					F-48-82-A-a
Thôn 5	DC	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 10"	106° 35' 38"					F-48-82-A-a
Thôn 6	DC	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 01"	106° 36' 02"					F-48-82-A-a
Thôn 7	DC	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 20"	106° 35' 49"					F-48-82-A-a
Thôn 8	DC	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 31"	106° 35' 55"					F-48-82-A-a
Thôn 9	DC	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 29"	106° 35' 45"					F-48-82-A-a
Thôn 10	DC	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 20"	106° 36' 13"					F-48-82-A-a
Thôn 11	DC	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 28"	106° 36' 21"					F-48-82-A-a
Thôn 12	DC	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 33"	106° 36' 18"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Bảo Phúc	KX	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 31"	106° 35' 33"					F-48-82-A-a
chùa Cảnh Linh	KX	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 38"	106° 36' 03"					F-48-82-A-a
chùa Sùng Đức	KX	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 23"	106° 36' 10"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Hợp Thành (Khu A)	KX	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 24"	106° 36' 02"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Hợp Thành (Khu B)	KX	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 31"	106° 36' 18"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Hợp Thành	KX	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 27"	106° 36' 08"					F-48-82-A-a
từ đường Ninh vương Mạc Phúc Tư	KX	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 35"	106° 36' 07"					F-48-82-A-a
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-a
Sông Cẩm	TV	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-a
sông Kinh Thầy	TV	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 16"	106° 33' 16"	20° 56' 52"	106° 35' 22"	F-48-82-A-a
Thôn 1	DC	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 04"	106° 38' 02"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 56"	106° 38' 15"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 55"	106° 38' 26"					F-48-82-A-b
Thôn A2	DC	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 22"	106° 39' 57"					F-48-82-A-b
thôn Chợ Giá	DC	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 48"	106° 39' 19"					F-48-82-A-b
thôn Chu Vườn	DC	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 00"	106° 40' 05"					F-48-82-A-b
thôn Chùa Mới	DC	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 23"	106° 39' 45"					F-48-82-A-b
thôn Chùa Trà Sơn	DC	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 36"	106° 38' 19"					F-48-82-A-b
thôn Đình Trà Sơn	DC	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 32"	106° 38' 29"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đình Văn	DC	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 08"	106° 39' 40"					F-48-82-A-b
thôn Đồng Phán	DC	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 25"	106° 39' 23"					F-48-82-A-b
Thôn Ngói	DC	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 11"	106° 39' 06"					F-48-82-A-b
Cầu Giá	KX	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 35"	106° 39' 57"					F-48-82-A-b
Chợ Giá	KX	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 49"	106° 39' 17"					F-48-82-A-b
chợ Kênh Giang	KX	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 20"	106° 40' 02"					F-48-82-A-b
chùa Trại Kênh	KX	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 10"	106° 39' 54"					F-48-82-A-b
đền Chợ Giá	KX	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 49"	106° 39' 18"					F-48-82-A-b
Đền Nghè	KX	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 03"	106° 38' 37"					F-48-82-A-b
đình Trại Kênh	KX	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 06"	106° 39' 46"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359C	KX	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên			20° 55' 18"	106° 40' 42"	20° 56' 46"	106° 40' 11"	F-48-82-A-b
Quốc lộ 10	KX	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Kênh Giang	KX	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 42"	106° 39' 29"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Kênh Giang	KX	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 30"	106° 39' 44"					F-48-82-A-b
Núi Đình	SV	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 07"	106° 39' 48"					F-48-82-A-b
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-b
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã Kiền Bái	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 53"	106° 38' 09"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Kiền Bái	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 14"	106° 38' 08"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Kiền Bái	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 09"	106° 37' 31"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 4	DC	xã Kiên Bái	H. Thủy Nguyên	20° 55' 32"	106° 37' 38"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Kiên Bái	H. Thủy Nguyên	20° 55' 15"	106° 37' 52"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Kiên Bái	H. Thủy Nguyên	20° 55' 29"	106° 38' 05"					F-48-82-A-b
Thôn 7	DC	xã Kiên Bái	H. Thủy Nguyên	20° 55' 41"	106° 38' 07"					F-48-82-A-b
Cầu Kiên	KX	xã Kiên Bái	H. Thủy Nguyên	20° 54' 52"	106° 37' 17"					F-48-82-A-a
chợ Kiên Bái	KX	xã Kiên Bái	H. Thủy Nguyên	20° 55' 24"	106° 37' 46"					F-48-82-A-b
Đền Mẫu	KX	xã Kiên Bái	H. Thủy Nguyên	20° 55' 05"	106° 37' 17"					F-48-82-A-a
Đình Kiên Bái	KX	xã Kiên Bái	H. Thủy Nguyên	20° 55' 23"	106° 37' 59"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 351	KX	xã Kiên Bái	H. Thủy Nguyên			20° 55' 06"	106° 40' 23"	20° 54' 41"	106° 35' 06"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-b
Đường tỉnh 352	KX	xã Kiên Bái	H. Thủy Nguyên			20° 55' 24"	106° 38' 30"	21° 01' 10"	106° 36' 44"	F-48-82-A-b
Quốc lộ 10	KX	xã Kiên Bái	H. Thủy Nguyên			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Kiên Bái	KX	xã Kiên Bái	H. Thủy Nguyên	20° 55' 21"	106° 37' 59"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Kiên Bái	KX	xã Kiên Bái	H. Thủy Nguyên	20° 55' 27"	106° 37' 45"					F-48-82-A-b
Sông Cầm	TV	xã Kiên Bái	H. Thủy Nguyên			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-a
Thôn 1	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 13"	106° 37' 19"					F-48-82-A-a
Thôn 2	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 58' 54"	106° 37' 04"					F-48-82-A-a
Thôn 3	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 02"	106° 36' 42"					F-48-82-A-a
Thôn 4	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 58' 59"	106° 36' 12"					F-48-82-A-a
Thôn 5	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 17"	106° 36' 07"					F-48-82-A-a
Thôn 6	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 12"	106° 35' 51"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 7	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 32"	106° 36' 23"					F-48-82-A-a
Thôn 8	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 47"	106° 36' 09"					F-48-82-A-a
Thôn 9	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 11"	106° 35' 47"					F-48-70-C-c
Thôn 10	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 55"	106° 36' 56"					F-48-82-A-a
chợ Kỳ Sơn	KX	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 04"	106° 36' 00"					F-48-82-A-a
đình Hạ Côi	KX	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 56"	106° 36' 10"					F-48-82-A-a
đình Niêm Sơn Ngoại	KX	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 52"	106° 36' 13"					F-48-82-A-a
đình Niêm Sơn Nội	KX	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 02"	106° 36' 42"					F-48-82-A-a
Đường tỉnh 352	KX	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên			20° 55' 24"	106° 38' 30"	21° 01' 10"	106° 36' 44"	F-48-70-C-c, F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Kỳ Sơn	KX	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 16"	106° 36' 13"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Kỳ Sơn	KX	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 13"	106° 36' 05"					F-48-82-A-a
Trường Trung học phổ thông Lê Ích Mộc	KX	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 49"	106° 35' 58"					F-48-82-A-a
núi Ba Phủ	SV	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 15"	106° 36' 02"					F-48-70-C-c
Núi Cháy	SV	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 49"	106° 36' 51"					F-48-82-A-a
núi Chợ Giời	SV	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 32"	106° 35' 22"					F-48-82-A-a
núi Đá Vách	SV	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 08"	106° 36' 12"					F-48-82-A-a
núi Niêm Nội	SV	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 11"	106° 36' 53"					F-48-82-A-a
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-70-C-c, F-48-82-A-a, F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 28"	106° 35' 11"					F-48-82-A-a
Thôn 2	DC	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 44"	106° 34' 46"					F-48-82-A-a
Thôn 3	DC	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 52"	106° 35' 57"					F-48-70-C-c
Thôn 4	DC	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 38"	106° 34' 55"					F-48-70-C-c
Thôn 5	DC	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 36"	106° 34' 42"					F-48-70-C-c
Thôn 6	DC	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 35"	106° 35' 10"					F-48-70-C-c
Thôn 7	DC	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 28"	106° 35' 15"					F-48-70-C-c
Thôn 8	DC	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 19"	106° 35' 19"					F-48-70-C-c
Thôn 9	DC	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 43"	106° 36' 07"					F-48-70-C-c
Thôn 10	DC	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 40"	106° 36' 34"					F-48-70-C-c
Thôn 11	DC	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 57"	106° 36' 18"					F-48-70-C-c
chùa Doãn Lại	KX	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 47"	106° 34' 37"					F-48-82-A-a
chùa Dương Xuân	KX	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 38"	106° 35' 49"					F-48-70-C-c
chùa Phi Liệt	KX	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 29"	106° 36' 36"					F-48-70-C-c
đình Doãn Lại	KX	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 42"	106° 34' 47"					F-48-82-A-a
đình Pháp Cổ	KX	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 41"	106° 35' 05"					F-48-70-C-c
Đường tỉnh 352	KX	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên			20° 55' 24"	106° 38' 30"	21° 01' 10"	106° 36' 44"	F-48-70-C-c
Phà Đụn	KX	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 01' 15"	106° 36' 47"					F-48-70-C-c
Trường Tiểu học Lại Xuân	KX	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 46"	106° 36' 23"					F-48-70-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Lại Xuân	KX	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 31"	106° 35' 41"					F-48-70-C-c
núi Ba Phủ	SV	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 15"	106° 36' 02"					F-48-70-C-c
núi Chợ Giời	SV	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 32"	106° 35' 22"					F-48-82-A-a
Núi Đồn	SV	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 38"	106° 36' 19"					F-48-70-C-c
Núi Thảm	SV	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 40"	106° 34' 46"					F-48-70-C-c
núi Trại Sơn	SV	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 24"	106° 33' 42"					F-48-70-C-c
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-70-C-c, F-48-82-A-a
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-70-C-c
sông Đá Bạc	TV	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên			21° 01' 18"	106° 36' 35"	20° 59' 34"	106° 45' 14"	F-48-70-C-c, F-48-82-A-a
sông Hàn Mầu	TV	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 16"	106° 33' 16"	21° 01' 16"	106° 36' 32"	F-48-70-C-c
Thôn Đền	DC	xã Lâm Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 31"	106° 38' 48"					F-48-82-A-b
Thôn Đông	DC	xã Lâm Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 42"	106° 38' 58"					F-48-82-A-b
Thôn Hàu	DC	xã Lâm Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 31"	106° 38' 30"					F-48-82-A-b
thôn Sú 1	DC	xã Lâm Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 01"	106° 38' 43"					F-48-82-A-b
thôn Sú 2	DC	xã Lâm Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 53"	106° 38' 55"					F-48-82-A-b
chùa Sùng Nguyên	KX	xã Lâm Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 45"	106° 38' 41"					F-48-82-A-b
đình Hoà Lạc	KX	xã Lâm Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 40"	106° 38' 44"					F-48-82-A-b
Đò Lâm	KX	xã Lâm Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 52' 54"	106° 38' 38"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Lâm Động	KX	xã Lâm Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 45"	106° 38' 39"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Lâm Động	KX	xã Lâm Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 44"	106° 38' 28"					F-48-82-A-b
hồ Lâm Động	TV	xã Lâm Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 40"	106° 38' 41"					F-48-82-A-b
Sông Cẩm	TV	xã Lâm Động	H. Thuỷ Nguyên			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-b
thôn Bảo Kiếm	DC	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 22"	106° 43' 55"					F-48-82-A-b
thôn Đầu Cầu	DC	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 48"	106° 44' 21"					F-48-82-A-b
thôn Đồng Mới	DC	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 33"	106° 44' 24"					F-48-82-A-b
thôn Đường Hương	DC	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 50"	106° 43' 44"					F-48-82-A-b
thôn Đường Trường	DC	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 22"	106° 44' 15"					F-48-82-A-b
thôn Lạch Sẻ	DC	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 41"	106° 44' 08"					F-48-82-A-b
thôn Láng Cáp	DC	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 10"	106° 44' 28"					F-48-82-A-b
thôn Mất Ròng	DC	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 21"	106° 44' 03"					F-48-82-A-b
thôn Tân Lập	DC	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 31"	106° 43' 41"					F-48-82-A-b
xóm Cống Sơn	DC	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 59"	106° 43' 58"					F-48-82-A-b
xóm Đường Na	DC	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 05"	106° 44' 43"					F-48-82-A-b
xóm Hậu Long	DC	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 57"	106° 43' 40"					F-48-82-A-b
xóm Khôm Cày	DC	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 53"	106° 44' 23"					F-48-82-A-b
xóm Song Đực	DC	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 18"	106° 43' 42"					F-48-82-A-b
cảng cá Mất Ròng	KX	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 14"	106° 43' 58"					F-48-82-A-b
chợ xã Lập Lễ	KX	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 39"	106° 44' 28"					F-48-82-A-b
Khu kinh tế Đình Vũ	KX	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 24"	106° 42' 10"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Lập Lễ	KX	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 36"	106° 44' 15"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Lập Lễ	KX	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 38"	106° 44' 17"					F-48-82-A-b
sông Bạch Đằng	TV	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 34"	106° 45' 14"	20° 50' 01"	106° 48' 06"	F-48-82-A-b, F-48-82-B-a
sông Ruột Lợn	TV	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên			20° 52' 50"	106° 42' 13"	20° 52' 48"	106° 44' 54"	F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 08"	106° 39' 07"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 25"	106° 38' 46"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 40"	106° 39' 04"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 34"	106° 39' 14"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 25"	106° 39' 17"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 36"	106° 39' 23"					F-48-70-C-d
Thôn 7	DC	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 38"	106° 38' 37"					F-48-70-C-d
Thôn 8	DC	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 56"	106° 38' 14"					F-48-82-A-b
Thôn 9	DC	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 56"	106° 37' 55"					F-48-82-A-b
Thôn 10	DC	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 35"	106° 38' 09"					F-48-82-A-b
Thôn 11	DC	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 25"	106° 38' 23"					F-48-82-A-b
chợ Liên Khê	KX	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 43"	106° 38' 45"					F-48-82-A-b
chùa Mai Động	KX	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 37"	106° 38' 58"					F-48-82-A-b
chùa Thiêm Khê	KX	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 44"	106° 38' 10"					F-48-82-A-b
đền Thụ Khê	KX	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 33"	106° 38' 33"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Liên Khê	KX	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 44"	106° 38' 39"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Liên Khê	KX	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 39"	106° 38' 46"					F-48-82-A-b
núi Giếng Suối	SV	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 29"	106° 38' 31"					F-48-82-A-b
Núi Gù	SV	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 17"	106° 39' 01"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Mã Chàng	SV	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 03"	106° 39' 43"					F-48-82-A-b
núi Ngã Ba	SV	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 46"	106° 37' 58"					F-48-82-A-b
núi Thành Dền	SV	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 37"	106° 37' 44"					F-48-70-C-d
Núi Trọ	SV	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 37"	106° 38' 13"					F-48-70-C-d
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-70-C-c, F-48-82-A-a, F-48-82-A-b
sông Đá Bạc	TV	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên			21° 01' 18"	106° 36' 35"	20° 59' 34"	106° 45' 14"	F-48-70-C-c, F-48-82-C-d
Thôn 1A	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 57"	106° 40' 24"					F-48-82-A-b
Thôn 1B	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 53"	106° 40' 45"					F-48-82-A-b
Thôn Bắc	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 47"	106° 40' 15"					F-48-82-A-b
thôn Cây Quăn	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 36"	106° 39' 41"					F-48-82-A-b
thôn Chợ Tổng	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 05"	106° 40' 14"					F-48-82-A-b
Thôn Dưới	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 25"	106° 39' 41"					F-48-82-A-b
Thôn Giữa	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 17"	106° 39' 58"					F-48-82-A-b
thôn Phúc Nam	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 26"	106° 40' 21"					F-48-82-A-b
thôn Trại Viên	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 13"	106° 39' 51"					F-48-82-A-b
Thôn Trung	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 34"	106° 40' 18"					F-48-82-A-b
Cầu Giá	KX	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 35"	106° 39' 57"					F-48-82-A-b
cầu Hang Lương	KX	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 34"	106° 40' 23"					F-48-82-A-b
Chợ Tổng	KX	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 07"	106° 40' 15"					F-48-82-A-b
đường Tân Đức	KX	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên			20° 58' 01"	106° 40' 08"	20° 57' 40"	106° 44' 52"	F-48-82-A-b
Quốc lộ 10	KX	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện Thuỷ Nguyên	KX	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 57"	106° 40' 03"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Lưu Kiếm	KX	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 15"	106° 40' 01"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Lưu Kiếm	KX	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 21"	106° 40' 14"					F-48-82-A-b
Trường Trung học phổ thông Bạch Đằng	KX	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 59"	106° 40' 17"					F-48-82-A-b
núi Mã Chàng	SV	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 03"	106° 39' 43"					F-48-82-A-b
kênh Sông Móc (Sông Móc)	TV	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 26"	106° 39' 45"	20° 57' 27"	106° 41' 12"	F-48-82-A-b
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-82-A-b
thôn Bạch Đằng	DC	xã Lưu Kỳ	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 21"	106° 40' 32"					F-48-70-C-d
thôn Đá Bạc	DC	xã Lưu Kỳ	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 17"	106° 40' 43"					F-48-70-C-d
thôn Hàm Long	DC	xã Lưu Kỳ	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 58"	106° 40' 02"					F-48-82-A-b
thôn Hang Lương	DC	xã Lưu Kỳ	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 53"	106° 40' 13"					F-48-82-A-b
thôn Núi Ngọc	DC	xã Lưu Kỳ	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 23"	106° 39' 38"					F-48-82-A-b
cầu Đá Bạc	KX	xã Lưu Kỳ	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 24"	106° 41' 03"					F-48-70-C-d
cầu Hang Lương	KX	xã Lưu Kỳ	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 34"	106° 40' 23"					F-48-82-A-b
Quốc lộ 10	KX	xã Lưu Kỳ	H. Thuỷ Nguyên			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-70-C-d, F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Lưu Kỳ	KX	xã Lưu Kỳ	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 47"	106° 40' 15"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Lưu Kỳ	KX	xã Lưu Kỳ	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 46"	106° 40' 10"					F-48-82-A-b
kênh Sông Móc (Sông Móc)	TV	xã Lưu Kỳ	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 26"	106° 39' 45"	20° 57' 27"	106° 41' 12"	F-48-70-C-d, F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Đá Bạc	TV	xã Lưu Kỳ	H. Thuỷ Nguyên			21° 01' 18"	106° 36' 35"	20° 59' 34"	106° 45' 14"	F-48-70-C-d
Thôn 1	DC	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 30"	106° 42' 10"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 41"	106° 42' 03"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 57"	106° 41' 49"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 04"	106° 41' 40"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 56"	106° 41' 27"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 46"	106° 41' 29"					F-48-82-A-b
Thôn 7	DC	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 52"	106° 41' 13"					F-48-82-A-b
Thôn 8	DC	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 17"	106° 41' 03"					F-48-82-A-b
Thôn 9	DC	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 12"	106° 40' 55"					F-48-82-A-b
Thôn 10	DC	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 02"	106° 42' 27"					F-48-82-A-b
Chợ Bến	KX	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 45"	106° 41' 16"					F-48-82-A-b
chùa Dăng Trung	KX	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 54"	106° 42' 10"					F-48-82-A-b
Chùa Tây	KX	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 01"	106° 41' 15"					F-48-82-A-b
Đình Tây	KX	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 01"	106° 41' 15"					F-48-82-A-b
đò Trung Hà	KX	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 10"	106° 41' 40"					F-48-82-A-b
đường Tân Đức	KX	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên			20° 58' 01"	106° 40' 08"	20° 57' 40"	106° 44' 52"	F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Minh Tân	KX	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 51"	106° 41' 21"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Minh Tân	KX	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 58"	106° 41' 01"					F-48-82-A-b
hang Áng Vải	SV	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 03"	106° 42' 22"					F-48-82-A-b
Hang Vua	SV	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 59"	106° 42' 04"					F-48-82-A-b
núi Dẹo Cao	SV	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 48"	106° 42' 47"					F-48-82-A-b
núi Hang Ốc	SV	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 32"	106° 42' 21"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Ngà Voi	SV	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 51"	106° 41' 26"					F-48-82-A-b
kênh Sông Móc (Sông Móc)	TV	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 26"	106° 39' 45"	20° 57' 27"	106° 41' 12"	F-48-82-A-b
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-82-A-b
Sông Thái	TV	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 06"	106° 41' 29"	20° 57' 48"	106° 45' 48"	F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 44"	106° 38' 03"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 34"	106° 37' 54"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 27"	106° 37' 57"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 08"	106° 37' 36"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 55"	106° 37' 33"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 14"	106° 37' 58"					F-48-82-A-b
chợ Mỹ Đồng	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 21"	106° 37' 48"					F-48-82-A-b
chùa Đồng Lý	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 57"	106° 37' 13"					F-48-82-A-a
chùa Ngọc Hoa	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 27"	106° 37' 44"					F-48-82-A-b
đình Đồng Lý	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 59"	106° 37' 13"					F-48-82-A-a
đình Phương Mỹ	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 35"	106° 38' 07"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 352	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên			20° 55' 24"	106° 38' 30"	21° 01' 10"	106° 36' 44"	F-48-82-A-b
miếu Phương Mỹ	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 35"	106° 38' 07"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Mỹ Đồng	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 25"	106° 37' 46"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Mỹ Đồng	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 13"	106° 37' 41"					F-48-82-A-b
từ đường họ Nguyễn Công	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 30"	106° 37' 57"					F-48-82-A-b
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 41"	106° 44' 13"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 2	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 32"	106° 44' 14"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 40"	106° 44' 08"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 34"	106° 44' 07"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 33"	106° 43' 50"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 28"	106° 43' 38"					F-48-82-A-b
Thôn 7	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 24"	106° 43' 29"					F-48-82-A-b
Thôn 8	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 17"	106° 43' 23"					F-48-82-A-b
Thôn 9	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 20"	106° 43' 12"					F-48-82-A-b
Thôn 10	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 15"	106° 43' 14"					F-48-82-A-b
Thôn 11	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 17"	106° 43' 05"					F-48-82-A-b
Thôn 12	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 11"	106° 42' 58"					F-48-82-A-b
Thôn 13	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 50"	106° 42' 35"					F-48-82-A-b
Thôn 14	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 49"	106° 44' 22"					F-48-82-A-b
Thôn 15	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 39"	106° 43' 15"					F-48-82-A-b
chùa My Sơn	KX	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 36"	106° 44' 00"					F-48-82-A-b
đường Bạch Đằng	KX	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên			20° 57' 49"	106° 44' 52"	20° 56' 48"	106° 44' 25"	F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359	KX	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên			20° 52' 51"	106° 40' 06"	20° 56' 19"	106° 45' 47"	F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Ngũ Lão	KX	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 38"	106° 43' 51"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Ngũ Lão	KX	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 29"	106° 43' 26"					F-48-82-A-b
Trường Trung học phổ thông Phạm Ngũ Lão	KX	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 35"	106° 43' 22"					F-48-82-A-b
núi Chùa Khuông Lư	SV	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 44"	106° 42' 39"					F-48-82-A-b
núi Hàm Rồng	SV	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 37"	106° 44' 13"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Núi Hương	SV	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 53"	106° 42' 00"					F-48-82-A-b
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã Phả Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 20"	106° 44' 38"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Phả Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 16"	106° 44' 35"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Phả Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 15"	106° 44' 28"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Phả Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 08"	106° 44' 27"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Phả Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 59"	106° 44' 37"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Phả Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 47"	106° 44' 34"					F-48-82-A-b
Thôn 7	DC	xã Phả Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 36"	106° 45' 15"					F-48-82-B-a
chợ xã Phả Lễ	KX	xã Phả Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 20"	106° 44' 27"					F-48-82-A-b
miếu Thành Hoàng	KX	xã Phả Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 57"	106° 44' 45"					F-48-82-A-b
Trường Mầm non Phả Lễ	KX	xã Phả Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 17"	106° 44' 19"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Phả Lễ	KX	xã Phả Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 01"	106° 44' 44"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Phả Lễ	KX	xã Phả Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 13"	106° 44' 27"					F-48-82-A-b
sông Bạch Đằng	TV	xã Phả Lễ	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 34"	106° 45' 14"	20° 50' 01"	106° 48' 06"	F-48-82-B-a
thôn Ngọc Khê	DC	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 39"	106° 35' 17"					F-48-82-A-a
thôn Phố Mới	DC	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 42"	106° 35' 46"					F-48-82-A-a
thôn Phù Lưu 1	DC	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 03"	106° 35' 01"					F-48-82-A-a
thôn Phù Lưu 2	DC	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 58"	106° 35' 23"					F-48-82-A-a
thôn Việt Khê	DC	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 34"	106° 35' 45"					F-48-82-A-a
cầu Việt Khê	KX	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 37"	106° 35' 55"					F-48-82-A-a
chùa Linh Sơn và địa điểm khảo cổ mộ thuyền Việt Khê	KX	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 46"	106° 35' 16"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Thiên Vũ	KX	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 55"	106° 34' 58"					F-48-82-A-a
đình Việt Khê	KX	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 30"	106° 35' 43"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Phù Ninh (Khu A)	KX	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 55"	106° 35' 34"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Phù Ninh (Khu B)	KX	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 38"	106° 35' 32"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Phù Ninh	KX	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 49"	106° 35' 36"					F-48-82-A-a
núi Phù Lưu	SV	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 48"	106° 35' 14"					F-48-82-A-a
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-a
sông Kinh Thầy	TV	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 16"	106° 33' 16"	20° 56' 52"	106° 35' 22"	F-48-82-A-a
Thôn Bắc	DC	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 48"	106° 44' 35"					F-48-82-A-b
Thôn Đông	DC	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 41"	106° 44' 41"					F-48-82-A-b
Thôn Mực	DC	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 56"	106° 44' 15"					F-48-82-A-b
Thôn Nam	DC	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 28"	106° 44' 35"					F-48-82-A-b
Thôn Sỏ	DC	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 45"	106° 44' 10"					F-48-82-A-b
Thôn Trung	DC	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 35"	106° 44' 35"					F-48-82-A-b
Xóm Chảo	DC	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 01"	106° 44' 25"					F-48-82-A-b
Xóm Ròng	DC	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 02"	106° 44' 45"					F-48-82-A-b
chợ Phục Lễ	KX	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 35"	106° 44' 27"					F-48-82-A-b
chùa Kiến Linh	KX	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 38"	106° 44' 31"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359	KX	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên			20° 52' 51"	106° 40' 06"	20° 56' 19"	106° 45' 47"	F-48-82-A-b
miếu Thành Hoàng	KX	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 40"	106° 44' 23"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Phục Lễ	KX	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 39"	106° 44' 27"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Phục Lễ	KX	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 37"	106° 44' 28"					F-48-82-A-b
Trường Trung học phổ thông Nam Triệu	KX	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 46"	106° 44' 33"					F-48-82-A-b
sông Bạch Đằng	TV	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 34"	106° 45' 14"	20° 50' 01"	106° 48' 06"	F-48-82-B-a
Thôn Cống	DC	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 11"	106° 36' 07"					F-48-82-A-a
Thôn Đò	DC	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 22"	106° 36' 58"					F-48-82-A-a
Thôn Đông	DC	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 07"	106° 37' 09"					F-48-82-A-a
Thôn Giếng	DC	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 07"	106° 36' 48"					F-48-82-A-a
Thôn Giữa	DC	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 11"	106° 36' 24"					F-48-82-A-a
Thôn Mẩn	DC	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 26"	106° 36' 35"					F-48-82-A-a
Thôn Nứa	DC	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 31"	106° 36' 24"					F-48-82-A-a
Thôn Phồ	DC	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 33"	106° 36' 01"					F-48-82-A-a
Thôn Sỏi	DC	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 22"	106° 36' 09"					F-48-82-A-a
Thôn Tân	DC	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 06"	106° 36' 10"					F-48-82-A-a
Thôn Trại	DC	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 07"	106° 36' 52"					F-48-82-A-a
Thôn Vôi	DC	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 14"	106° 37' 05"					F-48-82-A-a
cầu Việt Khê	KX	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 37"	106° 35' 55"					F-48-82-A-a
chợ Thanh Lãng	KX	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 33"	106° 36' 00"					F-48-82-A-a
Chùa Nốt	KX	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 03"	106° 36' 57"					F-48-82-A-a
Chùa Vang	KX	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 29"	106° 36' 28"					F-48-82-A-a
đền Quảng Cư	KX	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 12"	106° 36' 42"					F-48-82-A-a
Di tích lưu niệm Trạng nguyên Lê Ích Mộc	KX	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 18"	106° 36' 15"					F-48-82-A-a
Đình Bắc	KX	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 15"	106° 36' 32"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 352	KX	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên			20° 55' 24"	106° 38' 30"	21° 01' 10"	106° 36' 44"	F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Quảng Thanh (Khu A)	KX	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 08"	106° 36' 23"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Quảng Thanh (Khu B)	KX	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 09"	106° 36' 54"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Quảng Thanh	KX	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 10"	106° 36' 28"					F-48-82-A-a
Trường Trung học phổ thông Quảng Thanh	KX	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 04"	106° 36' 08"					F-48-82-A-a
từ đường Trạng nguyên Lê Ích Mộc	KX	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 31"	106° 36' 06"					F-48-82-A-a
núi Sơn Đào	SV	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 09"	106° 37' 07"					F-48-82-A-a
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-a
Thôn 1	DC	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 42"	106° 45' 23"					F-48-82-B-a
Thôn 2	DC	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 46"	106° 45' 24"					F-48-82-B-a
Thôn 3	DC	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 56"	106° 45' 29"					F-48-82-B-a
Thôn 4	DC	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 02"	106° 45' 23"					F-48-82-B-a
Thôn 5	DC	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 08"	106° 45' 19"					F-48-82-B-a
Thôn 6	DC	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 14"	106° 45' 14"					F-48-82-B-a
Thôn 7	DC	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 05"	106° 45' 12"					F-48-82-B-a
Thôn 8	DC	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 22"	106° 45' 41"					F-48-82-B-a
Thôn 9	DC	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 48"	106° 44' 44"					F-48-82-A-b
Thôn 10	DC	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 30"	106° 44' 51"					F-48-82-A-b
chùa Do Lễ	KX	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 28"	106° 45' 17"					F-48-82-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đóng tàu Nam Triệu	KX	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 06"	106° 45' 34"					F-48-82-B-a
đền Vũ Nguyên	KX	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 57"	106° 45' 25"					F-48-82-B-a
đình Do Nghi	KX	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 09"	106° 45' 23"					F-48-82-B-a
đình Đoan Lễ	KX	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 09"	106° 45' 10"					F-48-82-B-a
Đường tỉnh 359	KX	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên			20° 52' 51"	106° 40' 06"	20° 56' 19"	106° 45' 47"	F-48-82-A-b, F-48-82-B-a
Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1	KX	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 34"	106° 45' 30"					F-48-82-B-a
Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2	KX	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 22"	106° 45' 20"					F-48-82-B-a
Phà Rừng	KX	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 26"	106° 46' 05"					F-48-82-B-a
Trường Tiểu học Tam Hưng	KX	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 01"	106° 45' 18"					F-48-82-B-a
Trường Trung học cơ sở Tam Hưng	KX	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 12"	106° 45' 23"					F-48-82-B-a
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-82-A-b, F-48-82-B-a
sông Bạch Đằng	TV	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 34"	106° 45' 14"	20° 50' 01"	106° 48' 06"	F-48-82-B-a
Thôn 1	DC	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 18"	106° 40' 30"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 04"	106° 40' 20"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 58"	106° 40' 33"					F-48-82-A-b
Thôn 4A	DC	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 51"	106° 40' 28"					F-48-82-A-b
Thôn 4B	DC	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 35"	106° 40' 20"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 07"	106° 40' 13"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 47"	106° 40' 45"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 7	DC	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 02"	106° 40' 44"					F-48-82-A-b
thôn Bến Bính A	DC	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 52' 36"	106° 40' 31"					F-48-82-A-b
thôn Bến Bính B	DC	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 52' 29"	106° 40' 23"					F-48-82-A-d
thôn Đường 10	DC	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 08"	106° 40' 16"					F-48-82-A-b
đình Tân Dương	KX	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 00"	106° 40' 35"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359	KX	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên			20° 52' 51"	106° 40' 06"	20° 56' 19"	106° 45' 47"	F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359B	KX	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên			20° 53' 18"	106° 40' 20"	20° 52' 15"	106° 40' 34"	F-48-82-A-b
Phà Bính	KX	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 52' 07"	106° 40' 34"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Tân Dương	KX	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 01"	106° 40' 20"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Tân Dương	KX	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 00"	106° 40' 13"					F-48-82-A-b
Xí nghiệp Cơ khí Bến Bính	KX	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 52' 28"	106° 40' 22"					F-48-82-A-d
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-b
Sông Cấm	TV	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-b, F-48-82-A-d
Thôn 1	DC	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 33"	106° 38' 31"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 37"	106° 38' 42"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 51"	106° 38' 54"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 38"	106° 39' 17"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 08"	106° 39' 09"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 09"	106° 39' 16"					F-48-82-A-b
Thôn 7	DC	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 26"	106° 38' 21"					F-48-82-A-b
Thôn 8	DC	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 22"	106° 38' 42"					F-48-82-A-b
Thôn 9	DC	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 31"	106° 38' 38"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 10	DC	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 39"	106° 38' 50"					F-48-82-A-b
Thôn 11	DC	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 55"	106° 38' 51"					F-48-82-A-b
Thôn 12	DC	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 15"	106° 38' 27"					F-48-82-A-b
cầu Trịnh Xá	KX	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 25"	106° 38' 55"					F-48-82-A-b
chợ Trịnh Xá	KX	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 22"	106° 38' 30"					F-48-82-A-b
chùa Trinh Hưởng	KX	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 36"	106° 38' 26"					F-48-82-A-b
chùa Trịnh Xá	KX	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 36"	106° 38' 46"					F-48-82-A-b
đền Trinh Hưởng	KX	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 37"	106° 38' 26"					F-48-82-A-b
đền Trịnh Xá	KX	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 37"	106° 38' 46"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 351	KX	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên			20° 55' 06"	106° 40' 23"	20° 54' 41"	106° 35' 06"	F-48-82-A-b
Đường tỉnh 352	KX	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên			20° 55' 24"	106° 38' 30"	21° 01' 10"	106° 36' 44"	F-48-82-A-b
phủ đường Thuỷ Nguyên	KX	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 25"	106° 38' 34"					F-48-82-A-b
Quốc lộ 10	KX	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-b
Trường Mầm non Thiên Hương	KX	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 18"	106° 38' 48"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Thiên Hương	KX	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 34"	106° 38' 42"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Thiên Hương	KX	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 41"	106° 38' 48"					F-48-82-A-b
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-b
thôn Bắc 1	DC	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 09"	106° 40' 50"					F-48-82-A-b
thôn Bắc 2	DC	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 17"	106° 41' 00"					F-48-82-A-b
Thôn Đông	DC	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 58"	106° 40' 48"					F-48-82-A-b
thôn Đồng Am	DC	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 59"	106° 41' 02"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Mát	DC	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 25"	106° 41' 14"					F-48-82-A-b
Thôn Mảnh	DC	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 28"	106° 40' 54"					F-48-82-A-b
thôn Núi 1	DC	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 50"	106° 40' 16"					F-48-82-A-b
thôn Núi 2	DC	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 36"	106° 40' 21"					F-48-82-A-b
Thôn Quán	DC	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 33"	106° 41' 00"					F-48-82-A-b
thôn Sanh Soi	DC	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 40"	106° 40' 54"					F-48-82-A-b
thôn Tây Nam	DC	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 51"	106° 40' 46"					F-48-82-A-b
Thôn Trại	DC	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 34"	106° 41' 16"					F-48-82-A-b
dền Thượng Sơn	KX	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 39"	106° 40' 06"					F-48-82-A-b
Đình Trung	KX	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 08"	106° 40' 54"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359	KX	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên			20° 52' 51"	106° 40' 06"	20° 56' 19"	106° 45' 47"	F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359C	KX	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên			20° 55' 18"	106° 40' 42"	20° 56' 46"	106° 40' 11"	F-48-82-A-b
miếu Thuỷ Tú	KX	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 18"	106° 41' 05"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Thuỷ Đường	KX	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 26"	106° 40' 49"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Thuỷ Đường	KX	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 18"	106° 40' 53"					F-48-82-A-b
núi Sơn Đào	SV	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 58"	106° 39' 48"					F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 30"	106° 40' 26"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 29"	106° 40' 37"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 43"	106° 40' 18"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 51"	106° 39' 54"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 18"	106° 39' 49"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 25"	106° 39' 36"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 7	DC	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 29"	106° 39' 26"					F-48-82-A-b
Bệnh viện huyện Thuỷ Nguyên	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 27"	106° 39' 39"					F-48-82-A-b
cầu Trịnh Xá	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 25"	106° 38' 55"					F-48-82-A-b
chợ Dục Liễn	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 24"	106° 39' 44"					F-48-82-A-b
chùa Dục Liễn	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 33"	106° 39' 40"					F-48-82-A-b
chùa Phù Liễn	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 35"	106° 40' 09"					F-48-82-A-b
chùa Tam Sơn	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 50"	106° 40' 08"					F-48-82-A-b
đình Dục Liễn	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 32"	106° 39' 42"					F-48-82-A-b
đình Phù Liễn	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 34"	106° 40' 09"					F-48-82-A-b
đình Tam Sơn	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 49"	106° 40' 09"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 351	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên			20° 55' 06"	106° 40' 23"	20° 54' 41"	106° 35' 06"	F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên			20° 52' 51"	106° 40' 06"	20° 56' 19"	106° 45' 47"	F-48-82-A-b
Quốc lộ 10	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Thuỷ Sơn	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 31"	106° 39' 36"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Thuỷ Sơn	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 22"	106° 39' 49"					F-48-82-A-b
Trường Trung học phổ thông 25 - 10	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 34"	106° 39' 37"					F-48-82-A-b
Trường Trung học phổ thông Lý Thường Kiệt	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 38"	106° 39' 09"					F-48-82-A-b
Trường Trung học phổ thông Thuỷ Sơn	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 30"	106° 38' 58"					F-48-82-A-b
núi Sơn Đào	SV	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 58"	106° 39' 48"					F-48-82-A-b
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 1	DC	xã Thuỷ Triều	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 58"	106° 42' 35"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Thuỷ Triều	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 57"	106° 42' 27"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Thuỷ Triều	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 08"	106° 42' 22"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Thuỷ Triều	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 56"	106° 42' 23"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Thuỷ Triều	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 59"	106° 42' 20"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Thuỷ Triều	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 49"	106° 42' 23"					F-48-82-A-b
Thôn 7	DC	xã Thuỷ Triều	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 32"	106° 42' 26"					F-48-82-A-b
Thôn 8	DC	xã Thuỷ Triều	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 54"	106° 42' 39"					F-48-82-A-b
Thôn Đầm	DC	xã Thuỷ Triều	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 23"	106° 43' 00"					F-48-82-A-b
Thôn Đông	DC	xã Thuỷ Triều	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 08"	106° 42' 48"					F-48-82-A-b
Thôn Giữa	DC	xã Thuỷ Triều	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 03"	106° 42' 44"					F-48-82-A-b
Thôn Tây	DC	xã Thuỷ Triều	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 07"	106° 42' 35"					F-48-82-A-b
chợ Chùa Thuỷ Triều	KX	xã Thuỷ Triều	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 10"	106° 42' 20"					F-48-82-A-b
đền Thôn 8	KX	xã Thuỷ Triều	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 56"	106° 42' 39"					F-48-82-A-b
đình Kinh Triều	KX	xã Thuỷ Triều	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 07"	106° 42' 43"					F-48-82-A-b
đình Tuy Lạc	KX	xã Thuỷ Triều	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 52"	106° 42' 23"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359	KX	xã Thuỷ Triều	H. Thuỷ Nguyên			20° 52' 51"	106° 40' 06"	20° 56' 19"	106° 45' 47"	F-48-82-A-b
Khu kinh tế Đình Vũ	KX	xã Thuỷ Triều	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 24"	106° 42' 10"					F-48-82-A-b
phà Máy Chai	KX	xã Thuỷ Triều	H. Thuỷ Nguyên	20° 52' 43"	106° 42' 13"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Thuỷ Triều	KX	xã Thuỷ Triều	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 00"	106° 42' 31"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Thuỷ Triều	KX	xã Thuỷ Triều	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 01"	106° 42' 32"					F-48-82-A-b
Sông Cấm	TV	xã Thuỷ Triều	H. Thuỷ Nguyên			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-d
sông Ruột Lợn	TV	xã Thuỷ Triều	H. Thuỷ Nguyên			20° 52' 50"	106° 42' 13"	20° 52' 48"	106° 44' 54"	F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Đình	DC	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 57"	106° 42' 11"					F-48-82-A-b
Thôn Đông	DC	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 05"	106° 42' 12"					F-48-82-A-b
Thôn Rúp	DC	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 55"	106° 42' 06"					F-48-82-A-b
Thôn Tây	DC	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 59"	106° 42' 03"					F-48-82-A-b
Thôn Trại	DC	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 13"	106° 42' 07"					F-48-82-A-b
thôn Trại Chùa	DC	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 49"	106° 41' 50"					F-48-82-A-b
thôn Trại Núi	DC	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 58"	106° 41' 49"					F-48-82-A-b
chùa Cổ Lôi	KX	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 58"	106° 42' 13"					F-48-82-A-b
đình Chung Mỹ	KX	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 58"	106° 42' 11"					F-48-82-A-b
đò Trung Hà	KX	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 10"	106° 41' 40"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359	KX	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên			20° 52' 51"	106° 40' 06"	20° 56' 19"	106° 45' 47"	F-48-82-A-b
Khu kinh tế Đình Vũ	KX	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 24"	106° 42' 10"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Trung Hà	KX	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 57"	106° 42' 00"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Trung Hà	KX	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 14"	106° 42' 01"					F-48-82-A-b
Núi Hương	SV	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 53"	106° 42' 00"					F-48-82-A-b
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-82-A-b
Khu 1	DC	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 26"	106° 33' 00"					F-48-82-C-a
Khu 2	DC	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 35"	106° 33' 12"					F-48-82-C-a
Khu 3	DC	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 35"	106° 33' 23"					F-48-82-C-a
Khu 4	DC	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 41"	106° 33' 39"					F-48-82-C-a
Khu 5	DC	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 58"	106° 33' 55"					F-48-82-C-a
Khu 6	DC	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 44' 06"	106° 34' 12"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu 7	DC	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 34"	106° 32' 56"					F-48-82-C-a
Khu 8	DC	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 05"	106° 33' 10"					F-48-82-C-a
Bệnh viện Đa khoa huyện Tiên Lãng	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 09"	106° 33' 09"					F-48-82-C-a
Cầu Đen	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 59"	106° 33' 39"					F-48-82-C-a
cầu Huyện Đội	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 22"	106° 33' 08"					F-48-82-C-a
Cầu Khuê	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 44' 43"	106° 34' 25"					F-48-82-C-a
Chợ Đồi	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 40"	106° 33' 16"					F-48-82-C-a
chùa Phú Kê	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 31"	106° 32' 54"					F-48-82-C-a
chùa Trung Lãng	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 47"	106° 33' 27"					F-48-82-C-a
đình Cự Đồi	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 32"	106° 33' 08"					F-48-82-C-a
đình Đông Cầu	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 44' 09"	106° 34' 06"					F-48-82-C-a
đình Triều Đông	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 46"	106° 33' 53"					F-48-82-C-a
Đường huyện 212	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng			20° 43' 58"	106° 33' 38"	20° 39' 26"	106° 41' 36"	F-48-82-C-a
Đường tỉnh 354	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 38' 40"	106° 32' 31"	F-48-82-C-a
miếu Phú Kê	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 29"	106° 32' 50"					F-48-82-C-a
miếu Trung Lãng	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 45"	106° 33' 25"					F-48-82-C-a
Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện Tiên Lãng	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 53"	106° 33' 41"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học thị trấn Tiên Lãng	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 48"	106° 33' 31"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở thị trấn Tiên Lãng	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 50"	106° 33' 30"					F-48-82-C-a
Trường Trung học phổ thông Nhữ Văn Lan	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 53"	106° 33' 27"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học phổ thông Tiên Lãng	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 34"	106° 33' 03"					F-48-82-C-a
sông Văn Úc	TV	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-C-a
thôn Đồng Tiến	DC	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 40"	106° 37' 51"					F-48-82-C-b
thôn Đồng Xuân	DC	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 23"	106° 37' 54"					F-48-82-C-b
thôn Kỳ Vân	DC	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 31"	106° 38' 13"					F-48-82-C-b
thôn Thuý Nèo	DC	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 12"	106° 38' 38"					F-48-82-C-b
thôn Trung Hưng	DC	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 04"	106° 38' 13"					F-48-82-C-b
thôn Văn Kỳ	DC	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 30"	106° 38' 06"					F-48-82-C-b
thôn Xuân Hưng	DC	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 12"	106° 37' 58"					F-48-82-C-b
thôn Xuân Làng	DC	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 09"	106° 38' 08"					F-48-82-C-b
thôn Xuân Tiến	DC	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 26"	106° 38' 00"					F-48-82-C-b
thôn Xuân Trại	DC	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 06"	106° 37' 45"					F-48-82-C-b
chợ Bắc Hưng	KX	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 03"	106° 38' 00"					F-48-82-C-b
chùa Xuân Úc	KX	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 09"	106° 37' 54"					F-48-82-C-b
dền Xuân Úc	KX	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 09"	106° 37' 56"					F-48-82-C-b
đình Xuân Úc	KX	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 10"	106° 38' 00"					F-48-82-C-b
Đường huyện 212	KX	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng			20° 43' 58"	106° 33' 38"	20° 39' 26"	106° 41' 36"	F-48-82-C-a, F-48-82-C-b
nhà thờ Suý Nèo	KX	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 15"	106° 38' 44"					F-48-82-C-b
Trường Mầm non Bắc Hưng	KX	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 15"	106° 38' 14"					F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Bắc Hưng	KX	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 12"	106° 38' 05"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Bắc Hưng	KX	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 14"	106° 38' 11"					F-48-82-C-b
thôn 1 - Phác Xuyên	DC	xã Bạch Đằng	H. Tiên Lãng	20° 42' 51"	106° 33' 11"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 2 - Phác Xuyên	DC	xã Bạch Đằng	H. Tiên Lãng	20° 42' 35"	106° 33' 34"					F-48-82-C-a
thôn 3 - Phác Xuyên	DC	xã Bạch Đằng	H. Tiên Lãng	20° 42' 39"	106° 33' 42"					F-48-82-C-a
thôn 4 - Vọng Hải	DC	xã Bạch Đằng	H. Tiên Lãng	20° 42' 26"	106° 33' 55"					F-48-82-C-a
thôn 5 - Hồ Nam	DC	xã Bạch Đằng	H. Tiên Lãng	20° 42' 22"	106° 34' 05"					F-48-82-C-a
thôn 6 - Xuân Lai	DC	xã Bạch Đằng	H. Tiên Lãng	20° 42' 23"	106° 34' 11"					F-48-82-C-a
thôn 7 - Xuân Lai	DC	xã Bạch Đằng	H. Tiên Lãng	20° 42' 17"	106° 34' 14"					F-48-82-C-a
thôn 8 - Xuân Hoà	DC	xã Bạch Đằng	H. Tiên Lãng	20° 42' 12"	106° 34' 11"					F-48-82-C-a
thôn 9 - Xuân Hoà	DC	xã Bạch Đằng	H. Tiên Lãng	20° 42' 15"	106° 34' 07"					F-48-82-C-a
thôn 10 - Xuân Quang	DC	xã Bạch Đằng	H. Tiên Lãng	20° 41' 58"	106° 34' 18"					F-48-82-C-a
chùa Thiên Tộ	KX	xã Bạch Đằng	H. Tiên Lãng	20° 42' 38"	106° 33' 29"					F-48-82-C-a
Đường tỉnh 354	KX	xã Bạch Đằng	H. Tiên Lãng			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 38' 40"	106° 32' 31"	F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Bạch Đằng	KX	xã Bạch Đằng	H. Tiên Lãng	20° 42' 32"	106° 33' 54"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Bạch Đằng	KX	xã Bạch Đằng	H. Tiên Lãng	20° 42' 31"	106° 33' 56"					F-48-82-C-a
thôn Hào Lai	DC	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 41' 39"	106° 33' 25"					F-48-82-C-a
thôn Kinh Lương 4	DC	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 42' 24"	106° 32' 23"					F-48-82-C-a
thôn Kinh Lương 5	DC	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 42' 23"	106° 32' 10"					F-48-82-C-a
thôn Kinh Lương 6	DC	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 42' 22"	106° 31' 46"					F-48-82-C-a
thôn Phú Lương	DC	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 41' 55"	106° 31' 34"					F-48-82-C-a
thôn Phú Xuân	DC	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 42' 07"	106° 32' 19"					F-48-82-C-a
thôn Phương Lai 1	DC	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 42' 40"	106° 32' 47"					F-48-82-C-a
thôn Phương Lai 2	DC	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 42' 37"	106° 32' 37"					F-48-82-C-a
thôn Quan Bò	DC	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 42' 31"	106° 32' 22"					F-48-82-C-a
thôn Thái Lai	DC	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 42' 01"	106° 32' 50"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Thái Lai	KX	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 42' 04"	106° 32' 53"					F-48-82-C-a
Đường tỉnh 354	KX	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 38' 40"	106° 32' 31"	F-48-82-C-a
miếu Phương Lai	KX	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 42' 34"	106° 32' 32"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Cấp Tiến	KX	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 42' 15"	106° 32' 20"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Cấp Tiến	KX	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 42' 18"	106° 32' 20"					F-48-82-C-a
từ đường họ Bùi Quang	KX	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 42' 28"	106° 32' 25"					F-48-82-C-a
sông Thái Bình	TV	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a
thôn Đề Xuyên	DC	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng	20° 47' 10"	106° 29' 52"					F-48-81-B-d
thôn Giang Khẩu	DC	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng	20° 47' 37"	106° 29' 45"					F-48-81-B-d
thôn Lãng Niên	DC	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng	20° 47' 03"	106° 30' 37"					F-48-82-A-c
thôn Trâm Khê	DC	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng	20° 46' 54"	106° 30' 08"					F-48-82-A-c
thôn Xuân Cát	DC	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng	20° 47' 26"	106° 30' 21"					F-48-82-A-c
cầu Tiên Cự	KX	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng	20° 47' 19"	106° 30' 56"					F-48-82-A-c
chùa Thiên Trúc	KX	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng	20° 47' 34"	106° 29' 40"					F-48-81-B-d
Cơ sở cai nghiện ma túy Số 2	KX	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng	20° 47' 49"	106° 29' 00"					F-48-81-B-d
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nông nghiệp Quý Cao	KX	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng	20° 46' 54"	106° 29' 36"					F-48-81-B-d
đền Đề Xuyên	KX	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng	20° 47' 12"	106° 29' 44"					F-48-81-B-d
đình Giang Khẩu	KX	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng	20° 47' 37"	106° 29' 39"					F-48-81-B-d
Đò Mía	KX	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng	20° 48' 04"	106° 29' 04"					F-48-81-B-d
Quốc lộ 10	KX	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-81-B-d, F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Đại Thắng	KX	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng	20° 47' 10"	106° 30' 20"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Đại Thắng	KX	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng	20° 47' 08"	106° 30' 23"					F-48-82-A-c
Sông Mới	TV	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng			20° 48' 04"	106° 29' 03"	20° 48' 10"	106° 30' 21"	F-48-81-B-d, F-48-82-A-c
sông Văn Úc	TV	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-A-c
thôn Đông Xuyên Ngoại	DC	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 09"	106° 33' 31"					F-48-82-C-a
thôn Đông Xuyên Nội	DC	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 42' 00"	106° 33' 35"					F-48-82-C-a
thôn Hộ Tứ Ngoại	DC	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 42' 05"	106° 33' 18"					F-48-82-C-a
thôn Hộ Tứ Nội	DC	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 42' 23"	106° 33' 20"					F-48-82-C-a
thôn Nhân Vực	DC	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 42' 24"	106° 32' 55"					F-48-82-C-a
thôn Tân Lập	DC	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 42' 19"	106° 33' 09"					F-48-82-C-a
thôn Tiên Đôi Nội	DC	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 52"	106° 33' 53"					F-48-82-C-a
thôn Tinh Lạc	DC	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 09"	106° 34' 19"					F-48-82-C-a
thôn Từ Đôi	DC	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 26"	106° 34' 00"					F-48-82-C-a
thôn Văn Đôi	DC	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 47"	106° 33' 55"					F-48-82-C-a
thôn Xóm Chợ	DC	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 29"	106° 34' 05"					F-48-82-C-a
thôn Xóm Giáo	DC	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 26"	106° 34' 18"					F-48-82-C-a
Cầu Hàn	KX	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 40' 42"	106° 32' 57"					F-48-82-C-a
Chợ Đầm	KX	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 42' 09"	106° 33' 09"					F-48-82-C-a
chùa Tiên Đôi Nội	KX	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 56"	106° 33' 43"					F-48-82-C-a
Đền Bì	KX	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 31"	106° 33' 49"					F-48-82-C-a
đền Canh Sơn	KX	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 35"	106° 33' 59"					F-48-82-C-a
đình Tiên Đôi Ngoại	KX	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 32"	106° 34' 00"					F-48-82-C-a
đình Từ Đôi	KX	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 25"	106° 33' 55"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 354	KX	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 38' 40"	106° 32' 31"	F-48-82-C-a
miếu Tiên Đôi Nội	KX	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 55"	106° 33' 43"					F-48-82-C-a
Trường Mầm non Đoàn Lập	KX	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 52"	106° 33' 36"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Đoàn Lập	KX	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 53"	106° 33' 39"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Đoàn Lập	KX	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 56"	106° 33' 41"					F-48-82-C-a
sông Thái Bình	TV	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a
thôn Hùng Hưng	DC	xã Đông Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 09"	106° 38' 51"					F-48-82-C-b
thôn Thái Hưng	DC	xã Đông Hưng	H. Tiên Lãng	20° 38' 48"	106° 39' 09"					F-48-82-C-b
thôn Thuỷ Hưng	DC	xã Đông Hưng	H. Tiên Lãng	20° 38' 10"	106° 38' 19"					F-48-82-C-b
thôn Trung Hưng	DC	xã Đông Hưng	H. Tiên Lãng	20° 38' 37"	106° 38' 15"					F-48-82-C-b
thôn Xuân Hưng	DC	xã Đông Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 29"	106° 38' 14"					F-48-82-C-b
cầu KC1	KX	xã Đông Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 27"	106° 38' 05"					F-48-82-C-b
cầu KC2	KX	xã Đông Hưng	H. Tiên Lãng	20° 38' 06"	106° 38' 21"					F-48-82-C-b
cổng C4	KX	xã Đông Hưng	H. Tiên Lãng	20° 37' 53"	106° 38' 13"					F-48-82-C-b
cổng Ngựa 2	KX	xã Đông Hưng	H. Tiên Lãng	20° 38' 12"	106° 39' 39"					F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Đông Hưng	KX	xã Đông Hưng	H. Tiên Lãng	20° 38' 42"	106° 38' 13"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Đông Hưng	KX	xã Đông Hưng	H. Tiên Lãng	20° 38' 40"	106° 38' 14"					F-48-82-C-b
kênh KC1	TV	xã Đông Hưng	H. Tiên Lãng			20° 39' 44"	106° 39' 01"	20° 38' 34"	106° 36' 12"	F-48-82-C-b
kênh KC2	TV	xã Đông Hưng	H. Tiên Lãng			20° 38' 18"	106° 39' 38"	20° 38' 34"	106° 36' 12"	F-48-82-C-b
sông Thái Bình	TV	xã Đông Hưng	H. Tiên Lãng			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-b
Thôn 1	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 08"	106° 38' 51"					F-48-82-C-b
Thôn 2	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 02"	106° 38' 56"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 3	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 04"	106° 39' 00"					F-48-82-C-b
Thôn 4	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 10"	106° 39' 07"					F-48-82-C-b
Thôn 5	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 37"	106° 39' 20"					F-48-82-C-b
Thôn 6	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 45"	106° 39' 20"					F-48-82-C-b
Thôn 7	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 21"	106° 39' 37"					F-48-82-C-b
Thôn 8	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 22"	106° 39' 33"					F-48-82-C-b
Thôn 9	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 27"	106° 39' 40"					F-48-82-C-b
Thôn 10	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 37"	106° 39' 44"					F-48-82-C-b
Thôn 11	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 40"	106° 39' 56"					F-48-82-C-b
Thôn 12	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 48"	106° 39' 51"					F-48-82-C-b
Thôn 13	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 47"	106° 40' 05"					F-48-82-C-b
Thôn 14	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 12"	106° 39' 46"					F-48-82-C-b
Thôn 15	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 10"	106° 39' 48"					F-48-82-C-b
Thôn 16	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 28"	106° 39' 00"					F-48-82-C-b
cầu Dương Áo	KX	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 22"	106° 39' 16"					F-48-82-C-b
chợ Vàm Láng	KX	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 15"	106° 39' 30"					F-48-82-C-b
chùa Bạch Đa	KX	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 48"	106° 39' 15"					F-48-82-C-b
chùa Bảo Khánh	KX	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 27"	106° 39' 40"					F-48-82-C-b
đình Vắn Đông	KX	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 14"	106° 39' 06"					F-48-82-C-b
Đò Đáy	KX	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 39"	106° 41' 22"					F-48-82-C-b
Đường huyện 212	KX	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng			20° 43' 58"	106° 33' 38"	20° 39' 26"	106° 41' 36"	F-48-82-C-b
Phà Dương	KX	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 23"	106° 39' 18"					F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Hùng Thắng	KX	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 16"	106° 39' 12"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Hùng Thắng	KX	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 24"	106° 39' 16"					F-48-82-C-b
Trường Trung học phổ thông Hùng Thắng	KX	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 23"	106° 39' 19"					F-48-82-C-b
Đầm Trì	TV	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 02"	106° 38' 00"					F-48-82-C-b
kênh Cống Ba Gian	TV	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng			20° 40' 07"	106° 40' 07"	20° 41' 36"	106° 41' 19"	F-48-82-C-b
kênh Đăng Nam	TV	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng			20° 39' 41"	106° 39' 44"	20° 40' 07"	106° 40' 07"	F-48-82-C-b
kênh Đồng Phiên	TV	xã Hùng pThắng	H. Tiên Lãng			20° 40' 22"	106° 39' 23"	20° 41' 19"	106° 39' 33"	F-48-82-C-b
kênh Dương Áo	TV	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng			20° 40' 30"	106° 39' 01"	20° 41' 15"	106° 39' 13"	F-48-82-C-b
sông Văn Úc	TV	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-C-b
thôn An Dụ 1	DC	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 44' 13"	106° 31' 19"					F-48-82-C-a
thôn An Dụ 2	DC	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 44' 09"	106° 31' 19"					F-48-82-C-a
thôn An Tử 1	DC	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 44' 12"	106° 31' 30"					F-48-82-C-a
thôn An Tử 2	DC	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 44' 12"	106° 31' 39"					F-48-82-C-a
thôn An Tử 3	DC	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 44' 13"	106° 31' 47"					F-48-82-C-a
thôn An Tử 4	DC	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 44' 12"	106° 31' 55"					F-48-82-C-a
thôn Cương Nha	DC	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 43' 52"	106° 31' 26"					F-48-82-C-a
thôn Ninh Dụ 1	DC	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 43' 58"	106° 32' 08"					F-48-82-C-a
thôn Ninh Dụ 2	DC	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 43' 59"	106° 31' 53"					F-48-82-C-a
thôn Ninh Dụ 3	DC	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 43' 59"	106° 31' 36"					F-48-82-C-a
Cầu Ân	KX	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 44' 58"	106° 31' 48"					F-48-82-C-a
Cầu Tây	KX	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 44' 51"	106° 31' 55"					F-48-82-C-a
đình Ninh Dụ	KX	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 43' 55"	106° 31' 48"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Khởi Nghĩa	KX	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 44' 03"	106° 31' 40"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Khởi Nghĩa	KX	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 44' 03"	106° 31' 41"					F-48-82-C-a
sông Thái Bình	TV	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a
thôn An Thạch	DC	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 41' 02"	106° 31' 44"					F-48-82-C-a
thôn Bắc Phong	DC	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 41' 16"	106° 31' 22"					F-48-82-C-a
thôn Nam Phong 1	DC	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 40' 44"	106° 31' 30"					F-48-82-C-a
thôn Nam Phong 2	DC	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 40' 32"	106° 31' 07"					F-48-82-C-a
thôn Nam Từ 1	DC	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 41' 33"	106° 32' 13"					F-48-82-C-a
thôn Nam Từ 2	DC	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 41' 39"	106° 32' 07"					F-48-82-C-a
thôn Thạch Hào	DC	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 41' 10"	106° 32' 15"					F-48-82-C-a
thôn Thanh Trì	DC	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 40' 58"	106° 32' 28"					F-48-82-C-a
thôn Trì Hào	DC	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 41' 17"	106° 32' 22"					F-48-82-C-a
thôn Tuần Tiến	DC	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 41' 24"	106° 32' 58"					F-48-82-C-a
Cầu Đàng	KX	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 40' 38"	106° 30' 38"					F-48-82-C-a
Cầu Hàn	KX	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 40' 42"	106° 32' 57"					F-48-82-C-a
chùa Nam Từ	KX	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 41' 49"	106° 32' 03"					F-48-82-C-a
Cụm di tích Tiến sỹ Thượng thư Nhữ Văn Lan	KX	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 41' 35"	106° 32' 09"					F-48-82-C-a
Đình Nam	KX	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 40' 47"	106° 31' 29"					F-48-82-C-a
Đường tỉnh 354	KX	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 38' 40"	106° 32' 31"	F-48-82-C-a
miếu An Thạch	KX	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 41' 00"	106° 31' 39"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Liên Hào (Khu 1)	KX	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 41' 30"	106° 32' 12"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Liên Hào (Khu 2)	KX	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 41' 34"	106° 32' 59"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Liên Phong	KX	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 41' 07"	106° 31' 34"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Kiến Thiết	KX	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 41' 40"	106° 32' 33"					F-48-82-C-a
sông Thái Bình	TV	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a
thôn Bạch Xa Làng	DC	xã Nam Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 46"	106° 37' 59"					F-48-82-C-b
thôn Bạch Xa Trại	DC	xã Nam Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 27"	106° 37' 38"					F-48-82-C-b
thôn Láng Trình	DC	xã Nam Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 57"	106° 37' 58"					F-48-82-C-b
thôn Thanh Lan	DC	xã Nam Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 00"	106° 36' 20"					F-48-82-C-a
thôn Trung Nghĩa	DC	xã Nam Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 53"	106° 38' 12"					F-48-82-C-b
thôn Vân Đoài	DC	xã Nam Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 51"	106° 37' 48"					F-48-82-C-b
thôn Xuân Trại I	DC	xã Nam Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 52"	106° 37' 23"					F-48-82-C-a
thôn Xuân Trại II	DC	xã Nam Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 37"	106° 36' 40"					F-48-82-C-a
đền Gốc Rúi	KX	xã Nam Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 14"	106° 36' 37"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Nam Hưng	KX	xã Nam Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 44"	106° 37' 50"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Nam Hưng	KX	xã Nam Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 37"	106° 38' 05"					F-48-82-C-b
sông Thái Bình	TV	xã Nam Hưng	H. Tiên Lãng			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a
thôn Bình Huệ	DC	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 42' 20"	106° 35' 06"					F-48-82-C-a
thôn Chính Lý	DC	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 43' 25"	106° 35' 24"					F-48-82-C-a
thôn Chính Nghị	DC	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 42' 59"	106° 34' 57"					F-48-82-C-a
thôn Điều Trung	DC	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 42' 39"	106° 35' 27"					F-48-82-C-a
thôn Hoàng Đông	DC	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 42' 16"	106° 35' 11"					F-48-82-C-a
thôn Khôi Vỹ Hạ	DC	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 42' 44"	106° 34' 37"					F-48-82-C-a
thôn Khôi Vỹ Thượng	DC	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 43' 06"	106° 34' 34"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Kỳ Vỹ Hạ	DC	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 42' 46"	106° 35' 45"					F-48-82-C-a
thôn Kỳ Vỹ Thượng	DC	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 42' 54"	106° 35' 33"					F-48-82-C-a
thôn Lật Dương	DC	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 43' 36"	106° 34' 18"					F-48-82-C-a
thôn Lật Khê	DC	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 43' 22"	106° 34' 01"					F-48-82-C-a
Thôn Nêu	DC	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 43' 50"	106° 34' 42"					F-48-82-C-a
thôn Trà Đông	DC	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 43' 22"	106° 34' 50"					F-48-82-C-a
thôn Trà Mai	DC	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 42' 41"	106° 35' 21"					F-48-82-C-a
Cầu Chợ	KX	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 42' 48"	106° 34' 47"					F-48-82-C-a
đình Kỳ Vĩ	KX	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 42' 57"	106° 35' 34"					F-48-82-C-a
Đường huyện 212	KX	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng			20° 43' 58"	106° 33' 38"	20° 39' 26"	106° 41' 36"	F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Quang Phục	KX	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 43' 05"	106° 34' 56"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Quang Trung	KX	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 42' 23"	106° 35' 15"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Quang Phục	KX	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 43' 08"	106° 34' 57"					F-48-82-C-a
sông Văn Úc	TV	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-A-c , F-48-82-C-a
thôn Cổ Duy	DC	xã Quyết Tiến	H. Tiên Lãng	20° 44' 17"	106° 33' 12"					F-48-82-C-a
thôn La Cầu	DC	xã Quyết Tiến	H. Tiên Lãng	20° 44' 40"	106° 33' 34"					F-48-82-C-a
thôn Ngân Bông	DC	xã Quyết Tiến	H. Tiên Lãng	20° 44' 36"	106° 32' 47"					F-48-82-C-a
thôn Ngân Cầu	DC	xã Quyết Tiến	H. Tiên Lãng	20° 44' 08"	106° 32' 41"					F-48-82-C-a
thôn Phú Cơ	DC	xã Quyết Tiến	H. Tiên Lãng	20° 44' 08"	106° 32' 59"					F-48-82-C-a
thôn Phương La	DC	xã Quyết Tiến	H. Tiên Lãng	20° 44' 33"	106° 33' 01"					F-48-82-C-a
thôn Tất Cầu	DC	xã Quyết Tiến	H. Tiên Lãng	20° 45' 01"	106° 32' 56"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Cổ Duy	KX	xã Quyết Tiến	H. Tiên Lãng	20° 44' 23"	106° 33' 11"					F-48-82-C-a
đình La Cầu	KX	xã Quyết Tiến	H. Tiên Lãng	20° 44' 41"	106° 33' 32"					F-48-82-C-a
đình Phú Cơ	KX	xã Quyết Tiến	H. Tiên Lãng	20° 44' 08"	106° 32' 56"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Quyết Tiến	KX	xã Quyết Tiến	H. Tiên Lãng	20° 44' 06"	106° 32' 50"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Quyết Tiến	KX	xã Quyết Tiến	H. Tiên Lãng	20° 44' 06"	106° 32' 49"					F-48-82-C-a
Sông Mới	TV	xã Quyết Tiến	H. Tiên Lãng			20° 45' 48"	106° 31' 05"	20° 45' 37"	106° 32' 39"	F-48-82-A-c
sông Văn Úc	TV	xã Quyết Tiến	H. Tiên Lãng			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-A-c
thôn Hợp Hưng	DC	xã Tây Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 11"	106° 37' 38"					F-48-82-C-b
thôn Minh Hưng	DC	xã Tây Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 16"	106° 37' 17"					F-48-82-C-a
thôn Tân Hưng	DC	xã Tây Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 00"	106° 36' 50"					F-48-82-C-a
thôn Xuân Hưng	DC	xã Tây Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 03"	106° 37' 32"					F-48-82-C-b
cầu DT2	KX	xã Tây Hưng	H. Tiên Lãng	20° 38' 29"	106° 37' 35"					F-48-82-C-b
đò Cống C1	KX	xã Tây Hưng	H. Tiên Lãng	20° 38' 25"	106° 36' 01"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Tây Hưng	KX	xã Tây Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 20"	106° 37' 25"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Tây Hưng	KX	xã Tây Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 10"	106° 37' 13"					F-48-82-C-a
kênh KC1	TV	xã Tây Hưng	H. Tiên Lãng			20° 39' 44"	106° 39' 01"	20° 38' 34"	106° 36' 12"	F-48-82-C-a
kênh KC2	TV	xã Tây Hưng	H. Tiên Lãng			20° 38' 18"	106° 39' 38"	20° 38' 34"	106° 36' 12"	F-48-82-C-b
sông Thái Bình	TV	xã Tây Hưng	H. Tiên Lãng			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a, F-48-82-C-b
thôn An Thung	DC	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 44"	106° 31' 02"					F-48-82-A-c
thôn Đại Công	DC	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 14"	106° 30' 15"					F-48-82-A-c
thôn Đại Độ	DC	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng	20° 45' 48"	106° 29' 39"					F-48-81-B-d
thôn Sinh Đan	DC	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 21"	106° 31' 15"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thiên Kha	DC	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 19"	106° 30' 53"					F-48-82-A-c
thôn Tiên Cự	DC	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 57"	106° 31' 20"					F-48-82-A-c
Cầu Chải	KX	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 38"	106° 30' 54"					F-48-82-A-c
chợ Hoà Bình	KX	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 52"	106° 30' 49"					F-48-82-A-c
đền thờ Chủ tịch Tôn Đức Thắng	KX	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng	20° 45' 45"	106° 29' 42"					F-48-82-A-c
Quốc lộ 10	KX	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-81-B-d F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Tiên Cường	KX	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 36"	106° 30' 53"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Tiên Cường	KX	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 40"	106° 30' 51"					F-48-82-A-c
Sông Luộc	TV	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 45' 48"	106° 31' 05"	F-48-81-B-d, F-48-82-A-c
Sông Mới	TV	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng			20° 45' 48"	106° 31' 05"	20° 45' 37"	106° 32' 39"	F-48-82-A-c
sông Văn Úc	TV	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-A-c
thôn Duyên Hải	DC	xã Tiên Hưng	H. Tiên Lãng	20° 38' 57"	106° 40' 28"					F-48-82-C-b
thôn Hoà Bình	DC	xã Tiên Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 29"	106° 39' 26"					F-48-82-C-b
thôn Tân Quang	DC	xã Tiên Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 04"	106° 39' 48"					F-48-82-C-b
thôn Tân Thắng	DC	xã Tiên Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 53"	106° 39' 20"					F-48-82-C-b
đồn biên phòng Vinh Quang	KX	xã Tiên Hưng	H. Tiên Lãng	20° 38' 35"	106° 40' 06"					F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Tiên Hưng	KX	xã Tiên Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 07"	106° 39' 38"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Tiên Hưng	KX	xã Tiên Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 10"	106° 39' 37"					F-48-82-C-b
Xí nghiệp Nuôi trồng Thủy sản Đình Vũ	KX	xã Tiên Hưng	H. Tiên Lãng	20° 38' 37"	106° 40' 04"					F-48-82-C-b
Xí nghiệp Tôm Việt Mỹ	KX	xã Tiên Hưng	H. Tiên Lãng	20° 38' 04"	106° 40' 16"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Ba Đa	DC	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 39' 33"	106° 35' 55"					F-48-82-C-a
thôn Đông Côn	DC	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 10"	106° 36' 02"					F-48-82-C-a
thôn Đông Ninh I	DC	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 41' 02"	106° 36' 09"					F-48-82-C-a
thôn Đông Ninh II	DC	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 47"	106° 36' 19"					F-48-82-C-a
thôn Duyên Lão	DC	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 08"	106° 35' 42"					F-48-82-C-a
thôn Ngọc Khánh	DC	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 41' 52"	106° 35' 02"					F-48-82-C-a
thôn Phương Đôi	DC	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 09"	106° 35' 22"					F-48-82-C-a
thôn Tiên Lãng	DC	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 34"	106° 36' 05"					F-48-82-C-a
thôn Tự Tiên	DC	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 41' 22"	106° 35' 21"					F-48-82-C-a
thôn Xa Vĩ	DC	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 33"	106° 35' 41"					F-48-82-C-a
chùa Đông Côn	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 04"	106° 35' 54"					F-48-82-C-a
chùa Đông Ninh	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 41' 12"	106° 36' 17"					F-48-82-C-a
chùa Duyên Lão	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 08"	106° 35' 37"					F-48-82-C-a
chùa Xa Vĩ	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 46"	106° 35' 27"					F-48-82-C-a
đình Đông Côn	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 05"	106° 35' 55"					F-48-82-C-a
đình Duyên Lão	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 06"	106° 35' 27"					F-48-82-C-a
đình Tiên Lãng	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 41"	106° 35' 52"					F-48-82-C-a
đình Tự Tiên	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 41' 26"	106° 35' 24"					F-48-82-C-a
đình Xa Vĩ	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 42"	106° 35' 37"					F-48-82-C-a
Đò Đền	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 03"	106° 34' 59"					F-48-82-C-a
miếu Đông Ninh	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 41' 03"	106° 36' 04"					F-48-82-C-a
nhà thờ Giáo xứ Đông Côn	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 13"	106° 36' 03"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Duyên Lão	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 12"	106° 35' 39"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Tiên Minh	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 50"	106° 35' 59"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Tự Tiên	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 41' 26"	106° 35' 22"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Tiên Minh	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 52"	106° 35' 59"					F-48-82-C-a
sông Thái Bình	TV	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a
Khu 1	DC	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 47"	106° 37' 20"					F-48-82-C-a
Khu 2	DC	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 40"	106° 37' 21"					F-48-82-C-a
Khu 3	DC	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 32"	106° 37' 23"					F-48-82-C-a
Khu 4	DC	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 26"	106° 37' 18"					F-48-82-C-a
Khu 5	DC	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 20"	106° 37' 11"					F-48-82-C-a
Khu 6	DC	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 15"	106° 37' 06"					F-48-82-C-a
Khu 7	DC	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 10"	106° 37' 02"					F-48-82-C-a
Khu 8	DC	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 46"	106° 36' 37"					F-48-82-C-a
Khu 9	DC	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 46"	106° 36' 49"					F-48-82-C-a
Khu 10	DC	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 25"	106° 36' 50"					F-48-82-C-a
Khu 11	DC	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 20"	106° 36' 28"					F-48-82-C-a
khu Bãi Cát	DC	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 05"	106° 37' 05"					F-48-82-C-a
Khu Kho	DC	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 49"	106° 37' 20"					F-48-82-C-a
đỉnh Lộ Đông	KX	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 16"	106° 36' 32"					F-48-82-C-a
đỉnh Mỹ Lộc	KX	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 24"	106° 37' 20"					F-48-82-C-a
Đường huyện 212	KX	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng			20° 43' 58"	106° 33' 38"	20° 39' 26"	106° 41' 36"	F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Tiên Thắng	KX	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 34"	106° 37' 09"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Tiên Thắng	KX	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 29"	106° 37' 01"					F-48-82-C-a
sông Văn Úc	TV	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-C-a, F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 1	DC	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng	20° 43' 34"	106° 31' 30"		.			F-48-82-C-a
thôn Đồng Cống	DC	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng	20° 43' 31"	106° 32' 33"					F-48-82-C-a
thôn Hà Đới	DC	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng	20° 43' 42"	106° 31' 52"					F-48-82-C-a
thôn Kim Đới 1	DC	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng	20° 42' 53"	106° 31' 53"					F-48-82-C-a
thôn Kim Đới 2	DC	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng	20° 43' 34"	106° 31' 40"					F-48-82-C-a
thôn Kim Đới 3	DC	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng	20° 43' 36"	106° 31' 48"					F-48-82-C-a
thôn Kinh Tế Mới	DC	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng	20° 42' 34"	106° 31' 04"					F-48-82-C-a
thôn Lai Phương	DC	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng	20° 43' 15"	106° 32' 32"					F-48-82-C-a
thôn Ngọc Động	DC	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng	20° 43' 34"	106° 32' 05"					F-48-82-C-a
thôn Xóm 6	DC	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng	20° 42' 32"	106° 31' 34"					F-48-82-C-a
đền Hà Đới	KX	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng	20° 43' 40"	106° 31' 58"					F-48-82-C-a
đền Ngọc Động	KX	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng	20° 43' 44"	106° 32' 02"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Tiên Thanh	KX	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng	20° 43' 41"	106° 31' 59"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Tiên Thanh	KX	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng	20° 43' 40"	106° 31' 58"					F-48-82-C-a
sông Thái Bình	TV	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a
Thôn Ân	DC	xã Tiên Tiến	H. Tiên Lãng	20° 45' 21"	106° 31' 44"					F-48-82-A-c
Thôn Chàm	DC	xã Tiên Tiến	H. Tiên Lãng	20° 44' 37"	106° 32' 25"					F-48-82-C-a
Thôn Giáo	DC	xã Tiên Tiến	H. Tiên Lãng	20° 44' 52"	106° 32' 04"					F-48-82-C-a
Thôn Nghiện	DC	xã Tiên Tiến	H. Tiên Lãng	20° 45' 37"	106° 31' 41"					F-48-82-A-c
Thôn Rỗ	DC	xã Tiên Tiến	H. Tiên Lãng	20° 45' 33"	106° 31' 24"					F-48-82-A-c
Thôn Vòng	DC	xã Tiên Tiến	H. Tiên Lãng	20° 45' 23"	106° 32' 02"					F-48-82-A-c
cầu Sông Mới	KX	xã Tiên Tiến	H. Tiên Lãng	20° 45' 48"	106° 31' 19"					F-48-82-A-c
Cầu Tây	KX	xã Tiên Tiến	H. Tiên Lãng	20° 44' 51"	106° 31' 55"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Tiên Tiến	KX	xã Tiên Tiến	H. Tiên Lãng	20° 45' 14"	106° 31' 47"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Tiên Tiến	KX	xã Tiên Tiến	H. Tiên Lãng	20° 45' 12"	106° 31' 49"					F-48-82-A-c
Sông Mới	TV	xã Tiên Tiến	H. Tiên Lãng			20° 45' 48"	106° 31' 05"	20° 45' 37"	106° 32' 39"	F-48-82-A-c
sông Thái Bình	TV	xã Tiên Tiến	H. Tiên Lãng			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-A-c
khu dân cư Xóm 10	DC	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 42' 16"	106° 35' 43"					F-48-82-C-a
thôn Bằng Viên	DC	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 40"	106° 36' 15"					F-48-82-C-a
thôn Cẩm Khê	DC	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 42' 09"	106° 36' 22"					F-48-82-C-a
thôn Đốc Hành	DC	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 48"	106° 35' 54"					F-48-82-C-a
thôn Đốc Hậu	DC	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 42' 38"	106° 35' 58"					F-48-82-C-a
thôn Đông Quy	DC	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 42' 02"	106° 36' 01"					F-48-82-C-a
thôn Minh Thị	DC	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 42' 27"	106° 36' 11"					F-48-82-C-a
chợ Đông Quy	KX	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 42' 08"	106° 35' 47"					F-48-82-C-a
chùa Minh Thị	KX	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 42' 27"	106° 36' 08"					F-48-82-C-a
cổng Phu Lôi	KX	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 42' 38"	106° 36' 18"					F-48-82-C-a
Đền Gấm	KX	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 42' 14"	106° 36' 36"					F-48-82-C-a
đình Đốc Hành	KX	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 51"	106° 35' 50"					F-48-82-C-a
đình Đốc Hậu	KX	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 42' 38"	106° 36' 05"					F-48-82-C-a
Đò Sáu	KX	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 42' 44"	106° 36' 37"					F-48-82-C-a
Đường huyện 212	KX	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng			20° 43' 58"	106° 33' 38"	20° 39' 26"	106° 41' 36"	F-48-82-C-a
Trường Mầm non Toàn Thắng	KX	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 58"	106° 35' 51"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Toàn Thắng	KX	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 42' 07"	106° 35' 53"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Toàn Thắng	KX	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 42' 08"	106° 35' 52"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Toàn Thắng										
Trường Trung học phổ thông Toàn Thắng	KX	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 42' 13"	106° 35' 36"					F-48-82-C-a
sông Văn Úc	TV	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-C-a
thôn Cẩm La	DC	xã Tự Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 12"	106° 32' 12"					F-48-82-A-c
thôn Lâm Cao	DC	xã Tự Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 47"	106° 31' 46"					F-48-82-A-c
thôn Mỹ Khê	DC	xã Tự Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 14"	106° 31' 45"					F-48-82-A-c
thôn Nhuệ Ngự	DC	xã Tự Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 18"	106° 31' 31"					F-48-82-A-c
thôn Sa Đồng	DC	xã Tự Cường	H. Tiên Lãng	20° 47' 24"	106° 31' 36"					F-48-82-A-c
cầu Sông Mới	KX	xã Tự Cường	H. Tiên Lãng	20° 45' 48"	106° 31' 19"					F-48-82-A-c
chùa Cẩm La	KX	xã Tự Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 20"	106° 32' 08"					F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Tự Cường	KX	xã Tự Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 41"	106° 31' 40"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Tự Cường	KX	xã Tự Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 39"	106° 31' 42"					F-48-82-A-c
Sông Mới	TV	xã Tự Cường	H. Tiên Lãng			20° 45' 48"	106° 31' 05"	20° 45' 37"	106° 32' 39"	F-48-82-A-c
sông Văn Úc	TV	xã Tự Cường	H. Tiên Lãng			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-A-c
thôn Chùa Dưới	DC	xã Vinh Quang	H. Tiên Lãng	20° 39' 22"	106° 41' 27"					F-48-82-C-b
thôn Chùa Trên	DC	xã Vinh Quang	H. Tiên Lãng	20° 39' 17"	106° 41' 26"					F-48-82-C-b
thôn Đồn Dưới	DC	xã Vinh Quang	H. Tiên Lãng	20° 39' 52"	106° 40' 38"					F-48-82-C-b
thôn Đồn Trên	DC	xã Vinh Quang	H. Tiên Lãng	20° 40' 00"	106° 40' 19"					F-48-82-C-b
thôn Đông Dưới	DC	xã Vinh Quang	H. Tiên Lãng	20° 39' 50"	106° 41' 33"					F-48-82-C-b
thôn Đông Trên	DC	xã Vinh Quang	H. Tiên Lãng	20° 39' 42"	106° 41' 43"					F-48-82-C-b
Thôn Kim	DC	xã Vinh Quang	H. Tiên Lãng	20° 40' 29"	106° 40' 50"					F-48-82-C-b
Thôn Kỳ	DC	xã Vinh Quang	H. Tiên Lãng	20° 40' 31"	106° 40' 28"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Nam	DC	xã Vinh Quang	H. Tiên Lãng	20° 39' 27"	106° 40' 10"					F-48-82-C-b
thôn Thái Ninh	DC	xã Vinh Quang	H. Tiên Lãng	20° 38' 58"	106° 40' 54"					F-48-82-C-b
thôn Tư Sinh	DC	xã Vinh Quang	H. Tiên Lãng	20° 39' 24"	106° 40' 38"					F-48-82-C-b
thôn Vam Dưới	DC	xã Vinh Quang	H. Tiên Lãng	20° 40' 42"	106° 41' 01"					F-48-82-C-b
thôn Vam Trên	DC	xã Vinh Quang	H. Tiên Lãng	20° 40' 13"	106° 41' 28"					F-48-82-C-b
Thôn Yên	DC	xã Vinh Quang	H. Tiên Lãng	20° 40' 03"	106° 41' 13"					F-48-82-C-b
đình Thái Bình (Đình Đông)	KX	xã Vinh Quang	H. Tiên Lãng	20° 39' 52"	106° 41' 45"					F-48-82-C-b
Đường huyện 212	KX	xã Vinh Quang	H. Tiên Lãng			20° 43' 58"	106° 33' 38"	20° 39' 26"	106° 41' 36"	F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Vinh Quang	KX	xã Vinh Quang	H. Tiên Lãng	20° 39' 42"	106° 40' 58"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Vinh Quang	KX	xã Vinh Quang	H. Tiên Lãng	20° 39' 43"	106° 40' 56"					F-48-82-C-b
kênh Cổng Ba Gian	TV	xã Vinh Quang	H. Tiên Lãng			20° 40' 07"	106° 40' 07"	20° 41' 36"	106° 41' 19"	F-48-82-C-b
sông Văn Úc	TV	xã Vinh Quang	H. Tiên Lãng			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-C-b
khu dân cư Bắc Hải	DC	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 50"	106° 28' 09"					F-48-81-D-b
khu dân cư Bình Minh	DC	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 33"	106° 28' 38"					F-48-81-D-b
khu dân cư Diêm Niêm	DC	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 29"	106° 28' 32"					F-48-81-D-b
khu dân cư Hoà Bình	DC	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 36"	106° 28' 46"					F-48-81-D-b
khu dân cư Lam Sơn	DC	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 43"	106° 28' 38"					F-48-81-D-b
khu dân cư Tiền Hải	DC	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 27"	106° 29' 03"					F-48-81-D-b
khu phố 1-5	DC	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 20"	106° 28' 47"					F-48-81-D-b
khu phố 3-2	DC	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 40"	106° 28' 54"					F-48-81-D-b
khu phố Đông Thái	DC	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 36"	106° 28' 27"					F-48-81-D-b
khu phố Tân Hoà	DC	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 49"	106° 28' 55"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Bảo	KX	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 56"	106° 28' 49"					F-48-81-D-b
cầu Nhân Mục	KX	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 10"	106° 28' 46"					F-48-81-D-b
Cầu Tây	KX	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 49"	106° 29' 00"					F-48-81-D-b
chùa Đông Tà	KX	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 46"	106° 28' 32"					F-48-81-D-b
đền Đông Tà	KX	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 46"	106° 28' 33"					F-48-81-D-b
Quốc lộ 10	KX	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-81-D-b
Quốc lộ 37	KX	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 37' 35"	106° 32' 33"	F-48-81-D-b
Trường Tiểu học thị trấn Vĩnh Bảo	KX	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 44"	106° 28' 50"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	KX	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 39"	106° 28' 17"					F-48-81-D-b
Trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến	KX	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 54"	106° 28' 00"					F-48-81-D-b
Trường Trung học phổ thông Vĩnh Bảo	KX	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 20"	106° 28' 35"					F-48-81-D-b
kênh Chanh Dương (sông Chanh Dương)	TV	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo			20° 41' 10"	106° 28' 46"	20° 38' 13"	106° 35' 27"	F-48-81-D-b
thôn An Đồng	DC	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 48"	106° 26' 20"					F-48-81-D-b
thôn An Lăng	DC	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 49"	106° 26' 24"					F-48-81-D-b
thôn Hạ Đồng	DC	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 12"	106° 25' 54"					F-48-81-D-b
thôn Kênh Hữu	DC	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 27"	106° 26' 40"					F-48-81-D-b
thôn Nội Tà	DC	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 57"	106° 25' 29"					F-48-81-D-b
thôn Tà Ngoại I	DC	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 44"	106° 25' 54"					F-48-81-D-b
thôn Tà Ngoại II	DC	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 58"	106° 25' 59"					F-48-81-D-b
thôn Thượng Đồng	DC	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 18"	106° 26' 00"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đền Hạ Đồng	KX	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 15"	106° 25' 44"					F-48-81-D-b
đền Tạ Ngoại	KX	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 57"	106° 25' 58"					F-48-81-D-b
đình Thượng Đồng	KX	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 19"	106° 25' 57"					F-48-81-D-b
Đường tỉnh 17B	KX	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo			20° 42' 23"	106° 27' 12"	20° 39' 57"	106° 26' 51"	F-48-81-D-b
Quốc lộ 10	KX	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-81-D-b
Trường Tiểu học An Hoà	KX	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 55"	106° 26' 04"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở An Hoà	KX	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 53"	106° 26' 10"					F-48-81-D-b
Sông Hoá	TV	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-81-D-b
Thôn 1	DC	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 01"	106° 31' 37"					F-48-82-C-a
Thôn 2	DC	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 07"	106° 31' 38"					F-48-82-C-a
Thôn 3	DC	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 09"	106° 31' 30"					F-48-82-C-a
Thôn 4	DC	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 03"	106° 31' 13"					F-48-82-C-a
Thôn 5	DC	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 08"	106° 31' 16"					F-48-82-C-a
Thôn 6	DC	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 32"	106° 31' 14"					F-48-82-C-a
Thôn 7	DC	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 00"	106° 31' 01"					F-48-82-C-a
Thôn 8	DC	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 27"	106° 30' 38"					F-48-82-C-c
Thôn 9	DC	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 17"	106° 30' 32"					F-48-82-C-c
Thôn 10	DC	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 06"	106° 30' 29"					F-48-82-C-c
Thôn 11	DC	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 07"	106° 30' 42"					F-48-82-C-c
Thôn 12	DC	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 36' 29"	106° 31' 23"					F-48-82-C-c
thôn Tân Lập	DC	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 41"	106° 31' 33"					F-48-82-C-a
xóm Đông Lại	DC	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 46"	106° 31' 20"					F-48-82-C-a
Chùa Gạo	KX	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 35"	106° 30' 38"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Tây Am	KX	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 09"	106° 31' 10"					F-48-82-C-a
đình Hội Am	KX	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 14"	106° 30' 39"					F-48-82-C-c
đình Liễu Điện	KX	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 04"	106° 31' 41"					F-48-82-C-a
Đò Côi	KX	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 36' 54"	106° 30' 29"					F-48-82-C-c
khu lưu niệm Danh y Đào Công Chính	KX	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 15"	106° 30' 42"					F-48-82-C-c
Quốc lộ 37	KX	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 37' 35"	106° 32' 33"	F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Cao Minh	KX	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 50"	106° 30' 54"					F-48-82-C-a
từ đường họ Phạm Đức	KX	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 12"	106° 30' 35"					F-48-82-C-c
Sông Hoá	TV	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-81-D-d, F-48-82-C-c
Thôn 1	DC	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 11"	106° 32' 15"					F-48-82-C-a
Thôn 2	DC	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 12"	106° 32' 26"					F-48-82-C-a
Thôn 3	DC	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 17"	106° 32' 39"					F-48-82-C-a
Thôn 4	DC	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 18"	106° 32' 49"					F-48-82-C-a
Thôn 5	DC	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 19"	106° 32' 58"					F-48-82-C-a
cầu phao Sông Hoá	KX	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 34"	106° 32' 34"					F-48-82-C-a
Chùa Mét	KX	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 08"	106° 32' 10"					F-48-82-C-a
Đình Hà	KX	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 22"	106° 32' 58"					F-48-82-C-a
Đình Phần	KX	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 22"	106° 32' 44"					F-48-82-C-a
Đường tỉnh 17	KX	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo			20° 38' 15"	106° 35' 23"	20° 38' 40"	106° 32' 41"	F-48-82-C-a
Miếu Trảng (miếu Cây Xanh)	KX	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 17"	106° 32' 31"					F-48-82-C-a
Quốc lộ 37	KX	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 37' 35"	106° 32' 33"	F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Cổ Am	KX	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 25"	106° 32' 44"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Cổ Am - Vĩnh Tiến	KX	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 23"	106° 32' 37"					F-48-82-C-a
kênh Chanh Dương (sông Chanh Dương)	TV	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo			20° 41' 10"	106° 28' 46"	20° 38' 13"	106° 35' 27"	F-48-81-D-b
Sông Hoá	TV	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-82-C-a, F-48-82-C-c
thôn 1 Hà Dương	DC	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 06"	106° 29' 07"					F-48-81-D-d
thôn 2 Hà Dương	DC	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 17"	106° 28' 59"					F-48-81-D-d
thôn 3 An Quý	DC	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 38"	106° 28' 50"					F-48-81-D-b
thôn 4 An Quý	DC	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 50"	106° 29' 04"					F-48-81-D-b
thôn 5 An Quý	DC	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 46"	106° 29' 12"					F-48-81-D-b
thôn 9 Hạ Am	DC	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 37"	106° 29' 30"					F-48-81-D-b
thôn 10 Hạ Am	DC	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 33"	106° 29' 16"					F-48-81-D-b
thôn Cống Hiền	DC	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 39"	106° 29' 49"					F-48-81-D-b
thôn Hạ Đồng	DC	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 46"	106° 29' 24"					F-48-81-D-b
Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Bảo	KX	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 09"	106° 28' 50"					F-48-81-D-b
chùa Hoa Am	KX	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 28"	106° 28' 35"					F-48-81-D-d
đền thờ Tiến sỹ Dương Đức Nhan	KX	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 27"	106° 28' 35"					F-48-81-D-d
đình An Quý	KX	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 41"	106° 29' 13"					F-48-81-D-b
Trường Tiểu học Cộng Hiền	KX	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 40"	106° 29' 15"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Cộng Hiền	KX	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 36"	106° 29' 10"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học phổ thông Cộng Hiền	KX	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 06"	106° 28' 46"					F-48-81-D-b
kênh Bạch Đà (sông Bạch Đà)	TV	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo			20° 37' 49"	106° 29' 55"	20° 37' 03"	106° 29' 26"	F-48-81-D-b, F-48-81-D-d
Sông Hoá	TV	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-81-D-d
thôn Cấp Lực	DC	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 39"	106° 27' 12"					F-48-81-D-b
thôn Đoàn Kết	DC	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 29"	106° 28' 35"					F-48-81-D-b
thôn Đồng Tiến	DC	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 58"	106° 27' 41"					F-48-81-D-b
thôn Hạnh Phúc	DC	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 11"	106° 28' 41"					F-48-81-D-b
thôn Hồng Thái	DC	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 26"	106° 27' 59"					F-48-81-D-b
thôn Hùng Chiến	DC	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 01"	106° 26' 54"					F-48-81-D-b
thôn Ninh Cường	DC	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 11"	106° 28' 24"					F-48-81-D-b
thôn Quân Thiêng	DC	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 21"	106° 28' 41"					F-48-81-D-b
thôn Quyết Thắng	DC	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 52"	106° 27' 44"					F-48-81-D-b
thôn Quyết Tiến	DC	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 07"	106° 27' 47"					F-48-81-D-b
thôn Song Hùng	DC	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 49"	106° 27' 54"					F-48-81-D-b
thôn Tân Nội	DC	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 31"	106° 29' 02"					F-48-81-D-b
thôn Thái Hoà	DC	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 21"	106° 28' 01"					F-48-81-D-b
thôn Trung Dũng	DC	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 15"	106° 28' 12"					F-48-81-D-b
chợ Đồng Minh	KX	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 04"	106° 27' 55"					F-48-81-D-b
Chùa Miếu	KX	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 25"	106° 28' 00"					F-48-81-D-b
đình Từ Lâm	KX	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 16"	106° 28' 06"					F-48-81-D-b
Đường tỉnh 17B (nhánh 2)	KX	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo			20° 40' 04"	106° 27' 07"	20° 38' 13"	106° 28' 54"	F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
miếu Bảo Hà	KX	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 54"	106° 27' 41"					F-48-81-D-b
Trường Tiểu học Đồng Minh	KX	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 08"	106° 27' 54"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Đồng Minh	KX	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 10"	106° 27' 55"					F-48-81-D-b
Sông Hoá	TV	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-81-D-b
thôn 1 Đồng Quan	DC	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 19"	106° 29' 38"					F-48-81-D-b
thôn 2 Đồng Quan	DC	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 11"	106° 29' 16"					F-48-81-D-b
thôn 3 Xuân Bò	DC	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 24"	106° 29' 12"					F-48-81-D-b
thôn 4 An Bò	DC	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 40"	106° 28' 47"					F-48-81-D-b
thôn 5 An Bò	DC	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 44"	106° 29' 01"					F-48-81-D-b
thôn 6 An Bò	DC	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 39"	106° 29' 03"					F-48-81-D-b
thôn 7 An Bò	DC	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 34"	106° 28' 49"					F-48-81-D-b
thôn 8 Đan Điền	DC	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 24"	106° 28' 11"					F-48-81-D-b
thôn 9 Đan Điền	DC	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 19"	106° 28' 09"					F-48-81-D-b
thôn 10 Đan Điền	DC	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 12"	106° 28' 28"					F-48-81-D-b
thôn 11 Cự Lại	DC	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 58"	106° 28' 36"					F-48-81-D-b
Chợ Mết	KX	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 36"	106° 29' 11"					F-48-81-D-b
chùa Cự Lại	KX	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 04"	106° 28' 30"					F-48-81-D-b
chùa Đồng Quan	KX	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 14"	106° 29' 35"					F-48-81-D-b
chùa Tây An Bò	KX	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 27"	106° 28' 37"					F-48-81-D-b
đình Cự Lại	KX	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 04"	106° 28' 30"					F-48-81-D-b
đình Thượng Lộc (đình Đan Điền Ngoài)	KX	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 30"	106° 28' 05"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
miếu Đồng Quan	KX	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 06"	106° 29' 28"					F-48-81-D-b
miếu Tây An Bồ	KX	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 27"	106° 28' 37"					F-48-81-D-b
Quốc lộ 10	KX	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-81-D-b
Trường Tiểu học Dũng Tiến	KX	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 23"	106° 28' 50"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Dũng Tiến	KX	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 29"	106° 29' 03"					F-48-81-D-b
Sông Luộc	TV	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 45' 48"	106° 31' 05"	F-48-81-B-d, F-48-82-D-b
Thôn 1	DC	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 15"	106° 30' 10"					F-48-82-C-a
Thôn 2	DC	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 24"	106° 30' 06"					F-48-82-C-a
Thôn 3	DC	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 42"	106° 30' 04"					F-48-82-C-a
Thôn 4	DC	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 50"	106° 30' 01"					F-48-82-C-a
Thôn 5	DC	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 45' 00"	106° 29' 57"					F-48-81-D-b
Thôn 6	DC	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 45' 11"	106° 29' 51"					F-48-81-B-d
Thôn 7	DC	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 45' 16"	106° 29' 54"					F-48-81-B-d
cầu Quý Cao	KX	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 45' 26"	106° 29' 34"					F-48-81-B-d
Chùa Cả	KX	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 45' 22"	106° 29' 47"					F-48-81-B-d
Chùa Dâu	KX	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 38"	106° 30' 01"					F-48-82-C-a
chùa Nội Thắng	KX	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 45' 02"	106° 29' 55"					F-48-81-B-d
Miếu Dâu	KX	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 36"	106° 30' 10"					F-48-82-C-a
Miếu Lác	KX	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 45' 27"	106° 29' 42"					F-48-81-B-d
Miếu Thắng	KX	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 45' 24"	106° 29' 47"					F-48-81-B-d
Quốc lộ 10	KX	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-81-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Giang Biên	KX	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 45"	106° 30' 00"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Giang Biên	KX	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 47"	106° 30' 03"					F-48-82-C-a
Sông Luộc	TV	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 45' 48"	106° 31' 05"	F-48-81-B-d, F-48-82-A-c
sông Thái Bình	TV	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-A-c, F-48-82-C-a
thôn An Bảo	DC	xã Hiệp Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 29"	106° 25' 28"					F-48-81-D-b
Thôn Giông	DC	xã Hiệp Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 43"	106° 25' 07"					F-48-81-D-b
thôn Lê Lợi	DC	xã Hiệp Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 19"	106° 25' 38"					F-48-81-D-b
Thôn Nả	DC	xã Hiệp Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 26"	106° 25' 12"					F-48-81-D-b
thôn Nghĩa Lý	DC	xã Hiệp Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 05"	106° 25' 16"					F-48-81-D-b
thôn Trúc Hiệp	DC	xã Hiệp Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 49"	106° 25' 28"					F-48-81-D-b
thôn Xóm 12	DC	xã Hiệp Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 47"	106° 24' 15"					F-48-81-D-b
chùa Linh Am	KX	xã Hiệp Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 17"	106° 25' 13"					F-48-81-D-b
đền An Bảo	KX	xã Hiệp Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 24"	106° 25' 31"					F-48-81-D-b
đền Trúc Hiệp	KX	xã Hiệp Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 43"	106° 25' 23"					F-48-81-D-b
Trường Tiểu học Hiệp Hoà	KX	xã Hiệp Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 42"	106° 25' 21"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Hiệp Hoà - Hùng Tiến	KX	xã Hiệp Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 39"	106° 25' 22"					F-48-81-D-b
Sông Hoá	TV	xã Hiệp Hoà	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-81-D-b
Thôn 1	DC	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 59"	106° 32' 42"					F-48-82-C-a
Thôn 2	DC	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 06"	106° 32' 45"					F-48-82-C-a
Thôn 3	DC	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 26"	106° 32' 57"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 4	DC	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 28"	106° 33' 06"					F-48-82-C-a
Thôn 5	DC	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 29"	106° 33' 12"					F-48-82-C-a
Thôn 6	DC	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 28"	106° 33' 18"					F-48-82-C-a
Thôn 7	DC	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 18"	106° 33' 35"					F-48-82-C-a
Thôn 8	DC	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 11"	106° 33' 29"					F-48-82-C-a
Thôn 9	DC	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 07"	106° 33' 25"					F-48-82-C-a
Thôn 10	DC	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 57"	106° 33' 39"					F-48-82-C-a
Thôn 11	DC	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 19"	106° 33' 04"					F-48-82-C-a
Thôn 12	DC	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 36"	106° 33' 05"					F-48-82-C-a
Thôn 13	DC	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 51"	106° 34' 22"					F-48-82-C-a
Cầu Hàn	KX	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 42"	106° 32' 57"					F-48-82-C-a
chùa Dương Khánh	KX	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 39"	106° 33' 01"					F-48-82-C-a
chùa Lôi Trạch	KX	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 02"	106° 32' 48"					F-48-82-C-a
chùa Tây Linh	KX	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 28"	106° 32' 48"					F-48-82-C-a
đình Hàm Dương	KX	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 36"	106° 33' 01"					F-48-82-C-a
đình Lôi Trạch	KX	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 02"	106° 32' 48"					F-48-82-C-a
đình Ngái Am	KX	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 16"	106° 33' 25"					F-48-82-C-a
Đường tỉnh 354	KX	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 38' 40"	106° 32' 31"	F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Hoà Bình	KX	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 21"	106° 33' 13"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Hoà Bình	KX	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 23"	106° 33' 08"					F-48-82-C-a
từ đường họ Hoàng Hữu	KX	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 25"	106° 33' 18"					F-48-82-C-a
từ đường họ Phạm	KX	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 12"	106° 33' 19"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Thái Bình	TV	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a
thôn An Biên	DC	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 36"	106° 27' 23"					F-48-81-D-b
thôn Bến Vọng	DC	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 30"	106° 27' 28"					F-48-81-D-b
thôn Hoàng Kênh	DC	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 08"	106° 27' 26"					F-48-81-D-b
thôn Kê Sơn 1	DC	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 55"	106° 26' 59"					F-48-81-D-b
thôn Kê Sơn 2	DC	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 45"	106° 27' 14"					F-48-81-D-b
thôn Kênh Trạch	DC	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 39"	106° 26' 50"					F-48-81-D-b
thôn Tứ Dục	DC	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 57"	106° 27' 52"					F-48-81-D-b
xóm Mối Cầu Nghìn	DC	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 45"	106° 26' 25"					F-48-81-D-b
xóm Quán Cháy	DC	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 07"	106° 27' 14"					F-48-81-D-b
Chùa Sẻ	KX	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 26"	106° 27' 16"					F-48-81-D-b
đình Kênh Trạch	KX	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 48"	106° 26' 46"					F-48-81-D-b
đình Tứ Dục	KX	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 54"	106° 27' 43"					F-48-81-D-b
Đường tỉnh 17B	KX	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo			20° 42' 23"	106° 27' 12"	20° 39' 57"	106° 26' 51"	F-48-81-D-b
Đường tỉnh 17B (nhánh 2)	KX	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo			20° 40' 04"	106° 27' 07"	20° 38' 13"	106° 28' 54"	F-48-81-D-b
Quốc lộ 10	KX	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-81-D-b
Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hưng Nhân	KX	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 33"	106° 27' 31"					F-48-81-D-b
thôn Bắc Tạ I	DC	xã Hùng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 44"	106° 26' 51"					F-48-81-D-b
thôn Bắc Tạ II	DC	xã Hùng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 34"	106° 26' 58"					F-48-81-D-b
thôn Đại Nỗ I	DC	xã Hùng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 20"	106° 26' 08"					F-48-81-D-b
thôn Đại Nỗ II	DC	xã Hùng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 24"	106° 25' 57"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phương Trì I	DC	xã Hùng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 53"	106° 26' 07"					F-48-81-D-b
thôn Phương Trì II	DC	xã Hùng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 52"	106° 26' 25"					F-48-81-D-b
thôn Phương Tường	DC	xã Hùng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 05"	106° 26' 49"					F-48-81-D-b
thôn Xuân Hùng	DC	xã Hùng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 13"	106° 26' 29"					F-48-81-D-b
đỉnh Bắc Tạ	KX	xã Hùng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 36"	106° 27' 00"					F-48-81-D-b
đỉnh Đại Nỗ	KX	xã Hùng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 16"	106° 25' 53"					F-48-81-D-b
Đường tỉnh 17B	KX	xã Hùng Tiến	H. Vĩnh Bảo			20° 42' 23"	106° 27' 12"	20° 39' 57"	106° 26' 51"	F-48-81-D-b
Quốc lộ 37	KX	xã Hùng Tiến	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 37' 35"	106° 32' 33"	F-48-81-D-b
Trường Tiểu học Hùng Tiến	KX	xã Hùng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 39"	106° 26' 43"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Hùng Tiến	KX	xã Hùng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 42"	106° 26' 44"					F-48-81-D-b
khu dân cư Quốc lộ 37	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 49"	106° 30' 58"					F-48-82-C-a
thôn Bắc Thượng Trung	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 24"	106° 30' 34"					F-48-82-C-a
thôn Bái Khê	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 38"	106° 31' 17"					F-48-82-C-a
thôn Bích Động	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 56"	106° 30' 46"					F-48-82-C-a
thôn Đoàn Kết	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 20"	106° 30' 39"					F-48-82-C-a
thôn Đông Nha	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 01"	106° 30' 51"					F-48-82-C-a
thôn Đông Tô	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 15"	106° 30' 57"					F-48-82-C-a
thôn Hậu Chùa	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 57"	106° 30' 47"					F-48-82-C-a
thôn Hậu Đông	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 50"	106° 31' 10"					F-48-82-C-a
thôn Kim Bích	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 31"	106° 30' 58"					F-48-82-C-a
thôn Liêm Khê	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 05"	106° 31' 24"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nam Thượng Trung	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 14"	106° 30' 33"					F-48-82-C-a
thôn Ngọc Đồng	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 02"	106° 30' 47"					F-48-82-C-a
thôn Thượng Am	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 49"	106° 30' 40"					F-48-82-C-a
thôn Trại Đồng	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 48"	106° 30' 43"					F-48-82-C-a
Cầu Đồng	KX	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 57"	106° 30' 36"					F-48-82-C-a
đình Ngọc Đồng	KX	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 10"	106° 30' 42"					F-48-82-C-a
đình Thượng Trung	KX	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 25"	106° 30' 29"					F-48-82-C-a
Quốc lộ 37	KX	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 37' 35"	106° 32' 33"	F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Liên Am	KX	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 55"	106° 30' 54"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Liên Am	KX	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 50"	106° 30' 48"					F-48-82-C-a
kênh Chanh Dương (sông Chanh Dương)	TV	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo			20° 41' 10"	106° 28' 46"	20° 38' 13"	106° 35' 27"	F-48-81-D-b
sông Thái Bình	TV	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a
thôn 1 Lạng Am	DC	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 41"	106° 32' 03"					F-48-82-C-a
thôn 2 Lạng Am	DC	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 47"	106° 31' 54"					F-48-82-C-a
thôn 3 Trung Am	DC	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 34"	106° 32' 02"					F-48-82-C-a
thôn 4 Trung Am	DC	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 31"	106° 31' 50"					F-48-82-C-a
thôn 5 Trung Am	DC	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 39"	106° 31' 52"					F-48-82-C-a
thôn 6 Tiền Am	DC	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 03"	106° 32' 18"					F-48-82-C-a
thôn 7 Tiền Am	DC	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 45"	106° 32' 24"					F-48-82-C-a
thôn 8 Tiền Am	DC	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 39"	106° 32' 33"					F-48-82-C-a
cầu Lạng Tây	KX	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 44"	106° 31' 42"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Chợ Nam	KX	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 39"	106° 32' 07"					F-48-82-C-a
chùa Lạng Tây	KX	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 49"	106° 31' 45"					F-48-82-C-a
đền thờ Nguyễn Bình Khiêm	KX	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 45"	106° 31' 46"					F-48-82-C-a
đền Trần Quận Công	KX	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 38"	106° 31' 48"					F-48-82-C-a
miếu Đông Tinh	KX	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 51"	106° 32' 20"					F-48-82-C-a
Quốc lộ 37	KX	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 37' 35"	106° 32' 33"	F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Lý Học	KX	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 23"	106° 31' 56"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Lý Học	KX	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 20"	106° 31' 55"					F-48-82-C-a
Trường Trung học phổ thông Nguyễn Bình Khiêm	KX	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 40"	106° 31' 52"					F-48-82-C-a
kênh Chanh Dương (sông Chanh Dương)	TV	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo			20° 41' 10"	106° 28' 46"	20° 38' 13"	106° 35' 27"	F-48-81-D-b
sông Thái Bình	TV	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a
thôn Cự Điện	DC	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 30"	106° 29' 12"					F-48-81-D-b
thôn Mai Sơn 1	DC	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 11"	106° 28' 20"					F-48-81-D-b
thôn Mai Sơn 2	DC	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 22"	106° 28' 46"					F-48-81-D-b
thôn Nhâm Mục	DC	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 28"	106° 28' 54"					F-48-81-D-b
chùa Cự Điện	KX	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 36"	106° 29' 11"					F-48-81-D-b
chùa Nhân Mục	KX	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 34"	106° 28' 48"					F-48-81-D-b
chùa Vạn Thắng	KX	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 20"	106° 28' 43"					F-48-81-D-b
đình Mai Sơn 1	KX	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 09"	106° 28' 21"					F-48-81-D-b
đình Nhân Mục	KX	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 25"	106° 28' 53"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
miếu Cựu Điện	KX	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 35"	106° 29' 12"					F-48-81-D-b
Quốc lộ 10	KX	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-81-D-b
Quốc lộ 37	KX	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 37' 35"	106° 32' 33"	F-48-81-D-b
Trường Mầm non Nhân Hoà	KX	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 20"	106° 28' 54"					F-48-81-D-b
Trường Tiểu học Nhân Hoà	KX	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 38"	106° 28' 58"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Nhân Hoà	KX	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 37"	106° 28' 55"					F-48-81-D-b
kênh Chanh Dương (sông Chanh Dương)	TV	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo			20° 41' 10"	106° 28' 46"	20° 38' 13"	106° 35' 27"	F-48-81-D-b
làng Đông Am	DC	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 36' 32"	106° 31' 50"					F-48-82-C-c
Thôn 1	DC	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 50"	106° 32' 31"					F-48-82-C-a
Thôn 2	DC	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 48"	106° 32' 22"					F-48-82-C-a
Thôn 3	DC	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 53"	106° 32' 16"					F-48-82-C-a
Thôn 4	DC	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 24"	106° 32' 13"					F-48-82-C-a
Thôn 5	DC	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 13"	106° 32' 07"					F-48-82-C-a
Thôn 6	DC	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 11"	106° 31' 59"					F-48-82-C-a
Thôn 7	DC	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 01"	106° 32' 06"					F-48-82-C-a
Thôn 8	DC	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 02"	106° 31' 58"					F-48-82-C-a
Thôn 9	DC	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 06"	106° 31' 55"					F-48-82-C-a
Thôn 10	DC	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 36' 39"	106° 31' 48"					F-48-82-C-c
Thôn 11	DC	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 12"	106° 32' 56"					F-48-82-C-a
Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Bảo	KX	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 40"	106° 32' 19"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Chiến Lược	KX	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 40"	106° 32' 41"					F-48-82-C-a
chùa Thanh Sử	KX	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 13"	106° 31' 52"					F-48-82-C-a
đình Đông Am	KX	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 04"	106° 32' 07"					F-48-82-C-a
Đường tỉnh 17	KX	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo			20° 38' 15"	106° 35' 23"	20° 38' 40"	106° 32' 41"	F-48-82-C-a
Đường tỉnh 354	KX	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 38' 40"	106° 32' 31"	F-48-82-C-a
Quốc lộ 37	KX	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 37' 35"	106° 32' 33"	F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Tam Cường	KX	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 18"	106° 32' 05"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Tam Cường	KX	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 28"	106° 32' 15"					F-48-82-C-a
Trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến	KX	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 26"	106° 32' 15"					F-48-82-C-a
kênh Chanh Dương (sông Chanh Dương)	TV	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo			20° 41' 10"	106° 28' 46"	20° 38' 13"	106° 35' 27"	F-48-81-D-b
Sông Hoá	TV	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-82-C-c
sông Thái Bình	TV	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a
thôn Chanh Dưới	DC	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 16"	106° 30' 20"					F-48-82-C-a
thôn Chanh Trên	DC	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 57"	106° 30' 01"					F-48-82-C-a
Thôn Độ	DC	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 10"	106° 30' 05"					F-48-82-C-a
Thôn Đông	DC	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 38"	106° 30' 02"					F-48-82-C-a
thôn Hoa Đàm	DC	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 39"	106° 29' 34"					F-48-81-D-b
thôn Lễ Hợp	DC	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 14"	106° 29' 45"					F-48-81-D-b
Thôn Trảng	DC	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 36"	106° 30' 22"					F-48-82-C-a
Cầu Đăng	KX	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 38"	106° 30' 38"					F-48-81-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Chanh Trên	KX	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 58"	106° 29' 53"					F-48-81-D-b
đình Chanh Dưới	KX	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 02"	106° 30' 27"					F-48-81-C-a
đình Làng Trảng	KX	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 43"	106° 30' 15"					F-48-81-C-a
đình Lễ Hợp	KX	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 21"	106° 29' 36"					F-48-81-D-b
đình Thôn Độ	KX	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 14"	106° 30' 13"					F-48-81-C-a
Trường Tiểu học Tam Đa	KX	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 42"	106° 29' 49"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Tam Đa	KX	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 42"	106° 29' 52"					F-48-81-D-b
sông Thái Bình	TV	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a
thôn Đầm Niêm	DC	xã Tân Hưng	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 26"	106° 28' 14"					F-48-81-D-b
thôn Gia Phong	DC	xã Tân Hưng	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 30"	106° 27' 34"					F-48-81-D-b
thôn Kênh Trang	DC	xã Tân Hưng	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 01"	106° 28' 35"					F-48-81-D-b
thôn Nam Tả 1	DC	xã Tân Hưng	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 24"	106° 27' 58"					F-48-81-D-b
thôn Nam Tả 2	DC	xã Tân Hưng	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 14"	106° 28' 03"					F-48-81-D-b
Xóm Ấp	DC	xã Tân Hưng	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 07"	106° 28' 00"					F-48-81-D-b
Xóm Độ	DC	xã Tân Hưng	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 33"	106° 27' 57"					F-48-81-D-b
xóm Kiến Thiết	DC	xã Tân Hưng	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 21"	106° 27' 15"					F-48-81-D-b
Xóm Trại	DC	xã Tân Hưng	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 06"	106° 26' 53"					F-48-81-D-b
chùa Đầm Niêm	KX	xã Tân Hưng	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 22"	106° 28' 18"					F-48-81-D-b
đình Đầm Niêm	KX	xã Tân Hưng	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 22"	106° 28' 18"					F-48-81-D-b
Trường Tiểu học Tân Hưng	KX	xã Tân Hưng	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 17"	106° 28' 18"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Tân Hưng	KX	xã Tân Hưng	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 18"	106° 28' 18"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn An Ngoại	DC	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 36"	106° 30' 16"					F-48-82-C-a
thôn Bắc Sơn	DC	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 04"	106° 30' 12"					F-48-82-C-a
thôn Cổ Đăng	DC	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 29"	106° 29' 47"					F-48-81-D-b
thôn Đông Hải	DC	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 58"	106° 30' 20"					F-48-82-C-a
thôn Kim Lâu	DC	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 16"	106° 30' 15"					F-48-82-C-a
thôn Nam Hà	DC	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 55"	106° 30' 19"					F-48-82-C-a
thôn Nhuệ Ân	DC	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 08"	106° 28' 53"					F-48-81-D-b
thôn Tiền Hải I	DC	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 54"	106° 29' 17"					F-48-81-D-b
thôn Tiền Hải II	DC	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 50"	106° 29' 18"					F-48-81-D-b
thôn Vinh Quang	DC	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 08"	106° 29' 44"					F-48-81-D-b
xóm Quang Trung	DC	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 49"	106° 29' 29"					F-48-81-D-b
Cầu Tây	KX	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 49"	106° 29' 00"					F-48-81-D-b
chùa Cao Hải	KX	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 06"	106° 29' 34"					F-48-81-D-b
chùa Kim Lâu	KX	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 13"	106° 30' 01"					F-48-82-C-a
đình Cao Hải	KX	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 06"	106° 29' 34"					F-48-81-D-b
đình Kim Lâu	KX	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 18"	106° 30' 07"					F-48-82-C-a
Khu công nghiệp Tân Liên	KX	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 17"	106° 29' 22"					F-48-81-D-b
Quốc lộ 10	KX	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-81-D-b
Trường Tiểu học Tân Liên	KX	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 07"	106° 29' 36"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Tân Liên	KX	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 05"	106° 29' 36"					F-48-81-D-b
từ đường họ Trịnh Doãn	KX	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 55"	106° 30' 14"					F-48-82-C-a
sông Thái Bình	TV	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Chanh Chữ 1	DC	xã Thắng Thuỷ	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 51"	106° 24' 39"					F-48-81-D-b
thôn Chanh Chữ 2	DC	xã Thắng Thuỷ	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 39"	106° 24' 38"					F-48-81-D-b
thôn Chanh Chữ 3	DC	xã Thắng Thuỷ	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 42"	106° 25' 19"					F-48-81-D-b
thôn Đông Lôi 1	DC	xã Thắng Thuỷ	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 15"	106° 25' 47"					F-48-81-D-b
thôn Đông Lôi 2	DC	xã Thắng Thuỷ	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 18"	106° 25' 37"					F-48-81-D-b
thôn Hà Phương 1	DC	xã Thắng Thuỷ	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 45"	106° 26' 11"					F-48-81-D-b
thôn Hà Phương 2	DC	xã Thắng Thuỷ	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 53"	106° 26' 04"					F-48-81-D-b
thôn Hà Phương 3	DC	xã Thắng Thuỷ	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 59"	106° 26' 02"					F-48-81-D-b
thôn Hà Phương 4	DC	xã Thắng Thuỷ	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 47"	106° 25' 56"					F-48-81-D-b
Cầu Chanh	KX	xã Thắng Thuỷ	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 00"	106° 24' 30"					F-48-81-D-b
đình Chanh Chữ	KX	xã Thắng Thuỷ	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 43"	106° 24' 37"					F-48-81-D-b
Miếu Bến	KX	xã Thắng Thuỷ	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 04"	106° 26' 03"					F-48-81-D-b
Quốc lộ 37	KX	xã Thắng Thuỷ	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 37' 35"	106° 32' 33"	F-48-81-D-b
Trường Tiểu học Thắng Thuỷ	KX	xã Thắng Thuỷ	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 55"	106° 25' 41"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Thắng Thuỷ	KX	xã Thắng Thuỷ	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 55"	106° 25' 41"					F-48-81-D-b
Sông Hoá	TV	xã Thắng Thuỷ	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-81-D-b
Sông Luộc	TV	xã Thắng Thuỷ	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 45' 48"	106° 31' 05"	F-48-81-D-b
thôn An Trì 1	DC	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 02"	106° 29' 22"					F-48-81-D-b
thôn An Trì 2	DC	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 52"	106° 29' 36"					F-48-81-D-b
thôn Ấp Giáo	DC	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 39"	106° 28' 47"					F-48-81-D-b
thôn Cúc Thuỷ	DC	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 41"	106° 29' 36"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Dịch Lương	DC	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 16"	106° 29' 10"					F-48-81-D-b
thôn Lương Trạch	DC	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 59"	106° 28' 44"					F-48-81-D-b
thôn Thanh Khê	DC	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 31"	106° 29' 16"					F-48-81-D-b
chùa An Cáo	KX	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 52"	106° 29' 01"					F-48-81-D-b
chùa Dịch Lương	KX	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 11"	106° 29' 10"					F-48-81-D-b
chùa Lương Trạch	KX	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 02"	106° 28' 29"					F-48-81-D-b
đình Dịch Lương	KX	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 22"	106° 29' 04"					F-48-81-D-b
đình Lương Trạch	KX	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 51"	106° 29' 02"					F-48-81-D-b
Đường tỉnh 17B (nhánh 2)	KX	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo			20° 40' 04"	106° 27' 07"	20° 38' 13"	106° 28' 54"	F-48-81-D-b
Trường Tiểu học Thanh Lương	KX	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 42"	106° 29' 18"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Thanh Lương	KX	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 43"	106° 29' 18"					F-48-81-D-b
thôn An Lạc I	DC	xã Tiền Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 34"	106° 27' 43"					F-48-81-D-b
thôn An Lạc II	DC	xã Tiền Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 29"	106° 27' 48"					F-48-81-D-d
thôn Linh Đông	DC	xã Tiền Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 50"	106° 28' 13"					F-48-81-D-b
thôn Linh Đông I	DC	xã Tiền Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 49"	106° 28' 10"					F-48-81-D-b
thôn Linh Đông II	DC	xã Tiền Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 42"	106° 28' 11"					F-48-81-D-b
thôn Linh Đông III	DC	xã Tiền Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 38"	106° 28' 16"					F-48-81-D-b
thôn Linh Đông IV	DC	xã Tiền Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 28"	106° 28' 19"					F-48-81-D-d
thôn Vĩnh Lạc I	DC	xã Tiền Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 55"	106° 27' 28"					F-48-81-D-b
thôn Vĩnh Lạc II	DC	xã Tiền Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 45"	106° 27' 35"					F-48-81-D-b
bến đò An Lạc	KX	xã Tiền Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 05"	106° 27' 31"					F-48-81-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bến đò Vĩnh Lạc	KX	xã Tiền Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 36"	106° 26' 59"					F-48-81-D-b
Chợ Đông	KX	xã Tiền Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 32"	106° 28' 10"					F-48-81-D-b
chùa Cao Sơn	KX	xã Tiền Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 31"	106° 27' 40"					F-48-81-D-b
đình 9 Gian	KX	xã Tiền Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 50"	106° 27' 26"					F-48-81-D-b
miếu An Lạc	KX	xã Tiền Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 19"	106° 27' 49"					F-48-81-D-d
Miếu Thượng	KX	xã Tiền Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 51"	106° 28' 02"					F-48-81-D-b
Trường Tiểu học Tiền Phong	KX	xã Tiền Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 49"	106° 27' 53"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Tiền Phong - Vĩnh Phong	KX	xã Tiền Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 35"	106° 28' 10"					F-48-81-D-b
Sông Hoá	TV	xã Tiền Phong	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-81-D-b,
thôn Bảo Ngãi	DC	xã Trần Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 01"	106° 33' 58"					F-48-82-C-a
thôn Đồng Tâm	DC	xã Trần Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 53"	106° 34' 40"					F-48-82-C-a
thôn Dương Am	DC	xã Trần Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 47"	106° 34' 08"					F-48-82-C-a
thôn Dương Tiền	DC	xã Trần Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 35"	106° 34' 01"					F-48-82-C-a
thôn Ngãi Đông	DC	xã Trần Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 41"	106° 33' 49"					F-48-82-C-a
thôn Trần Bắc	DC	xã Trần Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 27"	106° 34' 35"					F-48-82-C-a
thôn Trần Hải	DC	xã Trần Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 37"	106° 34' 47"					F-48-82-C-a
thôn Trần Nam	DC	xã Trần Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 24"	106° 34' 43"					F-48-82-C-a
thôn Vĩnh Dương	DC	xã Trần Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 03"	106° 34' 09"					F-48-82-C-a
bến đò Bầu	KX	xã Trần Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 31"	106° 34' 36"					F-48-82-C-a
bến đò Đền	KX	xã Trần Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 03"	106° 34' 59"					F-48-82-C-a
chùa Quang Long	KX	xã Trần Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 47"	106° 34' 00"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Chùa Thái	KX	xã Trấn Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 25"	106° 34' 34"					F-48-82-C-a
Đền Thái	KX	xã Trấn Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 25"	106° 34' 34"					F-48-82-C-a
đình Trấn Dương	KX	xã Trấn Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 48"	106° 34' 01"					F-48-82-C-a
Đường tỉnh 17	KX	xã Trấn Dương	H. Vĩnh Bảo			20° 38' 15"	106° 35' 23"	20° 38' 40"	106° 32' 41"	F-48-82-C-a
Miếu Ụ	KX	xã Trấn Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 40"	106° 34' 32"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Trấn Dương	KX	xã Trấn Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 46"	106° 33' 57"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Trấn Dương	KX	xã Trấn Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 34"	106° 33' 50"					F-48-82-C-a
từ đường họ Phạm Văn	KX	xã Trấn Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 06"	106° 34' 00"					F-48-82-C-a
kênh Chanh Dương (sông Chanh Dương)	TV	xã Trấn Dương	H. Vĩnh Bảo			20° 41' 10"	106° 28' 46"	20° 38' 13"	106° 35' 27"	F-48-81-D-b
Sông Hoá	TV	xã Trấn Dương	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-82-C-a, F-48-82-C-c
sông Thái Bình	TV	xã Trấn Dương	H. Vĩnh Bảo			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a
Thôn 1	DC	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 04"	106° 27' 28"					F-48-81-D-b
Thôn 2	DC	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 15"	106° 27' 14"					F-48-81-D-b
Thôn 3	DC	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 27"	106° 27' 50"					F-48-81-D-b
Thôn 4	DC	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 35"	106° 27' 55"					F-48-81-D-b
Thôn 5	DC	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 45"	106° 28' 01"					F-48-81-D-b
Thôn 6	DC	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 10"	106° 27' 39"					F-48-81-D-b
Thôn 7	DC	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 06"	106° 27' 45"					F-48-81-D-b
Thôn 8	DC	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 59"	106° 26' 51"					F-48-81-D-b
chùa Áng Dương	KX	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 40"	106° 27' 47"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Áng Ngoại	KX	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 15"	106° 27' 12"					F-48-81-D-b
đình Áng Dương	KX	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 39"	106° 27' 45"					F-48-81-D-b
đình Áng Ngoại	KX	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 11"	106° 27' 22"					F-48-81-D-b
đình Cung Chúc	KX	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 19"	106° 27' 38"					F-48-81-D-b
đò Hữu Trung	KX	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 25"	106° 27' 31"					F-48-81-D-b
Đường tỉnh 17B	KX	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo			20° 42' 23"	106° 27' 12"	20° 39' 57"	106° 26' 51"	F-48-81-D-b
Quốc lộ 37	KX	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 37' 35"	106° 32' 33"	F-48-81-D-b
Trường Tiểu học Trung Lập	KX	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 42"	106° 27' 45"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Trung Lập	KX	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 41"	106° 27' 43"					F-48-81-D-b
Sông Luộc	TV	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 45' 48"	106° 31' 05"	F-48-81-D-b
Thôn 1	DC	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 28"	106° 28' 59"					F-48-81-D-b
Thôn 2	DC	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 31"	106° 28' 53"					F-48-81-D-b
Thôn 3	DC	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 31"	106° 28' 39"					F-48-81-D-b
Thôn 4	DC	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 05"	106° 28' 57"					F-48-81-D-b
Thôn 5	DC	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 08"	106° 28' 49"					F-48-81-D-b
Thôn 6	DC	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 13"	106° 28' 41"					F-48-81-D-b
Thôn 7	DC	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 29"	106° 28' 53"					F-48-81-D-b
Thôn 8	DC	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 29"	106° 29' 12"					F-48-81-D-b
Thôn 9	DC	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 46"	106° 29' 12"					F-48-81-D-b
Thôn 10	DC	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 52"	106° 29' 17"					F-48-81-D-b
cầu An Ninh	KX	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 39"	106° 29' 27"					F-48-81-D-b
chùa Tâm Thượng	KX	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 39"	106° 28' 27"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu công nghiệp Tân Liên	KX	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 17"	106° 29' 22"					F-48-81-D-b
Miếu Ngà	KX	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 36"	106° 29' 00"					F-48-81-D-b
Quốc lộ 10	KX	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-81-D-b
Trường Tiểu học Việt Tiến	KX	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 12"	106° 28' 55"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Việt Tiến	KX	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 14"	106° 29' 01"					F-48-81-D-b
Trường Trung học phổ thông Tô Hiệu	KX	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 43"	106° 29' 42"					F-48-81-D-b
cụm dân cư Số 6	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 49"	106° 30' 45"					F-48-82-C-a
cụm dân cư Số 7	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 24"	106° 29' 44"					F-48-81-D-b
thôn An Cầu	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 07"	106° 30' 07"					F-48-82-C-a
thôn An Ninh	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 43"	106° 29' 34"					F-48-81-D-b
thôn Đông Hồng	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 53"	106° 30' 12"					F-48-82-C-a
thôn Kim Ngân	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 50"	106° 30' 09"					F-48-82-C-a
thôn Thiết Tranh	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 24"	106° 30' 04"					F-48-82-C-a
xóm Cầu Thượng	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 08"	106° 29' 48"					F-48-81-D-b
xóm Mỹ Phong	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 41"	106° 29' 38"					F-48-81-D-b
xóm Quang Trung	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 45"	106° 29' 28"					F-48-81-D-b
cầu An Ninh	KX	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 39"	106° 29' 27"					F-48-81-D-b
Chợ Cầu	KX	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 17"	106° 29' 39"					F-48-81-D-b
chùa Kim Ngân	KX	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 55"	106° 30' 06"					F-48-82-C-a
đình Kim Ngân	KX	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 54"	106° 30' 06"					F-48-82-C-a
Khu công nghiệp Tân Liên	KX	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 17"	106° 29' 22"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 10	KX	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-81-D-b
Trường Tiểu học Vĩnh An	KX	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 16"	106° 29' 54"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Vĩnh An	KX	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 19"	106° 29' 52"					F-48-81-D-b
sông Thái Bình	TV	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a
cụm dân cư Số 12	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 01"	106° 25' 19"					F-48-81-D-b
cụm dân cư Số 5	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 55"	106° 25' 00"					F-48-81-D-b
thôn 3 - 1	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 25"	106° 25' 03"					F-48-81-D-b
thôn 4 - 2	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 35"	106° 25' 16"					F-48-81-D-b
Thôn Gáo	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 30"	106° 25' 51"					F-48-81-D-b
thôn Lô Đông	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 30"	106° 25' 17"					F-48-81-D-b
thôn Nhân Lễ	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 26"	106° 26' 13"					F-48-81-D-b
Xóm Trung	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 25"	106° 26' 29"					F-48-81-D-b
Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Bảo	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 37"	106° 25' 59"					F-48-81-D-b
chợ Vĩnh Long	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 38"	106° 26' 01"					F-48-81-D-b
chùa Lô Đông	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 27"	106° 25' 16"					F-48-81-D-b
đình Hà Hương	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 35"	106° 25' 48"					F-48-81-D-b
Đò Xưa	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 32"	106° 25' 06"					F-48-81-D-b
Quốc lộ 37	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 37' 35"	106° 32' 33"	F-48-81-D-b
Trường Mầm non Vĩnh Long	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 32"	106° 25' 26"					F-48-81-D-b
Trường Tiểu học Vĩnh Long	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 33"	106° 25' 41"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Vĩnh Long	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 31"	106° 25' 28"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Hoá	TV	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-81-D-b
thôn 1 Phần Thượng	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 13"	106° 28' 08"					F-48-81-D-d
thôn 2 Lý Nhân	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 05"	106° 28' 13"					F-48-81-D-d
thôn Quán Khái 3	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 36' 50"	106° 28' 35"					F-48-81-D-d
thôn Quán Khái 4	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 36' 47"	106° 28' 43"					F-48-81-D-d
thôn Quán Khái 5	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 36' 41"	106° 28' 45"					F-48-81-D-d
thôn Quán Khái 6	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 36' 42"	106° 28' 34"					F-48-81-D-d
thôn Quán Khái 7	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 36' 10"	106° 28' 26"					F-48-81-D-d
thôn Quán Khái 8	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 36' 29"	106° 29' 01"					F-48-81-D-d
chùa Lý Nhân	KX	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 08"	106° 28' 09"					F-48-81-D-d
dinh Quán Khái	KX	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 36' 47"	106° 28' 30"					F-48-81-D-d
Đò Phần	KX	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 36' 57"	106° 27' 45"					F-48-81-D-d
đò Quán Khái	KX	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 35' 57"	106° 28' 30"					F-48-81-D-d
Trường Tiểu học Vĩnh Phong	KX	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 36' 49"	106° 28' 29"					F-48-81-D-d
Trường Trung học cơ sở Vĩnh Phong	KX	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 36' 52"	106° 28' 29"					F-48-81-D-d
Sông Hoá	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-81-D-d
thôn Cúc Phố	DC	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 23"	106° 29' 40"					F-48-81-D-b
thôn Hu Trì	DC	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 39"	106° 29' 29"					F-48-81-D-b
thôn Nhân Già	DC	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 46"	106° 28' 18"					F-48-81-D-b
thôn Nhân Mỹ	DC	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 44"	106° 28' 40"					F-48-81-D-b
thôn Thượng Điện	DC	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 46"	106° 29' 12"					F-48-81-D-b
Cầu Đông	KX	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 57"	106° 30' 36"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đình Nghè	KX	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 36"	106° 29' 18"					F-48-81-D-b
đình Thượng Điện	KX	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 52"	106° 29' 11"					F-48-81-D-b
miếu Ba Vua	KX	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 54"	106° 28' 10"					F-48-81-D-b
miếu Cúc Phổ	KX	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 18"	106° 29' 40"					F-48-81-D-b
Quốc lộ 10	KX	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-81-D-b
Quốc lộ 37	KX	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 37' 35"	106° 32' 33"	F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Vĩnh Quang	KX	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 41"	106° 29' 05"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Vĩnh Quang	KX	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 39"	106° 29' 09"					F-48-81-D-b
kênh Chanh Dương (sông Chanh Dương)	TV	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo			20° 41' 10"	106° 28' 46"	20° 38' 13"	106° 35' 27"	F-48-81-D-b
Thôn 1	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 28"	106° 33' 08"					F-48-82-C-a
Thôn 2	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 34"	106° 33' 19"					F-48-82-C-a
Thôn 3	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 46"	106° 33' 27"					F-48-82-C-a
Thôn 4	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 40"	106° 33' 35"					F-48-82-C-a
Thôn 5	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 56"	106° 33' 57"					F-48-82-C-a
Cầu Bào	KX	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 36"	106° 33' 36"					F-48-82-C-a
Chợ Bào	KX	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 50"	106° 33' 28"					F-48-82-C-a
chùa Đông Pha	KX	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 32"	106° 33' 26"					F-48-82-C-a
chùa Tây Ngư	KX	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 30"	106° 33' 02"					F-48-82-C-a
Đường tỉnh 17	KX	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo			20° 38' 15"	106° 35' 23"	20° 38' 40"	106° 32' 41"	F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nhà thờ Tiên Am	KX	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 42"	106° 33' 13"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Vĩnh Tiến	KX	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 31"	106° 33' 23"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Vĩnh Tiến	KX	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 40"	106° 33' 11"					F-48-82-C-a
kênh Chanh Dương (sông Chanh Dương)	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo			20° 41' 10"	106° 28' 46"	20° 38' 13"	106° 35' 27"	F-48-81-D-b
Sông Hoá	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-82-C-a, F-48-82-C-c

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phương Hoa